

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 08 - 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. HỒ SƠ VỀ TỔ CHỨC	4
1.1. Mô tả về tổ chức	4
1.2. Môi trường tổ chức	11
TIÊU CHUẨN 1	12
TIÊU CHUẨN 2: QUẢN TRỊ.....	18
TIÊU CHUẨN 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ	23
TIÊU CHUẨN 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	30
TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	41
TIÊU CHUẨN 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC.....	47
TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI.....	77
TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG.....	84
TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	91
TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG	97
TIÊU CHUẨN 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	104
TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC.....	109
TIÊU CHUẨN 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	114
TIÊU CHUẨN 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	118
TIÊU CHUẨN 17: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC	127
TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	136
TIÊU CHUẨN 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	147
TIÊU CHUẨN 19: THIẾT LẬP ĐƯỢC HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ BẢO HỘ CÁC PHÁT MINH, SÁNG CHẾ, BẢN QUYỀN VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	155
TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	159
TIÊU CHUẨN 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG.....	166

TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO	171
TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	179
TIÊU CHUẨN 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	187
TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG.....	201

PHẦN 1. HỒ SƠ VỀ TỔ CHỨC

1.1. Mô tả về tổ chức

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tiền thân là Trường Sư phạm Trung sơ cấp Hà Nội và sau đó là Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, được biết đến là Trường Cao đẳng hàng đầu của Thủ đô Hà Nội trong lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng giáo viên Tiểu học và THCS của Thủ đô, nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác giáo dục đào tạo của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Thủ đô và phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo - nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, trung tâm văn hoá - giáo dục hàng đầu, trở thành trường đại học đa ngành chất lượng cao của thành phố Hà Nội. Phấn đấu bắt kịp trình độ phát triển chung của các trường đại học trong nước và khu vực vào năm 2020. Với nhận thức: "Chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, cán bộ nghiên cứu và người học cùng với hệ thống cơ sở vật chất là những yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng một trường đại học có uy tín".

Trong sự phát triển xã hội, bùng nổ của công nghệ thông tin và nền kinh tế tri thức, việc đổi mới, sáng tạo và hội nhập là chìa khóa của thành công. Chính vì vậy, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội không chỉ đào tạo cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà còn trang bị năng lực học tập suốt đời, khả năng sáng tạo và các kỹ năng mềm để giải quyết vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội có những chính sách đặc biệt thu hút người lao động có trình độ cao, thu hút người học có trình độ tốt về làm việc và học tập tại Trường. Trường tạo mọi điều kiện cho sinh viên vừa tham gia học tập vừa có cơ hội thực hành nghề nghiệp nhằm phát huy năng lực tối đa của người học trong việc thực hành kỹ năng nghề nghiệp và có thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống.

Phát huy truyền thống của mình, Nhà trường đã nỗ lực không ngừng với tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành một trong những trường Đại học đa ngành, đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có uy tín cao trong khu vực và thế giới”.

Qua mỗi giai đoạn phát triển, việc xác định được các điểm mạnh cần phát huy, các điểm yếu cần khắc phục và xem xét một cách có hệ thống về chất lượng của Nhà trường để từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến để đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng của đơn vị. Đăng ký kiểm định Trường theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo là một bước giúp Trường có thêm những cơ sở khách quan để cải tiến chất lượng đào tạo tiến tới hội nhập quốc tế.

*** Sự mạng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (HNMU)**

Kết nối, phát triển truyền thống của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến bằng việc theo đuổi các hoạt động đặc thù với chất lượng vượt trội, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và cả nước.

*** Tầm nhìn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (HNMU)**

Đến năm 2025, Trường ĐHTĐ Hà Nội sẽ trở thành một trong những trường ĐH đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia; từng bước chuyển đổi sang mô hình ĐH nghiên cứu, đa ngành, đa cấp, có uy tín cao trong khu vực và thế giới.

*** Các giá trị của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (HNMU)**

- Đào tạo các ngành nghề mà Hà Nội có nhu cầu ở trình độ cao đẳng, đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ nhằm cung cấp nhân tài cho Thủ đô Hà Nội và cho đất nước, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa Thủ đô; đào tạo giảng viên, cán bộ nghiên cứu cho các cơ sở đào tạo do Hà Nội quản lý và các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khác.

- Nghiên cứu khoa học nhằm phát triển khoa học – công nghệ và giải quyết các vấn đề thực tiễn do kinh tế – xã hội của Thủ đô Hà Nội đặt ra, tham gia tư vấn các vấn đề chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, kinh tế – xã hội cho lãnh đạo Thành phố Hà Nội và các quận, huyện của Thủ đô, kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức ngành giáo dục – đào tạo và hành chính cơ sở theo yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu công tác; đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn nhằm thực hiện các dịch vụ chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực có sử dụng công nghệ cao, hiệu quả kinh tế lớn, hình thành thế mạnh của kinh tế Thủ đô ở một số lĩnh vực trọng điểm trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa Thủ đô Hà Nội.

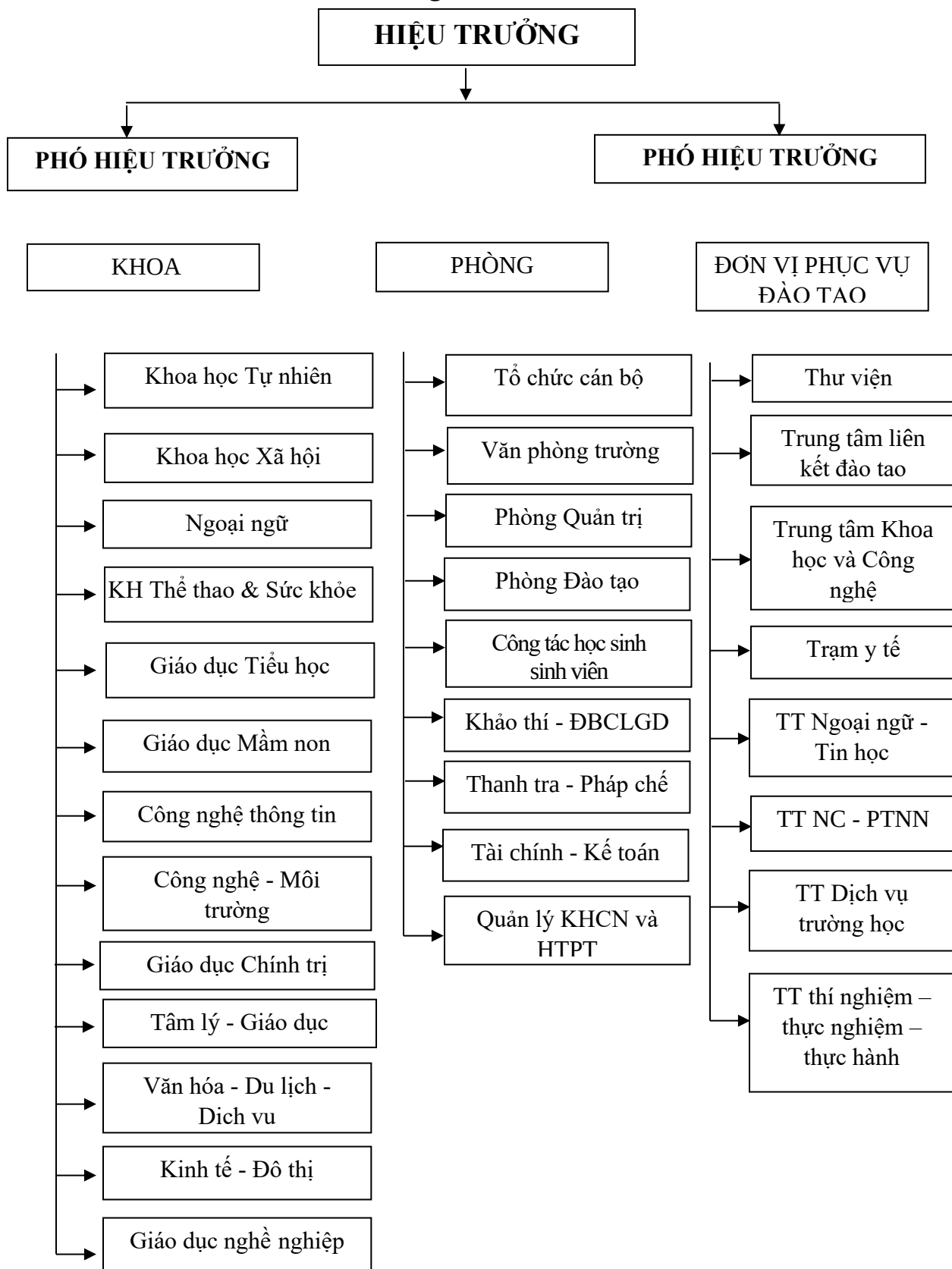
- Góp phần nâng cao trình độ dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, bản sắc Thủ đô Hà Nội.

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, trước hết là với các trường đại học trong nước và khu vực.

- Là đầu mối cho các quan hệ hợp tác, đầu tư trong đào tạo và khoa học công nghệ cho các trường đại học trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Giá trị văn hóa cốt lõi: "Ki cương nghiêm – Chất lượng thực – Hội nhập nhanh".

1.1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường và các chi nhánh



Hình 1.1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, trong đó:

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là Trường đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội chịu sự Quản lý nhà nước của UBNDTPHN, chịu sự quản lý về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm:

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn (Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng lương).

Các đơn vị đào tạo và nghiên cứu (các Khoa, các Trung tâm nghiên cứu, dịch vụ các đơn vị hành chính các Phòng chức năng).

Các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu sinh viên, Hội cựu giáo chức...)

1.1.3. Cấu trúc tổ chức của ban quản trị/ Hội đồng Trường hoặc tương đương của CSGD (sơ đồ tổ chức mới nhất)

1.1.4. CTĐT của CSGD

Thống kê theo mẫu (Bảng 1) tất cả các CTĐT của CSGD. Danh sách của tất cả các CTĐT của từng khoa, tên và văn bằng của CTĐT, năm mở CTĐT, tình trạng công nhận chất lượng, số lượng sinh viên v.v nên được đưa vào trong phụ lục.

Bảng 1. Tóm tắt các CTĐT của CSGD (Từ năm học 2016 – 2017 đến 2017 -2018)

Khoa	Đại học		Sau đại học		Khác (Cao đẳng)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
<i>Khoa học Tự nhiên</i>	03	55			05	780
Khoa học Xã hội	02	86			02	262
Ngoại ngữ	02	328			03	316
GD Tiểu học	01	231			01	724
GD Mầm non	01	224			01	594
Công nghệ Thông tin	01	42			02	98
Tâm lý giáo dục	03	65			01	67
GD chính trị	02	34			0	
Văn hóa – Du lịch – Dịch vụ	03	166			02	91
Kinh tế đô thị	03	244			01	06
Khoa học thể thao và sức khỏe					01	94

1.1.5. Danh sách các đơn vị trực thuộc (trung tâm nghiên cứu hoặc trung tâm xuất sắc thuộc CSGD...) và những chi nhánh/cơ sở của nó như trong Bảng 2.

Bảng 2. Danh sách đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực nghiên cứu chính	Số cán bộ nghiên cứu và nhân viên
-----------	-------------------	----------------------	----------------------------------	--

1	Phòng Tổ chức cán bộ	2015		5
2	Phòng Khảo thí - ĐBCLGD	2015		7
3	Phòng Tài chính – Kế toán	2015		7
4	Phòng QLKHCN & HTPT	2015		7
5	Phòng Đào tạo	2015		9
6	Phòng Thanh tra – Pháp chế	2015		4
7	Phòng Công tác HSSV	2015		8
8	Văn phòng	2015		12
9	Phòng Quản trị	2015		16
10	Phòng Sau đại học	2018		2
11	Khoa KH Tự nhiên	2015		32
12	Khoa KH Xã hội	2015		16
13	Khoa Ngoại ngữ	2015		32
14	Khoa KH Thể thao & Sức khỏe	2015		17
15	Khoa GD Tiểu học	2015		24
16	Khoa GD Mầm non	2015		17
17	Khoa Công nghệ thông tin	2015		10
18	Khoa Công nghệ - Môi trường	2015		5
19	Khoa Tâm lý – Giáo dục	2015		22
20	Khoa GD Chính trị	2015		12
21	Khoa Văn hóa – Du lịch – DV	2016		24
22	Khoa Kinh tế & Đô thị	2017		17
23	Khoa GD nghề nghiệp	2017		10
24	TT Thông tin – Thư viện	2015		7
25	Trạm Y tế	2015		5
26	Phòng Tạp chí	2017		8
27	TT Liên kết đào tạo	2015		11
28	TT Nghiên cứu và PTNN	2016		7
29	TT Khoa học – Công nghệ	2016		6
30	TT Thí nghiệm, thực nghiệm và thực hành	2017		7

31	TT Ngoại ngữ - Tin học	2016		4
32	TT Dịch vụ tổng hợp	2017		11

1.1.6. Hồ sơ cán bộ giảng viên của CSGD và các cơ sở khác

Thông kê tóm tắt hồ sơ học thuật của cán bộ giảng viên như trong Bảng 3 dưới đây. Liệt kê các cấp bậc trình độ, cơ hữu/toàn thời gian và hợp đồng thỉnh giảng, bằng tiến sĩ và các chi tiết khác có liên quan của đội ngũ giảng viên của khoa ở phụ lục.

Bảng 3. Tóm tắt hồ sơ học thuật của Giảng viên và Nghiên cứu viên (phòng Tổ chức cung cấp)

Bảng 3. Tóm tắt hồ sơ học thuật của Giảng viên và Nghiên cứu viên

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên (Nêu cụ thể)	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng thỉnh giảng	
	Số lượng	%TS	Số lượng	%TS
Giảng viên cao cấp	08	100%		
Giảng viên chính	37	54%		
Giảng viên	159	20%		
Tổng	204			

g) Dựa theo sơ đồ tổ chức, hãy lập danh sách phân cấp và số lượng của cán bộ quản lý, nhân viên trong Bảng 4.

Bảng 4. Phân cấp và số lượng cán bộ quản lý, nhân viên (phòng Tổ chức cung cấp)

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng cán bộ, nhân viên mỗi loại		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng
Chuyên viên chính	01		01
Chuyên viên	51		51
Kế toán viên	08		08
Thư viện viên	06		06
Cán sự	01		01
Điều dưỡng hạng IV	02		02
Văn thư trung cấp	01		01
Thủ quỹ cơ quan	01		01
Tổng	71		71

1.2. Môi trường tổ chức

1.2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD

(i) Luật GD đại học;

(ii) Điều lệ trường đại học;

(iii) Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trên cơ sở nâng cấp Trường CĐSP Hà Nội;

(iv) Quyết định của Thành phố Hà Nội về :

- Xác định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy

- Phân cấp quản lí

- Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lí thuộc diện Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy quản lí.

(v) Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về :

- Xác định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc;

- Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

- Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lí các đơn vị trực thuộc.

- Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

1.2.2. Mô tả những thách thức chiến lược chính mà CSGD gặp phải về môi trường hoạt động và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó

- Yêu cầu của Thành phố, của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực và khả năng đáp ứng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

- Yêu cầu nhiệm vụ và các điều kiện thực tế của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về đội ngũ CBVC, cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học về chất lượng đào tạo, dịch vụ.

1.2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội chiến lược của CSGD về môi trường hoạt động và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

- Sự chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội;

- Địa bàn hoạt động rộng: Thủ đô Hà Nội và cả nước;

- Đội ngũ CBVC: giàu tâm huyết, đoàn kết, nhất trí;

- Sự lãnh đạo của tập thể Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủ đô Hà Nội: xây dựng được khối đoàn kết nhất trí trong toàn trường; luôn ủng hộ sự đổi mới;

- Vai trò của cá nhân Hiệu trưởng: có tầm nhìn, nhạy bén với sự thay đổi của xã hội; quyết đoán; có tư duy đổi mới; có khả năng tập hợp được CBVC vì sự phát triển Nhà trường.

TIÊU CHUẨN 1

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Ngay từ những ngày đầu thành lập (12/2014), Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã xây dựng tầm nhìn, sứ mạng của mình và được xác định bằng Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025 ban hành theo Quyết định số 1146/QĐ-ĐHTĐHN ngày 30/12/2016 và được thể hiện trong hệ thống quản lý chất lượng trường Đại học Thủ đô Hà Nội [H1.1.1.1]

Sứ mạng

Kết nối, phát triển truyền thống của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến bằng việc theo đuổi các hoạt động đặc thù với chất lượng vượt trội, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, *mang bản sắc Thủ đô Hà Nội và đủ năng lực hội nhập quốc tế*, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và cả nước.

Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường ĐHTĐ Hà Nội sẽ trở thành một trong những trường ĐH đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia; từng bước chuyển đổi sang mô hình ĐH nghiên cứu, đa ngành, đa cấp, có uy tín cao trong khu vực và thế giới.

Qua 3 năm hoạt động, tầm nhìn và sứ mạng (TNSM) của Trường cần có những điều chỉnh cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội, của cả nước. Ngày 28/12/2018 Nhà trường đã thành lập Tổ điều chỉnh chiến lược (ban hành theo Quyết định 1692/QĐ-ĐHTĐHN có nhiệm vụ điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025 và những năm tiếp theo. Dự thảo sửa đổi trong đó bao gồm việc xây dựng lại TNSM, giá trị văn hóa cốt lõi và CLPT với quy trình trải qua 4 bước cụ thể như sau:

Bước 1. Viết dự thảo: Lãnh đạo các đơn vị chức năng tiến hành tổng kết, đánh giá thực trạng chính sách, CLPT theo lĩnh vực mình phụ trách [HNMU.....]. Sau đó xây dựng nội dung chính sách, CLPT gồm: Mục tiêu, Mục đích; Các chiến lược/giải pháp; Các kết quả cốt lõi; Các chỉ số, sản phẩm để đo lường, lượng hoá [HNMU.....].

Bước 2. Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan: Thu thập ý kiến đóng góp với sự tham gia của nhiều thành phần trong và ngoài trường để xây dựng bản dự thảo CLPT. Tổ công tác xây dựng CLPT thảo luận, đóng góp ý kiến, phân tích SWOT, xem xét tính SMART của từng lĩnh vực. Thư ký của Tổ điều chỉnh chiến lược tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, tổng hợp và gửi lại cho các đơn vị biên soạn chỉnh sửa (nếu có) [HNMU.....].

Bước 3. Hoàn thiện và ban hành văn bản: Bản dự thảo được gửi lên Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội xem xét, ký ban hành bản chính thức [HNMU.....].

Bước 4. Rà soát và cải tiến: Sau khi ban hành bản chính thức về TNSM, giá trị cốt lõi, CLPT, Nhà trường công bố trên Website và định kỳ tổ chức lấy ý kiến đóng góp để bổ sung, điều chỉnh TNSM, giá trị cốt lõi và CLPT cho phù hợp với tình hình phát triển kinh

tế, xã hội của Thủ đô Hà Nội, của cả nước và định hướng phát triển của Trường [HNMU.....].

Theo kế hoạch, đầu mỗi giai đoạn phát triển 5 năm, Nhà trường ra thông báo, hướng dẫn cho các đơn vị góp ý về TNSM, giá trị văn hóa cốt lõi và chính sách chất lượng Nhà trường giai đoạn cũ, đồng thời phát thảo nội dung chi tiết của CLPT giai đoạn mới [HNMU.....]. Trong quá trình xây dựng TNSM, các giá trị văn hóa và các CLPT, Trường đã tham khảo các văn bản của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế của Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và những năm tiếp theo và của cả nước cũng như mời các bên liên quan tham dự các cuộc họp liên quan đến TNSM và CLPT của Trường [HNMU.....], [HNMU.....].

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

HNMU đã xác định các giá trị văn hóa cốt lõi của mình ngay khi thành lập trường, và được xem như là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Giá trị văn hóa cốt lõi của HNMU là: "Ki cương nghiêm – Chất lượng thực – Hội nhập nhanh" [H1.1.1.1]. Đây cũng là tôn chỉ để đưa HNMU phát triển và xác lập vị trí là trường ĐH hàng đầu trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đào tạo SV là những con người tri thức có đạo đức, phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, năng động - bản lĩnh - tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế, đảm nhận tốt công việc trong môi trường đa lĩnh vực, đa văn hoá, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. HNMU luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng trong quản trị nhà trường, trong giảng dạy và nghiên cứu, trong định hướng phát triển của Trường. Giá trị văn hóa đi liền với TNSM của HNMU, vì vậy khi ban hành Quy trình xây dựng CLPT, Nhà trường xây dựng TNSM, giá trị văn hóa qua 4 bước và được sự đóng góp ý kiến các bên liên quan trước khi ban hành [H1.1.1.2]

Giá trị văn hóa của HNMU được công bố rộng rãi trên Website [H1.1.1.3] trên cẩm nang SV [H.1.1.1.3], đưa vào văn hóa ứng xử trong SV HNMU và in thành bảng hiệu gắn lên tường của các cơ sở đào tạo [H1.1.1.3]

Khi xây dựng các kế hoạch công tác của các đơn vị, Nhà trường ra thông báo, hướng dẫn cho các đơn vị lưu ý lồng ghép giá trị văn hóa vào trong các chương trình hành động để giữ gìn bản sắc, văn hóa và thương hiệu của Nhà trường [H1.1.1.5].

Các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường đó là đào tạo những con người có tri thức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đồng thời chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế hội nhập và được thể hiện qua bảng so sánh sau (Phần in nghiêng).

Bảng 1.2.1. So sánh các giá trị văn hóa với tầm nhìn, sứ mạng của HNMU

Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị văn hóa
---------	----------	-----------------

HNMU cam kết là đơn vị giáo dục tiên phong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, toàn diện cho nền kinh tế tri thức trong giai đoạn mới; <i>Trang bị cho thế hệ trẻ Việt Nam kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành chuyên nghiệp là công cụ hữu hiệu để nâng cao tri thức khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng tốt với công việc; Tạo cơ hội thăng tiến và thành công trong sự nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế.</i>	Xây dựng HNMU trở thành <i>trung tâm Tri thức - Văn hoá hiện đại với môi trường giáo dục đại học chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, có truyền thống đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn liền với tôn chỉ "Tri thức - Đạo đức - Sáng tạo", từng bước hội nhập cùng nền giáo dục khu vực và thế giới.</i> HNMU là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học – kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khẳng định vị thế của HNMU là <i>trường đại học hàng đầu trong hệ thống giáo dục Việt Nam và khu vực.</i>	<i>Tri thức</i> <i>Đạo đức</i> <i>Sáng tạo</i>
--	--	---

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

HNMU tuyên ngôn tầm nhìn và sứ mạng để vạch ra hướng đi và để hướng dẫn mọi hoạt động của Trường. TNSM và giá trị văn hóa của HNMU được công bố rộng rãi, hiển ngôn tại các buổi lễ, các sự kiện do Nhà trường tổ chức. Ngoài ra TNSM và VH cũng được phổ biến công khai cho mọi người thông qua các phương tiện truyền thông của Trường [H1.1.1.3].

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của HNMU cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng để mọi người thực hiện, thông qua các nội dung sinh hoạt nội quy nhà trường giành cho CB-GV-NV mới được tuyển dụng, nội dung các buổi họp mặt CBGV đầu năm học của các Khoa/phòng/TT, các ngày lễ họp mặt CB-GV-NV (khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo VN, đại hội các cấp của các tổ chức đoàn thể...) và thông qua nội dung của các chương trình sinh hoạt công dân đầu khóa, nội dung các buổi gặp mặt tân SV đầu năm của các Khoa, các cuộc thi “SV HNMU tìm hiểu về công tác ĐBCL” và đặc biệt là luôn xuất hiện trên các màn hình được đặt ở ngoài và trong tất cả các thang máy của Trường [HNMU.....], [HNMU.....]. Để đánh giá kết quả của việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường, sau mỗi đợt sinh hoạt đó, Nhà trường đều tiến hành các hoạt

động kiểm tra thông qua: các bài kiểm tra hoặc các thu hoạch cá nhân hoặc các kết quả cuộc thi, ... [HNMU.....].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để chuẩn bị xây dựng/điều chỉnh TNSM, giá trị văn hóa và CLPT cho giai đoạn tiếp theo, Nhà trường ra thông báo, hướng dẫn cho các đơn vị/cá nhân rà soát, góp ý về TNSM, giá trị văn hóa cốt lõi và chính sách chất lượng Nhà trường của giai đoạn cũ [H1.1.1.6]. Phòng TCCB chịu trách nhiệm tổng hợp, trình BGH, BCH Đảng ủy xem xét rà soát, cập nhật TNSM cho phù hợp qua từng giai đoạn [H1.1.1.2] cùng với quy trình rà soát các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H1.1.1.2]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức thu thập thông tin, ý kiến đóng góp bổ sung của các bên liên quan (CB-GV-NV, SV và những người quan tâm ngoài Trường) thông qua Website do Phòng Tổ chức – Hành chính theo dõi, tổng hợp [H1.1.1.3] báo cáo cho BGH.

Cuối mỗi giai đoạn phát triển, BGH đều tiến hành rà soát để cập nhật TNSM, các giá trị văn hóa để có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến sao cho phù hợp [HNMU.....]. Việc rà soát, cập nhật TNSM, các giá trị văn hóa còn được thực hiện trong từng năm học, thông qua các cuộc họp giao ban của BGH [HNMU.....]. Trong CLPT phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2021, Nhà trường đã rà soát và cập nhật lại Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị văn hóa của Trường trong giai đoạn phát triển mới, phù hợp với các nguồn lực đang có đáp ứng được kỳ vọng của các bên liên quan, phù hợp với Luật GDĐH hiện hành và Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội của Tp. Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [HNMU.....].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Theo quy trình xây dựng TNSM, giá trị văn hóa và CLPT, bước 4 của quy trình là rà soát và cải tiến TNSM, giá trị văn hóa và CLPT thông qua các ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H01.01.01.02], [H01.01.04.02], [H01.01.01.08], Phòng TCCB chịu trách nhiệm tổng hợp chung trình BGH/BCH Đảng ủy [H01.01.01.02].

Sau các đợt rà soát TNSM và giá trị văn hóa, bộ phận quản lý chiến lược của Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh TNSM và giá trị văn hóa của Nhà trường cho phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tp. Hà Nội và của cả nước; đồng thời đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H01.01.01.01]. Cụ thể các nội dung được điều chỉnh ở bảng sau (phần in nghiêng):

Bảng 1.5.1. Bảng đối sánh TNSM của HNMU qua 2 giai đoạn

	Giai đoạn trước 2015 (CĐSP HN)	Giai đoạn 2015 - 2020	Ghi chú
--	---------------------------------------	------------------------------	----------------

Sứ mạng			Có thay đổi
Tầm nhìn			Có thay đổi
Giá trị văn hóa	Chưa đặt tên	Kỷ cương nghiêm - Chất lượng thực – Hội nhập nhanh	Duy trì

Về tầm nhìn và sứ mạng:

Các giai đoạn phát triển Nhà trường trước năm 2015, HNMTU phấn đấu trở thành một trường đại học đa ngành trong hệ thống GDĐH Việt Nam. Từ năm 2000 đến 2010, Nhà trường đã nhiều lần xây dựng và trình UBND Thành phố Hà Nội Đề án Thành lập trường đại học Hà Nội trên cơ sở nâng cấp trường CĐSP Hà Nội. Tuy nhiên, công việc này chỉ được UBND Thành phố Hà Nội tích cực xúc tiến vào những năm 2012 – 2014.

Giai đoạn từ năm 2016, khi HNMTU được chính thức hoạt động đào tạo trình độ đại học, Nhà trường quan tâm đến chất lượng đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE), chú trọng hơn đến KHCN, chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; và đến việc tạo môi trường giáo dục đào tạo và NCKH có tính chuyên môn cao, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế hội nhập.

Về giá trị văn hóa: Cả hai giai đoạn 2006 – 2015 và 2016 – 2021, giá trị văn hóa vẫn là “Kỷ cương nghiêm – Chất lượng thực – Hội nhập nhanh”. Tuy nhiên, trong các cuộc họp giao ban, BGH cũng đã đưa giá trị văn hóa vào những nội dung cần phải điều chỉnh cho phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ mà nền công nghiệp 4.0 phát triển nhanh chóng như hiện nay, trong đó duy trì quan điểm về “Hà Nội hóa” và “Quốc tế hóa” các chương trình đào tạo [H01.01.05.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của HNMTU được xây dựng theo quy trình với sự tham gia của các bên liên quan, được tuyên bố trên các phương tiện truyền thông, được quán triệt, giải thích và chuyển tải cho mọi người biết và thực hiện.
- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường được rà soát, cải tiến cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và của khu vực, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015, nội dung TNSM chưa được chú trọng. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021, nội dung TNSM đã được xây dựng và tiếp tục điều chỉnh, nhưng chưa được cập nhật kịp thời trong một số văn bản của Trường.

- Trong những năm qua, khi xây dựng kế hoạch hoạt động, việc đưa các giá trị văn hóa của HNMTU vào trong các chương trình công tác hàng năm để chuyển biến thành các yếu tố nâng cao hiệu quả, lợi thế cạnh tranh chưa được lãnh đạo Trường chú trọng.
- Việc phổ biến, thông tin tuyên truyền TNSM, GTVH của Trường trong thời gian qua chưa bao quát hết tất cả các bên liên quan, còn một số CB-GV-NV, SV Trường vẫn chưa biết rõ về TNSM của Nhà trường.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát để cập nhật nội dung TNSM trong tất cả các văn bản có liên quan của Trường.	P.TCCB	Năm 2019	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tìm ra các giải pháp hữu hiệu biến những giá trị cốt lõi thành điểm mạnh, khắc phục những hạn chế của Nhà trường để nâng cao năng lực hoạt động của tập thể Nhà trường, hoàn thành CLPT giai đoạn 2016-2021	HĐT và BGH	Từ năm 2019 - 2021	
3	Khắc phục tồn tại 3	Có các biện pháp quán triệt sâu sắc, mạnh mẽ và đồng bộ đến các bên liên quan về TNSM, không chỉ giao cho một vài đơn vị trong Trường như hiện nay. Ngoài việc công bố TNSM của Nhà trường trên Website HNMTU.edu.vn, Nhà trường có biện pháp cụ thể để tuyên truyền cho các bên liên quan biết như: các bảng thông tin về TNSM, GTVH trong sân trường, họp giao ban công tác đào tạo, công tác SV, đưa vào các tài liệu in ấn của Trường (brochure, kỷ yếu...)	Phòng TCCB; Trung tâm Thông tin – Thư viện, Phòng CTHSSV	Từ năm 2019 - 2021	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Liên tục cập nhật và tuyên bố TNSM, GTVH của Nhà trường trên các phương tiện truyền thông và được chuyển tải cho	P.QT, P.TC-HC, P.TVTS-	Từ năm 2018 - 2021	

		mọi người biết và thực hiện	TT, P.CTSV		
5	Phát huy điểm mạnh 2	Rà soát, cải tiến TNSM, GTVH của Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và của khu vực, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan	P.TC-HC, Ban xây dựng TNSM, GTVH (HĐT, BGH)	Hàng năm (Từ năm 2019 – 2021)	

TIÊU CHUẨN 2: QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.

Hệ thống quản trị của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thành lập theo quy định của Điều lệ các trường đại học, các quy định của pháp luật và bao gồm: Hội đồng Trường, BGH, Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng tư vấn đánh giá, Hội đồng phúc lợi, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, các đoàn thể chính trị xã hội (Đảng bộ, Công đoàn, ĐTN, Hội SV); khối các phòng/ban/trung tâm chức năng: 11 phòng, 03 ban, 7 trung tâm, 1 trung tâm thông tin thư viện; khối các khoa/trung tâm đào tạo (13 khoa, 03 trung tâm. Đồng thời, theo mô hình đặc thù của trường 3 cấp gồm cấp trường, cấp Khoa và cấp bộ môn. Cấp Khoa gồm ban chủ nhiệm Khoa, hội đồng khoa học và đào tạo, các đoàn thể chính trị xã hội (công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV), các ban sinh hoạt CLB, các bộ môn [H2.2.1.1]

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2042/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội. Nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình **[H2.2.1.3]**. Hội đồng Trường của HNMU được thành lập theo quy định tại Điều 16 của Luật GDĐH và một số quy định cụ thể ở điều 9 và điều 10 của Điều lệ trường đại học. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐT cũng được quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật GDĐH và Khoản 1 Điều 9 của Điều lệ trường đại học. BGH gồm 1 Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng quản lý các hoạt động chung của Nhà trường theo sự thống nhất phân công cụ thể các mảng công tác phụ trách [H2.2.1.3] Hội đồng Khoa học và đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, hoạt động NCKH, phát triển đội ngũ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và bổ nhiệm các chức danh của BGH Trường đại học Thủ đô Hà Nội[.....]. Hiệu Trường ra quyết định bổ nhiệm các chức danh cán bộ lãnh đạo trường/phó các

phòng/ban/khoa /trung tâm/bộ môn (Thực hiện theo quy trình bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường) **[H2.2.1.11]**.

Vai trò và trách nhiệm của các cơ quan quản trị được thể hiện rõ trong các Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc kèm theo Quyết định của Hiệu trưởng **[H2.2.1.10]**.

Cơ cấu tổ chức cũng như trách nhiệm giải trình của các thành viên trong hệ thống quản trị của Nhà trường được cụ thể hóa trong *Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học Thủ đô Hà Nội* **[H2.2.1.10]**. Để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường, một hệ thống văn bản được ban hành như các nghị quyết, quyết định, quy chế quy định, các thông báo, các quy trình, các hướng dẫn công việc, ... được ban hành và công bố công khai trên website **[H2.2.1.2]**.

Cơ cấu này thể hiện rõ mối quan hệ giữa BGH với các đơn vị chức năng và các đơn vị đào tạo trong Trường, trong đó phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành cách kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Các cơ quan quản trị Nhà trường đã chuyển tải các kế hoạch hành động, các chính sách, các hướng dẫn công việc để triển khai thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình cũng như để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả công việc thông qua hệ thống văn bản của Nhà trường, các nghị quyết của Đảng ủy, các chỉ đạo của BGH **[H2.2.1.12]**, **[H2.2.2.3]**. Ngoài các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống văn bản phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động và điều kiện thực tế của mình nhằm đảm bảo cho hoạt động Nhà trường ngày càng có hiệu quả, giảm thiểu rủi ro như: Các hồ sơ giải quyết công việc, các văn bản đi đến, các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ, các kế hoạch công tác tháng, năm, NCKH và Kế hoạch thực hiện MTCL... của các đơn vị và của Trường **[H2.2.3.1]**.

Về định hướng phát triển chung, Nhà trường xây dựng các văn bản về KHCL ngắn hạn, dài hạn, các chương trình hành động theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng từng năm học **[H2.2.3.2]**.

Từ năm 2015 cho đến nay, Nhà trường đã triển khai hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO 9001 (qua các phiên bản: ISO 9001:2000, ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015). Với hơn 75 quy trình nghiệp vụ giúp Nhà trường hướng dẫn thực hiện, kiểm tra kiểm soát tất cả các hoạt động trong trường thuộc các mảng: tổ chức cán bộ, đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ, CSVC, công tác HSSV, thanh tra pháp chế, ... phục vụ cho công tác quản lý và áp dụng trong toàn trường rất hiệu quả **[2.4.3]**. Ngoài ra, Nhà trường còn có hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý của các tổ chức Đảng, Công đoàn, ĐTN và các tổ chức đoàn thể khác của trường **[H02.02.01.05]**. Mỗi hoạt động của Nhà trường đều có các văn bản, các hướng dẫn công việc cụ thể, kèm các biểu mẫu giúp cho việc thực hiện được thuận tiện và dễ dàng, dễ

kiểm soát, không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan; không có xung đột hoặc chông chéo về nội dung giữa các văn bản.

Các hệ thống văn bản, phần mềm này được Nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường thông qua các kênh thông tin như: hệ thống văn bản hành chính, Website HNMT, Website của từng đơn vị, hệ thống email cá nhân, ...[.....]. Vì vậy tất cả các thành viên của HNMT đều quán triệt thực hiện, cũng như SV và các đối tượng quan tâm ngoài trường có thể theo dõi, thực hiện, góp ý.

Tóm lại, các quyết định của các cơ quan quản lý đã được chuyển tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong Trường; duy trì một hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Nhà trường đã tiến hành rà soát thường xuyên về cơ cấu tổ chức cũng như các hoạt động của Hệ thống quản trị. Việc rà soát có thể định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan chủ quản.

Vào cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tiến hành tổng kết các hoạt động qua đó rà soát lại kết quả thực hiện các mục tiêu của Nhà trường trong năm học. Từ kết quả đối chiếu đó, lãnh đạo Nhà trường có những điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hà Nội cũng như của cả nước [H2.2.3.2].

Về mặt triển khai hoạt động, thông qua các công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, tự đánh giá CSGD, đánh giá nội bộ ISO, các cuộc họp giao ban của BGH, họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, họp giao ban đào tạo, giao ban công tác HSSV họp định kỳ của các đơn vị chức năng và các đơn vị đào tạo, tồn tại của các mặt công tác được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các nhân/đơn vị có liên quan về tất cả các mảng công tác: Hành chính, tổ chức, đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ, công tác HSSV, quan hệ quốc tế, CSVN, ...[2.3.3]. Nhà trường lập Sổ theo dõi việc thực hiện mục tiêu chất lượng (cấp trường, cấp đơn vị) nhằm rà soát các mặt công tác định kỳ một năm 2 lần qua các đợt đánh giá nội bộ [2.3.1]. Tất cả những hoạt động này đã giúp Nhà trường rà soát lại hệ thống quản trị về cơ cấu tổ chức cũng như mọi công tác hoạt động một cách thường xuyên và có hệ thống.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

Trong quản trị, rủi ro là không tránh khỏi, bên cạnh rủi ro là cơ hội, là thách thức. HNMT xác định: Rủi ro và cơ hội phát sinh từ bối cảnh của Nhà trường, phát sinh từ nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm như phụ huynh, SV, GV, doanh nghiệp, Bộ GD&ĐT và xã hội... Nhà trường tích hợp việc thực hiện xử lý rủi ro và cơ hội trong quá

trình hoạt động, thực hiện các biện pháp/hành động cải tiến thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Về cơ cấu tổ chức, thông qua kết quả các cuộc họp rà soát về TNSM, về mục tiêu và kế hoạch chất lượng, thông qua các kết quả tổng kết công tác và phương hướng năm học, Nhà trường sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp, để tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường và quản lý rủi ro tốt hơn như: Sát nhập hoặc tách các đơn vị cũ (tách bộ phận tạp chí và phụ trách website của phòng quản lý Khoa học- Hợp tác phát triển thành phòng tạp chí, ...), thành lập các đơn vị mới (Thành lập Khoa kinh tế và đô thị, Khoa Văn hóa Du lịch- dịch vụ, Trung tâm Khoa học Công nghệ, Trung tâm dịch vụ Tổng hợp, Trung tâm Thí nghiệm, Thực hành, Thực nghiệm ... [2.4.1]. Tương ứng với những thay đổi về cơ cấu tổ chức của bộ máy, đội ngũ CBQL cũng được rà soát và bổ nhiệm mới hoặc bổ nhiệm lại hoặc phân công trách nhiệm lại cho hợp lý nhằm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị Nhà trường [2.3.1]. Nhằm nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ nhân sự của hệ thống quản lý, hàng năm, P.TCCB lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB-GV-NV [H02.02.04.02]. Đồng thời rà soát, chỉnh sửa cải tiến hệ thống văn bản quản lý nhằm đạt đến chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý.

Sau mỗi đợt đánh giá nội bộ ISO, các đơn vị còn mắc các lỗi không phù hợp phải tiến hành hành động khắc phục phòng ngừa, cải tiến và tránh rủi ro [2.3.4].

Tại các buổi họp giao ban (giao ban của BGH, giao ban tháng của HĐQT, BGH và lãnh đạo của các đơn vị, giao ban đào tạo, giao ban về công tác HSSV, của các đơn vị chức năng và đơn vị đào tạo, báo cáo của thanh tra ...), các tồn tại của các mặt công tác được phân tích nguyên nhân và sau đó lãnh đạo đưa ra biện pháp khắc phục [2.3.4].

Ngoài ra, tất cả các quy trình nghiệp vụ ISO [2.3.3]. cũng như trong NCKH của các đơn vị hàng năm vấn đề rủi ro và quản lý rủi ro luôn được đề cập đến. Các đơn vị đã tiến hành phân tích, xác định các loại rủi ro thường gặp chủ yếu là loại rủi ro tiềm tàng (ví dụ: Vấn đề TS; SV năm nhất bỏ học; việc cập nhật CTĐT; hoạt động NCKH của GV; ...). Căn cứ vào đặc điểm các rủi ro của từng loại hoạt động, các đơn vị đã thực hiện phân tích nguyên nhân, từ đó có các biện pháp để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro có tác động không mong muốn đến hiệu quả hoạt động của đơn vị mình [2.3.4].

Nhờ vậy, hệ thống quản trị của Nhà trường được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường và giảm thiểu được các rủi ro tiềm ẩn.

Tự đánh giá: 5/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Cơ cấu tổ chức của HNMTU được thành lập tuân thủ các quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT (gồm Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn, ...) và phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chiến lược phát triển, nhằm đạt được hiệu quả quản trị của Nhà trường.
- ✓ Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực thông qua một hệ thống các văn bản, các quy trình nghiệp vụ ISO với các hướng dẫn rõ ràng.

- ✓ Hệ thống quản trị Nhà trường được rà soát và cải tiến thường xuyên. Trường có xem xét đánh giá cơ cấu tổ chức để cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn (đổi tên một số đơn vị, tách đơn vị, giải thể một số đơn vị, thành lập mới...).

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Cơ cấu tổ chức của HNMTU được thành lập tuân thủ các quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT tuy nhiên vì những lí do khách quan và chủ quan cơ cấu tổ chức còn bộc lộ những hạn chế cần có sự thay đổi cho phù hợp điều kiện thực tế của Nhà trường và sự phát triển của Thành phố, đất nước và khu vực.
- ✓ Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu và KHCL, kế hoạch trung hạn trong thời gian qua chưa được tổ chức định kỳ.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chú trọng đến công tác quản trị nhân sự, thành lập Hội đồng Trường, xây dựng các chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực, tránh xáo trộn nhân sự trong đội ngũ.	BGH và P.TCCB	Hàng năm Từ năm 2019 – 2021	
2	Khắc phục tồn tại 2	Năm 2019 có biện pháp giám sát đánh giá định kỳ việc thực hiện mục tiêu, KHCL trung hạn của Nhà trường và của các đơn vị (giai đoạn 2016 – 2021).	BGH và P.Khảo thí- ĐBCLGD	Năm 2019	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Nhà trường (gồm các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn, ...) tuân thủ các quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT và phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chiến lược phát triển, nhằm đạt được hiệu quả quản trị.	BGH và P.TCCB	Từ năm 2019 - 2021	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực thông qua một hệ thống các văn bản, các quy trình	Tất cả các đơn vị, P.Khảo thí- ĐBCLGD	Hàng năm (Từ năm 2019 – 2021)	

		ng nghiệp vụ ISO với các hướng dẫn rõ ràng.			
5	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát và cải tiến thường xuyên hệ thống quản trị Nhà trường. Xem xét đánh giá cơ cấu tổ chức để cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn (đổi tên một số đơn vị, tách đơn vị, giải thể một số đơn vị, thành lập mới...) cho phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn.	BGH, P.TCCB, P.Khảo thí-ĐBCLGD	Hàng năm (Từ năm 2019 – 2021)	

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	4,75
Tiêu chí 2.1	4
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

TIÊU CHUẨN 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Căn cứ tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và mục tiêu chiến lược, Nhà trường xây dựng cơ cấu tổ chức của hệ thống và thiết lập bộ máy quản lý tương ứng, phù hợp với bối cảnh cụ thể Nhà trường, kể cả các đơn vị được thành lập mới **[H3.3.1.1]**. Cơ cấu tổ chức quản lý của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được phân định theo các cấp như sau:

Liên hệ hàng dọc: Điều hành mọi hoạt động Nhà trường là Ban Giám hiệu mà đại diện là Hiệu trưởng; giúp việc cho Hiệu trưởng là các Phó Hiệu trưởng (gồm 02 Phó Hiệu trưởng); mỗi thành viên trong BGH phụ trách một số mảng công tác và một số đơn vị tương ứng với mảng công việc đó; giúp việc cho BGH là trưởng/phó các phòng/khoa /ban/trung tâm **[H3.3.1.2]**.

Liên hệ hàng ngang: sự phối hợp nhịp nhàng công việc giữa các thành viên trong BGH cũng như giữa lãnh đạo các đơn vị cùng cấp giúp hệ thống quản lý Nhà trường được chặt chẽ, tránh chồng chéo và đạt hiệu quả cao.

Ứng với mỗi chức danh, từ BGH đến các phòng/ban/trung tâm đều có mô tả công việc rõ ràng của lãnh đạo, CB-GV-NV trong toàn trường, có người thay thế khi vắng mặt **[H3.3.1.3]**.

Việc bổ nhiệm các vị trí quản lý của Nhà trường đã thực hiện đúng quy hoạch bổ nhiệm CBQL đã đề ra, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường, tuân thủ các quy định của Nhà nước (Luật GD, Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học) và có các tiêu chí rõ ràng **[H3.3.1.3]**. Các cán bộ được bổ nhiệm vào các chức vụ từ nguồn cán bộ quy hoạch của trường Đại học Thủ đô Hà Nội là những người có đủ phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao; có trình độ, bản lĩnh, nhiệt tâm, thân thiện, có kinh nghiệm điều hành và có ý chí vươn lên, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, làm đầu tàu trong mọi hoạt động; Có tinh thần mạnh dạn đổi mới, xây dựng được các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn nhằm xây dựng nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại **[H3.3.1.3]**.

Việc phân định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn các vị trí quản lý rất rõ ràng nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Cụ thể như sau: Hiệu trưởng là người điều hành tổ chức, bộ máy của trường, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Khoản 3, Điều 20 của Luật GDĐH, đảm nhận công việc cụ thể như sau: Phụ trách và chịu trách nhiệm trước Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố về hoạt động của trường theo quy định của pháp luật. Phụ trách chung các công việc, các đơn vị trong toàn trường, cùng với các Phó Hiệu trưởng giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực các Phó Hiệu trưởng phụ trách khi thấy cần thiết. Trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác: Tổ chức cán bộ, tài chính, cơ sở vật chất, thanh tra, pháp chế, hành chính, an ninh trật tự, liên kết đào tạo và bồi dưỡng, kế hoạch phát triển nhà trường hàng năm và dài hạn, xây dựng trường Đại học Thủ đô Hà Nội tại cơ sở mới.; Các sự kiện, lễ hội cấp Trường; phối hợp công tác với các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội SV trong Nhà trường. Đảm nhiệm các vị trí Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng Trường, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự Trường; Trưởng ban an ninh chính trị bảo vệ nội bộ, Chủ tịch Hội đồng khoa học đào tạo trường, Chủ tịch Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục trường, Chủ tịch Hội đồng lương trường. Các Phó Hiệu trưởng là người giúp việc Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao; Thay mặt Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao. Hàng tuần, khi cần thiết, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng họp giao ban để các Phó Hiệu trưởng báo cáo công việc chỉ đạo, kết quả thực hiện, các vấn đề vướng mắc hoặc các công tác khác mà Hiệu trưởng thấy cần thiết trao đổi tập thể. Hiện tại Nhà trường có 02 Phó Hiệu trưởng, trong đó, một Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác: Công tác Học sinh sinh viên, Đào tạo, Thông tin thư viện, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, thực hiện công tác đối ngoại với địa phương. Đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT Trường, Chủ tịch Hội đồng phúc lợi trường; Chủ tịch Hội thể thao Đại học Thủ đô Hà Nội, phát ngôn viên của Ban giám hiệu.. Một Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các mặt công tác Khoa học Công nghệ

- Hợp tác phát triển, Tạp chí khoa học, NCKH của học sinh sinh viên, Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, thực hiện công tác quan hệ quốc tế theo sự phân công của Hiệu trưởng. Đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ trường, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục trường, Tổng biên tập tạp chí Khoa học. [H3.3.1.4].

Vai trò và chức năng của các vị trí lãnh đạo mỗi đơn vị được ghi rõ trong các quyết định bổ nhiệm [H3.3.1.5]. Trên cơ cấu tổ chức quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, báo cáo của từng cá nhân, đơn vị, mọi chế độ thông tin, báo cáo trong Trường được thực hiện theo hàng dọc [H3.3.1.5].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Chức năng cơ bản của các CBQL Đại học Thủ đô Hà Nội là: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp và kiểm tra các mảng công tác được phân công. Với chức trách của mình, các CB quản lý đảm đương nhiều vai trò khác nhau, tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H3.3.2.1].

Nhà trường chỉ đạo tất cả các đơn vị thực hiện việc tuyên truyền để định hướng về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường và lưu ý khi xây dựng các kế hoạch hoạt động của đơn vị [H3.3.2.1]. Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường được các CBQL tuyên truyền đến các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau. Chức năng nhiệm vụ của các CBQL được cụ thể hóa trong việc ra các quyết định, tham mưu, tư vấn, lập kế hoạch công tác các hoạt động thuộc lĩnh vực mình quản lý. Lãnh đạo các đơn vị (phòng/ban/ khoa/trung tâm) ra các văn bản liên quan đến mảng công việc mình phụ trách (thông báo, quy chế, quy định, kế hoạch, quy trình nghiệp vụ,...), tư vấn, tham mưu trình BGH phê duyệt ban hành; theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản đó, kiểm soát con người, tài chính, vật chất và thông tin một cách có hiệu quả để đạt được các mục tiêu chiến lược của đơn vị và của Nhà trường. Lãnh đạo các đơn vị còn có trách nhiệm báo cáo thường xuyên (định kỳ hoặc không định kỳ) các hoạt động liên quan của đơn vị lên lãnh đạo trực tiếp của đơn vị (là các thành viên BGH phụ trách các mảng công tác chuyên trách) [H3.3.2.3].

Ngoài ra, các CBQL còn có vai trò giao tiếp, quan hệ với các bên liên quan trong và ngoài Trường: Hiệu trưởng tham gia nhiều hội đồng Nhà nước, Bộ GD&ĐT; Tham gia Hội đồng Hiệu trưởng của Thành phố; Hội cựu SV, doanh nhân, ... [H3.3.2.5]; vai trò thông tin thông qua việc thu thập thông tin từ cấp dưới, phổ biến thông tin từ cấp trên, cung cấp thông tin ra bên ngoài, ... đảm bảo thông tin được chính xác, an toàn.

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Đại học Thủ đô Hà Nội cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng để mọi người thực hiện, thông qua các nội dung sinh hoạt nội quy nhà trường giành cho CB-GV-NV mới được tuyển dụng, nội dung các buổi họp mặt GV đầu năm học của các Khoa/viện/TT, các ngày lễ họp mặt CB-GV-NV (khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo VN, đại hội các cấp của các tổ chức đoàn thể...) [H3.3.2.4]. Để đánh giá

kết quả của việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường, sau mỗi đợt sinh hoạt đó, Nhà trường đều tiến hành các hoạt động kiểm tra thông qua: các bài kiểm tra hoặc các thu hoạch cá nhân hoặc các kết quả cuộc thi, ... [H3.3.2.5].

CBQL cũng là người tạo điều kiện thuận lợi cho công việc chung, khơi gợi và thiết lập tinh thần tập thể và là sợi dây thắt chặt tinh đoàn kết trong nội bộ, góp phần tạo nên giá trị tinh thần, giá trị văn hóa của Nhà trường thông qua các hoạt động công đoàn như tổ chức du lịch hàng năm cho CB-GV-NV, tổ chức các ngày lễ 20 tháng 11, 8 tháng 3, ngày thành lập Trường ,.... [H3.3.2.5].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được rà soát thường xuyên hàng năm. Việc tổ chức đánh giá, rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực đội ngũ CB lãnh đạo và quản lý tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội được tiến hành phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển Nhà trường, đồng thời tuân thủ theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 và các quy định về đánh giá cán bộ, công chức hiện hành của Nhà trường [H3.3.3.3].

Thời điểm đánh giá rà soát, phân loại CBQL được tiến hành vào tháng 6 hàng năm theo thời điểm tổng kết năm học [.....]. Việc đánh giá cán bộ được tiến hành như sau: Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao (theo mẫu của VP trường cung cấp) [trùng 6.6.8]; Cán bộ trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để mọi người tham dự cuộc họp đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản, thông qua tại cuộc họp và được gửi lên Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường xem xét [trùng 6.6.8]. Các tiêu chí đánh giá, kế hoạch đánh giá và kết quả đánh giá được công bố công khai trên Website nội bộ [trùng 6.6.8]. Việc đánh giá đã làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế về phẩm chất, năng lực, trình độ của cán bộ, công chức, viên chức. Trong quá trình đánh giá cán bộ đảm bảo tính khách quan, công khai, trung thực và trách nhiệm của các cấp, đồng thời đề cao tính trung thực của cán bộ khi tự đánh giá về mình. Những cá nhân đạt thành tích cao được Nhà trường gửi lên xét khen thưởng ở các cấp cao hơn: cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước, ... [trùng 6.7.9].

Kết quả đánh giá phân loại CBQL (hoàn thành xuất sắc/hoàn thành/chưa hoàn thành nhiệm vụ) là cơ sở cho việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ CBQL, cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Nhà trường nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc [6.7.9].

Bên cạnh việc rà soát cơ cấu lãnh đạo Nhà trường hàng năm, các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý cũng được P.TCCB định kỳ rà soát [3.3.4].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn.

Đội ngũ CBQL của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là những người điều hành quản lý triển khai thực hiện công việc theo chức năng nhiệm vụ, đồng thời thực thi các chính sách giáo dục đa dạng và mềm dẻo để giải quyết một cách chủ động và sáng tạo các vấn đề mới nảy sinh như: Phân cấp quản lý, trách nhiệm xã hội, huy động nguồn lực, dân chủ hóa giáo dục, tin học hóa quản lý... CBQL đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo thực hiện thành công chính sách giáo dục và nâng cao hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của Nhà trường được quy định rõ trong các quyết định bổ nhiệm nhân sự và trong quy chế tổ chức hoạt động Nhà trường [2.1.4],[2.1.9]. Vì vậy, rà soát và cải tiến cơ cấu đội ngũ CBQL là hoạt động không thể thiếu được của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Hàng năm, sau khi đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ, trên cơ sở rà soát lại đội ngũ CBQL, Nhà trường tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công bố trí lại đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo chuẩn về trình độ cho mỗi vị trí công tác [2.1.9]. Ngoài việc rà soát cơ cấu chất lượng đội ngũ CBQL đã có, Nhà trường còn tiến hành tuyển bổ sung hoặc tuyển mới đội ngũ CBQL của các đơn vị mới thành lập [2.1.9]. Sau hoạt động sắp xếp lại hoặc bổ nhiệm mới đội ngũ CBQL, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các CBQL cũng được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp [2.1.9].

Việc sắp xếp, bố trí tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm đối với CBQL của Nhà trường đảm bảo đúng quy định, đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (trong đó có các tiêu chí về tầm nhìn, tư duy và kỹ năng lãnh đạo) phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức của Nhà trường, ĐBCL và dựa trên các kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc hàng năm [2.1.9].

Sau khi rà soát về cơ cấu lãnh đạo và quản lý, Nhà trường tiến hành cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý, sắp xếp các chức danh. Trong quá trình sắp xếp các chức danh quản lý, Nhà trường chú trọng lựa chọn nguồn cán bộ đáp ứng các yêu cầu của chức danh, cán bộ có kinh nghiệm quản lý, cán bộ trẻ, ... Mỗi đơn vị có một trưởng và một hoặc 2 hoặc nhiều hơn 2 người là phó đơn vị. Các phó đơn vị là người giúp việc cho cấp trưởng nhưng đồng thời cũng là đội ngũ kế cận luôn được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo sự phát triển của cán bộ để kịp thời bổ sung nhân tố mới, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận [3.3.4]. Đối với CB mới được bổ nhiệm, P.TCCB có kế hoạch giúp đỡ, gửi đến một số đơn vị khác trong Trường để nắm rõ hệ thống, làm quen với công việc, tạo điều kiện cho cán bộ mới sớm hòa nhập và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Rà soát, cải tiến, xây dựng đội ngũ CBQL đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt hiệu quả công việc là một trong những mục tiêu KHCL của trường Đại học Thủ đô Hà Nội [3.3.4].

Tự đánh giá: 4/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Căn cứ tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược phát triển, Nhà trường đã thiết lập một hệ thống tổ chức và quản lý, trong đó các lãnh đạo đơn vị phần lớn là các thầy cô có học hàm học vị cao, có kinh nghiệm quản lý và luôn làm việc nhiệt tình có trách nhiệm với Nhà trường và đơn vị mình trong việc triển khai kế hoạch công tác.
- ✓ Lãnh đạo Nhà trường tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đến các bên liên quan thông qua các văn bản chỉ đạo, các kế hoạch hoạt động, các thông tin tuyên truyền.
- ✓ Cơ cấu và lãnh đạo Nhà trường được xây dựng, được rà soát và cải tiến hàng năm, đảm bảo đội ngũ CBQL đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt hiệu quả công việc.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Một số đơn vị có sự thay đổi lãnh đạo không theo kế hoạch (Do đi học, nghỉ việc hoặc chuyển công tác) làm cho hiệu quả công tác quản lý bị ảnh hưởng, các CBQL mới được bổ nhiệm phải mất một thời gian mới nắm hết các hoạt động của đơn vị.
- ✓ Nhân sự ĐBCL của đơn vị chuyên trách còn mỏng, cần được tập huấn thêm về nghiệp vụ

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường chú trọng đến việc lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ CBQL kế cận, nếu có thay đổi CBQL bất thường vẫn đảm bảo các hoạt động vận hành quản lý trong các đơn vị, hạn chế ảnh hưởng đến hệ thống.	HĐT, BGH, P.TCCB	Từ năm 2019 trở đi	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường tuyển dụng nhân sự ĐBCL; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về ĐBCL cấp khoa, phòng, ban.	HĐT, BGH, P.TCCB, P. KTĐBCL	Từ năm 2019	

3	Phát huy điểm mạnh 1	Có chính sách thu hút nhân tài (là những thầy cô có học hàm học vị cao, có kinh nghiệm quản lý và luôn làm việc nhiệt tình có trách nhiệm với Nhà trường và đơn vị mình trong việc triển khai kế hoạch công tác) nhằm thiết lập một hệ thống tổ chức và quản lý mạnh và bền vững.	HĐT, BGH, P.TCCB	Từ năm 2019	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Lãnh đạo Nhà trường tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đến các bên liên quan thông qua các văn bản chỉ đạo, các kế hoạch hoạt động, các thông tin tuyên truyền, ...	HĐT, BGH, P.CTHSSV, VP Trường, CĐ Trường, ĐTN, Hội SV	Hàng năm (Từ năm 2019)	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Duy trì việc xây dựng, rà soát và cải tiến đội ngũ CBQL đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt hiệu quả cao trong công việc.	HĐT, BGH, P.TCCB	Hàng năm (Từ năm 2019)	

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	4,25
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	4
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

TIÊU CHUẨN 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Mô tả

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội theo Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ với định hướng:

- *Xây dựng một trường đại học chất lượng cao, đa ngành do Hà Nội trực tiếp quản lý nhằm chủ động đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ cao, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận, đồng thời mở rộng và tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của Thủ đô Hà Nội.*

- *Góp phần thúc đẩy tiến trình đổi mới giáo dục đại học, đổi mới các trường đại học của Việt Nam và nâng trình độ giáo dục đại học Việt Nam lên tầm tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân Hà Nội có cơ hội đóng góp công sức và trí tuệ cho một cơ sở đào tạo riêng của mình, mang bản sắc riêng của Hà Nội ngàn năm văn hiến, tương xứng với tầm cỡ của Thủ đô nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngang hàng với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.*

Những định hướng đó được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể trong Đề án thành lập Trường:

- *Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn đầu sẽ thực hiện đào tạo từ trình độ cao đẳng đến đại học. Tuỳ theo yêu cầu của các ngành kinh tế - xã hội Thủ đô để chọn lựa ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp. Triển khai tích cực các phương án để đào tạo chất lượng cao.*

- *Sau 3 năm Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ phối hợp với một số trường đại học khác đào tạo Sau đại học ở một số chuyên ngành cơ bản .*

- *Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là trường đại học đa ngành và tiến tới xây dựng thành trường đa lĩnh vực với nhiều loại hình đào tạo (khi có đủ điều kiện). Bên cạnh công tác đào tạo Trường sẽ liên kết để phát triển các ngành nghề ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm gắn đào tạo lý thuyết với thực hành thí nghiệm phục vụ đời sống xã hội của Thủ đô.*

- *Sau 3 năm, xây dựng được một số Trung tâm và Viện nghiên cứu trực thuộc trường như: Trung tâm thực hành - thí nghiệm, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên, Trung tâm thông tin - thư viện, Viện Hà Nội học, Viện nghiên cứu quản lý đô thị Hà Nội, ...*

- *Sau 5 năm, sẽ hình thành các cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên cần thiết để triển khai đào tạo chất lượng cao ở các ngành đào tạo.*

- *Sau 7 năm, trở thành Trường Đại học đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội, xứng tầm với vị trí của Thủ đô. [H4.4.1.1]*

Để thực hiện các mục tiêu trên, ngay sau Đại hội Đảng bộ khóa XVI (2015-2020), Đảng ủy Trường đã có Nghị quyết về việc xây dựng Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2025 với định hướng trọng tâm là phát triển trường theo hướng đào tạo đa ngành [H4.4.1.2]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng chiến lược phát triển trường với những nội dung cụ thể, đặt nền móng đầu tiên cho chiến lược trường giai đoạn 10 năm đầu lên đại học [H4.4.1.3]. Tuy nhiên lúc này, cơ cấu tổ chức của Trường chưa ổn định, Ban Giám hiệu chưa được kiện toàn nên Nhà trường tạm thời thành lập Tổ công tác xây dựng Chiến lược phát triển trường gồm 7 đồng chí [H4.4.1.4]. Tổ công tác có nhiệm vụ khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu để xây dựng chiến lược phát triển theo định hướng của Chính phủ, Thành phố và phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường. Ngày 1/9/2015, UBND thành phố Hà Nội tổ chức Lễ công bố Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Trong phiên họp đầu tiên của Ban Giám hiệu vấn đề chiến lược phát triển Trường được đặt ra và xác định là nhiệm vụ trọng tâm cấp thiết hàng đầu. Hiệu trưởng phân công mỗi đồng chí trong Ban Giám hiệu phụ trách một lĩnh vực và chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển lĩnh vực đấy, cụ thể là: Hiệu trưởng Bùi Văn Quân phụ trách lĩnh vực Nhân sự, Tài chính, Bồi dưỡng; Phó Hiệu trưởng Đặng Văn Soa phụ trách lĩnh vực quản lý khoa học và hợp tác phát triển; Phó Hiệu trưởng Đỗ Hồng Cường phụ trách lĩnh vực đào tạo, công tác HSSV, học liệu; Phó Hiệu trưởng Nguyễn Anh Tuấn phụ trách cơ sở vật chất và các hoạt động khác [H4.4.1.5]

Ban Giám hiệu đã làm việc với Tổ công tác xây dựng chiến lược nhiều lần để phác họa ra những định hướng cơ bản của chiến lược xây dựng trường Đại học Thủ đô Hà Nội [H4.4.1.6]. Các phiên bản đầu tiên của chiến lược phát triển Trường đều được đưa ra thảo luận trong Đảng ủy và Hội nghị cán bộ cốt cán của Trường, Hội nghị cán bộ viên chức Trường. Nhà trường đã tổ chức Hội thảo khoa “Xây dựng Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025” vào ngày 19/10/2015 để làm sáng rõ hơn những quan điểm về mô hình phát triển phù hợp với Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong 10 năm đầu lên đại học [H4.4.1.7]. Sau đó, dự thảo Chiến lược phát triển Trường được hoàn thiện và đưa ra lấy ý kiến công khai rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, học sinh, các nhà khoa học, các nhà quản lý uy tín trong cả nước [H4.4.1.8]

Tháng 1/2016, Nhà trường thành lập Hội đồng Khoa học Đào tạo và giao cho Hội đồng này chủ trì việc thẩm định Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 – 2025 [H4.4.1.9]. Hội đồng Khoa học Đào tạo đã thành lập 4 tiểu ban để phân công thẩm định chiến lược phát triển trường tương ứng với 4 lĩnh vực trọng tâm của trường đại học gồm: Tiểu ban Chiến lược đào tạo; Tiểu ban Chiến lược nghiên cứu khoa học và hợp tác phát triển; Tiểu ban Chiến lược xây dựng phát triển đội ngũ; Tiểu ban Chiến lược xây dựng cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính. Sau khi có góp ý của Hội đồng Khoa học Đào tạo, Tổ công tác hoàn thiện lại bản dự thảo và trình Hội đồng thông qua, đề nghị Hiệu trưởng ban hành Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 - 2025 [H4.4.1.10].

Chiến lược được xây dựng gồm bốn phần: 1. Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và giá trị cốt lõi; 2. Bối cảnh, thực trạng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; 3. Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2025; 4. Kết luận [H4.4.1.11].

Chiến lược được công bố trên website của Trường, được gửi qua hệ thống Hành chính điện tử và Email nội bộ đến từng cán bộ, giảng viên trong toàn trường Đảng ủy chỉ đạo đưa việc tuyên truyền thực hiện Chiến lược phát triển Trường vào nội dung sinh hoạt chính trị tại các Chi bộ. Các đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và giải pháp thực hiện các chỉ số, chỉ tiêu Chiến lược đề ra. Việc đánh giá thực hiện chiến lược được cụ thể hóa trong báo cáo giao ban hàng tháng và được tổng kết trong báo cáo tổng kết năm học [H4.4.1.12].

Sau khi ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 – 2025, Nhà trường giao cho Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị thường trực giám sát thực hiện, rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung Chiến lược cho phù hợp với thực tiễn, Hội đồng Khoa học Đào tạo là cơ quan thẩm định và quyết định thông qua dự thảo đề nghị Hiệu trưởng ban hành. Khi thành lập Hội đồng Trường thì đây sẽ là đơn vị thực hiện chức năng này thay cho Hội đồng Khoa học Đào tạo [H4.4.1.13].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Mô tả

Trên cơ sở chiến lược đã ban hành [H4.4.2.1], Nhà trường quán triệt đến các đơn vị và cá nhân trong Nhà trường [H4.4.2.2], từ đó chuyển thành các chiến lược bộ phận, các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để các đơn vị chủ động thực hiện [H4.4.2.3].

Đối với các chiến lược bộ phận, trên cơ sở chiến lược tổng thể, Phòng Tổ chức hướng dẫn các đơn vị chức năng xây dựng chiến lược của đơn vị mình và xác định lộ trình thực hiện cụ thể. Chiến lược bộ phận được cụ thể hóa thành các kế hoạch theo từng năm, từng tháng [H4.4.2.4] và kế hoạch thực hiện theo các chuyên đề chuyên môn của các đơn vị [H4.4.2.5].

• Đối với chiến lược bộ phận

Chiến lược phát triển đào tạo

Với mục tiêu tổng quát là : Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước mở rộng quy mô đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội, chiến lược đã xây dựng các chỉ số, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể thực hiện phát triển đào tạo giai đoạn 2015 – 2025 và mục tiêu đào tạo cho từng năm học [H4.4.2.6].

Chiến lược phát triển khoa học công nghệ - hợp tác phát triển

Chiến lược phát triển khoa học công nghệ từ việc đưa ra bức tranh tổng quan chung về khoa học công nghệ và quan điểm phát triển đã đặt ra những mục tiêu cụ thể cho khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục, khoa học kỹ thuật và công nghệ, văn hóa du lịch và một số hướng nghiên cứu mới của Nhà trường trong giai đoạn 2015 – 2025. Từ đó, chiến lược đề ra những giải pháp, biện pháp và lộ trình thực hiện các mục tiêu đã đặt ra. [H4.4.2.7]

Chiến lược phát triển đội ngũ

Chiến lược xác định mục tiêu chính trong giai đoạn 2015 – 2025 là từng bước xây dựng, phát triển đội ngũ CBGV đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo hướng đa ngành. Từ đó, chiến lược xác định các chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

- Giai đoạn 2015 – 2020: Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên là 450, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 300; trong đó 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên; có ít nhất 10 GS, PGS; trong đó 20 - 25% cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (khoảng 90 người); tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SDH, NCS trên cán bộ giảng dạy là 20 : 1.

- Giai đoạn 2021 – 2025: Tổng số cán bộ, giảng viên là 500, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 400; có ít nhất 20 GS, PGS vào năm 2025; có 25 - 30% cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (khoảng 120 - 150 người); Số lượng giảng viên, cán bộ nghiên cứu làm việc tại các phòng thí nghiệm, trung tâm là 100; tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SDH, NCS trên cán bộ giảng dạy là 15 : 1. [H4.4.2.8]

Chiến lược xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính

Chiến lược xây dựng cơ sở vật chất hướng tới mục đích nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu giáo dục đào tạo trong cách mạng 4.0. Chiến lược phát triển nguồn tài chính hướng tới việc đảm bảo nguồn tài chính cho các hoạt động của Trường, tiến tới tự chủ, nâng cao chất lượng đời sống và làm việc cho cán bộ, viên chức, người lao động trong toàn trường. [H4.4.2.9]

• Đối với kế hoạch theo giai đoạn

Kế hoạch dài hạn và trung hạn

Nhà trường xây dựng kế hoạch giai đoạn 2015 – 2020; 2020 – 2025. Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược các giai đoạn, các mục tiêu chiến lược và các hoạt động luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H4.4.6.10].

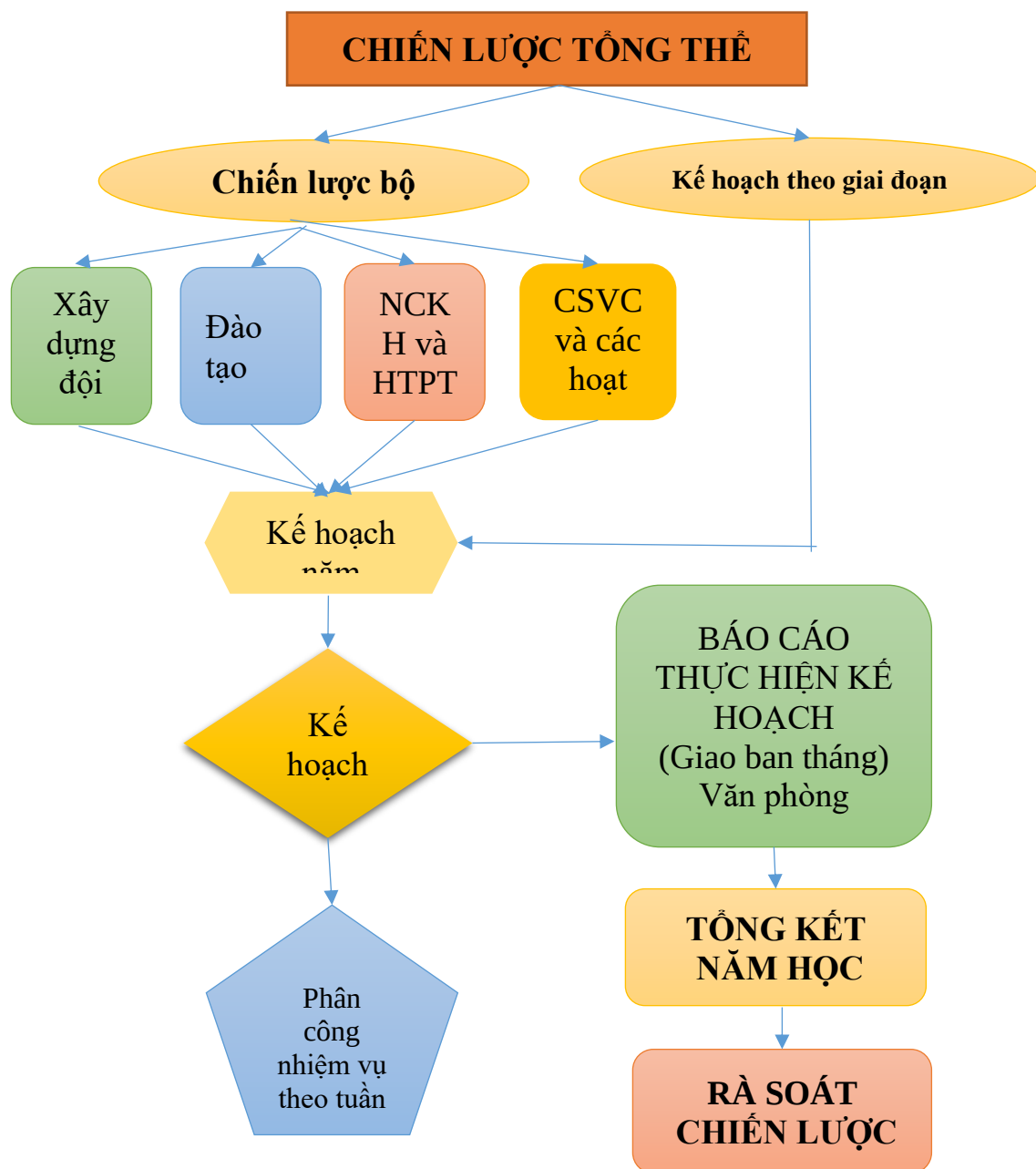
Kế hoạch ngắn hạn

Hàng năm, Trường đơn vị dựa vào Nghị quyết Hội nghị viên chức của đơn vị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm học cũ và đề ra phương hướng hoạt động của năm học mới [H4.4.2.11]. Các đơn vị gửi báo cáo lên Nhà trường trong đó đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể [H4.4.2.12]. Lãnh đạo nhà trường giải đáp các thắc mắc, đề xuất kiến nghị bằng văn bản hoặc trực tiếp tại Hội nghị cán bộ viên chức Trường hàng năm [H4.4.2.13].

Hàng tháng, Nhà trường tổ chức giao ban trực tuyến đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường (bao gồm cả 3 cơ sở: Cầu Giấy, Ba Đình và Sóc Sơn) để tổng kết công tác tháng cũ và đề ra kế hoạch công tác của tháng tiếp theo [H4.4.2.14].

Hàng tuần, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám hiệu hội ý triển khai công tác tuần. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm việc với lãnh đạo đơn vị mình phụ trách đề triển khai

các nhiệm vụ trọng tâm. Lãnh đạo đơn vị tổ chức họp giao ban tuần để phân công các nhiệm vụ đến từng cá nhân. Các cá nhân xây dựng kế hoạch làm việc từng ngày trong tuần để triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách. [H4.4.2.15].



SƠ ĐỒ 4.6.2: QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả

Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025 xác định cụ thể các chỉ số thực hiện chính cho từng lĩnh vực cần đạt được [H4.4.3.1]. Các chỉ tiêu thực hiện KPI của Nhà trường bao quát các mảng hoạt động mũi nhọn của Nhà trường, được truyền thông rộng rãi đến các đơn vị, từng cán bộ, viên chức, người lao động. Các chỉ số này được cụ thể hóa trong các chiến lược bộ phận, kế hoạch ngắn hạn và định kỳ được đánh giá hàng năm về mức độ thực hiện để có những điều chỉnh cần thiết cho phù hợp với thực tiễn phát triển của Nhà trường [H4.4.3.2]. Các chỉ số thực hiện chính của chiến lược phát triển trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025 cụ thể như sau:

Bảng 4.6.3. Hệ thống các chỉ số thực hiện

TT	Chiến lược	Chỉ tiêu	Giải pháp thực hiện
1	Phát triển công tác đào tạo	1. Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội	1. Phát triển chương trình đào tạo 2. Đổi mới phương pháp giảng dạy và áp dụng kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực 3. Hoàn thiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ 4. Phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng việc nâng cao chất lượng đào tạo
		2. Phát triển quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội và khu vực Bắc bộ tiến tới cả nước	1. Mở rộng quy mô đào tạo 2. Mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước 3. Phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội 4. Phát triển truyền thông về công tác đào tạo
		3. Kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục theo chuẩn quốc gia và khu vực	1. Kiểm định chất lượng trường Đại học 2. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 3. Tham gia phân tầng và xếp hạng các trường Đại học
2	Phát triển khoa học	Đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ	1. Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học công nghệ

	công nghệ, hợp tác phát triển	đóng vai trò nòng cốt cho sự phát triển Đại học Thủ đô Hà Nội thành đại học ứng dụng; đến năm 2025, phấn đấu nằm trong nhóm xếp hạng 1 các trường đại học định hướng ứng dụng được xếp hạng của cả nước, tạo cơ sở, nền tảng phát triển nhà trường theo định hướng đại học nghiên cứu.	2. Tăng cường phát huy tiềm lực của đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ 3. Củng cố năng lực tài chính và triển khai đầu tư phát triển hạ tầng khoa học công nghệ 4. Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học và công nghệ 5. Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo 6. Nâng cao hiệu quả hợp tác và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ
3	Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên	- Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý có năng lực đáp ứng việc thực hiện tốt sứ mạng và sự phát triển bền vững của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập khu vực và quốc tế. - Xây dựng đội ngũ CBGV từng bước chuẩn hóa và nâng cao trình độ đào tạo, nghiên cứu khoa học đảm bảo tinh giản số lượng, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp.	1. Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên viên, nhân viên 2. Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên 3. Xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý khoa, phòng, ban, Ban Giám hiệu, Đảng ủy hợp lý, đảm bảo tính kế cận
4	Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính	Cơ sở vật chất - Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng - Mở rộng đầu tư nâng cấp cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện... tạo điều kiện tốt nhất cho dạy và học. - Nâng cấp hiện đại hóa điều kiện dạy và học, hiệu quả sử dụng cao, không	1. Phát triển cơ sở vật chất đáp ứng các hoạt động đào tạo và NCKH của trường. Đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị, phương tiện dạy học theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại hóa, đồng bộ, thuận lợi. 2. Xây dựng thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống đạt tiêu chuẩn, hiện đại. 3. Khai thác có hiệu quả tính tự chủ của trường về tài chính.

		lạc hậu về công nghệ.	4. Khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Ưu tiên đầu tư kinh phí theo chiều sâu cho các hoạt động. 5. Thu hút nguồn tài chính từ bên ngoài trường.
		2. Nguồn lực tài chính - Đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển của Nhà trường. - Tăng quy mô các nguồn thu của trường để từng bước tự chủ một phần kinh phí hoạt động. - Đảm bảo ít nhất 80% chi thường xuyên bằng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác theo quy định của pháp. - Đảm bảo ít nhất 50% chi đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng viên, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác bằng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. - Từng bước nâng cao thu nhập cho CBVC.	1. Ban hành cơ chế, chính sách về tài chính để tạo động lực cho các đơn vị. Tích cực tạo nguồn thu, tiết kiệm các khoản chi phí. 2. Đa dạng hóa nguồn tài chính, khai thác triệt để các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất của trường. 3. Tăng cường, mở rộng các hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động dịch vụ; thành lập thêm một số tổ chức hoạt động kinh tế, dịch vụ để tăng nguồn thu cho các hoạt động của trường. Phân đầu nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp chiếm 50% tổng ngân sách hàng năm, trong đó tăng dần nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. 4. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý theo hướng tăng dần tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị trong trường. Thực hiện khoán kinh phí cho các đơn vị, tiết kiệm chi phí.

Từ việc xác định các chỉ số chính, Chiến lược bộ phận xác định các chỉ tiêu bộ phận cụ thể cho từng lĩnh vực ở từng giai đoạn, từng năm trong lộ trình thực hiện chiến lược đồng thời đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện chỉ tiêu [H4.4.3.3]. Hàng năm, Nhà trường ban hành mục tiêu chất lượng cho từng lĩnh vực cụ thể và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu vào dịp tổng kết năm học. Trên cơ sở báo cáo tổng kết nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường có sự điều chỉnh chỉ tiêu phân đầu cho phù hợp hoặc đưa ra các biện pháp khắc phục để đảm bảo các đơn vị hoàn thành chỉ tiêu đặt ra [H4.4.3.4].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả

Cùng với sự phát triển của xã hội, sự thay đổi của các chính sách về giáo dục đào tạo, an sinh xã hội; nhu cầu mới của thị trường lao động trong và ngoài nước khiến các định hướng phát triển Trường cũng phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn đặt ra. Căn cứ báo cáo tổng kết mỗi năm học, Hội đồng khoa học đào tạo sẽ đối chiếu và đánh giá chỉ số thực hiện các chỉ tiêu chiến lược của mỗi đơn vị để kịp thời điều chỉnh [H4.4.4.1]. Sau 3 năm thực hiện chiến lược, năm 2018, Nhà trường đã sơ kết việc thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn đầu trường lên đại học và dự báo những thay đổi của xã hội, các chính sách về giáo dục, văn hóa, tâm lý xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020 [H4.4.4.2]

Từ kết quả sơ kết 3 năm thực hiện chiến lược phát triển Trường, Đảng ủy kịp thời ban hành một loạt các Nghị quyết về điều chỉnh một số lĩnh vực trong Chiến lược phát triển trường việc tái cấu trúc đề tiến tới tự chủ đại học, sắp xếp lại lao động hợp đồng, xây dựng phát triển nguồn nhân lực, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao văn hóa phục vụ, thay đổi cơ chế quản lý, tăng cường hoạt động khoa học công nghệ trong cách mạng 4.0.... [H4.4.4.3]. Trên cơ sở đó, Hội đồng Khoa học Đào tạo kiến nghị điều chỉnh chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 với tầm nhìn dài hơi hơn trong giai đoạn mới khi Nhà trường bắt đầu đào tạo Sau Đại học [H4.4.4.3].

Ở cấp đơn vị, Hội nghị cán bộ viên chức các đơn vị hàng năm cũng đánh giá các chỉ tiêu phấn đấu của năm, phân tích đánh giá các ưu điểm, tồn tại, hạn chế để xây dựng chiến lược hành động, giải pháp thực hiện nhiệm vụ Nhà trường giao trong năm học, đề xuất các hướng phát triển mới để bổ sung cho kế hoạch chung của Nhà trường trên cơ sở bám sát các mục tiêu trong chiến lược tổng thể [H4.4.4.4].

Xác định việc điều chỉnh chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 – 2025 định hướng 2030 là việc làm cấp thiết khi trường đứng trước ngưỡng cửa tự chủ đại học, nhiều chỉ số thực hiện chính, các chỉ số phấn đấu chính cần được rà soát, điều chỉnh, bổ sung để phản ánh tốt hơn thực tế hoạt động của Nhà trường, góp phần thực hiện sứ mệnh phục tiêu phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Nhà trường đã ban hành kế hoạch điều chỉnh chiến lược Trường với mục tiêu hoàn thành trong năm 2019 [H4.4.4.5].

Tự đánh giá: 5/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu phát triển, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch mục tiêu chất lượng của mình qua từng giai đoạn và được xác định bằng văn bản. Chiến lược của Trường được xây dựng theo định hướng thành lập trường và dựa trên ý chí, nguyện vọng của toàn thể CBVC, SVHS của Trường có tham khảo ý kiến các chuyên gia và các nhà khoa học. Chiến lược được cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình. Các kế hoạch này

được chuyển thành các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với các chỉ số PIs rõ ràng để các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện. Mục tiêu chất lượng được đánh giá theo từng năm học để có sự điều chỉnh kịp thời và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường.

- ✓ Nhà trường áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO hơn 3 năm cùng hệ thống phần mềm quản lý mọi hoạt động. Các quy trình làm việc được xây dựng khoa học và đạt được hiệu quả cao trong quản lý các hoạt động của Trường. Việc cải cách hành chính thực sự có hiệu quả, văn hóa phục vụ trở thành văn hóa gốc đối với mỗi cán bộ, viên chức, nhân viên của Trường.
- ✓ Các mục tiêu chất lượng, các chỉ số hoạt động chính của Nhà trường được rà soát qua công tác tự đánh giá, được cải tiến liên tục để phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch điều chỉnh chiến lược và đang triển khai thực hiện để chuẩn bị cho tự chủ đại học vào năm 2021.

Tóm tắt các điểm tồn tại

Cơ chế giám sát và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2015 – 2019 còn chưa thật chặt chẽ. Việc xác định thực hiện mục tiêu chiến lược của một số đơn vị còn hời hợt nên chưa thật quyết tâm thực hiện. Một số chỉ tiêu chưa đạt nhưng thiếu phân tích nguyên nhân hoặc chỉ ra nguyên nhân chưa thuyết phục.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rút kinh nghiệm giai đoạn 2015 – 2019 Nhà trường có cơ chế giám sát và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược trong các giai đoạn 2020 – 2025 và các giai đoạn tiếp theo. Phân tích nguyên nhân một số chỉ tiêu chưa đạt để có biện pháp cải tiến kịp thời.	HĐT và BGH, P.TCCB, P.KTĐBCL, Tất cả các đơn vị	Hàng năm, Từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Bám sát TNSM và các mục tiêu phát triển Nhà trường để xây dựng KHCL từng giai đoạn cho phù hợp. Chú ý đối sánh PIs của năm/giai đoạn trước để đối sánh xây dựng kế hoạch năm/giai đoạn sau cho khả thi. Việc rà soát điều chỉnh chiến lược phải được thực hiện dân chủ như xây dựng chiến lược phát triển Trường.	HĐT và BGH, P.TCCB, P.KTĐBCL,	Từ năm học 2020 - 2021	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; Tổ chức đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài định kỳ để rà soát các KHCL, các chỉ số hoạt động chính của Nhà trường và cải tiến liên tục để phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn. Tiếp tục cải tiến các quy trình cho phù hợp, đẩy mạnh cải cách hành chính trong toàn trường. Ứng dụng thành tựu cách mạng 4.0 trong quản trị đại học.	P.KTĐBCL,, Tất cả các đơn vị	Từ năm học 2020 - 2021	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường duy trì việc rà soát Các KHCL, các chỉ số hoạt động chính thông qua công tác tự đánh giá và ĐGN, được cải tiến liên tục để phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn.	HĐT và BGH, P.TCCB, P.KTĐBCL, Tất cả các đơn vị	Từ năm học 2020 - 2021	

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường xây dựng sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn và giá trị văn hóa cốt lõi, chính sách chất lượng, trong đó có các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD. Quy trình gồm các bước sau: (i) Viết dự thảo; (ii) Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan; (iii) Hoàn thiện và ban hành văn bản; (iv) Rà soát, cải tiến [H05.05.01.01].

Trên cơ sở sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, BGH phân công các đơn vị chức năng xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục đề ra [H05.05.01.01]. Các chính sách này phù hợp với các chính sách kinh tế và xã hội của Thủ đô Hà Nội và của Nhà nước. Về đào tạo, căn cứ các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT: Nhà trường xây dựng các chính sách liên quan về: TS; quy mô trường lớp; mở ngành mới; CTĐT; chất lượng đội ngũ GV và nhân viên hỗ trợ; hệ thống đào tạo; kiểm tra đánh giá; tiêu chuẩn tốt nghiệp; các chính sách đối với SV: Chính sách học bổng cho SV; Chế độ khen thưởng đối với SV... [H05.05.01.02]. Nhà trường đã ban hành một hệ thống các quy chế quy định, các văn bản để thực hiện các chính sách về đào tạo: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua – khen thưởng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên; Quy định cấp phát văn bằng chứng chỉ... [H05.05.01.03]. Nhà trường hướng dẫn thực hiện các quy chế quy định trên thông qua các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ: là hệ thống các quy trình làm việc của nhà trường và biểu mẫu kèm theo... [H05.05.01.04]. Các chính sách và các văn bản về đào tạo được các đơn vị liên quan (Phòng ĐT, Phòng CTHS-SV...) xây dựng trình lãnh đạo phê duyệt và triển khai [H05.05.01.05].

Về NCKH, trên cơ sở là các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng các chính sách về NCKH [H05.05.01.06] và ban hành các quy chế, quy định, các hướng dẫn công việc, các quy trình nghiệp vụ ... liên quan đến các chính sách về NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề SHTT, các quy tắc đạo đức trong NCKH, trong chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu... như: Quy trình quản lý đề tài NCKH của CB-GV-NV; Quy trình quản lý đề tài NCKH của SV cấp Trường; Văn bản của Trường về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH; Hướng dẫn thiết lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với NCV, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế lương ... [H05.05.01.07]. Các chính sách và các văn bản về NCKH được các đơn vị liên quan do Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác phát triển xây dựng và triển khai [H05.05.01.08].

Ngoài các hoạt động đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế, Trường còn xây dựng các chính sách về công tác PVCD, chính sách hỗ trợ đối với SV [H05.05.01.09] với nhiều hoạt động phong phú như: hoạt động hỗ trợ SV tìm việc làm, nhà ở, tư vấn hỗ trợ học vụ, tư vấn hướng nghiệp, tư vấn - xác nhận SV hưởng các chính sách theo đúng quy định, xây dựng nhà tình nghĩa, hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, phong trào SV tình nguyện, chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, đào tạo và cấp chứng chỉ nâng hạng cho giáo viên các cấp, chứng chính công nghệ thông tin 03 theo quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo ... Các hoạt động PVCD của Trường một mặt giáo dục đạo đức tư

tưởng cho SV, một mặt góp phần xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô Hà Nội và cả nước. Thông qua các hoạt động tình nguyện, SV vừa rèn luyện ý thức xã hội, vừa rèn luyện kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, tính độc lập, sáng tạo ... đáp ứng sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường **[H05.05.01.10]**. Tất cả các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trước khi trình lãnh đạo phê duyệt ban hành **[H05.05.01.11]**.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cụ thể hoá bằng văn bản thông qua các quy chế quy định, các văn bản, các quy trình nghiệp vụ ISO, các hướng dẫn công việc kèm theo các biểu mẫu rõ ràng giúp các đơn vị/cá nhân áp dụng thuận tiện **[H05.05.02.01]**.

Tất cả các văn bản liên quan đến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được phổ biến công khai trên Website, trên Hành chính điện tử, gửi email nội bộ đến lãnh đạo các đơn vị, qua sổ tay SV và thông báo trong các cuộc họp để mọi người thực hiện, giám sát **[H05.05.02.02]**. Nhà trường còn xây dựng và ban hành Quy định về hoạt động thanh tra – pháp chế thực hiện việc thanh tra nội bộ để có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế của trường **[H05.05.02.03]**.

Ngoài việc giám sát của các đơn vị xây dựng và triển khai các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua sổ theo dõi việc thực hiện MTCL hàng năm, Nhà trường còn giao cho Phòng Thanh tra - PC, Phòng KT-ĐBCLGD và ban Thanh tra nhân dân giám sát việc ban hành, thực hiện các chính sách trong trường **[H05.05.02.03]**.

Giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường được thực hiện thông qua tự giám sát. Công tác tự giám sát việc thực hiện các chính sách của từng đơn vị về các hoạt động: Mở ngành học mới, CTĐT, ĐCCT học phần, kiểm tra đánh giá, tổ chức thi kết thúc môn học, chấm bài, công bố kết quả thi, việc cấp phát và lưu trữ văn bằng chứng chỉ, lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, dự giờ ... cũng như các hoạt động NCKH của GV và SV, các hoạt động PVCĐ được cụ thể hóa bằng văn bản, được phổ biến đến các bên liên quan để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện thông qua: các thông báo **[H05.05.02.03]**; qua việc theo dõi việc thực hiện MTCL của các đơn vị **[H05.05.02.04]**, các báo cáo tổng kết và kế hoạch công tác tháng **[H05.05.02.05]**, công tác năm học **[H05.05.02.06]**. Trong các cuộc họp giao ban, lãnh đạo các đơn vị báo cáo tiến độ các công việc thực hiện, đưa ra những vướng mắc cần giải quyết xin ý kiến chỉ đạo **[H05.05.02.07]**. Ngoài ra, hoạt động giám sát còn được thực hiện bởi Hội đồng thi đua, khen thưởng của Trường, bởi các Đoàn đánh giá nội bộ **[H05.05.02.08]** **[H05.05.02.9]**.

Những đóng góp của tập thể CB-GV-NV và SV cho các hoạt động đào tạo, NCKH và cho hoạt động PVCĐ, đối với SV được đo lường và đánh giá thông qua điểm

rèn luyện, công nhận đạt các tiêu chí của các hoạt động phong trào lớn như “SV5T”, “Tiêu chuẩn đạo đức tốt”, “Tiêu chuẩn Tình nguyện tốt” ... Đối với CB-GV-NV được đánh giá ghi nhận để xếp loại thi đua, xét khen thưởng, tăng lương, xếp ngạch, ... **[H05.05.02.11]**.

Như vậy, thông qua hệ thống các văn bản, các quy trình nghiệp vụ, các cuộc họp, các kế hoạch công việc, các sổ theo dõi công việc ... mà các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được phổ biến, được thực hiện và được giám sát chặt chẽ.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Các chính sách về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được Nhà trường liên tục rà soát thông qua các đợt đánh giá nội bộ hoặc ĐGN, định kỳ hoặc đột xuất, nhằm đảm bảo các hoạt động đi đúng mục tiêu, mục đích. Việc rà soát được thực hiện trong từng đơn vị và trong phạm vi toàn Trường.

Nhà trường theo dõi việc thực hiện NCKH của toàn trường và rà soát tiến độ một năm 1 lần. Những chỉ tiêu nào chưa đạt, đơn vị phải phân tích nguyên nhân. Các chỉ số đạt được phải kèm theo thông tin minh chứng **[H05.05.03.01]**.

Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ vào cuối tháng 4, đánh giá thẩm định và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT (vào tháng 5 hàng năm), báo cáo đánh giá của Phòng Thanh tra – PC về thủ tục cải cách hành chính. Vào tháng 4 hàng năm, Phòng Khảo thí - ĐBCLGD lập kế hoạch đánh giá nội bộ kèm các nội dung, lịch trình đánh giá rõ ràng. Các đoàn đánh giá được phân đoàn đánh giá các Khoa đào tạo, các trung tâm và các đơn vị phòng ban chức năng với các nội dung đã được thông báo. Sau khi đánh giá nội bộ xong, đơn vị nào còn có nội dung yêu cầu mở phiếu khắc phục, đoàn đánh giá sẽ tiến hành đánh giá lại vào 6 tháng sau đó **[H05.05.03.02]**. Sau mỗi đợt đánh giá, Phòng Khảo thí - ĐBCL làm báo cáo tổng hợp gửi BGH và các đơn vị có liên quan **[H05.05.03.02]**. Qua đó, chính sách của các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ, tất cả hệ thống quy trình làm việc, ... được đánh giá, rà soát **[H05.05.03.03]**. Đoàn đánh giá đã tập trung đánh giá, phân tích, kiểm tra tính hợp lý của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, các nghiệp vụ quản lý của Nhà trường **[H05.05.03.03]**.

Ngoài các đợt đánh giá nội bộ, Nhà trường coi trọng việc sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan cho công tác rà soát cải tiến chính sách, chất lượng. Hàng năm, Phòng Khảo thí - ĐBCL triển khai 4 loại khảo sát ý kiến các bên liên quan, sau khi phân tích dữ liệu, lập báo cáo gửi về cho các đơn vị có liên quan. Bên cạnh đó, Phòng Thanh tra – PC tiến hành khảo sát về công tác cải cách hành chính, về các đơn vị trong trường, về các cán bộ đăng ký danh hiệu thi đua, Trung tâm nghiên cứu – phát triển nghề nghiệp tiến hành lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên sau khi ra trường. Các kết quả khảo sát này nhằm rà soát lại hoạt động của đơn vị **[H05.05.03.04]**.

Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH và lãnh đạo các đơn vị, các hoạt động rà soát chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được đưa vào nội dung cuộc họp, phân tích nguyên nhân, kết quả và có kế hoạch ban hành, đổi mới hoặc sửa đổi chính sách cho năm học hoặc giai đoạn tiếp theo **[H05.05.03.05]**.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Sau mỗi đợt đánh giá nội bộ, Phòng Khảo thí - ĐBCL làm báo cáo tổng hợp các tồn tại của các đơn vị, phân tích nguyên nhân và đề nghị hướng khắc phục và cải tiến công tác **[H05.05.04.01]**. Các kết quả khắc phục, cải tiến phải cụ thể và được kiểm tra, đánh giá tính phù hợp của đơn vị phát hiện lỗi không phù hợp **[H05.05.04.02]**.

Nhà trường nâng cấp từ Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội chính thức thành đại học đa ngành từ năm 2015, chưa tiến hành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo. Tuy nhiên, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá 03 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 04 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các kết quả tự đánh giá này là cơ sở để nhà trường tiến hành cải tiến, điều chỉnh chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H05.05.04.03]**. Qua các đợt tổng kết hàng năm và rà soát giữa kỳ kế hoạch và cuối mỗi giai đoạn của kế hoạch, Nhà trường tiến hành phân tích, cải tiến chính sách và chiến lược cho phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu các bên liên quan của từng lĩnh vực hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H05.05.04.04]**. Sau mỗi đợt rà soát, đánh giá (đánh giá nội bộ hoặc ĐGN, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất), nhà trường tiến hành các hành động cải tiến, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan **[H05.05.04.05]**.

Sự đánh giá và cải tiến chính sách và chiến lược về đào tạo, NCKH và PVCĐ được phổ biến trong toàn Trường để mọi người biết để triển khai thực hiện, giám sát và đóng góp ý kiến **[H05.05.04.06]**.

Kết quả cải tiến một số chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ trong thời gian qua: Ban hành một số chính sách cho GV về giảng dạy, NCKH, học tập nâng cao trình độ **[H05.05.04.07]**. Cải tiến chính sách cho SV về học bổng, về thi đua khen thưởng... **[H05.05.04.08]**. Hoàn thiện thêm một bước cơ cấu ngành đào tạo theo mô hình đại học định hướng ứng dụng. Ưu tiên chỉ tiêu cho các ngành mới, có nhu cầu xã hội cao: Mở thêm nhiều ngành đào tạo mới: Luật, Kinh tế đô thị, Quản trị khách sạn – du lịch – lữ hành... Sắp xếp lại tổ chức cơ cấu các đơn vị đào tạo theo hướng nâng cấp chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường theo quy định của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội: tinh giản biên chế, sát nhập các đơn vị chức năng: nhà trường sát nhập các khoa đào tạo về sư phạm thành Khoa Sư phạm, Khoa Khoa học Môi trường và Khoa Khoa học Tự nhiên thành khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, các phòng, ban chức năng sát nhập lại còn tổng số 6 phòng ban, ghép các Trung tâm Nghiên cứu phát triển nghề nghiệp và Trung tâm Liên kết đào tạo thành trung tâm Phát triển nghề nghiệp, Trung tâm Khảo thí và ngoại ngữ tinh học, Trung tâm Khoa học và Công nghệ từ Trung tâm Khoa học Công nghệ và bộ phận thí nghiệm thực hành, thành lập Trường thực

hành sự phạm Liên cấp [H05.05.04.09]. Về tài chính, nhiều chính sách được cải tiến theo từng giai đoạn: Trong các giai đoạn đầu, Nhà trường chỉ cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao CSVC trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... Khi các hoạt động này ổn định, xu hướng tài chính của Nhà trường là dịch chuyển đầu tư cho hoạt động KHCN, và ưu tiên đầu tư cho dịch vụ, cho hoạt động PVCD một cách có hệ thống. Xác lập quỹ hoạt động NCKH, quỹ học bổng SV, quỹ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài, quỹ cho các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo, việc làm, kết nối cựu SV và doanh nghiệp, đầu tư CSVC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại [H05.05.04.10].

Tự đánh giá: 4/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Trên cơ sở các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, của Nhà nước, Nhà trường xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD phù hợp nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục đề ra.
- ✓ Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được cụ thể hóa bằng văn bản (các quy chế quy định, các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc...) và phổ biến cho các bên liên quan thực hiện.
- ✓ Việc rà soát, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được thực hiện chặt chẽ thông qua các đợt đánh giá nội bộ, ĐGN và khảo sát ý kiến các bên liên quan.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Nhà trường chưa có kế hoạch tập huấn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD.
- ✓ Việc rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được thực hiện giữa kỳ kế hoạch (2 năm một lần) và cuối mỗi giai đoạn chưa đạt hiệu quả do có sự thay đổi lãnh đạo của một số đơn vị chức năng qua các giai đoạn sát nhập.
- ✓ Việc xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD chưa được thực hiện một cách hệ thống mà các đơn vị chức năng tự xây dựng dựa trên chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường giao cho Phòng Quản lý chất lượng phối hợp với Văn phòng trường chịu trách nhiệm tập huấn các đơn vị xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD vào đầu	Phòng Quản lý chất lượng; Văn phòng trường	Từ năm học 2019 – 2020	

		mỗi năm học.			
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch CBQL và kế hoạch phát triển nhân sự giai đoạn 2016-2021, đảm bảo tính ổn định và kế thừa của đội ngũ này, giúp đi sâu đi sát các KHCL, các chính sách của Trường, đảm bảo việc rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện và thực sự đi vào bản chất.	Hội đồng Trường và BGH, Phòng Tổ chức cán bộ	Từ năm học 2019 - 2020	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường giao cho phòng Quản lý chất lượng xây dựng Kế hoạch, Quy trình xây dựng chính sách về Đào tạo, NCKH và PVCĐ một cách hệ thống	Phòng Quản lý chất lượng và các đơn vị liên quan	Từ năm 2019 - 2020	

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	4.50
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

TIÊU CHUẨN 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

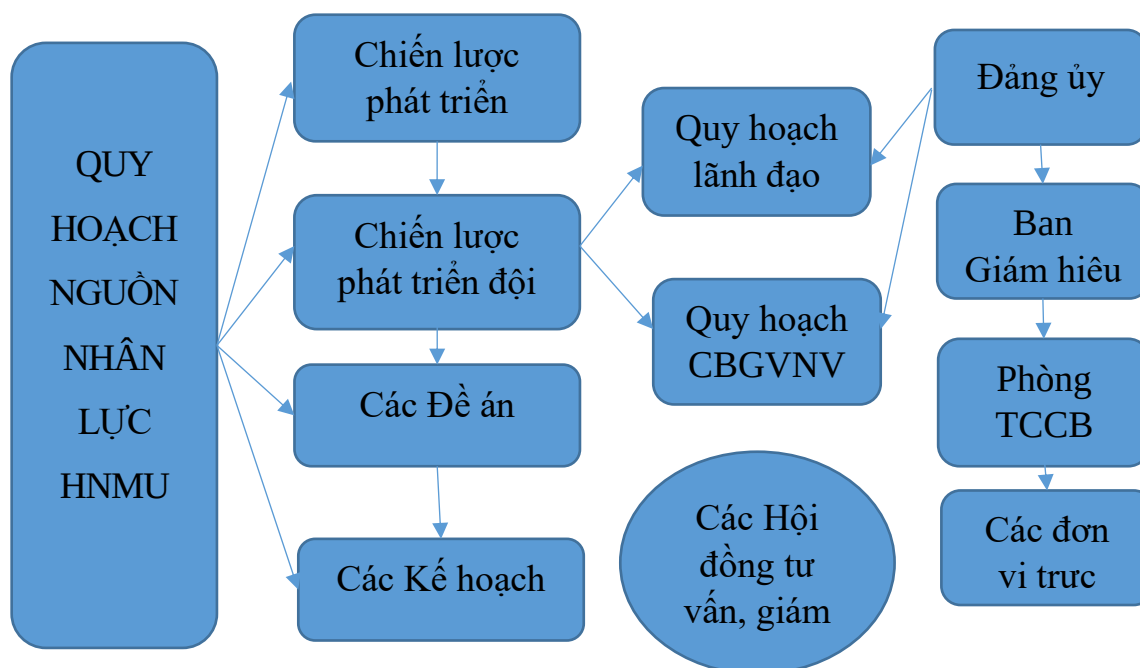
Mô tả

Nhà trường luôn xác định nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết nhất khi xây dựng trường đại học. Điều này được thể hiện trong Đề án thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Chiến lược phát triển Trường và Chiến lược phát triển đội ngũ của Trường giai đoạn 2015 – 2025 [H6.6.1.1]. Tại các văn bản này, vấn đề quy hoạch nguồn nhân lực được xác định là khâu then chốt quyết định đến chất lượng đào tạo và xác lập vị thế, thương hiệu của Nhà trường.

Công tác cán bộ là công tác của Đảng, chính vì vậy Đảng ủy Trường lãnh đạo toàn diện công tác phát triển nguồn nhân lực [H6.6.1.2]. Ban Giám hiệu, trực tiếp là Hiệu trưởng phụ trách chỉ đạo công tác nhân sự [H6.6.1.3]. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị tham mưu và thực hiện [H6.6.1.4] .

Căn cứ vào Chiến lược phát triển Trường, Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng Chiến lược phát triển đội ngũ [H6.6.1.5], các Đề án [H6.6.1.6], Chương trình hành động [H6.6.1.7] về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực xin ý kiến Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tham khảo ý kiến của các Hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học Đào tạo, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng phúc lợi, Hội đồng nâng lương, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng xét thăng hạng viên chức, Hội đồng xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức, Hội đồng xét kéo dài thời gian làm việc cho viên chức có trình độ cao, Hội đồng đánh giá, phân loại viên chức.... Nội dung quy hoạch nguồn nhân lực được cụ thể hóa bằng các Kế hoạch trung hạn, ngắn hạn; Kế hoạch hàng năm của phòng Tổ chức cán bộ [H6.6.1.8] và được hướng dẫn triển khai thực hiện đến các đơn vị trong Trường [H6.6.1.9] . Kết thúc mỗi năm học, Phòng Tổ chức cán bộ đều tổng kết đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu theo quy hoạch và đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo [H6.6.1.10].

Hình 6.1. Công tác Quy hoạch nguồn nhân lực của Trường



Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ vào chiến lược phát triển đào tạo, chiến lược phát triển khoa học công nghệ và hợp tác phát triển mà chiến lược phát triển nguồn nhân lực có sự điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ như khi chiến lược đào tạo xác định chuyển hướng sang đào tạo theo chương trình Pohe, liên tục từ năm 2016, Phòng Tổ chức cán bộ tổ chức các lớp bồi dưỡng phát triển chương trình, kỹ năng giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo chương trình pohe để phục vụ cho công tác đào tạo [H6.6.1.11]. Đặc biệt, đến cuối năm 2018, thực tiễn có nhiều biến chuyển, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực trong đó xác định mục tiêu trọng tâm là: Xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý có năng lực đáp ứng việc thực hiện tốt sứ mạng và sự phát triển bền vững của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Chuẩn hóa và nâng cao trình độ đào tạo, nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; tinh giản số lượng, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực. [H6.6.1.12]. Trên cơ sở đó, Nhà trường điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 – 2015 với các mục tiêu cụ thể được điều chỉnh cho phù hợp hơn: Giai đoạn 2019 - 2020: Tổng số cán bộ, giảng viên là 420, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 300; 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên; có ít nhất 10 GS, PGS; ít nhất 25 % cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (80 người); Đội ngũ giáo viên, nhân viên tại các Trường thực hành: 15 người; Số lượng giảng viên, cán bộ nghiên cứu làm việc tại các phòng thí nghiệm, trung tâm là 20; Tỷ lệ chuyên viên nhân viên khoảng 38% tổng số cán bộ, viên chức. Trường các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, Trường bộ môn có trình độ Tiến sĩ. Giai đoạn 2020 – 2025: Đến 2025 Tổng số cán bộ, giảng viên là 450, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 370; có ít nhất 15 GS, PGS; ít nhất 30 % cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (150 - 180 người); Đội ngũ giáo viên, nhân viên tại các Trường thực hành: 30 người; Tỷ lệ chuyên viên nhân viên dưới 30% tổng số cán bộ, viên chức [H6.6.1.13].

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thực hiện đồng bộ ở tất cả các nhóm đối tượng và có thể khái quát thành hai nhóm chính: quy hoạch lãnh đạo quản lý [H6.6.1.14]; quy hoạch giảng viên, chuyên viên, người lao động [H6.6.1.15]. Việc quy hoạch được thực hiện trên tất cả các khâu từ tuyển dụng [H6.6.1.16], đào tạo bồi dưỡng [H6.6.1.17], sử dụng, bố trí vị trí việc làm [H6.6.1.18], đánh giá, xếp loại [H6.6.1.19], đề bạt, bổ nhiệm [H6.6.1.20], đến chế độ chính sách [H6.6.1.21]..... Trong đó quy hoạch lãnh đạo quản lý hướng đến mục tiêu có tâm, có tầm, có năng lực cải tạo thực tiễn [H6.6.1.22]; quy hoạch giảng viên, nhân viên hướng tới ổn định và cân bằng về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ cả về trình độ và thâm niên nghề [H6.6.1.23]

Để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài [H6.6.1.24]

Nguồn nhân lực hiện nay được Nhà trường quy hoạch đủ để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đảm bảo tỷ lệ SV/GV theo quy định [H6.6.1.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến.

Mô tả

Tuyển dụng là quá trình sàng lọc và tuyển chọn những người có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong Nhà trường. Tiêu chí tuyển dụng là tổng hợp những phẩm chất, kiến thức, trình độ, kỹ năng, hành vi để có thể hoàn thành tốt một công việc cụ thể trong Trường. Muốn tuyển dụng được nhân lực tốt cần phải xây dựng được hệ thống các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với vị trí việc làm. Có thể nói, tuyển dụng là khâu trọng yếu nhất trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, ngay trong định hướng phát triển nguồn nhân lực của Đảng ủy và Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã đặt ra những tiêu chí cơ bản định hướng tuyển dụng và lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm nhân sự như: phẩm chất, trình độ, chức danh khoa học, thâm niên... đối với từng đối tượng, kể cả đối với vị trí lãnh đạo quản lý các bộ môn, khoa [H6.6.2.1]. Những tiêu chí này được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H6.6.2.2]; Đề án vị trí việc làm [H6.6.2.3]; Đề án thi tuyển chức danh lãnh đạo các đơn vị trực thuộc [H6.6.2.4] và được thực hiện qua Thông báo tuyển dụng [H6.6.2.5]; Quy trình tiếp nhận cán bộ, viên chức [H6.6.6.2]; Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo [H6.6.2.7]. Hệ thống tiêu chí tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Nhà nước [H6.6.2.8], dựa vào điều kiện thực tế và đề xuất nhân sự của các đơn vị [H6.6.2.9], được gửi xin ý kiến Đảng ủy và tham khảo ý kiến của các Hội đồng tư vấn và cán bộ chủ chốt của Trường [H6.6.2.10]. Sau khi được phê duyệt, thông báo tuyển dụng, thi tuyển lãnh đạo được công khai đến toàn thể cán bộ,

viên chức, người lao động thông qua hệ thống email nội bộ, website, trang Hành chính điện tử của Trường [H6.6.2.11]. Để nhu nhận được nguồn nhân lực có chất lượng, Nhà trường đăng tải thông tin tuyển dụng trên báo Nhân dân, báo Hà Nội mới, Cổng thông tin điện tử của UBND Thành phố Hà Nội [H6.6.2.12].

Ngoài các tiêu chí về trình độ, năng lực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội còn chú trọng đến đạo đức và tự do học thuật khi tiếp nhận, tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm nhân sự. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng mô tả khung năng lực và điều kiện tiêu chuẩn của từng vị trí trong Đề án việc làm [H6.6.2.13], trong yêu cầu tiêu chuẩn của từng vị trí trong Kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm [H6.6.2.14], trong Đề án thi tuyển lãnh đạo trực thuộc trường [H6.6.2.15]. Hơn thế, Nhà trường còn nghiên cứu kỹ hồ sơ và khảo sát, phỏng vấn khi tiếp nhận, tuyển dụng hay bổ nhiệm cán bộ [H6.6.2.16]. Quá trình tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và có sự giám sát của UBND Thành phố Hà Nội [H6.6.2.17]. Nhà trường đề cao phương châm hướng tới chất lượng nhân sự, không nhất thiết phải tuyển cho đủ chỉ tiêu [H6.6.2.18].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường hướng dẫn đánh giá cán bộ lãnh đạo, giảng viên, chuyên viên nhân viên (mỗi đối tượng có hệ thống tiêu chí và mẫu phiếu đánh giá khác nhau) được thực hiện ở bốn cấp độ: cá nhân tự đánh giá, Bộ môn đánh giá, Khoa đánh giá, Trường đánh giá [H6.6.2.19]. Trong đó đối với giảng viên tiêu chí đạo đức nghề nghiệp và mức độ thực hiện tự do học thuật trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí quan trọng nhất. Hệ thống tiêu chí và kết quả đánh giá được công khai trong toàn trường, quá trình đánh giá có sự tham gia của hệ thống chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội, đảm bảo tính chính xác, khách quan, bình đẳng [H6.6.2.20]. Không có khiếu kiện liên quan đến tuyển dụng và bổ nhiệm tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Mô tả

Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Trường và mỗi đơn vị trực thuộc, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có, Nhà trường chú trọng việc xây dựng vị trí việc làm với khung tiêu chuẩn và tiêu chuẩn năng lực cụ thể (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo quản lý). Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được phê duyệt năm 2017 gồm 41 vị trí việc làm, trong đó:

- + Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 10 vị trí
- + Nhóm vị trí việc làm hoạt động nghề nghiệp: 3 vị trí
- + Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 24 vị trí
- + Nhóm vị trí việc làm gắn với lao động việc làm theo ND 68: 4 vị trí

Mỗi vị trí đều có bản mô tả chi tiết về khung tiêu chuẩn đạo đức, năng lực, nghiệp vụ, trình độ cụ thể và sản phẩm đầu ra của vị trí việc làm.

Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường đã xây dựng, triển khai công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho CBVC, người lao động; quy hoạch, lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm đối với lãnh đạo quản lý các cấp. Các vị trí việc làm trong Đề án, từ lãnh đạo quản lý các cấp đến viên chức hành chính, viên chức chuyên môn, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên, nhân viên đều có tiêu chuẩn năng lực cụ thể mang tính định lượng cao để thuận lợi trong việc đánh giá chất lượng nguồn lao động [H6.6.3.1]

Xác định chất lượng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế thương hiệu của trường, ngay từ khi còn là Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng Quy định về tiếp nhận, tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng về công tác tại trường, trong đó có quy định về độ tuổi lao động để đảm bảo cơ cấu đội ngũ, đặc biệt ưu tiên thu hút sử dụng lao động có trình độ Tiến sĩ, PGS, GS (không giới hạn tuổi) [H6.6.3.2]. Sau khi lên đại học Nhà trường ưu tiên tuyển dụng đối với các giảng viên ngành ngoài sư phạm, sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy chuyên ngành, ứng dụng tốt các kỹ thuật dạy học hiện đại vào giảng dạy, nghiên cứu. Từng vị trí tuyển dụng lại có yêu cầu cụ thể về trình độ năng lực và chuyên ngành khác nhau [H6.6.3.3].

Đối với các chức danh lãnh đạo quản lý các cấp trong Trường, ngoài các tiêu chuẩn năng lực lãnh đạo quản lý do Đảng, Nhà nước quy định (Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ ba (Khóa VIII), Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường Đại học, UBND thành phố Hà Nội (Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ngày 6/9/2010) còn được cụ thể hóa trong Điều 49, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Đề án bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý trực thuộc Trường, Đề án thi tuyển các chức danh lãnh đạo quản lý trực thuộc Trường các chức danh lãnh đạo quản lý trực thuộc Trường [H6.6.3.4].

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Mô tả

Trong chiến lược phát triển nhân lực trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025, bên cạnh tuyển dụng và tiếp nhận, đào tạo bồi dưỡng được coi là một trong những giải pháp mũi nhọn, trọng điểm nhất để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Nhà trường, với những tiêu chí và giải pháp cụ thể:

- Đến năm 2020: Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên là 450, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 300; trong đó 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên; có ít nhất 10 GS, PGS; trong đó 20 - 25% cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (khoảng 90 người); tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SĐH, NCS trên cán bộ giảng dạy là 20 : 1. Số lượng cán bộ nghiên cứu làm việc tại các phòng thí nghiệm, trung tâm là 50. Giảm tỉ lệ nhân viên, chuyên viên từ trên 40% hiện nay xuống dưới 30% tổng số cán bộ, giảng viên vào năm 2020. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH, Trưởng bộ môn phải có trình độ TS. Đội ngũ giáo viên, nhân viên tại các Trường thực hành: 30 người.

- Giai đoạn 2021 – 2025: Đến năm 2025: Tổng số cán bộ, giảng viên là 500, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 400; có ít nhất 20 GS, PGS vào năm 2025; có 25 - 30% cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (khoảng 120 - 150 người); Số lượng giảng viên, cán bộ nghiên cứu làm việc tại các phòng thí nghiệm, trung tâm là 100; tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SĐH, NCS trên cán bộ giảng dạy là 15 : 1. Giảm tỉ lệ nhân viên, chuyên viên xuống còn 25% hoặc 20% tổng số cán bộ, giảng viên vào năm 2025. Đội ngũ giáo viên, nhân viên tại các Trường thực hành: 50 người. Theo dự báo về đào tạo, Giai đoạn 2015-2020: cần thêm 32 TS, 66 ThS; Giai đoạn 2020 - 2015: cần thêm 15 PGS, 24 TS, trong đó chủ yếu là cần cho khối ngành ngoài Sư phạm [H6.6.4.1].

Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà trường đã phê duyệt Đề án đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2016 – 2020 trong đó trọng tâm vào đào tạo giảng viên có trình độ Tiến sĩ, bồi dưỡng tự chủ nghề nghiệp cho giảng viên, bồi dưỡng năng lực QLNN về giáo dục, kỹ năng ứng xử giao tiếp, thực hiện văn hóa công vụ cho chuyên viên, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuẩn theo tiêu chí của vị trí việc làm cho CBVC, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho CBGV đặc biệt, giảng viên phải dạy được bằng ngoại ngữ [H6.6.4.2]. Các nội dung của Đề án được cụ thể hóa trong Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Trường [H6.4.6.3]. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường đều yêu cầu các đơn vị trực thuộc báo cáo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng theo đặc thù của đơn vị mình và có cơ chế mở cho việc giới thiệu báo cáo viên, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng [H6.6.4.4].

Để quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, Nhà trường đã xây dựng Quy chế đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường và có sự rà soát sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong từng giai đoạn nhằm tại cơ chế chính sách mở, động viên toàn bộ nguồn nhân lực tham gia quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng [H6.6.4.5]. Được sự ủng hộ của UBND Thành phố Hà Nội, Nhà trường có nguồn kinh phí dồi dào cho đào tạo sau đại học với mức hỗ trợ khoảng trên 300 triệu đối với đào tạo trình độ Tiến sĩ và trên 100 triệu đối với đào tạo trình độ Thạc sĩ (tùy theo chuyên ngành) [H6.6.4.6]. Nhà trường cũng có chính sách thưởng ưu đãi đối với CBVC trúng tuyển và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, được bổ nhiệm chức danh PGS, GS hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài đạt kết quả tốt [H6.6.4.7]. Vì vậy, đào tạo bồi dưỡng trở thành động lực để phấn đấu, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ của Trường. Tính đến năm 2020, 100% giảng viên dưới 35 tuổi đã đăng ký đi đào tạo trình độ Tiến sĩ. [H6.6.4.8]

Đối với lãnh đạo quản lý và diện được quy hoạch vào chức danh lãnh đạo quản lý, Nhà trường tập trung bồi dưỡng đủ chuẩn theo chức danh được bổ nhiệm: lý luận chính trị, quản lý nhà nước dành cho lãnh đạo cấp sở, phòng, bồi dưỡng QPAN cho đối tượng 2, đối tượng 3, bồi dưỡng quản trị đại học, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, bồi dưỡng học tập quán triệt các Nghị quyết, chuyên đề, chương trình công tác của Đảng, Thành ủy, Đảng ủy khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội [H6.6.4.9].

Đối với giảng viên, Nhà trường ưu tiên bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên, bồi dưỡng ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bồi dưỡng kiểm tra đánh giá, cố vấn học tập, bồi dưỡng theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng

(Chương trình pohe)... Ngoài ra Nhà trường còn tổ chức một số lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đặc thù ưu tiên cho giảng viên một số ngành ngoài sư phạm theo đề nghị của khoa Văn hóa – Du lịch – Dịch vụ và khoa Kinh tế - Đô thị [H6.6.4.10].

Đối với chuyên viên, nhân viên, Nhà trường tập trung bồi dưỡng nhằm nâng cao văn hóa giao tiếp ứng xử và đạo đức công vụ, xây dựng môi trường làm việc lịch sự, văn minh hướng tới mục tiêu hình thành “văn hóa phục vụ” trong Nhà trường [H6.6.4.11].

Hàng năm, Nhà trường đều có tổng kết đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng và coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Mỗi lao động đảm bảo tham gia ít nhất 1 lượt đào tạo bồi dưỡng trong 1 năm học [H6.6.4.12]. Sau 3 năm Nhà trường tổ chức sơ kết công tác đào tạo bồi dưỡng và sau 5 năm tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng. Kết quả đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2016-2019 của Trường như sau:

Bảng 6.6.4 Tổng số lượt đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức

TT	Đối tượng	Đào tạo			Bồi dưỡng						
		Chuyên môn		Cao cấp LLCT	Tiêu chuẩn CDNN	KN LĐ quản lý	KN NV chuyên ngành	Vị trí việc làm	Tin học	Ngoại ngữ	BD khác
		TS	ThS								
A	Lãnh đạo quản lý	26		20	65	104	20	30	20	30	63
1	Ban GH				4	4					3
2	Lãnh đạo khoa/phòng	26		20	61	100	20	30	20	30	60
B	Viên chức	100	30		300		190	60	110	130	390
1	Giảng viên	100	20		200		160	30	80	100	300
2	Viên chức khác		10		100		30	30	30	30	90
	Tổng số	126	30	20	365	104	210	90	130	160	453

Bảng 6.4.2. Các lớp bồi dưỡng mở tại Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016 – 2018

[H6.6.4.13]

TT	Nội dung đào tạo bồi dưỡng	Số lớp	Số học viên	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn	Ghi chú
	Năm 2016					
1	Tiếng Anh trình độ B1	1	30	250	Nghiệp vụ	Các lớp tổ chức tại trường
2	Tiếng Anh trình độ B2	1	20	250	Nghiệp vụ	
3	Kỹ năng nghiệp vụ dành cho chuyên viên	1	20	32.5	Khác	
4	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho giảng viên	1	50	67,8	Nghiệp vụ	
5	Bồi dưỡng Tin học IC3	1	50	253	Nghiệp vụ	Các lớp Thành phố mở
6	BDQPAN (đối tượng 2)		2			
7	Cao cấp LLCT		5			
	Năm 2017					
1	Phát triển chương trình theo định hướng nghề nghiệp	2	100	192	Nghiệp vụ	Các lớp tổ chức tại trường
2	Tiếng Anh trình độ B2	1	15	224	Nghiệp vụ	
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản trị đại học	1	50	83	Khác	
4	BDQPAN (đối tượng 3)		25			Các lớp Thành phố mở
5	Cao cấp LLCT		2			
	Năm 2018					
1	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)	2	100	316	Nghiệp vụ	Các lớp tổ chức tại trường
2	Thực hiện Chương trình POHE	2	200	500	Khác	
3	Quản lý chất lượng cơ	1	50	132	Nghiệp vụ	

	sở giáo dục đại học đáp ứng khung đảm bảo chất lượng quốc gia và các chuẩn đảm bảo chất lượng khu vực và quốc tế				vụ	
4	Bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên dạy chương trình song ngữ	1	25	301	Khác	
5	BDQPAN (đối tượng 3)		5			Các lớp Thành phố mở
6	BDQPAN (đối tượng 4)	1	104			
7	Cao cấp LLCT		6			
8	BD cập nhật kiến thức cho lãnh đạo trường		3			

Thông qua việc đăng ký nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng hàng năm, bản thân mỗi cán bộ, viên chức nhận thức sâu sắc về quyền lợi và nghĩa vụ được đào tạo bồi dưỡng, tự học và thực hiện học tập suốt đời. Ngoài các nhiệm vụ bồi dưỡng theo kế hoạch của Trường, nhiều cán bộ, viên chức tự liên hệ tham gia các khóa bồi dưỡng trong và ngoài nước theo tài trợ của các tổ chức, đơn vị theo chuyên ngành nghiên cứu mà giảng viên đảm nhiệm. **[H6.6.4.14]**

Do thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng, hiện nay trường có 386 cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng trong đó giảng viên có trình độ GS, PGS, TS: 68, Thạc sĩ: 214, Đại học: 82. Về cơ bản, Nhà trường đã đạt được chỉ tiêu về chất lượng đội ngũ theo Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020 đã đặt ra. **[H6.6.4.15]**

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ là đo lường kết quả công việc thực hiện so với chỉ tiêu đề ra. Việc đánh giá này giúp người sử dụng lao động định lượng được khối lượng công việc được hoàn thành (hiệu suất lao động) và chất lượng người lao động có đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng hay không. Muốn thực hiện được điều này, mỗi đơn vị phải xây dựng được hệ thống quản lý thực hiện nhiệm vụ, nghĩa là phải đưa được chuẩn mẫu các tiêu chí đánh giá công việc cho từng vị trí việc làm.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội quản lý việc thực hiện nhiệm vụ theo tháng và theo năm trên hai lĩnh vực: xếp loại thi đua và phân loại lao động theo phương pháp cộng dồn.

Nghĩa là lao động tích điểm thi đua tháng để được khen thưởng năm. Thành tích thi đua tháng được tính tiền thưởng hàng tháng, thành tích thi đua năm để tính tiền thưởng cả năm. Thành tích xếp loại thi đua và phân loại lao động đều được ghi nhận để xét tăng lương trước thời hạn, đề bạt, bổ nhiệm, cử đi đào tạo bồi dưỡng, thăng hạng chức danh nghề nghiệp...[H6.6.5.1].

Về chế độ thi đua khen thưởng: Nhà trường xây dựng hai văn bản quy định là quy định xếp loại thi đua hàng tháng [H6.6.5.2] và Quy chế thi đua khen thưởng [H6.6.5.3]. Trong hai văn bản này, Nhà trường xác lập hệ thống các tiêu chí mang tính định lượng để đánh giá hiệu quả lao động dành cho ba đối tượng lao động: lãnh đạo quản lý, viên chức chuyên môn, viên chức hành chính với hệ quy chiếu là thang điểm 100. Người lao động đạt 90- 100 điểm xếp loại A; 80-89 điểm xếp loại B; 60-79 xếp loại C; 50-69 xếp loại D, dưới 50 điểm không xếp loại. Loại A được thưởng bằng 2,0 lần loại B, loại C giảm 50% thưởng so với loại B, từ loại D trở đi không được nhận thưởng hàng tháng [H6.6.5.4]. Cuối năm, nhà trường tính định mức thưởng các xếp loại tháng A bằng 2 lần tháng xếp loại B, tháng xếp loại C giảm 50% thưởng so với tháng xếp loại B và cộng dồn đủ 12 tháng trong năm. Mặt khác, viên chức cũng phải tích đủ tháng xếp loại A trong năm mới được đề xuất tặng thưởng danh hiệu thi đua và xem xét hình thức khen thưởng. Việc xét danh hiệu này còn bao gồm tiêu chí về nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng, tín nhiệm của sinh viên, đánh giá tiết dạy giỏi, đánh giá chất lượng giảng dạy qua số lượng sinh viên đạt điểm thi khá giỏi của các môn đảm nhiệm (đối với giảng viên), mức độ tín nhiệm của người lao động trong trường (đối với chuyên viên, nhân viên, cán bộ quản lý; chỉ số cải cách hành chính (đối với lãnh đạo cá phòng ban); chỉ số sinh viên tốt nghiệp (đối với lãnh đạo các khoa đào tạo). Danh hiệu thi đua được tích để đề nghị hình thức khen thưởng và xét các danh hiệu thi đua cao hơn như Bằng khen cấp Bộ/Thành phố, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua cấp TP/Bộ, các loại huy chương, danh hiệu Nhà giáo ưu tú...[H6.6.5.3]

Đối với xếp loại viên chức nhà trường triển khai xét theo năm học và được quy đổi theo thành tích thi đua. Tuy nhiên xếp loại viên chức chú ý đến những cống hiến lớn cho nhà trường như: huấn luyện đội tuyển Olympic đạt giải cao, huấn luyện đội thi NVSP đi thi toàn quốc, đem lại những hợp đồng tạo nguồn thu cho trường; , thành tích về nghiên cứu khoa học, chủ biên sách, giáo trình, có công bố quốc tế, có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo bồi dưỡng, hợp tác phát triển... để xem xét xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tính điểm để xét nâng lương trước thời hạn[H6.6.5.5].

Bên cạnh hệ thống đánh giá của chính quyền, Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội của Trường cũng có cơ chế khen thưởng theo nhiệm vụ, khen thưởng hàng năm, khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất...[H6.6.5.6]. Đánh giá tham gia các hoạt động đoàn thể cũng là một tiêu chí để xem xét đánh giá phân loại cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm.

Quy trình đánh giá, phân loại được thực hiện từ cá nhân tự đánh giá, Bộ môn đánh giá, khoa đánh giá, Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tổng hợp báo cáo Hội đồng để xếp loại. Nhìn chung, các tiêu chí có độ bao quát toàn diện các đối tượng, các hoạt động công tác và mang tính định lượng nên công bằng, khách quan. Cơ chế thưởng

có sự phân loại ghi nhận công hiến, tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội còn ghi nhận thành tích công hiến cho Nhà trường qua thâm niên công tác. Lao động công tác tại Trường từ đủ 5 năm trở lên được tính hưởng hỗ trợ thâm niên chi trả hàng tháng tương ứng với số thời gian công tác. Mặt khác, đối với lao động được trường tiếp nhận về từ 6 tháng trở nên được hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng và hưởng 30% lương phụ cấp hành chính. Đây cũng là một cố gắng lớn nhằm cải thiện thu nhập cho CB, VC người lao động của Nhà trường. [H6.6.5.7]

Trước đây, việc xếp loại thi đua và đánh giá lao động đều do phòng Tổ chức cán bộ phụ trách, từ tháng 1/2017, công tác thi đua khen thưởng do Văn phòng đảm nhận, các nội dung còn lại vẫn do phòng Tổ chức cán bộ theo dõi [H6.6.5.8]. Tuy nhiên các nội dung đều trình Hội đồng bình xét và tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Mô tả

Ngay khi lên Đại học, việc đầu tiên là Nhà trường rà soát chuẩn hóa hệ thống văn bản quy định của trường cao đẳng sang hệ thống văn bản của trường Đại học. Có 67 văn bản quản lý của trường cao đẳng được rà soát và 63 văn bản được phê duyệt xây dựng lại cho phù hợp với hệ thống quản trị trường đại học [H6.6.6.1]. Hệ thống 63 văn bản này cũng thường xuyên được đánh giá mức độ phù hợp với thực tiễn để có sự điều chỉnh cho phù hợp. Trong 3 năm (2016-2019), nhà trường đã sửa đổi bổ sung 12 văn bản, nhiều văn bản được sửa đổi 3 lần bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ (3 lần) [H6.6.6.2], Quy chế tổ chức hoạt động (2 lần) [H6.6.6.3], Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị (2 lần) [H6.6.6.4], Quy định đào tạo bồi dưỡng (2 lần) [H6.6.6.5], Quy chế làm việc đối với giảng viên (2 lần) [H6.6.6.6], Quy định nâng lương thường xuyên và trước thời hạn (2 lần) [H6.6.6.7], Quy chế thi đua khen thưởng [H6.6.6.8], Quy định phân loại cán bộ, viên chức (2 lần) [H6.6.6.9], Quy chế khoa học công nghệ (3 lần) [H6.6.6.10], Quy định đào tạo hệ cao đẳng, đại học chính quy tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội (3 lần) [H6.6.6.11], Quy định về tổ chức đào tạo ngoại ngữ đối với hệ CĐ, ĐH (2 lần) [H6.6.6.12], Nội quy phòng cháy chữa cháy (2 lần) [H6.6.6.13].

Các văn bản được rà soát sửa đổi bổ sung đều tuân theo quy trình chặt chẽ từ bước xây dựng dự thảo, lấy ý kiến góp ý trong toàn trường, tổng hợp và giải trình góp ý (bằng văn bản) trình xin ý kiến hội đồng tư vấn chuyên môn và các chuyên gia, tổ chức hội nghị thống nhất các điểm sửa đổi bổ sung, sau đó mới trình Hiệu trưởng ký ban hành. Sau khi văn bản được đưa vào sử dụng, các phòng chức năng chủ trì rà soát sửa đổi văn bản tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ, giảng viên thực hiện theo văn bản mới, lưu ý các điểm chỉnh sửa, phổ biến hệ thống mẫu biểu mới... để đưa văn bản vào thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc gì phát sinh các đơn vị lại phản hồi về phòng chức năng để tổng hợp rà soát trong lần sửa tiếp theo [H6.6.6.14].

Chiến lược quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực cũng được định kỳ rà soát thường xuyên để xác định những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng giai đoạn. Căn cứ vào báo cáo

đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chiến lược [H6.6.6.15], năm 2018, Đảng ủy ban hành Nghị quyết phát triển nguồn nhân lực trong đó xác định các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020: Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên là 450, trong đó số lượng giảng viên cơ hữu là 300; trong đó 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên; có ít nhất 10 GS, PGS; trong đó 20 - 25% cán bộ giảng dạy, nghiên cứu có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên có học vị TS (khoảng 90 người); tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SĐH, NCS trên cán bộ giảng dạy là 20 : 1. Số lượng cán bộ nghiên cứu làm việc tại các phòng thí nghiệm, trung tâm là 50. Giảm tỉ lệ nhân viên, chuyên viên từ trên 40% hiện nay xuống dưới 30% tổng số cán bộ, giảng viên vào năm 2020. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH, Trưởng bộ môn phải có trình độ TS. Đội ngũ giáo viên, nhân viên tại các Trường thực hành: 30 người. [H6.6.6.16]

Ngoài quy hoạch nguồn nhân lực, Nhà trường cũng thực hiện việc rà soát quy hoạch các chức danh Đảng, chức danh lãnh đạo quản lý hàng năm nhằm bổ sung các nhân tố mới, có khả năng phát triển và đưa ra khỏi quy hoạch những nhân tố không còn phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị [H6.6.6.17].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Mô tả

Các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực luôn được Nhà trường cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Quy chế chi tiêu nội bộ là văn bản quy định tất cả các chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động và các hoạt động của Trường nên được rà soát hàng năm và được sửa đổi bổ sung vào các năm 2015, 2016, 2017 [H6.6.6.2]

Quy chế tổ chức hoạt động được xây dựng khi trường lên đại học và được sửa đổi bổ sung vào năm 2018 sau khi Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật đa ngành Sóc Sơn được sáp nhập vào Trường Đại học Thủ đô Hà Nội [H6.6.6.3]

Song song với Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị cũng được cập nhật hai lần cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới sau khi sáp nhập và thành lập các đơn vị mới [H6.6.6.4].

Quy định đào tạo bồi dưỡng được sửa đổi bổ sung 2 lần nhằm nới rộng các điều kiện được cử đi đào tạo bồi dưỡng, mở rộng các hình thức đào tạo bồi dưỡng, tăng quyền chủ động của người lao động khi lựa chọn các hình thức và nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với nhu cầu chuyên môn [H6.6.6.5]

Quy chế làm việc đối với giảng viên được sửa đổi bổ sung 2 lần cho phù hợp với văn bản quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời bao quát được các đối tượng hoạt động chuyên môn tại Nhà trường. Việc quy đổi giờ dạy được linh hoạt hơn khi chấp nhận quy đổi kết quả NCKH sang giờ dạy khi giảng viên đạt tối thiểu 50% định mức chuẩn [H6.6.6.6]

Quy định nâng lương thường xuyên và trước thời hạn được rà soát sửa đổi bổ sung 2 lần, mở rộng điều kiện cơ sở xét tăng lương trước thời hạn, ghi nhận đa dạng các thành tích, cống hiến của CBVC, người lao động trong việc xét nâng lương trước thời hạn [H6.6.6.7]

Quy chế thi đua khen thưởng [H6.6.6.8], Quy định phân loại cán bộ, viên chức, người lao động được rà soát sửa đổi bổ sung 2 lần nhằm khắc phục những tiêu chí không phù hợp, cố gắng định lượng các tiêu chí để đơn vị có căn cứ đánh giá, xếp loại chính xác, minh bạch, công bằng [H6.6.6.9]

Quy chế khoa học công nghệ được rà soát sửa đổi bổ sung 3 lần góp phần giảm tải thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý khoa học công nghệ, tăng tính tự chủ của giảng viên, các đơn vị đào tạo bằng cách giao khoán ngân sách khoa học công nghệ. Việc khen thưởng các cống hiến thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ cũng được cải tiến cho phù hợp, mang tính định lượng, khách quan, khoa học, chính xác, tạo được sự đồng thuận của CBGV trong toàn trường [H6.6.6.10]

Quy định đào tạo hệ cao đẳng, đại học chính quy tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội được rà soát sửa đổi bổ sung 3 lần [H6.6.6.11]. Quy định về tổ chức đào tạo ngoại ngữ đối với hệ CĐ, ĐH chính quy được sửa đổi bổ sung 2 lần giúp giảng viên thực hiện tốt hơn công tác cố vấn học tập, định hướng chính sách cho sinh viên. [H6.6.6.12].

Nội quy phòng cháy chữa cháy cũng được sửa đổi bổ sung 2 lần, thể hiện sự quan tâm đến môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho cán bộ, giảng viên, người lao động yên tâm cống hiến vì sự phát triển chung của Nhà trường [H6.6.6.13].

Sau khi trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật đa ngành Sóc Sơn sáp nhập vào Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Nhà trường có thêm chức năng đào tạo nghề. Nhà trường đã kịp thời bổ sung chiến lược phát triển nguồn nhân lực đào tạo nghề vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020-2025. Mặt khác, sau khi thành công mở một loạt các mã ngành ngoài sư phạm với sự lớn mạnh của khoa Kinh tế Đô thị và Văn hóa – Du lịch – Dịch vụ, Nhà trường cũng kịp thời định hướng trọng tâm phát triển nguồn nhân lực đào tạo các ngành ngoài sư phạm hướng tới mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản tái cấu trúc lại Nhà trường trở thành trường đại học đa ngành, giảm quy mô đào tạo sư phạm, tăng quy mô đào tạo ngoài sư phạm, phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ, tăng cường ứng dụng thực hành trong đào tạo, tăng sức cạnh tranh việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường [H6.6.7.1].

Tự đánh giá: 6/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo và kế hoạch tuyển dụng với các bộ tiêu chí (tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí chức danh, tiêu chí bổ nhiệm) rõ ràng và được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Ứng với mỗi chức danh đều có bộ tiêu chuẩn năng lực các vị trí và bản mô tả công việc tương ứng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- ✓ Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai, quản trị kết quả công việc của CB-GV-NV với các tiêu chí, chỉ số rõ ràng, công khai, minh bạch, tạo động lực cho người lao động phấn đấu, cống hiến cho Nhà trường.
- ✓ Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường luôn được rà soát và cải tiến, vì vậy càng ngày số lượng và chất lượng đội ngũ CB-GV-NV Nhà trường càng được duy trì ổn định và ngày càng có nhiều CB-GV-NV có học vị học hàm cao đã chọn về Trường Đại học Thủ đô Hà Nội công tác.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Đề án vị trí việc làm của Trường hiện nay bộc lộ nhiều điểm không phù hợp, chưa bao quát được hết các đối tượng lao động, vị trí việc làm trong toàn trường.
- ✓ Do được nâng cấp từ trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội nên đội ngũ cơ bản là nòng cốt của trường cao đẳng, một số điều kiện tiêu chuẩn của lãnh đạo quản lý trường đại học cần có thời gian để bổ sung, hoàn thiện.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phòng TCCB triển khai sửa đổi đề án vị trí việc làm cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, đặc biệt là phù hợp với cơ cấu tổ chức mới được phê duyệt	P.TCCB	Từ năm học 2019 – 2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng chuẩn cán bộ lãnh đạo quản lý của trường cao đẳng lên trường đại học Thực hiện tốt công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ.	P.TCCB	Từ năm học 2019 – 2020	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng các kế hoạch phát triển nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo và kế hoạch tuyển dụng với các bộ tiêu chí (tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí chức danh, tiêu chí bổ nhiệm) rõ ràng. Ứng	P.TCCB	Từ năm 2019 - 2021	

		với mỗi chức danh đều có bộ tiêu chuẩn năng lực các vị trí và bản mô tả công việc tương ứng.			
4	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai, quản trị kết quả công việc của CB-GV-NV với các tiêu chí, chỉ số rõ ràng, công khai, minh bạch.	P.TCCB	Từ năm học 2019 – 2020	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Luôn rà soát và cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực nhằm duy trì ổn định số lượng và chất lượng đội ngũ CB-GV-NV Nhà trường, thu hút ngày càng nhiều CB-GV-NV có học vị học hàm cao đến Trường làm việc và giảng dạy.	HĐT và BGH, P.TC-CB	Từ năm học 2018 - 2019	

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>5,28</i>
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	6
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	6

TIÊU CHUẨN 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của UBND thành phố Hà Nội và chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật (Luật GDDH) (Điều lệ trường ĐH). Kinh phí hoạt động thường xuyên của Nhà trường do ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ. Hướng tới lộ trình tự chủ tài chính của Nhà trường vào năm 2021, việc tăng cường các nguồn thu và phương thức quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn thu là một trong những vấn đề quan trọng của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Quản lý về tài chính trong Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thực hiện bởi chủ tài khoản là Hiệu trưởng và Phòng Tài chính Kế toán phụ trách công tác tài chính của Trường. Phòng Tài chính Kế toán có nhiệm vụ xây dựng báo cáo hoạt động và quyết toán tài chính hàng năm của Nhà trường và trình lên Ban Giám hiệu phê duyệt, đồng thời kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán; Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Trường.

Hàng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm soát, tăng cường các nguồn lực tài chính của Nhà trường nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội xây dựng kế hoạch tự chủ về tài chính kèm theo những giải pháp theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển Nhà trường được nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn **[H7.7.1.2]**

Căn cứ vào các quy định của Luật NSNN, văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản, Nhà trường giao cho phòng Tài chính Kế toán xây dựng kế hoạch tài chính của Nhà trường báo cáo cơ quan chủ quản. Kế hoạch tài chính của Nhà trường được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động tài chính năm trước và dự báo thông tin của năm kế hoạch. Sau khi thảo luận số liệu dự toán giữa Nhà trường và cơ quan chủ quản, Nhà trường được phê duyệt và giao dự toán ngân sách để triển khai thực hiện **[H7.7.1.6]**.

Kế hoạch trung hạn và ngắn hạn được thể hiện qua các kế hoạch tài chính hàng năm, Kế hoạch tài chính dài hạn thể hiện qua Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường **[H7.7.1.1]**; chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch thực hiện chiến lược của Trường **[H7.7.1.2]**.

Căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được phê duyệt, Nhà trường thực hiện phân bổ kinh phí cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và giao cho các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Để thực hiện kế hoạch tài chính cho các hoạt động, Nhà trường đã xây dựng các công cụ để điều hành tài chính như Quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.7.1.3]**, Quy định hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán tài chính **[H7.7.1....]**

Cuối năm hoặc định kỳ, căn cứ vào kết quả thực hiện hoạt động tài chính, phòng Tài chính Kế toán xây dựng các báo cáo quyết toán tài chính [H7.7.1.7], Báo cáo tài chính tại hội nghị tổng kết năm học [H7.7.1.4], Báo cáo tài chính tại Hội nghị Cán bộ viên chức [H7.7.1.5]

Theo kế hoạch thẩm tra, kiểm tra, kiểm toán của nội bộ Nhà trường và cơ quan cấp trên, báo cáo quyết toán tài chính năm của Nhà trường sẽ được các đơn vị trong trường là Ban thanh tra nhân dân, phòng Thanh tra Pháp chế [H7.7.1.8] hoặc cơ quan kiểm toán, thanh tra thẩm tra và kết luận [H7.7.1.9], [H7.7.1.10].

Hàng năm, việc rà soát, cải tiến chính sách, hệ thống công cụ điều hành tài chính được thực hiện thông qua việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, kết quả đánh giá nội bộ, kết quả khảo sát của phòng Thanh tra pháp chế, Biên bản Hội nghị CBVC [H7.7.1....].

Thực hiện: Qua 5 năm thực hiện công tác tài chính, Nhà trường cũng khai thác đa dạng các nguồn thu, cơ cấu thu nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính để Trường phát triển bền vững. Trường đã chủ động đề tiến hành lập Đề án khai thác cơ sở vật chất trình UBND TP làm tiền đề cho việc lập kế hoạch tự chủ tài chính. Bên cạnh đó đã chú trọng thực hiện chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ và sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất với tỷ lệ tăng dần được thể hiện qua các năm như sau:

Kết quả thực hiện trong 5 năm qua được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 0.1 Các chỉ số tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ số tài chính	2015	2016	2017	2018	2019
<i>Tổng thu</i>	79.088	87.621	92.145	119.103	113.681
<i>Tổng chi</i>	72.434	79.247	85.140	103.453	108.681
<i>Chênh lệch thu chi</i>	6.654	8.374	7.005	15.650	5.000
<i>Thu nhập trung bình của CBGV</i>	86	92	91	104	108
<i>Học phí trung bình trên 1 SV</i>	6,5	7,3	8,0	8,8	9,7

Bảng 0.2 Cấu trúc nguồn chi

Cấu trúc nguồn chi	2015		2016		2017		2018		2019	
	% trong tổng thu	% trong tổng chi	% trong tổng thu	% trong tổng chi	% trong tổng thu	% trong tổng chi	% trong tổng thu	% trong tổng chi	% trong tổng thu	% trong tổng chi
<i>Cho nhân sự</i>	35,94	39,24	35,12	38,83	41,94	46,38	30,86	33,45	31,67	33,12
<i>Cho học bổng</i>	0,73	0,80	1,15	1,27	2,79	3,09	2,06	2,37	2,30	2,30

<i>Cho hoạt động chuyên môn</i>	22,84	24,94	20,96	23,18	43,09	47,64	31,70	36,49	26,39	27,60
<i>Cho NCKH</i>	0,57	0,62	0,62	0,68	1,78	1,97	1,31	1,51	1,32	1,38
<i>Cho mua sắm sửa chữa</i>	12,14	13,25	15,10	16,69	10,31	11,40	7,58	8,73	21,99	23,00
<i>Chi khác</i>	19,37	21,15	17,49	19,34	18,15	20,07	13,35	17,45	12,03	12,59

Bảng 0.3 Cấu trúc nguồn thu của nhà trường

Đơn vị: triệu đồng

Cấu trúc nguồn thu	2015	2016	2017	2018	2019
<i>Học phí và các loại phí khác</i>	22.643	17.231	7.741	14.979	8.000
<i>Từ ngân sách nhà nước</i>	48.638	60.141	66.338	63.436	88.681
<i>Từ các nguồn tài trợ viện trợ</i>					
<i>Từ các nguồn thu khác</i>	6.269	10.249	18.066	40.688	17.000

Bảng 0.4 Cấu trúc chi của nhà trường

Đơn vị: triệu đồng

Cấu trúc nguồn chi	2015	2016	2017	2018	2019
<i>Cho nhân sự</i>	28.421	30774	30.292	34.603	36.000
<i>Cho bổng sinh viên</i>	580	1.006	1.157	2.449	2.500
<i>Cho hoạt động chuyên môn</i>	18.063	18.367	8.290	37.755	30.000
<i>Cho nghiên cứu khoa học</i>	451	542	298	1.564	1.500
<i>Cho mua sắm sửa chữa</i>	9.599	13.229	4.540	9.033	25.000
<i>Các mục đích khác</i>	15.320	15.329	40.563	18.049	13.681

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

“Hiện đại hóa và hiệu quả hoá trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong công tác tài chính và quản trị thiết bị giáo dục. Đáp ứng ngày một tốt hơn cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính phù hợp với sự phát triển của nhà trường theo định hướng đại học đa ngành; ...” là mục tiêu chiến lược về cơ sở vật chất được Nhà trường.

Các bộ phận chủ trì thực hiện công tác CSVC và CSHT được nhà trường giao chủ trì là: Phòng Quản trị và Trung tâm TN, TN & TH được ban hành theo chức năng nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động và được giao nhiệm vụ cụ thể [H.7.7.2.1].

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Sau hơn 60 năm hình thành và phát triển, hiện Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sở hữu 3 cơ sở đào tạo tọa lạc tại khu vực trung tâm Tp. Hà Nội: (i) Cơ sở 1: Số 98, phố Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội (phòng học ký hiệu A1, A2, A3, A4). Đây là nơi làm việc của các văn phòng hành chính và là nơi học tập chính của SV (ii) Cơ sở 2: Thôn Đặc Tài, Xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội (phòng học ký hiệu B, C). Đây là cơ sở học tập với diện tích sàn sử dụng hơn 6.000 m², phòng học hiện đại đáp ứng nhu cầu người học với chất lượng tốt và gồm hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành – thí nghiệm khang trang, hiện đại. (iii) Cơ sở 3: Số 6, Phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bảng 7.2.1: Thống kê số lượng phòng thí nghiệm, phòng học, phòng thực hành toàn trường

Cơ sở Đào tạo	Tổng diện tích	Số phòng làm việc	Số phòng họp	Số hội trường lớn	Số phòng học	Số phòng TN, TH
Cơ sở 1	1.963	51	02	01	46	9
Cơ sở 2	6.043	07	02	01	29	12
Cơ sở 3	1.198	14	0	0	31	7

Cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy gồm: Phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm... đã được nhà trường đầu tư thích đáng để phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Về kế hoạch:

- Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025, trong đó có chiến lược CSVC và nguồn lực tài chính [H7.7.2.2];

- Chiến lược phát triển CSVC giai đoạn 2015-2020 được ban hành kèm theo quyết định phê duyệt của UBND Thành phố Hà Nội với định hướng phát triển chính là: (i) Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích trường lớp; (ii) Đầu tư trang thiết bị phục giảng dạy, học tập theo hướng đồng bộ.

- Hằng năm Nhà trường lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, -nâng cấp, mở rộng CSVC và CSHT mua sắm trang thiết bị để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H7.7.2.3].

- Hằng năm, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội lập kế hoạch, duyệt và sử dụng nguồn vốn từ nhà trường và các nguồn NSNN cấp đầu tư cho việc nâng cấp CSVC hạ tầng, mua

sắm mới vật tư trang thiết bị cũng như duy tu bảo trì các thiết bị hiện có. Quá trình lập kế hoạch, triển khai quản lý và vận hành CSVC và CSHT ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội gồm nội dung cơ bản như sau:

- ✓ *Quá trình lập kế hoạch cho công tác CSVC và CSHT được thực hiện thông qua 3 bước:*
- 1. Xây dựng kế hoạch hàng năm: Phòng Quản trị và Phòng Tài chính Kế toán ra thông báo các đơn vị trong toàn trường yêu cầu xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa, xây dựng và nâng cấp CSVC gửi về Phòng Quản trị và Phòng Tài chính Kế toán qua hệ thống email @daihocthudo.edu.vn.
- 2. Phòng Quản trị và Phòng Tài chính Kế toán tổng hợp, rà soát nhu cầu đầu tư mua sắm, nâng cấp và sửa chữa CSVC; Báo cáo BGH xem xét ký trình Sở Tài chính, UBND Thành phố Hà Nội hàng năm.
- 3. Sở Tài chính thẩm định và trình UBND TP Hà Nội phê duyệt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, nâng cấp CSVC cùng giá trị và nguồn vốn sử dụng.
- ✓ *Để đảm bảo chất lượng và tiến độ, việc triển khai thực hiện có sự phối hợp tốt giữa các đơn vị trong các công việc cụ thể sau:*

Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ CSVC và CSHT [H7.7.2.8].

Lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng và thực hiện hợp đồng [H7.7.2.9].

Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công việc thực hiện [H7.7.2.10].

Về kết quả thực hiện :

- Thực hiện kế hoạch trung hạn chiến lược phát triển CSVC nêu trên, trong giai đoạn 2015-2019 nhà trường thực hiện: Các dự án đầu tư xây dựng mở rộng CSVC mới [H7.7.2.4]; sáp nhập Trường Trung cấp kỹ thuật đa ngành Sóc Sơn vào trường, qua đó bổ sung thêm cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị và diện tích đất sử dụng tăng 6ha [H7.7.2.5].

- Các dự án đầu tư xây dựng và đầu tư trang thiết bị đã làm cho nhiều chỉ tiêu quan trọng về CSVC và cơ sở hạ tầng không ngừng được tăng thêm đáp ứng yêu cầu về CSVC giáo dục đại học theo chiến lược, cụ thể triển khai đề án *Xây dựng và triển khai hệ thống học liệu trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, trong đó có các hạng mục đầu tư trang thiết bị sản xuất bài giảng e-learning [H7.7.2.6].

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các dự án đầu tư được thực hiện chặt chẽ cùng quá trình kiểm tra đánh giá bởi các cơ quan cấp trên [H7.7.2.7]. Việc thực hiện kế hoạch phát triển CSVC đều tốt, đáp ứng yêu cầu về CSVC của nhà trường, đúng quy định của pháp luật.

Rà soát đánh giá:

- ✓ *Việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động CSVC và cơ sở hạ tầng được thực hiện định kỳ thường xuyên. Hàng năm các đơn vị đều rà soát về CSVC và CSHT phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H7.7.2.11]; Báo cáo giám sát đánh giá dự án đầu tư [H7.7.2.12] và kết quả kiểm kê thiết bị tài sản định kỳ hàng năm [H7.7.2.13]. đã thực hiện việc kiểm kê và đánh giá lại tài sản. Kế hoạch rà soát đường truyền internet, website.*

- ✓ Nhà trường cũng tiến hành đánh giá CSVC của tất cả các đơn vị trong trường thông qua đánh giá nội bộ (phiếu đánh giá nội bộ) Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức [H7.7.2.15]; Hội nghị SV [H7.7.2.16];

- Các kế hoạch về cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm của Trường ĐHTĐHN. Công tác quản lý CSVT và hạ tầng các phương tiện dạy học được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học đảm bảo vận hành hiệu quả. Việc quản lý, rà soát thiết bị, dụng cụ thực hành, thí nghiệm được thực hiện

- Trường ĐHTĐHN có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có sổ theo dõi, sổ tài sản, có phần mềm quản lý tài sản trong đó có theo dõi, cập nhập, đánh giá tài sản hàng năm. Sổ nhật ký thực hiện, kiểm tra định kỳ các thiết bị.

Công tác cải tiến được thực hiện thường xuyên như sau:

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH đều được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT, TT TN, TN&TH, Phòng Tài chính – Kế toán phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo về Ban Giám Hiệu, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Căn cứ vào nhu cầu thực tế đào tạo hàng năm trường đều có đầu tư tăng thêm và mở rộng cơ sở, đảm bảo có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Tại các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Bên cạnh đó, trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời.

Hiện nay, phòng QT là đơn vị có chức năng quản lý tổng thể các trang thiết bị của nhà trường, có nhiệm vụ xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng của Nhà trường, Trung tâm TN, TN &TH chịu trách nhiệm về trang thiết bị phục vụ dạy và học. Tại mỗi lớp học đều có thông tin và số điện thoại của tổ kỹ thuật Trung tâm TN TN, TH nên khi có sự cố xảy ra thì tổ kỹ thuật hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quá trình dạy và học được diễn ra liên tục. Có thể nói, các trang thiết bị của Nhà trường được đảm bảo về số lượng và chất lượng, được sử dụng có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Hiện tại, công tác đánh giá chất lượng CSVC, CSHT tại trường vẫn dựa chủ yếu theo đánh giá từ người sử dụng. Việc này sẽ dần được hiệu chỉnh trong những năm tới. Để nâng cao hiệu quả phục vụ, công tác tự đánh giá sẽ được đi vào thực chất hơn thông qua việc phân công rõ trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị có liên quan. Phòng Quản trị,

Trung tâm TN-TN-TH và Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm rà soát để điều chỉnh, hợp lý hóa các quy trình các công việc.

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCD).

Ứng dụng CNTT là một trong các yếu tố quan trọng để đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH, PVCD và quản lý của Nhà trường. Với quy mô trường lớp như hiện nay, Nhà trường phân công trách nhiệm quyền hạn của đội ngũ CB-NV phụ trách về CNTT thành 2 bộ phận: Bộ phận phụ trách phần cứng do Khoa CNTT phụ trách và bộ phận phụ trách phần cứng do Trung tâm TT, TN &TH phụ trách [H7.7.3.1].

Hàng năm, hàng tháng, P.QT và Trung tâm TN, TN &TH lập kế hoạch về công tác trang bị CSVC, trang thiết bị trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về phòng Tài Chính Kế toán để đáp ứng đầy đủ CSVC phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Tính đến nay, hệ thống phần cứng và phần mềm luôn có sẵn và đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và NCKH cho thầy và trò của Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội và cho bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả [H7.7.3.2].

Chi tiết hệ thống thông tin của trường ĐH Thủ đô Hà Nội được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 0.5 Hệ thống công nghệ thông tin của ĐH Thủ đô Hà Nội

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
1	Phòng Máy chủ [H7.7.3.3]	- Có 9 máy chủ, 3 tủ rack, 8 Switch, 2 Router, 1 firewall, hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung, 5 lưu điện, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy.
2	Phòng thực hành máy tính, Phòng LAB [H7.7.3.3]	- 07 phòng thực hành máy tính cho SV chuyên ngành kỹ thuật. - 04 phòng máy tính đào tạo tin học đại cương - 01 phòng thực hành cho SV chuyên ngành của Khoa Kinh tế và quản lý - 03 phòng thực hành ngoại ngữ. - 03 phòng LAB phục vụ nghiên cứu chuyên ngành CNTT
3	Hạ tầng mạng [H7.7.3.3]	- Trang bị tại tất cả các tòa nhà hành chính, giảng đường, ký túc xá được kết nối bằng sợi dây cáp quang thông qua các thiết bị Core Switch và Access Switch - Đường truyền internet: 03 đường truyền FTTH 100Mbps và

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
		01 đường truyền Leaseline 10Mbps.
4	Hệ thống bảo mật [H7.7.3.4]	Sử dụng firewall cứng và phần mềm diệt vi rút
5	Quyền truy cập [H7.7.3.5]	- Tài khoản email đối với CB, GV tên miền hnm.edu.vn của gmail. - Tài khoản email đối với SV, học viên tên miền trên nền gmail
6	Các phần mềm quản lý [H7.7.3.6]	- Cổng thông tin trường ĐH Thủ đô Hà Nội - Cổng thông tin đào tạo - Hệ thống điều hành tác nghiệp - Phần mềm Quản lý nhân sự - Phần mềm kế toán - Phần mềm quản lý tài sản - Hệ thống thư điện tử sử dụng hệ thống gmail với tên miền hnm.edu.vn - Phần mềm Quản lý thư viện ilib - Phần mềm thi trắc nghiệm của phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục - Hệ thống giao ban trực tuyến giữa cơ sở tại Hà nội và các cơ sở xa trường

Vì vậy, hệ thống luôn được lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng các nội dung được giao cho Trung tâm Thí nghiệm, thực nghiệm và thực hành thực hiện, cụ thể như sau:

- Chiến lược dài hạn được thực hiện chiến lược phát triển trường ĐH Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2015 – 2025 với mục tiêu phát triển nhanh CNTT trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sản xuất và hiện đại hóa công tác quản lý đáp ứng yêu cầu của một trường đại học tiên tiến trong khu vực [H7.7.3.7].
- Kế hoạch trung hạn được giao cho TT TN-TN-TH lập để đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành,

nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NKCH và phục vụ cộng đồng [H7.7.3.8].

- Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu TT TN-TN-TH phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện [H7.7.3.9].

Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn, nhà trường thường xuyên bố trí nguồn kinh phí đầu tư cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống mạng LAN, máy chủ, các phòng thực hành máy tính, các phòng LAB, các phần mềm phục vụ quản lý. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu.

Nhà trường có hệ thống tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các CB, GV và SV về hệ thống và sự cố, đồng thời có tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của hệ thống CNTT và CSHT mạng Bên cạnh sự kiểm tra thường xuyên của TTTNTNTH và tình trạng hoạt động của hệ thống, định kỳ 6 tháng/1 lần tiến hành tổng kiểm tra, rà soát mua bổ sung CSVC phục vụ dạy và học [H7.7.3.10].

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, TTTNTNTH đề xuất việc thực hiện cải tạo, cải tiến hệ thống nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hàng năm nhà trường Công tác kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành [H7.7.3.11].

Việc quản lý, vận hành các phòng thực hành máy tính và đảm bảo hệ thống mạng nội bộ cũng như internet được thực hiện khoa học, có sổ tài sản của từng phòng; hằng năm đều có báo cáo kiểm kê, đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị; đội ngũ chuyên viên thực hiện việc chuẩn bị sự hoạt động của các phòng thực hành theo thời khoá biểu toàn Trường; có sổ theo dõi sự vận hành để nắm bắt kịp thời tình trạng hoạt động của các thiết bị [H7.7.3.12]; trong quá trình hoạt động, thường xuyên báo cáo Nhà trường về hiện trạng để tìm cách khắc phục, sửa chữa hoặc điều chỉnh nhằm tăng hiệu suất hoạt động [H7.7.3.13]; có lịch bảo trì các thiết bị; Đội ngũ chuyên viên được phân công trực các phòng máy để kịp thời hỗ trợ GV và SV trong quá trình học tập, nghiên cứu [H7.7.3.14].

Kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ CNTT trong các năm gần đây được chi tiết ở bảng sau.

Bảng 0.6 Kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ CNTT

Năm	Hiện trạng	Cải tiến hạ tầng CNTT	Cải tiến dịch vụ CNTT
2013	Đường truyền Internet yếu, mạng LAN không dây yếu và không ổn định. Hạ tầng máy chủ chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của SV.	Tăng cường 3 máy chủ, cải thiện tính sẵn sàng của hệ thống máy chủ. Tăng cường đường truyền Internet Leaseline 60Mbps	Dịch vụ tên miền, Website trường và các Khoa, phòng ban, trung tâm tương đối ổn định. Xây dựng cổng thông tin đào tạo và công tác

Năm	Hiện trạng	Cải tiến hạ tầng CNTT	Cải tiến dịch vụ CNTT
	Dịch vụ E-mail triển khai tại trường không ổn định và nhiều thư rác.	Tăng cường 4 đường truyền Internet FTTH 48Mbps	HSSV.
2014	Công tác hỗ trợ giảng dạy còn yếu.		Triển khai hệ thống xác thực chứng chỉ số SSL. Triển khai hệ thống hỗ trợ công tác giảng dạy. Sử dụng email Office 365 của hãng Microsoft thay thế cho mail Exchange 2007
2015	Hệ thống mạng nội bộ bất cập, chưa phát huy hết hiệu suất.	Cân bằng tải các đường truyền Internet. Tái cấu trúc hệ thống mạng không dây, bổ sung một số thiết bị mạng không dây Outdoor. Cải thiện an ninh hệ thống mạng.	Triển khai phần mềm quản lý CB Tiếp tục phát triển hệ thống hỗ trợ công tác giảng dạy.
2016	Hệ thống mạng chưa tối ưu.	Bước đầu ảo hóa hệ thống máy chủ. Tái cấu trúc và phát triển mạng cục bộ không dây. Triển khai các phòng LAB nghiên cứu của khoa CNTT. Tiếp tục cải thiện hệ thống sao lưu dự phòng và an ninh mạng.	Tích hợp các dịch vụ CNTT sử dụng hệ thống xác thực tập trung.
2017	Website thiết kế từ năm 2011 còn hạn chế trên các thiết bị di động và tìm kiếm thông tin	Bổ sung thêm wifi tại các tòa nhà, giảng đường	Nâng cấp website nhà trường Xây dựng và hoàn thiện phần mềm thi đua khen thưởng tích học trong hệ thống điều hành tác nghiệp

Năm	Hiện trạng	Cải tiến hạ tầng CNTT	Cải tiến dịch vụ CNTT
2018	Một số thiết bị mạng đã cũ, hỏng làm ảnh hưởng đến tốc độ đường truyền.	Thay thế các thiết bị hỏng, bổ sung hệ thống thiết bị mới về máy tính, máy chủ, thiết bị mạng. Bổ sung máy tính cho các phòng học.	Nâng cấp đường truyền internet.

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Nhà trường đã thiết lập hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập. TT Thông tin - Thư viện được giao nhiệm vụ phát triển các nguồn lực học tập, quản lý và phục vụ bạn đọc một cách hiệu quả các nguồn tài liệu [H7.7.4.1] TT Thí nghiệm – Thực nghiệm Thực hành là đơn vị được giao nhiệm vụ đáp ứng, quản lý các thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các phòng học, giảng đường, đảm bảo các thiết bị giảng dạy hoạt động ổn định các thiết bị hỗ trợ giảng dạy [H7.7.4.2]

Căn cứ theo các văn bản chỉ đạo của nhà nước, của ngành: Luật Giáo dục đại học; Pháp lệnh Thư viện; Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học, Cao đẳng. Nhà trường đã thiết lập các quy định, quy chế quản lý, bảo trì và tăng cường nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.7.4.3]

Nhà trường đã xây dựng các chiến lược tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được vận hành [H7.7.4.1].

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kế hoạch mua bổ sung nguồn học liệu đã được đưa vào trong xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm của các đơn vị [H7.7.4.4].

Căn cứ Kế hoạch nhà trường đã thực hiện đầu tư mới trang thiết bị tự động hóa hoạt động thư viện trong chu kỳ 3 năm từ 2017-2020. Về tài nguyên thông tin, TT Thông tin - Thư viện được đầu tư đồng bộ với các trang thiết bị hiện đại. Nguồn học liệu trang bị đa dạng loại hình và luôn cập nhật trong đó sách in là 139.209 cuốn (sách quốc văn 95%, sách ngoại văn 5%) được chia thành sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành. Thư viện lưu trữ và phục vụ các dạng tài nguyên khác: Báo, tạp chí chuyên ngành 52 tên; Tài

liệu điện tử 1000 tên tài liệu; Tài liệu nghiên cứu khoa học từ cấp khoa đến cấp thành phố 1.000 cuốn của tất cả các ngành [H7.7.4.5]

Giáo trình sử dụng trong ĐH TĐHN được viết mới và in ấn bằng nguồn kinh phí thường xuyên [H7.7.4.6]. Đầu năm học, đầu mỗi học kỳ phòng quản trị, các khoa đào tạo kết hợp với TT Thí nghiệm Thực nghiệm Thực hành tổ chức in ấn và phân phối giáo trình, tài liệu đến từng SV, vào mỗi lớp học đáp ứng tài liệu mỗi môn học được đào tạo tại trường. Kết quả của công tác đổi mới giáo trình, tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào tổng kết năm học và phương hướng hoạt động hàng năm của Nhà trường [H7.7.4.7]. Công tác bổ sung tài liệu in, tài liệu số nội sinh để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học, mua bổ sung giáo trình cho những ngành học mới được đảm bảo [H7.7.4.8].

Nhà trường đã giao cho TT TN-TN-TH xây dựng và triển khai đề án học liệu điện tử phục vụ giảng dạy, học tập trong nhà trường.

Các tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên từ các nguồn kinh phí như: kinh phí thường xuyên, các dự án, nguồn tài trợ từ Quỹ Châu Á [H7.7.4.9], nộp lưu chiểu khóa luận, luận văn, luận án được bảo vệ tại trường, hoặc của cán bộ giảng viên nhà trường, các tài liệu tặng, biếu... [H7.7.4.10] Nguồn tài liệu tham khảo tiếng Anh được bổ sung thường xuyên thông qua mua bổ sung và nhận tài liệu từ các tổ chức như Quỹ Châu Á và các tổ chức nước ngoài [H7.7.4.11].

TT Thông tin – Thư viện là thành viên của Liên hiệp Thư viện đại học và cao đẳng khu vực phía Bắc [H7.7.4.12] Có quan hệ hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và hoạt động trong lĩnh vực thông tin thư viện; Liên hệ các nguồn sách tài trợ như Quỹ Châu Á, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hội Thư viện Việt Nam, Thường xuyên tham gia các hội thảo chuyên về thư viện với liên hiệp thư viện các trường Đại học và cao đẳng khu vực phía Bắc.

Cử cán bộ hỗ trợ bạn đọc sử dụng các nguồn tài nguyên điện tử, tổ chức tập huấn việc sử dụng và khai thác các nguồn học liệu số tăng hiệu quả sử dụng. Đã ký kết hợp tác chia sẻ tài nguyên số nội sinh cùng 26 Thư viện ĐH khác trong Liên chi hội Thư viện Đại học phía Bắc (NALA) [H7.7.4.13].

Bảng 7.4.1 số liệu đối sánh số liệu cơ sở vật chất và nguồn tài liệu Thư viện.

Tiêu chí	Tháng 12/2014	Tháng 3/2019	Các tác động can thiệp
Diện tích	1671 m ²	1453m ²	- 1/2017, do có sự sát nhập của Trường Trung cấp đa ngành Sóc Sơn vào Trường ĐH Thủ đô Hà Nội - Trường ĐH Thủ đô Hà Nội mở rộng quy mô, thành lập một số phòng, trung tâm mới nên công năng của Trung tâm Hỗ trợ Dạy - Học (trực thuộc Thư viện) chuyển sang đơn vị khác
Giáo trình	Tổng số đầu	Tổng số đầu sách:	- Tập trung các nguồn lực bổ sung tài

và các tài liệu phục vụ đào tạo khác	sách: 17.643 /135.517 cuốn	19.500 đầu sách/139.209 cuốn	liệu các mã ngành Đại học. - Theo sát yêu cầu đề xuất của bộ môn, theo chương trình đào tạo đảm bảo các tài liệu mua bổ sung đảm bảo đáp ứng yêu cầu.
Giáo trình và tài liệu phục vụ đào tạo đã được số hóa	200 đầu sách	1000 đầu sách http://thuvienso.daihochudo.edu.vn (Thư viện số ĐH Thủ đô Hà Nội); http://repository.vnu.edu.vn (Thư viện số tài liệu nội sinh dùng chung của Liên hiệp Thư viện các trường ĐH khu vực phía Bắc)	- Thực hiện chủ trương tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu dạng số toàn bộ nguồn tài liệu nội sinh của nhà trường (giáo trình, nghiên cứu khoa học cán bộ, giảng viên, sinh viên) bằng các hình thức như: số hóa, thu tài liệu dưới dạng số hóa. - Triển khai thư viện điện tử, tạo dựng các kết nối, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin với các TT Thông tin – Thư viện các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan thông tin đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Công tác bổ sung tài liệu giáo trình được thực hiện thường xuyên và liên tục. TT Thông tin – Thư viện đã phối hợp với các Khoa, các giảng viên để lựa chọn tài liệu bổ sung [H7.7.4.14]. Thư viện thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ người đọc, đề xuất mua tài liệu của các Khoa để lên danh mục bổ sung tài liệu từ các nguồn. Từ nguồn kinh phí hàng năm, Trung tâm- Thông tin Thư viện đã bổ sung được tên sách 1194 với 4767 bản sách; tính trung bình mỗi năm Thư viện bổ sung 300 tên sách với 1200 bản sách và hơn 50 đầu báo, tạp chí chuyên ngành. Những tạp chí chuyên ngành này đáp ứng đủ nhu cầu học tập và NCKH của các đối tượng bạn đọc Trường ĐH TĐHN. Như vậy, có thể thấy thư viện của Trường ĐH TĐHN có đầy đủ tài liệu tham khảo và sách giáo trình đáp ứng việc giảng dạy, học tập và NCKH của GV, SV, học viên cao học, tất cả các đối tượng bạn đọc trong Trường theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT.

Để phục vụ người dùng một cách có hiệu quả, TT Thông tin - Thư viện đã đề ra các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Các nguồn dữ liệu được thông báo bằng nhiều hình thức, được tổ chức tường minh dễ tìm, dễ thấy như ảnh giao diện web Thư viện, Hướng dẫn sử dụng thư viện [H7.7.4.15].

Để Quản lý và phục vụ nguồn tài liệu Thư viện đã sử dụng các chuẩn nghiệp vụ gồm: Sử dụng bảng phân loại UDC 19 lớp của Thư viện Quốc gia; Khổ mẫu biên mục MARC21; Quy tắc mô tả tài liệu ÍBD; Phần mềm quản lý thư viện điện tử Ilib [H7.7.4.16].

Thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.7.4.17]. Trường đã trang bị nhiều chủng loại trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ cho các hoạt động dạy, học và NCKH, đáp ứng yêu cầu của các CTĐT và ngành đào tạo. Các máy móc thiết bị được khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả

các đợt kiểm kê, kiểm tra hàng năm về cơ sở vật chất cho thấy tần suất khai thác trang thiết bị phục vụ dạy học và NCKH hàng năm tăng và có hiệu quả cao (nhất là các thiết bị thông dụng như: amly, micro, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu đa phương tiện...); có sự liên kết với các đơn vị trong Trường (Sinh – Hóa – Công nghệ môi trường) đối với trang thiết bị sử dụng chung. Trường có các qui định và hướng dẫn cho người dạy và người học về công tác quản lý và khai thác thiết bị sao cho an toàn, hiệu quả [H7.7.4.18]. Các thiết bị được bảo dưỡng định kì hàng năm, khi có hỏng hóc được cán bộ kĩ thuật trực ban đến khắc phục kịp thời. Năm 2016 tất cả các giảng đường đều được lắp máy chiếu, được trang bị loa; Các môn học đặc thù cần thực hành trên máy tính cũng đã được bố trí. Tất cả các giảng đường đều được đảm bảo điện chiếu sáng, quạt trần hoạt động tốt.

Việc rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện thường xuyên. Có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng về các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, báo cáo đánh giá hàng năm về kết quả khai thác nguồn học liệu trên trang Thư viện số Đại học thủ đô Hà Nội [H7.7.4.19].

Mô hình thư viện không ngừng đổi mới phương cách phục vụ: - Dùng kho mở, kho sách tự chọn theo yêu cầu; - Xu hướng ứng dụng tin học hóa hoạt động mượn trả tài liệu thư viện và kết nối liên thư viện. Thư viện nối mạng và liên kết khai thác tài liệu với các trường đại học khác, các trung tâm thông tin [<http://repository.vnu.edu.vn> Thư viện số tài liệu nội sinh dùng chung của Liên hiệp Thư viện các trường ĐH khu vực phía Bắc]. Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cập nhật tại cổng thông tin của trường ĐHTĐHN gồm hệ thống danh mục giáo trình, tài liệu, cập nhật bài giảng, hệ thống các thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu [H7.7.4.20].

Tỷ lệ độc giả đến thư viện tăng hàng năm, tần suất tải và tra cứu trên Website cũng tăng. Hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến SV về nguồn học liệu ở thư viện có đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và NCKH cũng như lịch hoạt động của thư viện. Kết quả trên 90% SV hài lòng cho thấy hệ thống nguồn học liệu cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện trường hầu như đáp ứng tốt cho nhu cầu bạn đọc trong trường [H7.7.4.21]

Bảng 7.4.2 *Thống kê kết quả khảo sát ý kiến SV về sự đáp ứng của nguồn học liệu và cơ sở vật chất trang thiết bị Thư viện*

Năm học	Nguồn học liệu		Cơ sở vật chất trang thiết bị thư viện	
	Chưa hài lòng	Hài lòng	Chưa hài lòng	Hài lòng
2016 – 2017	46 (4%)	1178 (96%)	186 (15%)	995 (85%)
2017 – 2018	114 (9%)	1152 (91%)	95 (7,5%)	1171 (92,5%)
2018 – 2019	135 (8,5%)	1447 (91,5%)	100 (6,3%)	1482 (93,7%)

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh trường. Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội đã có sự phân công chức năng, trách nhiệm tới các đơn vị trực thuộc Nhà trường về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và các nhu cầu tiếp cận của các cá nhân khuyết tật. Quản trị chịu trách nhiệm về môi trường, sự an toàn, vệ sinh công cộng, phòng cháy chữa cháy. Trạm Y tế chịu trách nhiệm về Các công tác về sức khỏe, y tế cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm và Công tác trợ giúp người khuyết tật [H7.7.5.1]

Nhà Trường đã ban hành các quy định, quy chế về đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn [H7.7.5.2].

Hàng năm, Theo các nhiệm vụ được phân công, các đơn vị triển khai lập kế hoạch thực hiện đầu tư về công tác môi trường, y tế, đảm bảo an toàn, an ninh tại các cơ sở và được triển khai hàng quý. Phòng Tài chính Kế toán cũng lập dự toán cho các hoạt động này theo kế hoạch năm học. [H7.7.5.3].

Công tác đảm bảo môi trường, cây xanh; vệ sinh công cộng; bảo vệ trật tự trị an, an toàn và phòng cháy & chữa cháy trong nhà trường: Sau khi có kế hoạch được phê duyệt, phòng Quản trị tiến hành thông báo, tổ chức xét lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu, kiểm tra giám sát các nhà thầu thực hiện cung cấp dịch vụ về làm vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải; về vệ sinh nạo vét toàn bộ hệ thống cống tiêu thoát nước nhà trường; về vệ sinh thau rửa bể chứa nước sinh hoạt; về chăm sóc cắt tỉa cây xanh định kỳ, chăm sóc vườn hoa cây cảnh; về dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự [H7.7.5.4]. Tham gia tích cực trong công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường trong nhà trường và ngoài xã hội còn có Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thành viên là sinh viên, hoạt động tình nguyện [H7.7.5.5].

Công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Trường có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ chức hoạt động của Trạm y tế trong trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản có liên quan. Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học. 100% cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên đều được Nhà trường mua Bảo hiểm y tế. Trạm y tế hoạt động từ 6h30 đến 17h00 hàng ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong suốt quá trình học tập, làm việc tại trường. Hàng năm, trạm Y tế thông báo, lựa chọn đơn vị và ký kết hợp đồng khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn trường. Chất lượng của các đợt khám sức khỏe định kỳ ngày càng nâng cao. Số lượng cán bộ, viên chức, giáo viên và sinh viên tham gia khám sức khỏe tại trường ngày càng đông đủ hơn [H7.7.5.6]. Thực hiện các công việc nhằm ứng phó, kiểm soát với các đợt dịch bệnh có thể xảy ra như sốt xuất huyết, dịch tả... trong nhà trường, trạm Y tế thực hiện biện pháp ngăn chặn như phun thuốc diệt muỗi, phát động các chiến dịch tổng vệ sinh công cộng trong khuôn viên nhà trường cũng như trong khu vực

xung quanh, tuyên truyền về phòng chống các dịch bệnh; phối hợp và thực hiện kế hoạch của cơ quan y tế cấp trên. Kịp thời xử lý các tình huống khi có dịch bệnh trong nhà trường, thực hiện công tác chăm sóc y tế cơ sở: khám và giải quyết các bệnh thông thường, cấp cứu sơ bộ trong những trường hợp cần thiết và theo khả năng của trạm Y tế. [H7.7.5.7]. Thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của quận, thành phố thực hiện công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin nhà trường [H7.7.5.8].

Về công tác đảm bảo an toàn cho SV, HS trong khuôn viên Trường: Trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Trường có đội bảo vệ an ninh trực tại trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể [hợp đồng bảo vệ,]. Ngoài lực lượng trên, nhà trường còn đầu tư những trang thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ, an ninh, trật tự như lắp đặt hệ thống camera tại thư viện, khu vực hành chính, ở cổng và sân trường để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường. Tại mỗi vị trí cầu thang có những bảng nội quy trường và thông báo nghiêm cấm hút thuốc lá trong toàn khuôn viên nhà trường và được treo ở các vị trí dễ nhìn để mọi người xem và thực hiện. Theo quy định chung, tại tất cả các phòng thí nghiệm, Phòng thực hành đều có các quy định về an toàn, vận hành [H7.7.5.9]. Ngoài ra, Nhà trường còn quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với chính quyền, cơ quan Công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực. Công tác an toàn, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được chú trọng cả hai khía cạnh là nhân sự, CSVC, trang thiết bị và tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của CB, GV và SV thông qua các đợt tập huấn về phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ; kiểm tra trang thiết bị, hệ thống chữa cháy. [H7.7.5.10].

Về vấn đề an toàn thực phẩm: Hiện nay trong khuôn viên nhà trường tại cơ sở 2 có nhà ăn phục vụ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên. Nhà ăn tại cơ sở 2 đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Cục vệ sinh an toàn thực phẩm.

Những đối tượng có nhu cầu chăm sóc đặc biệt (Khuyết tật tay chân, thuận tay trái, câm, điếc, tự kỷ,...). Nhà trường chưa thống kê số lượng và khảo sát nhu cầu, vì vậy chưa đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ như máy trợ thính, lối đi riêng, sắp xếp bàn ghế...

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Có bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định.

Sau khi nhà trường được nâng cấp lên thành trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển đã được thành lập. [H8.1.1.1] Năm 2016, nhà trường đã ban hành quyết định về cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc, trong

đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của ***Phòng Quản lý khoa học công nghệ - Hợp tác phát triển***. [H8.1.1.2]. Năm 2018, trước những thay đổi chủ quan và khách quan, nhà trường lại rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, ***Phòng Quản lý khoa học công nghệ - Hợp tác phát triển*** được quy định 02 bộ phận: Quản lý khoa học; Hợp tác phát triển. [H8.1.1.3] Phòng QLKHCN – HTPT có nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo Trường trong quản lý, tổ chức thực hiện công tác NCKH và hợp tác phát triển với các đơn vị trong và ngoài nước.

Bộ phận Hợp tác phát triển được hình thành gồm 03 thành viên gồm 01 phó phòng phụ trách HTPT và 02 chuyên viên. 100% cán bộ phụ trách công tác hợp tác phát triển có trình độ đại học, thông thạo ít nhất một trong các ngoại ngữ Anh, Nhật, Trung. Cùng với các hoạt động quản lý NCKH, bộ phận HTPT có nhiệm vụ tham mưu, xây dựng trình lãnh đạo Trường ban hành các văn bản theo thẩm quyền thuộc lĩnh vực hợp tác phát triển; làm đầu mối giúp lãnh đạo Trường tiếp nhận và xử lý thông tin về các vấn đề có liên quan đến hợp tác phát triển; đề xuất các mục tiêu, giải pháp về hợp tác phát triển của nhà trường (trong và ngoài nước); tham mưu, giúp việc lãnh đạo trường mở rộng hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước trong các lĩnh vực: đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng và trình lãnh đạo quyết định các kế hoạch đoàn ra, đoàn vào hằng năm của Trường; giải quyết các thủ tục, tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện. [H8.1.1.3]

Có văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại; có các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà Trường; có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước.

Các văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại bắt đầu được hình thành và định hình hoạt động đối ngoại của các đơn vị. Năm 2016, Quy định về hoạt động hợp tác phát triển của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được ban hành nhằm định hướng, tổ chức và phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của nhà trường. Các hoạt động hợp tác phát triển của trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã được quy định rõ, bao gồm việc xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, tổ chức đoàn vào, tổ chức quản lý đoàn ra; một số quy định về hợp tác quốc tế khác; hệ thống thông tin về hợp tác phát triển. Năm 2017, Nhà trường ban hành hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO, trong đó có các quy trình về lĩnh vực Hợp tác phát triển. Trong đó có quy trình đón tiếp khách quốc tế, trong nước; quy trình

làm thủ tục cho cán bộ, giảng viên đi công tác, học tập ở nước ngoài; quy trình tiếp nhận sinh viên nước ngoài; quy trình quản lý cán bộ ra nước ngoài vì việc riêng; quy trình ký kết hợp tác. Các quy trình đã thể hiện rõ phân cấp quản lý, tổ chức hoạt động hợp tác phát triển của nhà trường. [H8.1.1.4]; [H8.1.1.5].

Hàng năm, Trường ban hành định hướng, kế hoạch công tác hợp tác phát triển. [H8.1.2.1],[H8.1.2.2], [H8.1.2.3], [H8.1.2.4], [H8.1.2.5]. Để hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động HTPT cho các đơn vị trong toàn trường, Nhà trường cũng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn như: thông báo hướng dẫn tổ chức các hoạt động HTPT như: thúc đẩy kí kết hợp tác, tổ chức Festival Hán ngữ, tổ chức hội thảo, seminar quốc tế, hội thảo, triển khai các loại học bổng dành cho sinh viên và giảng viên hàng năm. Những thông tin về công tác hợp tác phát triển của nhà trường thường xuyên được cập nhật trên trang web tiếng Việt theo địa chỉ <http://hnmu.edu.vn/hop-tac-quoc-te/trang-2.html> và trang web tiếng Anh <http://hnmu.edu.vn/hop-tac-quoc-te.html>.

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Nhà trường đã triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại; thực hiện các thỏa thuận đã kí kết. Trên cơ sở các Bản ghi nhớ hợp tác (MOU) được ký kết, các hoạt động đối ngoại đã được triển khai nhằm thực hiện những thỏa thuận hợp tác. Nhà trường đã ký kết hợp tác với 8 đối tác nước ngoài [H08.02.3.1 đến H8.2.3.8] và 35 đối tác trong nước [H8.2.3.9 đến H8.2.3.45]. Hiện tại triển khai các hoạt động hợp tác trên cơ sở các văn bản ký kết cả về lĩnh vực giáo dục đào tạo và khoa học.

Bên cạnh các đối tác của Trường được triển khai các hoạt động theo sự quản lý của Ban giám hiệu, tại các cấp đơn vị cũng có các đơn vị liên kết, kí biên bản ghi nhớ mà Ban giám hiệu là đại diện nhưng giao quyền cho các khoa tự quản lý và có trách nhiệm báo cáo đều đặn với Ban giám hiệu tình hình hợp tác thông qua Phòng QLKH-CN-HTPT.

Có hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, người học với đối tác trong và ngoài nước. Nội dung ký kết MOU chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực: trao đổi giảng viên và sinh viên, hợp tác trong đào tạo và bồi dưỡng giảng viên, hợp tác trong NCKH và chuyển giao công nghệ, hợp tác trong trao đổi và giao lưu văn hóa.

Các hoạt động trao đổi sinh viên được triển khai đều đặn từ 6 lượt sinh viên (năm 2015 - 2016) đến 94 lượt sinh viên (năm 2017- 2018). Chi tiết trong tổng hợp báo cáo các đoàn ra và đoàn vào từ năm 2015 trở lại đây và các báo cáo hàng năm về các hoạt động đoàn ra, đoàn vào trong đó có hoạt động trao đổi sinh viên [H8.2.2.1 - H8.2.2.5]. Số lượng sinh viên ra nước ngoài học tập chủ yếu là chương trình thực hành Tiếng Trung

Quốc 1 năm, thực hành Tiếng Anh Thương mại, giao lưu văn hóa 1 năm tại 3 Trường: Học viện Sư phạm kỹ thuật Quảng Tây, Trường Hoa Văn – Côn Minh (Trung Quốc), trường ĐHCN Chihlee (Đài Loan, Trung Quốc). Đoàn sinh viên Đại học Công nghệ Chihlee sang học tập và giao lưu văn hóa với sinh viên ĐHTĐ Hà Nội vào tháng 7/2017.

Các hoạt động trao đổi giảng viên và học thuật chủ yếu tập trung vào các hoạt động giảng viên tham gia nhận các học bổng đi học tập ngắn hạn tại nước ngoài như: Israel, Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ, Bỉ, Pháp. Giảng viên ĐH Thủ đô Hà Nội cũng tham gia giảng dạy tại ĐHCN Chihlee, Học viện Sư phạm kỹ thuật Quảng Tây, Trung Quốc.

Có hoạt động NCKH với sự hợp tác của đối tác trong và ngoài nước.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội có 02 đề tài/ dự án KHCN liên kết với nước ngoài của 02 giảng viên trong trường tới từ các khoa Công nghệ môi trường và khoa Khoa học Tự nhiên.

Các hội thảo khoa học ở nước ngoài Trường ĐHTĐ Hà Nội cũng đã tổ chức 05 hội thảo và seminar có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài đến từ các trường ĐHTĐ Tokyo (Nhật Bản), Trung Quốc. Quốc tế có Hội thảo quốc tế vào tháng 01 năm 2019 thu hút sự tham gia của các chuyên gia quốc tế tới trình bày kết quả khoa học của mình và trao đổi học thuật. Trong nước có Hội thảo quốc gia được tổ chức vào các năm 2017, 2018, cũng được chào đón nhiều nhà khoa học tới từ các đơn vị giáo dục trên toàn quốc.

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Có báo cáo rà soát đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

Hoạt động rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên hàng năm thông qua các báo cáo định kì, thông qua các báo cáo hiệu quả hoạt động hợp tác với các đối tác Đài Loan, Trung Quốc, rà soát tổng hợp các hoạt động đoàn ra, đoàn vào từ năm 2015 – 2018 hay rà soát tình hình triển khai các nội dung ký kết MOU với các đối tác nước ngoài

Về các văn bản quy định, các quy trình và biểu mẫu làm việc, Nhà trường có những chỉ đạo để điều chỉnh, cập nhật thông tin theo những thay đổi của các văn bản quy định cho các hoạt động đối ngoại hợp tác phát triển của trường ĐHTĐ Hà Nội.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là trường đại học duy nhất của Thủ đô nên việc tuân thủ nghiêm túc những quy định, quy trình của các cấp quản lý là vô cùng quan trọng như gửi văn bản báo cáo định kì tới Sở Ngoại vụ, UBND Thành phố hay liên tục cập nhật những thay đổi trong quy trình làm việc của các cơ quan chức năng kể trên.

Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trong 3 năm gần đây, mạng lưới quan hệ đối ngoại được mở rộng hướng đến tầm nhìn chiến lược của Nhà trường “phần đầu trở thành một Trường Đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng có uy tín trong vùng và trong khu vực.

Có các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Trường có các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, được thể hiện qua Báo cáo kết quả hợp tác và định hướng hợp tác đối ngoại theo định kỳ (6 tháng 1 lần). Từ khi có các văn bản quy định, hướng dẫn tổ chức, hoạt động mở rộng các quan hệ đối ngoại của các đơn vị dần đi vào nề nếp, được thể hiện thông qua các báo cáo, kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển định kỳ 6 tháng một lần [H8.4.2.1 - H8.4.2.5], các kế hoạch đón đoàn vào, đưa đoàn ra và thu được nhiều kết quả bước đầu đáng được ghi nhận.

Đối với các biên bản đã ký kết, đơn vị quản lý luôn luôn cử chuyên viên theo dõi, bám sát, theo dõi cập nhật các điều khoản kí kết để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình chung.

Có cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược. Số lượng các đối tác tăng dần qua các năm [H8.4.2.1 - H8.4.2.5] và sự gia tăng số lượng các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác qua các năm. Những minh chứng cụ thể cho các hoạt động đối ngoại được phản ánh trong tin bài website Tiếng Việt và Tiếng Anh của Nhà trường.

Các chiến lược luôn được thực hiện đổi mới hàng năm thông qua Mục tiêu chất lượng của Trường và của đơn vị quản lý trực tiếp là phòng Quản lý khoa học công nghệ - Hợp tác phát triển. Phòng QLKH-CN-HTPT cử một chuyên viên chuyên trách về vấn đề ký kết, theo dõi, cập nhật tình hình chung để kịp thời bổ sung các điều khoản có lợi cho sinh viên và giảng viên của Nhà trường trong vấn đề hợp tác. Nếu cần thiết, Biên bản ghi nhớ có thể ký lại nếu các điều khoản và quyền lợi không còn phù hợp với xu thế hiện thời.

Tóm tắt các điểm mạnh: chỉ những điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất

- ✓ Nhà trường có chiến lược và chính sách phát triển hoạt động hợp tác phát triển thông qua quy chế, quy định.

- ✓ Nhà trường chú trọng và khuyến khích các cá nhân tập thể mở rộng quan hệ đối tác, tăng cường kết nối phát triển.
- ✓ Nhà trường có mạng lưới quan hệ hợp tác trong nước và ngoài nước, nhiều biên bản ghi nhớ, ký kết hợp tác được triển khai.
- ✓ Nhà trường triển khai hợp tác với nhiều đối tác trong các lĩnh vực khác nhau, trong đó có hợp tác với các trường sư phạm trong và ngoài nước, các nhà trường phổ thông trong hệ thống giáo dục công lập và ngoài công lập, các công ti liên quan đến các lĩnh vực đào tạo.
- ✓ Các công tác hợp tác đối ngoại thường xuyên được rà soát và không có vi phạm nào trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác.
- ✓ Nhà trường đã ký kết được thêm nhiều đối tác mới trong 5 năm qua, đặc biệt trong những năm 2017 - 2018, đồng thời chiến lược phát triển hợp tác đối ngoại được cập nhật và bổ sung trong quá trình thực hiện.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Bộ phận phụ trách hợp tác phát triển chưa phải là một bộ phận độc lập, cho nên nhiều công việc liên quan đến hợp tác phát triển còn liên quan đến hoạt động quản lí khoa học.
- ✓ Số lượng biên bản ghi nhớ và ký kết hợp tác tuy nhiều nhưng việc tổ chức thực hiện và triển khai chưa thực sự hiệu quả. Thời gian kí kết các bản ghi nhớ dồn dập vào khoảng thời gian kỉ niệm 60 năm truyền thống của trường nên không tránh được tính phong trào, hình thức.
- ✓ Một số đơn vị và cá nhân chưa thực hiện đầy đủ các quy định về hoạt động hợp tác phát triển, gây khó khăn cho công tác quản lí.
- ✓ Công tác rà soát các hợp tác với các đối tác đôi khi còn sơ sài và các biện pháp cải thiện chưa được thực hiện hiệu quả
- ✓ Các Quy chế, Quy định thay đổi rà soát và cập nhật, điều chỉnh thường xuyên cũng gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động đề thực hiện

Kiến nghị:

- Chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ phận Hợp tác phát triển trong nhà trường cần được nâng cao, ngoài yếu tố ngoại ngữ cần được nâng cao kỹ năng khác, như kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ năng tìm kiếm đối tác và thúc đẩy các lĩnh vực quan hệ với đối tác.
- Các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ cần được giám sát thực hiện một cách hiệu quả.

Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về hoạt động đối ngoại; các văn bản về hoạt động Hợp tác phát triển và quy trình thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực hợp tác phát triển 2017	Phòng QLKH – HTPT; Phòng TCCB	Từ 6/2018
2		• Thành lập một đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi và phát triển mạng lưới quan hệ • Xây dựng cơ chế thưởng – phạt đối với các cá nhân và đơn vị không thực hiện đầy đủ các quy định trong công tác hoạt động đối ngoại.	Phòng TCCB; Văn phòng	
3		• Tổ chức rà soát mạng lưới đối tác theo định kỳ • Đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác	Phòng HTQT, Các đơn vị có liên quan	

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	4

Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	4

TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí: 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Sau khi nhà trường được nâng cấp lên thành trường Đại học Thủ đô Hà Nội, năm 2015, nhà trường đã rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức bộ máy, chú trọng thiết lập hệ thống ĐBCL bên trong, bao gồm việc thành lập phòng Khảo thí – ĐBCLGD [H9.9.1.01], ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường, trong đó quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của phòng Khảo thí – ĐBCLGD [H9.9.1.02].

Ngoài ra, nhà trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL để tư vấn cho Hiệu trưởng về các nội dung, kế hoạch và phương pháp thực hiện các hoạt động ĐBCL, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H9.9.1.03]; Xây dựng mạng lưới các CBVC các đơn vị làm công tác ĐBCL, đứng đầu là Trưởng đơn vị và từ 1-2 CBVC của đơn vị đảm nhiệm [H9.9.1.04]. Tuy nhiên, đội ngũ ĐBCL tại các đơn vị thường xuyên có thay đổi nên hiệu quả hoạt động ĐBCL của các đơn vị chưa được đồng đều.

Để triển khai các hoạt động ĐBCL đáp ứng các mục tiêu chiến lược, nhà trường đã ban hành quy định về công tác ĐBCLGD, trong đó quy định rõ về trách nhiệm và trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị, đoàn thể trong nhà trường về công tác ĐBCL [H9.9.1.05]; Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện về các hoạt động ĐBCL (Sổ tay tự đánh giá CTĐT, Hướng dẫn lưu trữ thông tin, minh chứng...) để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và giám sát [H9.9.1.06]. Đặc biệt, để nâng cao hiệu quả của hoạt động ĐBCL trong nhà trường, năm 2016 nhà trường đã chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO 9001:2008, bao gồm MTCL, kế hoạch thực hiện MTCL và các quy trình làm việc [H9.9.1.07], hàng năm đều tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá nội bộ tất cả các hoạt động trong nhà trường theo đúng các yêu cầu của hệ thống [H9.9.1.08]. Tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng của nhà trường (bao gồm Chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng, Mục tiêu chất lượng và các quy trình làm việc) được rà soát, điều chỉnh và cải tiến thường xuyên cho phù hợp với bối cảnh của nhà trường và các yếu tố bên ngoài tác động đến các hoạt động của nhà trường [H9.9.1.09], đảm bảo nâng cao chất lượng toàn bộ các hoạt động của nhà trường.

Trong giai đoạn 2015-2020, đã có 100% cán bộ chuyên trách công tác ĐBCL (bao gồm 8 cán bộ của phòng Khảo thí – ĐBCLGD) và các CBVC thuộc mạng lưới ĐBCL của

các đơn vị trong nhà trường được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ các hoạt động ĐBCL do nhà trường hoặc Bộ/Ngành tổ chức [H9.9.1.10]. Đặc biệt nhà trường đã có nhiều cán bộ tham gia các khóa đào tạo Kiểm định viên KĐCLGD và đã được cấp chứng chỉ hoặc Thẻ kiểm định viên [H9.9.1.11].

Hàng năm, phòng Khảo thí – ĐBCLGD là đơn vị đầu mối về công tác ĐBCL của Trường, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động ĐBCL trong toàn trường theo kế hoạch [H9.9.1.12].

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Sau khi được nâng cấp thành trường Đại học TĐHN, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020, trong đó có nêu cụ thể về Kế hoạch chiến lược của các hoạt động trong Nhà trường, đặc biệt là công tác ĐBCL [H9.9.2.1]. Để thúc đẩy công tác ĐBCL, năm 2016, trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, phòng Khảo thí - ĐBCLGD đã tổ chức xây dựng Chiến lược về công tác ĐBCL [H9.9.2.2]; Hệ thống QL chất lượng theo mô hình ISO, trong đó bao gồm: Chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng và các quy trình làm việc [H9.9.2.3]. Trong kế hoạch chiến lược và Hệ thống QL chất lượng của nhà trường đều có thể hiện sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan và có đề cập đến tất cả các hoạt động của nhà trường, có chính sách ưu tiên thúc đẩy công tác ĐBCL và bồi dưỡng đội ngũ.

Hàng năm, căn cứ vào chiến lược ĐBCL, nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các hoạt động ĐBCLGD bao gồm: Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, về Chuẩn đầu ra, về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của nhà trường [H9.9.2.4]; Kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về ĐBCL để bồi dưỡng nhận thức và nghiệp vụ cho cán bộ về công tác ĐBCL [H9.9.2.5]; Kế hoạch tự đánh giá CTĐT [H9.9.2.6], Kế hoạch tự đánh giá Trường [H9.9.2.7]. Tuy nhiên, do nhà trường mới được nâng cấp lên Đại học nên nhà trường mới chỉ xây dựng kế hoạch tự đánh giá đối với 2/22 chương trình đào tạo trình độ Đại học hiện có.

Một số thông tin về ĐBCL (Sứ mạng, tầm nhìn, cơ cấu tổ chức, báo cáo tự đánh giá trường, kết quả khảo sát tình hình việc làm...) được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường để thông tin và lấy ý kiến phản hồi rộng rãi của các bên liên quan giúp nhà trường có sự kết nối rộng rãi với cộng đồng [H9.9.2.8].

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Căn cứ vào Kế hoạch chiến lược công tác ĐBCL của Nhà trường, Phòng Khảo thí – ĐBCLGD đã tham mưu cho Nhà trường và triển khai xây dựng và ban hành Quy định về công tác ĐBCLGD tới toàn thể các đơn vị trong Trường, trong đó quy định rõ về nội dung, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác ĐBCL của Nhà trường [H9.9.3.1].

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác ĐBCL, bao gồm: Xây dựng hoặc rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý chất lượng [H9.9.3.2], kế hoạch tự đánh giá CTĐT/Trường [H09.03.03], kế hoạch đánh giá nội bộ [H9.9.3.4], kế hoạch điều chỉnh CTĐT [H9.9.3.5], kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ [H9.9.3.6], kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H9.9.3.7], kế hoạch sử dụng và quản lý tài chính [H9.9.3.8]... Kế hoạch năm học các hoạt động của các đơn vị được Ban giám hiệu trường phê duyệt [H9.9.3.9] và được phổ biến cho toàn thể CBGV nhà trường thông qua các cuộc họp đơn vị hoặc tại các Hội nghị CBVC đơn vị, Hội nghị CBVC Trường [H9.9.3.10]. Tuy nhiên, hiện tại nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn về công tác ĐBCL; chưa có kế hoạch/báo cáo tổng thể chung cho tất cả các hoạt động ĐBCL trong nhà trường hàng năm để làm căn cứ xây dựng kế hoạch/giải pháp cải tiến tổng thể các hoạt động ĐBCL của nhà trường.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.

Nhà trường đã thành lập Văn phòng trường [H9.9.4.1], trong đó có bộ phận văn thư, có trách nhiệm quản lý và lưu trữ đầy đủ bản cứng các văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL [H9.9.4.2]. Ngoài ra, nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý hành chính điện tử để luân chuyển và phổ biến về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cho toàn thể cán bộ trong nhà trường biết và thực hiện [H9.9.4.3]. Trang thông tin điện tử của nhà trường cũng được sử dụng và khai thác cho việc phổ biến công khai các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL tới các đối tượng liên quan như người học, CBGV, các doanh nghiệp... [H9.9.4.4]. Ngoài ra, nhà trường còn phổ biến, hướng dẫn cho CBGV về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL thông qua các cuộc họp/tập huấn luyện/thông báo về việc triển khai hệ thống các quy định, quy trình làm việc của nhà trường [H9.9.4.5]

Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát và đánh giá các hoạt động ĐBCL để làm căn cứ cho việc đề ra các mục tiêu, kế hoạch và biện pháp cải tiến cho năm học tiếp theo [H9.9.4.6].

Cuối năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác ĐBCL để báo cáo và tổng kết các chỉ tiêu kế hoạch về công tác ĐBCL, cập nhật các văn bản mới liên quan đến công tác ĐBCL, thảo luận về thuận lợi và khó khăn trong công tác ĐBCL của nhà trường, đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm công tác ĐBCL cho năm học tới [H9.9.4.7].

Mặc dù Nhà trường đã xây dựng được Hệ thống QLCL theo mô hình ISO 9001:2008 để quy định rõ về công tác lưu trữ thông tin, văn bản phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động, tuy nhiên, Kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ của nhà trường chưa đạt chuẩn, chưa đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc quản lý, lưu trữ và truy cập.

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD

Căn cứ vào điều kiện và nhu cầu thực tế của Nhà trường và của xã hội, các chỉ tiêu phấn đấu chính được tất cả các đơn vị trực thuộc trường đưa vào kế hoạch năm học theo hướng dẫn chung [H9.9.5.1] và được cụ thể hóa bằng mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu theo mẫu chung thống nhất [H9.9.5.2]. Sau đó, Văn phòng trường tổng hợp

thành chỉ tiêu chung của Nhà trường, đưa vào định hướng năm học và được thông qua trong Hội nghị CBVC của Nhà trường để lấy ý kiến rộng rãi toàn thể CBGV Nhà trường trước khi phê duyệt và ban hành để thực hiện [H9.9.5.3], [H9.9.5.4]. Các chỉ tiêu phần đầu chính của Nhà trường đều được cụ thể hóa bằng những số liệu và nội dung cụ thể giúp đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL của nhà trường. Ngoài ra, để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của các đơn vị đoàn thể, phòng Khảo thí - ĐBCLGD đã tham mưu cho Nhà trường xây dựng phiếu đánh giá nội bộ các đơn vị bao gồm các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được phân công nhằm đáp ứng yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường và các quy chế, quy định liên quan [H9.9.5.5]. Kết thúc mỗi năm học, các chỉ số thực hiện chính được xác định bằng việc xây dựng báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng [H9.9.5.6], báo cáo tổng kết việc thực hiện kế hoạch năm học để đối sánh và đề ra chỉ tiêu phần đầu cho năm học tiếp theo [H9.9.5.7], báo cáo kết quả đánh giá nội bộ các đơn vị [H9.9.5.8].

Tuy nhiên, việc thiết lập các chỉ tiêu phần đầu chính trong mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường chưa dựa trên việc so chuẩn và đối sánh sâu rộng để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Đến thời điểm hiện tại, mặc dù nhà trường chưa xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng các mục tiêu chiến lược. Tuy nhiên, quá trình xây dựng kế hoạch các hoạt động hàng năm đều được xem xét, điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H9.9.6.1] và hướng dẫn các đơn vị thực hiện [H9.9.6.2], đảm bảo sự thống nhất trong toàn trường. Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá nội bộ [H9.9.6.3], nhà trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh/cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, các quy trình làm việc để đảm bảo thường xuyên hiệu lực, hiệu quả của hệ thống ĐBCL bên trong nhà trường [H9.9.6.4].

Hàng năm, Nhà trường đều căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng [H9.9.6.5], báo cáo tổng kết năm học [H9.9.6.6] và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động ĐBCL [H9.9.6.7] để điều chỉnh, cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL [H9.9.6.8].

Trong 3 năm gần đây, Nhà trường đã tổ chức tốt việc xây dựng MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL để xác lập các chỉ tiêu phần đầu trong năm học, tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động; chưa xây dựng bộ chỉ số KPIs nên chưa có điều chỉnh cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL các hoạt động.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường đã có bộ phận chuyên trách công tác ĐBCL với đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để triển khai các hoạt động ĐBCL của nhà trường; Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO, xây dựng hệ thống văn bản quy định và các hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL nhằm

hỗ trợ việc triển khai, kiểm tra, giám sát và cải tiến thường xuyên các hoạt động của nhà trường.

- ✓ Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược ĐBCLGD làm kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, nhà trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các hoạt động ĐBCL đảm bảo đáp ứng các mục tiêu chiến lược đã đề ra.
- ✓ Nhà trường đã ban hành và phổ biến, quán triệt cho toàn thể CBVC về chiến lược và kế hoạch thực hiện hàng năm các hoạt động ĐBCL của nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như, gửi thông báo trực tiếp đến các đơn vị, qua các Hội nghị CBVC của đơn vị và nhà trường, qua hệ thống thông tin điện tử của nhà trường...
- ✓ Nhà trường có bộ phận quản lý và lưu trữ đầy đủ bản cứng các văn bản liên quan đến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; có trang web và phần mềm quản lý hành chính điện tử để quản lý và phổ biến dưới dạng file ảnh các văn bản; có kế hoạch rà soát và đánh giá các hoạt động ĐBCL hàng năm, tổ chức các Hội nghị, tổ chức tập huấn để tổng kết, đánh giá và hướng dẫn thực hiện các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.
- ✓ Hàng năm, nhà trường đều xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học để đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu chính trong năm học nhằm đạt mục tiêu chiến lược về công tác ĐBCL; xây dựng báo cáo để đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động ĐBCL.
- ✓ Nhà trường có hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch năm học các hoạt động; có quy trình thiết lập mục tiêu chất lượng; hàng năm đều xây dựng và triển khai kế hoạch kế hoạch đánh giá nội bộ các hoạt động, kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Do nhân sự của các đơn vị trực thuộc trường có nhiều sự thay đổi nên đội ngũ cán bộ làm công tác ĐBCL tại các đơn vị thực hiện các hoạt động ĐBCL chưa đồng đều và chưa có hiệu quả cao.
- ✓ Do nhà trường mới được nâng cấp lên Đại học nên tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường mới chỉ xây dựng kế hoạch tự đánh giá đối với 2/22 chương trình đào tạo trình độ Đại học hiện có, chưa đáp ứng được mục tiêu chiến lược đã đặt ra.
- ✓ Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn về công tác ĐBCL; chưa có kế hoạch/báo cáo tổng thể hàng năm về công tác ĐBCL để làm căn cứ xây dựng kế hoạch/giải pháp cải tiến tổng thể các hoạt động ĐBCL của nhà trường.
- ✓ Hiện tại tài liệu, hồ sơ được bảo quản bằng hệ thống tủ sắt, đặt tại các Kho lưu trữ của nhà trường. Tuy nhiên, Kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ của nhà trường chưa đạt chuẩn, chưa đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc quản lý, lưu trữ và truy cập.
- ✓ Nhà trường chưa thực hiện việc so chuẩn, đối sánh trong việc xây dựng bộ chỉ số thực hiện chính (KPIs) và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL.
- ✓ Nhà trường chưa xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động; chưa xây dựng bộ chỉ số KPIs nên chưa có điều chỉnh cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL các hoạt động.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành QĐ xây dựng mạng lưới ĐBCL tại các đơn vị; tổ chức tập huấn và hướng dẫn cho đội ngũ CB ĐBCL tại các đơn vị hàng năm.	Phòng Khảo thí - ĐBCLGD	Năm học 2018-2019	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT	Hội đồng ĐBCL; Phòng Khảo thí - ĐBCLGD	Năm học 2018-2019, 2019-2020	
3	Khắc phục tồn tại 3	- Xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn về công tác ĐBCL; - Xây dựng kế hoạch/báo cáo tổng thể hàng năm về công tác ĐBCL.	Hội đồng ĐBCL; Phòng Khảo thí - ĐBCLGD	Năm học 2018-2019 Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 4	- Trang bị Kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ đạt chuẩn; - Phân cấp quản lý, bảo quản tài liệu, hồ sơ minh chứng.	Văn phòng trường	Năm học 2018-2019	
5	Khắc phục tồn tại 5	Xây dựng bộ chỉ số thực hiện chính (KPIs) của nhà trường dựa trên việc so chuẩn và đối sánh với các trường đa ngành theo định hướng ứng dụng	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị liên quan	Năm học 2018-2019	
6	Khắc phục tồn tại 6	Xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động, bộ chỉ số KPIs cho các hoạt động	Tổ xây dựng theo QĐ	Năm học 2018-2019	

		ĐBCL của nhà trường			
7	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, cải tiến hệ thống QLCL của nhà trường nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả; - Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách công tác ĐBCL bằng việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CB tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL và KĐCL.	Phòng Khảo thí - ĐBCLGD	Giai đoạn 2018-2020	
8	Phát huy điểm mạnh 2	- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược cho phù hợp với thực tiễn; - Bám sát kế hoạch chiến lược để xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động ĐBCL đáp ứng mục tiêu chiến lược.	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị trực thuộc Trường	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường các hình thức phổ biến, quán triệt cho toàn thể CBVC về chiến lược và kế hoạch thực hiện hàng năm các hoạt động ĐBCL của nhà trường.	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị trực thuộc Trường	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của nhà trường.	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị trực thuộc Trường	Hàng năm	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD	Hàng năm	

		về công tác ĐBCL.	và các đơn vị trực thuộc Trường		
12	Phát huy điểm mạnh 6	Duy trì công tác đánh giá nội bộ; xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học các hoạt động; rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường.	BGH và các đơn vị trực thuộc Trường	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	4
Tiêu chí 9.3	3
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	3

TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Sau khi được nâng cấp lên thành trường Đại học Thủ đô Hà Nội, nhà trường đã bắt đầu tiến hành xây dựng Chiến lược, kế hoạch ĐBCL ngắn hạn, trung hạn và chiến lược dài hạn nhằm đạt mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường, phấn đấu có thể đăng ký KĐCL cấp trường vào khoảng từ năm 2020-2021 và cấp chương trình từ năm 2020 trở đi [H10.01.01], [H10.01.02], [H10.01.03].

Hàng năm, nhà trường đều triển khai công tác Tự đánh giá nội bộ các hoạt động của Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo để chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài khi có đủ điều kiện [H10.01.04]. Nhà trường thành lập Hội đồng Tự đánh giá cấp trường, bộ phận ĐBCL của các đơn vị trực thuộc Trường, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên [H10.01.05], [H10.01.06].

Nhà trường đã tiến hành phổ biến Kế hoạch tự đánh giá nội bộ cho toàn thể CBGV, HSSV của Trường và các bên liên quan, tổ chức tập huấn công tác ĐBCL cho toàn bộ cán bộ thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường (chuyên viên phòng

KT-ĐBCLGD, Hội đồng Tự đánh giá, Hội đồng ĐBCL giáo dục, lãnh đạo các đơn vị, cán bộ thực hiện công tác ĐBCL của các đơn vị) [H10.01.07], tổ chức 01 cuộc Hội thảo về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục [H10.01.08].

Nhà trường đã ban hành Sổ tay Tự đánh giá cơ sở giáo dục và tự đánh giá CTĐT [H10.01.09], ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO 9001: 2008 bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng và các quy trình làm việc [H10.01.10].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá các CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Từ năm học 2016-2017, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá hai CTĐT là ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và Giáo dục Tiểu học [H10.01.11]. Năm học 2018-2019, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá thêm CTĐT ngành Tâm lý giáo dục [H10.01.12], tiến tới đánh giá ngoài 03 CTĐT trên vào tháng 12 năm 2019.

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Từ năm học 2015-2016, Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện Tự đánh giá định kỳ 01 lần/năm học, và đều có Báo cáo Tự đánh giá gửi Trung tâm Khảo thí - ĐBCLGD của Bộ GD&ĐT [H10.02.01].

Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí - ĐBCLGD là bộ phận chuyên trách về đảm bảo chất lượng giáo dục [H10.02.02]. Số lượng và chất lượng đội ngũ chuyên trách về Đảm bảo chất lượng giáo dục ngày càng được gia tăng, cụ thể:

Năm học	Tổng số	Giới tính		Phân loại		Trình độ chuyên môn		
		Nam	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân
2013-2014	3	2	1	1	2		1	2
2014-2015	4	2	2	4	0		2	2
2015-2016	5	3	2	5	0		2	3
2016-2017	7	2	5	6	1	1	4	2
2017-2018	8	2	6	7	1	1	4	3
2018-2019	8	2	6	7	1	1	4	3

Để tạo nguồn cán bộ làm nòng cốt, hạt nhân cho công tác tự đánh giá, Nhà trường đã cử các cán bộ phụ trách công tác Tự đánh giá của phòng Khảo thí - ĐBCLGD tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD của Bộ GD&ĐT, của AUN [H10.02.03]. Trường đã có 04 cán bộ được cấp Chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp năm 2015 và 2016; 03 cán bộ được cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, có 01 chuyên viên có bằng Thạc sĩ đo lường và đánh giá chất lượng trong giáo dục [H10.02.04].

Công tác Tự đánh giá được thực hiện bởi Hội đồng Tự đánh giá cấp Trường và hệ thống các cán bộ làm công tác ĐBCL ở các đơn vị trực thuộc Trường. Hội đồng Tự đánh giá cấp trường có đủ các thành phần theo quy định và có sự tham gia của các cán bộ lãnh đạo, giảng viên có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu và quản lý giáo dục đại học [H10.01.05], [H10.01.06]. 100% các cán bộ làm công tác ĐBCL được tham gia tập huấn về ĐBCLGD [H10.02.05].

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Hàng năm, nhà trường đều triển khai công tác Tự đánh giá và tổng hợp thành Báo cáo Tự đánh giá cấp trường theo đúng quy định, trong đó phân tích rõ các điểm mạnh cũng như chỉ ra những tồn tại của các lĩnh vực hoạt động trong Trường, có kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại đã phát hiện qua quá trình tự đánh giá [H10.03.01], [H10.02.01].

Tuy nhiên, những năm học trước, nhà trường giao cho bộ phận chuyên trách thực hiện tất cả các nhiệm vụ về đảm bảo chất lượng giáo dục từ thu thập, sắp xếp minh chứng, xử lý dữ liệu đến viết báo cáo tự đánh giá cho nên các hoạt động này vẫn ít nhiều mang tính hình thức, kết quả tự đánh giá tất cả các tiêu chí đều được đánh giá đạt yêu cầu với những nhận xét tích cực, chưa phản ánh đúng thực trạng của nhà trường, thiên về nêu thành tích mà ít chỉ ra những điểm hạn chế, những tồn tại của nhà trường. Chưa chú trọng việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động theo tiến độ thời gian để liên tục duy trì, cải tiến chất lượng giáo dục. Một số kế hoạch hành động chưa thực sự khả thi. Chưa có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá.

Từ năm học 2017-2018, nhà trường đã đổi mới công tác ĐBCLGD, thiết lập và hoàn thiện hệ thống ĐBCL đồng bộ (thành lập Hội đồng TĐG cấp trường và hệ thống cán bộ ĐBCL tại các đơn vị), bước đầu khai thác được vai trò của Hội đồng Tự đánh giá. Hội đồng Tự đánh giá làm việc theo kế hoạch, có báo cáo tiến độ theo từng tuần.

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá theo quy định tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học [H10.04.01]. Kế hoạch Tự đánh giá, phân công trách nhiệm trong Hội đồng Tự đánh giá, các bước thực hiện, cách thức thực hiện đều được rà soát thay đổi cho phù hợp với thực tế của nhà trường và những thay đổi trong quy định tự đánh giá mới ban hành [H10.04.02].

Quy trình tự đánh giá của Trường được cải tiến đáp ứng đúng quy định về Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học từ việc lập kế hoạch tự đánh giá, thực hiện tự đánh giá, thu thập minh chứng, phân tích và viết Dự thảo Báo cáo tự đánh giá, cho đến việc kiểm tra rà soát đánh giá Dự thảo Báo cáo tự đánh giá, thu thập, xử lý thông tin phản hồi, để hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá, qua đó cải tiến công tác ĐBCL của Trường [H10.01.04], [H10.01.06].

Tóm tắt các điểm mạnh: chỉ những điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất

- ✓ Ngay sau khi được nâng cấp thành trường đại học vào tháng 12 năm 2014, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tự đánh giá nội bộ các hoạt động của Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2017-2018, Trường là một trong những cơ sở giáo dục đầu tiên xây dựng Kế hoạch Tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BDGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học mới ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.
- ✓ Công tác Tự đánh giá nội bộ của Trường được thực hiện định kỳ từng năm học, và được thực hiện bởi các cán bộ chuyên trách đã được đào tạo, tập huấn đầy đủ theo quy định. Năm học 2017-2018, nhà trường là một trong những cơ sở giáo dục đại học đầu tiên đã tổ chức tập huấn cho toàn bộ thành viên Hội đồng tự đánh giá cấp trường các quy định mới nhất về công tác Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học theo Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học ban hành ngày 20/4/2018 của Cục trưởng Cục quản lý Chất lượng.
- ✓ Năm học 2017-2018 là năm học đầu tiên nhà trường triển khai công tác ĐBCL đồng bộ từ Hội đồng Tự đánh giá cấp trường đến các bộ phận ĐBCL của các đơn vị đúng theo Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 về hướng dẫn tự đánh giá.
- ✓ Cơ sở giáo dục đại học của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng, bước đầu phát huy được vai trò của các thành viên tham gia công tác ĐBCL.
- ✓ Ngay khi được nâng cấp thành trường đại học, nhà trường đã chủ động xây dựng Kế hoạch tự đánh giá, hàng năm đều có sự điều chỉnh, thay đổi sao cho phù hợp với thực tế của trường và quy định chung về công tác ĐBCL của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Do mới nâng cấp thành trường đại học, nên Nhà trường mới đang trong quá trình xây dựng Chiến lược ĐBCL giáo dục, chưa chính thức ban hành Chiến lược ĐBCL, kế hoạch ĐBCL ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Trường.
 - Các CTĐT của Trường đã được tiến hành tự đánh giá còn ít, chưa có mã ngành đào tạo được đánh giá ngoài do chưa chuẩn bị đủ điều kiện theo quy định.
- ✓ Việc phổ biến Kế hoạch tự đánh giá nội bộ cho các bên liên quan như HSSV và các đơn vị tuyển dụng lao động còn chưa hiệu quả.
- ✓ Đội ngũ nhân lực ĐBCLGD của Trường chưa được đào tạo chuyên sâu về đo lường và đánh giá trong giáo dục; Vì vậy chưa cải thiện được cơ bản tình trạng ”chuyên trách mà không chuyên nghiệp”. Đội ngũ cán bộ chuyên trách chủ yếu là

cán bộ trẻ hoặc mới điều chuyển, chưa có kinh nghiệm về ĐBCLGD, lại phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên có ít điều kiện để tham dự tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Chuyên gia về ĐBCLGD trong trường còn ít do vậy các hoạt động ĐBCLGD mới chỉ dừng ở mức độ tự phát, nhỏ lẻ, chưa mang tính khoa học và hệ thống. Nhận thức của một số cán bộ giảng viên về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục chưa đầy đủ và chính xác, chưa quan tâm và chưa xác định rõ trách nhiệm của cá nhân cũng như của đơn vị trong hoạt động này.

- ✓ Các Báo cáo Tự đánh giá của các năm học trước còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đúng thực trạng của nhà trường, thiên về nêu thành tích mà ít chỉ ra những điểm hạn chế, những tồn tại của nhà trường, một số kế hoạch hành động chưa thực sự khả thi. Chưa có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá.
- ✓ Việc rà soát, đánh giá quy trình tự đánh giá chủ yếu do phòng Khảo thí - ĐBCLGD phụ trách, chưa được thực hiện ở quy mô toàn trường. Trường chưa thực hiện lấy ý kiến góp ý của cán bộ giảng viên toàn trường và các bên liên quan về công tác tự đánh giá.

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	- Ban hành Chiến lược ĐBCL, kế hoạch ĐBCL của Trường - Xây dựng kế hoạch tự đánh giá CTĐT các mã ngành đào tạo hệ đại học của Trường - Xây dựng Kế hoạch đánh giá ngoài các CTĐT; - Phổ biến sâu rộng và hiệu quả Kế hoạch tự đánh giá của Trường tới toàn thể CBGV, HSSV và các bên liên quan. - Xây dựng Chiến lược đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên trách công tác	Phòng KT-ĐBCLGD Phòng KT-ĐBCLGD, các khoa đào tạo Phòng KT-ĐBCLG; các khoa đào tạo Các phòng chức năng; các khoa đào tạo Phòng KT-	Năm học 2018-2019 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2018-2019	

	ĐBCL; - Bổ sung nhân lực cho phòng KT-ĐBCLGD để đảm bảo cán bộ chuyên trách ĐBCL không phải kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác, có đủ thời gian tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cũng như giảng viên, chuyên viên, cán bộ trong toàn trường về công tác ĐBCL qua các buổi hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng, tham quan học hỏi kinh nghiệm, phát thanh, cung cấp tài liệu... giúp hình thành những nhận thức đúng đắn về công tác ĐBCLGD; - Thiết lập nhóm chuyên gia đảm bảo chất lượng của trường ĐH Thủ đô Hà Nội. - Tiến hành xây dựng Báo cáo Tự đánh giá chú trọng đánh giá thực chất thực trạng của nhà trường, vạch ra kế hoạch hành động thực sự khả thi. - Tăng cường đánh giá, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hành động khắc phục các hạn chế; tổng hợp viết báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động sau tự đánh giá. - Tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá trong toàn trường; - Tổ chức lấy ý kiến góp ý về việc tự đánh giá đối với toàn thể CBGV trong trường và các bên liên quan	ĐBCLGD Phòng Tổ chức cán bộ, phòng KT-ĐBCLGD Phòng KT-ĐBCLGD, các đơn vị trực thuộc trường Phòng KT-ĐBCLGD Hội đồng Tự đánh giá cấp Trường Phòng KT-ĐBCLGD, các đơn vị trực thuộc Phòng KT-ĐBCLGD, các đơn vị trực thuộc trường Phòng KT-ĐBCLGD	Năm học 2017-2018 và các năm học tiếp theo Năm học 2017-2018 và các năm học tiếp theo Năm học 2017-2018 Năm học 2017-2018 và các năm học tiếp theo Năm học 2018-2019 và các năm học tiếp theo Năm học 2018-2019	
--	---	---	---	--

	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục xây dựng Kế hoạch tự đánh giá nội bộ từng năm học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện theo quy định để tiến hành đánh giá ngoài vào khoảng năm 2020-2021 - Thống nhất cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ phận, khuyến khích, tạo động lực cho các cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động ĐBCLGD thông qua Quy chế hoạt động của hệ thống ĐBCLGD và các hình thức khen thưởng, kỷ luật thường niên; - Xây dựng chính sách đại ngộ cho đội ngũ tham gia công tác ĐBCLGD. - Tiếp tục phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm của Hội đồng TĐG, các cán bộ ĐBCL của các đơn vị - Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá sao cho hiệu quả, thiết thực để chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	Phòng KT-ĐBCLG Phòng Tổ chức cán bộ, Văn phòng Trường, phòng KT-ĐBCLGD Phòng KT-ĐBCLGD; Hội đồng TĐG cấp trường; các cán bộ ĐBCL Phòng KT-ĐBCLGD, các đơn vị trực thuộc trường	Năm học 2018-2019 Năm học 2018-2019 Năm học 2018-2019 và các năm học tiếp theo Năm học 2018-2019	
--	--------------------	---	---	---	--

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí	
	Tiêu chí	Điểm
	10.1	3
	10.2	4
	10.3	3
	10.4	4

TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Nhà trường thiết lập kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống ĐBCL **[H11.11.01.01]**. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được Nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin: Các cuộc họp giao ban trực tuyến; Các buổi chào cờ vào thứ 2 tuần đầu tiên của tháng; Hệ thống văn bản hành chính; Website của Nhà trường; Hệ thống hộp thư điện tử của các đơn vị; Hệ thống email cá nhân **[H11.11.01.02]**.

Nhà trường xây dựng và ban hành hệ thống các Quy định thực hiện các hoạt động của trường dựa trên những văn bản quy định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Ủy Ban Thành phố Hà Nội để đảm bảo cho quá trình hoạt động của Nhà trường đạt hiệu quả **[H11.11.01.03]**. Bên cạnh đó, nhà trường còn xây dựng Hệ thống các quy trình làm việc theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008, theo đó các đơn vị chức năng trong trường xây dựng các quy trình làm việc do đơn vị phụ trách, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục xem xét và tổng hợp trình Ban Giám hiệu phê duyệt và Ban hành để đảm bảo các đơn vị hoạt động thống nhất **[H11.11.01.04]**. Để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường thiết lập hệ thống các văn bản về đào tạo, NCKH, quản lý SV; xây dựng các quy trình, quy định rõ ràng nhằm hướng dẫn và quản lý người học, thông tin các chủ trương chính sách đến người học, hướng dẫn người học thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian học tập tại trường **[H11.11.01.05]**. Về công tác giảng dạy, Nhà trường có quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế chi tiêu nội bộ... **[H11.11.01.06]**. Về NCKH, Nhà trường cũng đã xây dựng các quy trình, quy định, biểu mẫu rõ ràng nhằm phát huy kết quả NCKH, phân bổ nguồn kinh phí dành cho NCKH hợp lý, quy định rõ ràng về các quyền lợi và nghĩa vụ của GV và SV khi tham gia NCKH nhằm giúp thúc đẩy hoạt động NCKH của trường **[H11.11.01.07]**. Các hoạt động PVCĐ chủ yếu được chuyển tải đến các đối tượng là SV và được Đoàn thanh niên, Phòng Công tác HSSV phối hợp với Liên chi đoàn các khoa thực hiện qua hệ thống văn bản của Trường **[H11.11.01.08]**.

Văn phòng trường là đơn vị tiếp nhận thông tin, xử lý và chuyển thông tin đến các bên liên quan trong và ngoài Trường. Tại các đơn vị, có hệ thống quản lý văn bản đi đến của đơn vị **[H11.11.01.09]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCLGD, Trung tâm NC-PTNN, Phòng Thanh tra - PC tổ chức các loại khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát ý kiến SV về chất lượng đào tạo; Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp; Khảo sát ý kiến của NTD, cựu SV về CTĐT và CĐR. Các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan này được các đơn vị triển khai thu thập dữ liệu, xử lý, viết báo cáo và chuyển đến các bên liên quan trong Trường thông qua các báo cáo tổng hợp **[H11.11.01.10]**.

Ngoài ra, trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, Nhà trường đã sử dụng các phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD cụ thể là các phần mềm Hành chính điện tử, phần mềm quản lý cán bộ, phần mềm Kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý thư viện và nâng cấp Website **[H11.11.01.11]**. Để triển khai phương án này, Nhà trường giao cho

Trung tâm Thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành có trách nhiệm: Hỗ trợ việc quản lý CNTT tại các cơ sở trong Trường; Tham mưu về ứng dụng CNTT trong quản lý và đào tạo; Giúp quản lý và điều hành các lĩnh vực thuộc CNTT trong Nhà trường [H11.11.01.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định cho mọi hoạt động trong Trường và chuyển tải thông tin đến các bên liên quan kịp thời [H11.11.02.01].

Nhằm đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn hệ thống trao đổi thông tin, đồng thời thông tin phải được phân tích, đảm bảo tính chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng Hệ thống các quy trình làm việc. Theo đó, tất cả các tài liệu, hồ sơ của hệ thống quản lý chất lượng đều có tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét và phê duyệt trước khi ban hành, tình trạng thay đổi tài liệu...[H11.11.01.04]. **Đối với Hệ thống các quy trình làm việc của trường, Nhà trường giao cho đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí – ĐBCLGD** có trách nhiệm phân loại, xử lý, sắp xếp, đánh mã số để dễ quản lý và thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng. Hồ sơ chất lượng được nêu rõ nơi lưu giữ, thời hạn lưu giữ và phương pháp hủy bỏ và nhận biết khi quá hạn. Việc thay thế, sửa đổi các tài liệu được biên soạn, xem xét, rà soát thường xuyên và được Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Khảo thí - ĐBCLGD chịu trách nhiệm cập nhật vào danh mục tài liệu nội bộ, nhân bản (photo), đóng dấu thích hợp và tiến hành phổ biến đến người sử dụng [H11.11.02.02]. Hệ thống này được nhà trường công khai trên website để mọi cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường được biết và thuận tiện khi sử dụng[H11.11.02.03]. Để thuận tiện cho sinh viên đăng ký tín chỉ, nắm bắt thông tin tình hình học tập và NCKH Nhà trường đã trang bị hệ thống mạng Internet, hệ thống Wifi và nâng cấp Website Trường giúp cho CB-GV-NV và SV có thể tiện lợi truy cập Internet và sử dụng tài nguyên CNTT vào hoạt động dạy và học cũng như công tác quản lý, NCKH và PVCĐ [H11.11.02.04]. Bên cạnh đó, nhà trường còn có hệ thống wifi tốc độ cao phục vụ cho dạy và học trực tuyến (E-Learning) [H11.11.02.04].

Để đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu trong hoạt động Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi, Nhà trường tăng cường ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến các bên liên quan [H11.11.02.05]. Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, Khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo được tiến hành thông qua Công thông tin đào tạo lấy ý kiến online sau khi kết thúc học phần, sau khi Phòng Khảo thí – ĐBCLGD, xử lý dữ liệu, tổng hợp kết quả, viết báo cáo gửi đến từng Khoa, phổ biến tới từng GV, Ban Giám hiệu, Ban thi đua khen thưởng và trường các Khoa đào tạo biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Ban Giám hiệu và các đơn vị liên quan sẽ sử dụng kết quả khảo sát này để có kế hoạch phân tiết

giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm... [H11.11.02.06]. **Đặc biệt để đổi mới các thủ tục hành chính trong trường, hằng năm nhà trường còn tiến hành khảo sát online về công tác cải cách thủ tục hành chính để điều chỉnh cải tiến thủ tục hành chính trong nhà trường và lấy ý kiến về cán bộ đăng ký danh hiệu thi đua, cán bộ quản lý.** Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, Ban Giám hiệu trường và trưởng các khoa nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR... [H11.11.02.07]. **Phòng Khảo thí -ĐBCL** còn tiến hành tổng hợp, phân tích kết quả so sánh kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan của các khoa và phân tích nguyên nhân và kết quả, góp phần cung cấp thêm thông tin giúp Nhà trường có biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động các mặt công tác từ đó tư vấn cho lãnh đạo Nhà trường có các biện pháp ra các quyết định quản lý hợp lý và kịp thời [H11.11.02.08].

Các thông tin về Nhà trường, về đào tạo như: CTĐT, đề cương môn học, đăng ký học phần, TKB, lịch thi, kết quả học tập rèn luyện... cũng như các thông tin về NCKH và PVCD luôn có sẵn và được cung cấp kịp thời cho người học và các bên liên quan khác qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tất cả các thông tin về ĐBCL bên trong Nhà trường bao gồm các thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp (các kết quả phân tích dữ liệu) đều được ban hành và tổ chức lưu trữ theo đúng các quy định hành chính của Nhà nước, phù hợp, chính xác và luôn sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, đồng thời hỗ trợ cho việc ra các quyết định giúp cho việc điều hành và quản lý của Nhà trường thuận lợi và hiệu quả [H11.11.02.09]. **Bên cạnh việc Triển khai xây dựng phần mềm phục vụ hoạt động dạy học, NCKH riêng của nhà trường,** nhà trường đã đầu tư mua những phần mềm quản lý, phục vụ việc dạy và học như Macman. Đây là kênh quản lý SV của nhà trường đồng thời còn giúp SV có thể cập nhật thông tin liên quan học vụ, đăng ký môn học, TKB, điểm thi...[H11.11.01.13].

Nhà trường còn xây dựng hệ thống thông tin dự phòng đáng tin cậy và hiệu quả. Để tránh mất mát dữ liệu thông tin, tất cả các đơn vị trong Trường đều phải có cơ chế sao lưu dữ liệu. Mỗi đơn vị đều trang bị ít nhất một ổ cứng rời với dung lượng lớn (trên 1T). Phân người cập nhật, lưu giữ thông tin để đảm bảo thông tin dữ liệu luôn sẵn sàng để sử dụng. Đối với các phần mềm chuyên dụng như Macman, trang tin nội bộ, phần mềm tính thù lao giảng dạy, khảo sát ý kiến các bên liên quan, thi trắc nghiệm trên máy, ... Nhà trường cấp quyền sử dụng (admin) cho từng đối tượng (quản lý, người dùng, ...) để đảm bảo tính bảo mật an toàn dữ liệu [H11.11.02.10]. Các thông tin nội bộ đăng trên website, Nhà trường cấp tài khoản cho Trưởng đơn vị đăng nhập bổ sung thông tin của đơn vị để đảm bảo thông tin đưa lên website liên tục và cập nhật [H11.11.02.11]. Đối với SV, Nhà trường cung cấp tài khoản để SV tra cứu các thông tin cá nhân như kết quả học tập rèn luyện, văn bằng tốt nghiệp, lịch thi, học phí, đánh giá hoạt động GD của GV, ... [H11.11.02.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được rà soát định kỳ hằng năm, cụ thể vào đầu năm học Phòng Khảo thí – ĐBCLGD xây dựng Kế hoạch rà soát hệ thống Quy trình làm việc của Trường, theo đó các đơn vị phổ biến đến từng cá nhân của đơn vị phụ trách công việc liên quan đến quy trình rà soát và điều chỉnh nếu cần thiết [H11.11.03.01]. Việc rà soát được thực hiện từ khâu kiểm soát thể thức văn bản (do Phòng Khảo thí - ĐBCLGD chịu trách nhiệm), tính nhất quán trong nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, phát hành, lưu trữ...Đơn vị ra văn bản có trách nhiệm điều chỉnh, rà soát, Phòng KT-ĐBCLGD có trách nhiệm xem xét, phản hồi và trình Ban Giám hiệu phê duyệt [H11.11.03.02]. Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính bảo mật và an toàn dữ liệu, thông tin thuộc đơn vị mình quản lý. Lập “Danh mục theo dõi sửa đổi tài liệu”, nhằm đảm bảo thông tin trao đổi luôn được rà soát, cập nhật [H11.11.03.03]. Tất cả các đơn vị trong Trường đều phải có cơ chế sao lưu dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo không để mất mát thông tin dữ liệu và được kiểm soát trong mỗi đợt. Các thông tin dạng số lượng, các đơn vị phải đảm bảo tính thống nhất dữ liệu lưu trữ và báo cáo (thông tin SV, GV, CSVC, NCKH...) để dựa vào đó Nhà trường sử dụng cho việc ra các quyết định, và lập các kế hoạch có liên quan [H11.11.03.04].

Tính bảo mật và an toàn của dữ liệu được đảm bảo: Đối với thông tin dạng điện tử, Nhà trường sử dụng mô hình mạng Star để quản lý và sử dụng tài nguyên CNTT với hệ thống mạng phân vùng và bảo mật toàn diện qua 3 vùng bao gồm: vùng truy cập và phân phối, vùng máy chủ công khai và vùng dữ liệu, được trang bị những thiết bị hiện đại và tiên tiến [H11.11.03.05], cùng với một hệ thống bảo vệ toàn diện qua 3 lớp bảo mật kiểm soát truy cập từ bên trong và bên ngoài hệ thống [H11.11.03.06]. Để đáp ứng tốt nhu cầu truy cập và kết nối Internet, cũng như đảm bảo tốt khả năng đáp ứng việc dạy và học nhà trường đã đầu tư trang bị 4 đường truyền ở cơ sở 1, 1 đường truyền ở cơ sở 2, 1 đường truyền cơ sở 3 chất lượng cao bao gồm 1 đường leased line 10Mbps và 4 đường FTTH 100Mbps, bằng kỹ thuật cân bằng tải tiên tiến giúp cân bằng hệ thống và tối ưu hóa băng thông, giảm tối đa rủi ro về sự cố đường truyền [H11.11.03.07]. Hệ thống mạng Wifi được kiểm soát bằng bộ giám sát đến từng Client, giúp quản lý và kiểm soát tốt hơn [H11.11.03.05]. Đối với những phần mềm quản lý, phục vụ việc dạy và học như Macman, công thi Khảo thí, công thi của các môn thi tập trung, cổng thông tin đào tạo qua hnm.edu.vn, trang hành chính điện tử CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của nhà trường đến CB-GV-NV nhanh và chính xác, đảm bảo tính thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H11.11.03.08]. Các đơn vị đã tiến hành thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong trong suốt năm học, đã báo cáo kết quả rà soát và cải tiến qua website Nhà trường [H11.11.03.9].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành cải tiến hệ thống các quy trình làm việc, các biểu mẫu đính kèm cho phù hợp với thực tế công tác quản lý của các Phòng ban, Khoa/Trung tâm

trong Trường. Tài liệu mới thay đổi, được ban hành và cập nhật kịp thời trên website[H11.11.04.01]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường công bố Danh mục sửa đổi tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu để các đơn vị luôn sử dụng các thông tin một cách cập nhật [H11.11.04.02]. Hệ thống thông tin cũng đã có nhiều cải tiến như: Nâng cấp Website, phần mềm hành chính điện tử. [H11.11.04.03].

Bên cạnh đó, hằng năm nhà trường tổ chức các đoàn đánh giá nội bộ các đơn vị, nhằm rà soát những điểm mạnh, điểm tồn tại để các đơn vị cải tiến, khắc phục [H11.11.04.04]. Nội dung đánh giá nội bộ dựa trên chức năng nhiệm vụ của đơn vị và những hoạt động liên quan đến hoạt động chung của nhà trường, mục tiêu chất lượng, quản lý văn bản đi đến của đơn vị và những điểm tồn tại của năm trước để làm căn cứ đánh giá năm tiếp theo. Thành phần đoàn đánh giá là những cán bộ của Trường ở các Phòng, Khoa đánh giá, để đảm bảo tính khách quan trong đánh giá, Phòng KT-ĐBCLGD phối hợp cùng các đơn vị liên quan xây dựng mẫu phiếu đánh giá. Dựa trên các kết quả đánh giá, Đoàn đánh giá có những tư vấn, đề xuất tới đơn vị để điều chỉnh cải tiến, tư vấn tới Ban Giám hiệu những nội dung liên quan đến cấp trường để cải tiến tổng thể đáp ứng được yêu cầu của đơn vị được đánh giá [H11.11.04.05].

Nhà trường tiến hành Khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các đơn vị phụ trách công tác này xử lý số liệu, phân tích và tổng hợp báo cáo. Đặc biệt nhà trường giao cho Phòng Thanh tra – PC khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác Cải cách thủ tục hành chính, nhằm cải tiến thủ tục hành chính trong trường đảm bảo thuận lợi cho cán bộ, sinh viên, giảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H11.11.04.06]. Dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến phản hồi, hàng loạt các phần mềm được cải tiến nâng cấp theo hướng hỗ trợ tích cực người dùng và quản lý thông tin hiệu quả: Phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý tài chính MISA, phần mềm hành chính điện tử... thu lại nhiều lợi ích thiết thực như tiết kiệm chi phí, thời gian, thông tin chính xác, cập nhật thông tin nhanh nhất và được GV, SV đánh giá cao [H11.11.04.07]. Ngoài các phần mềm đang sử dụng và được cải tiến, nhiều phần mềm mới được xây dựng trong những năm về sau nhằm hỗ trợ cho người dùng nhận và chuyển thông tin nhanh chóng, chính xác, an toàn, thống nhất và bảo mật đã hỗ trợ tích cực cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.08]. Các kết quả thu được qua hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan, qua các phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm của Ban Thanh tra, phần mềm đánh giá rèn luyện SV, phần mềm Macman... đã được các bộ phận chức năng phân tích, và sử dụng để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.09].

Tự đánh giá: 5/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường thiết lập hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong đa dạng, đảm bảo việc thu nhận, xử lý, báo cáo và chuyển thông tin đến các bên liên quan kịp thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.
- ✓ Hàng năm, Nhà trường tổ chức các đoàn đánh giá nội bộ tới tất cả các đơn vị trong trường nhằm rà soát những điểm mạnh, điểm tồn tại để cải tiến chất lượng các đơn vị. Bên cạnh đó, Trường đã tổ chức có hệ thống các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng giảng dạy về hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào

tạo, chất lượng quản lý phục vụ, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo. Việc tổ chức khảo sát và sử dụng có hiệu quả các kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng trường trong giai đoạn 2015-2019 đã đi vào nề nếp và tạo thành văn hóa chất lượng trong trường.

- ✓ Ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL trong Trường đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD rất hiệu quả. Đặc biệt là hệ thống các phần mềm chuyên biệt như: Macman, khảo sát ý kiến các bên liên quan, đánh giá kết quả rèn luyện SV, phần mềm Kế toán MISA, phần mềm quản lý nhân sự, hệ thống Internet để triển khai các cuộc giao ban trực tuyến ...
- ✓ Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong luôn được rà soát, cải tiến về số lượng, chất lượng, sự thống nhất và tính bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD chưa thu được kết quả tốt, số phiếu thu lại thấp, tỷ lệ phiếu có giá trị thống kê chưa cao.
- ✓ Vấn đề tin học hóa quản lý hệ thống thông tin của các đơn vị đào tạo còn lúng túng, chưa đồng bộ.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	BGH phân công trách nhiệm rõ ràng về việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD giữa các đơn vị: P.KT-ĐBCLGD. P.CTHSSV, TTNCPTNN.	Phòng KT.ĐBCLGD, P.CTHSSVSV, TT.NCPTNN	Từ năm học 2019 – 2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tất cả các đơn vị đào tạo áp dụng triệt để việc tin học hóa quản lý hệ thống thông tin của đơn vị. Trung tâm Khoa học Công nghệ, Khoa Công nghệ thông tin, Trung tâm Ngoại ngữ, tin học phối hợp xây dựng các phần mềm phục vụ công tác đồng bộ hệ thống tin học hóa trong nhà trường.	khoa /trung tâm	Trong năm 2018	

3	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì hiệu quả công tác đánh giá nội bộ hằng năm đề ra soát cải tiến liên tục hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong đa dạng, đảm bảo việc thu nhận, xử lý, báo cáo và chuyển thông tin đến các bên liên quan kịp thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	P.TC-HC, TT.IT, tất cả các đơn vị	Từ năm 2018 - 2021	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục duy trì hệ thống các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan và sử dụng có hiệu quả các kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng nội bộ.	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD ,TT NCPTNN, P.Thanh tra-PC, Tất cả các đơn vị	Từ năm 2018 – 2021	

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

TIÊU CHUẨN 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Để nâng cao chất lượng của Nhà trường, năm học 2016-2017, Ban giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo phòng Khảo thí – ĐBCLGD xây dựng quy định về công tác ĐBCLGD [H12.12.1.1], xây dựng hệ thống QLCL theo mô hình ISO 9001:2008, theo chỉ đạo của GBGH Nhà trường, phòng Khảo thí – ĐBCLGD đã lập kế hoạch xây dựng và chuẩn hóa các quy trình làm việc [H12.12.1.2], ban hành thông báo và hướng dẫn các đơn vị xây dựng mục tiêu chất lượng năm học [H12.12.1.3]. Căn cứ vào kế hoạch và các hướng dẫn đã ban hành, các đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng hệ thống quy trình làm việc, xác định mục tiêu chất lượng năm học trình Lãnh đạo Trường xem xét, phê duyệt và ban hành tới tất cả các đơn vị để thực hiện [H12.12.1.4], [H12.12.1.5].

Sau một năm áp dụng, năm học 2017-2018, Hệ thống QLCL theo ISO tiếp tục được bổ sung, điều chỉnh, cải tiến và hoàn thiện, bao gồm: Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, Chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng và các quy trình làm việc [H12.12.1.6], trong đó quy định rõ thủ tục, nguồn lực của tất cả các hoạt động trong Nhà trường. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống QLCL [H12.12.1.7], ban hành mới mục tiêu chất lượng [H12.12.1.8] và các quy trình làm việc [H12.12.1.9] cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng các hoạt động, Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho toàn thể CBGV về công tác ĐBCLGD [H12.12.1.10], tập huấn và hướng dẫn triển khai các quy trình làm việc của Nhà trường [H12.12.1.11], [H12.12.1.12], ban hành hướng dẫn về công tác lưu trữ minh chứng thực hiện công tác tự đánh giá của Nhà trường [H12.12.1.13]. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ CBGV của Nhà trường cũng luôn được quan tâm, cụ thể: Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện việc thu hút CBGV có trình độ cao, có năng lực phù hợp về đảm nhiệm các vị trí việc làm tại các đơn vị trong Nhà trường [H12.12.1.14]; Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBGV đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm tại đơn vị [H12.12.1.15]; Xây dựng kế hoạch tuyển dụng CBGV để đảm bảo về số lượng theo quy định [H12.12.1.16].

Để phục vụ hiệu quả việc nâng cao chất lượng các hoạt động, hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị [H12.12.1.17], kế hoạch về tài chính [H12.12.1.18]; kế hoạch tăng cường công tác phục vụ của Thư viện cho CBGV và SV Nhà trường [H12.12.1.19]; kế hoạch hỗ trợ sinh viên Nhà trường [H12.12.1.20].

Mặc dù hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng các kế hoạch và các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể dài hạn, trung hạn theo từng giai đoạn để thực hiện theo đúng Chiến lược và tầm nhìn mà Nhà trường đã xác lập.

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Để đảm bảo nâng cao chất lượng các hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng bao gồm, chính sách, mục tiêu chất lượng, các quy định, quy trình làm việc trong đó có các thông tin để so chuẩn và đối sánh hàng năm nhằm đảm bảo chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H12.12.2.1].

Để nhanh chóng hội nhập vào hệ thống các Trường Đại học trong nước và quốc tế, từ năm 2015 đến nay, nhà trường luôn tạo điều kiện cho CBGV tham quan học tập các trường ĐH đa ngành, đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng ở trong và ngoài nước [H12.12.2.2], [H12.12.2.3] nhằm tìm kiếm thông tin để so chuẩn và đối sánh nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H12.12.2.4].

Trên cơ sở kết quả tham quan học tập các đối tác trong và ngoài nước, Nhà trường đã xây dựng và điều chỉnh các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp [H12.12.2.5], [H12.12.2.6] nhằm đáp ứng với yêu cầu về nguồn nhân lực của Thủ đô và cả nước. Ngoài ra để tạo mũi nhọn trong công tác đào tạo nhà trường đã tổ chức xây dựng CTĐT chất lượng cao ngành GD tiểu học [H12.12.2.7] đáp ứng yêu cầu ngày càng

cao của các Trường Tiểu học Quốc tế trên địa bàn Hà Nội và các Thành phố lớn Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng các hoạt động, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc Hội thảo, khảo sát về chuẩn đầu ra và CTĐT để thu thập các thông tin phản hồi làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTĐT phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động [H12.12.2.8].

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Hàng năm, căn cứ vào hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn của Nhà trường và các Bộ/Ngành liên quan, các đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo đúng kế hoạch, mục tiêu đã đề ra [H12.12.3.1], [H12.12.3.2]. Cuối năm học, Nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ các đơn vị về việc thực hiện các hoạt động theo đúng các quy định, quy trình và hướng dẫn đã ban hành [H12.12.3.3], [H12.12.3.4]. Kết quả đánh giá nội bộ được dùng làm căn cứ để các đơn vị đối sánh nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động [H12.12.3.5].

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, các đơn vị đào tạo đã chủ động tham khảo các chương trình đào tạo [H12.12.3.6] của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước để làm nội dung đối sánh trong việc xây dựng chương trình đào tạo của Nhà trường. Trên cơ sở đối sánh, Nhà trường đã tổ chức xây dựng các CTĐT tiên tiến, chất lượng cao ngành GDTH, GDMN [H12.12.3.7]; điều chỉnh các CTĐT theo định hướng ứng dụng POHE [H12.12.3.8] đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội.

Tuy nhiên, việc so chuẩn và đối sánh chưa đủ sâu và rộng cho tất cả các mặt hoạt động của nhà trường do chưa có tiêu chí đối sánh cụ thể.

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Mặc dù không xây dựng thành quy trình cụ thể về việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhưng Nhà trường luôn quan tâm đến việc rà soát quá trình thực hiện lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn Nhà trường và các tác động liên quan bên ngoài. Cụ thể: Hàng năm, Nhà trường đều căn cứ vào điều kiện thực tiễn Nhà trường và kết quả đánh giá nội bộ các đơn vị [H12.12.4.1] để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình QLCL ISO 9001:2008 [H12.12.4.2], [H12.12.4.3], [H12.12.4.4]. Các tiêu chí đánh giá nội bộ các hoạt động của các đơn vị trong Nhà trường cũng thường xuyên được xem xét, điều chỉnh trước mỗi đợt đánh giá để đảm bảo chính xác các thông tin phục vụ cho việc so chuẩn và đối sánh nội bộ các đơn vị trực thuộc Trường [H12.12.4.5], [H12.12.4.6]. Ngoài ra các thông tin so chuẩn và đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác trong Nhà trường đều được định kỳ rà soát để làm cơ sở cho việc so chuẩn và đối sánh trong quá trình thực hiện các hoạt động của Nhà trường [H12.12.4.7], [H12.12.4.8], [H12.12.4.9].

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn đầu của Nhà trường với tư cách là một Trường Đại học, Nhà trường liên tục có những cải tiến để đạt được kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đặc biệt là những cải tiến về quá trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Cụ thể như: Cải tiến các quy trình làm việc theo kết quả đánh giá nội bộ [H12.12.5.1], [H12.12.5.2]; cải tiến công cụ đánh giá nội bộ [H12.12.5.3]; cải tiến các hoạt động đào tạo theo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H12.12.5.4].

Việc sử dụng các kết quả đánh giá nội bộ; kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng năm học [H12.12.5.5], [H12.12.5.6], kết quả rà soát các quy trình, quy định của Nhà trường; kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBGV Nhà trường qua các kênh thông tin như trang hcdt của Nhà trường [H12.12.5.7], trang web Trường [H12.12.5.8], thông qua các buổi họp đơn vị [H12.12.5.9], các Hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường [H12.12.5.10] để giúp các cá nhân và đơn vị có căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động trong Nhà trường.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường đã xây dựng và triển khai các hoạt động theo đúng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO. Hàng năm đều tổ chức kiểm tra giám sát và đánh giá để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống; xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát điều chỉnh hệ thống để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- ✓ Nhà trường đã chủ động căn cứ vào các quy định, quy trình làm việc, các kết quả đánh giá nội bộ, kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng năm học để so chuẩn và đối sánh nhằm điều chỉnh và cải tiến các hoạt động đào tạo,,, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Nhà trường chưa xây dựng đầy đủ chi tiết bộ tiêu chí lựa chọn đối tác; chưa xây dựng đầy đủ chi tiết các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh để nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.
- ✓ Nhà trường chưa có đầy đủ các tiêu chí so chuẩn và đối sánh nên việc so chuẩn và đối sánh chưa đủ sâu và rộng để kích thích việc đổi mới sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động của nhà trường
- ✓ Nhà trường chưa xây dựng quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động.
- ✓ Nội dung các thông tin so chuẩn và đối sánh còn nghèo; Chưa có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến các hoạt động dựa trên các thông tin so chuẩn và đối sánh; Chưa phân tích đánh giá được kết quả của việc cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	---------------------------	-------------------------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại 1	- Xây dựng đầy đủ, chi tiết tiêu chí lựa chọn đối tác, tiêu chí xác định nội dung so chuẩn và đối sánh chất lượng trong và ngoài Nhà trường. - Xây dựng các hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng.	Phòng khảo thí –ĐBCLGD và các đơn vị liên quan	2019-2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh các hoạt động trong Nhà trường.	Phòng Khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị liên quan	2019-2020	
3	Khắc phục tồn tại 3	- Tăng cường các biện pháp điều chỉnh, cải tiến các hoạt động dựa trên các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng các hoạt động. - Xây dựng các báo cáo chi tiết về kết quả của việc cải tiến chất lượng hàng năm	Phòng khảo thí - ĐBCLGD	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát điều chỉnh/cải tiến, bổ sung các quy trình làm việc của Nhà trường	Phòng khảo thí - ĐBCLGD	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì công tác đánh giá nội bộ các đơn vị để có	Phòng khảo thí – ĐBCLGD và các đơn vị liên	Hàng năm	

		cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động.	quan		
--	--	---	------	--	--

5. Mức đánh giá:

Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	3
Tiêu chí 12.5	3

TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh cụ thể, chi tiết, phù hợp với thực tế truyền thông đa phương tiện hiện tại [H1.39; H1.42; H3.78]. Kế hoạch truyền thông tuyển sinh được xây dựng trên cơ sở nắm vững nhiệm vụ tuyển sinh được giao. Lãnh đạo nhà trường và phòng chức năng tổ chức họp bàn cùng đại diện các khoa, trung tâm liên quan [H3.12; H3.50; H3.84]. Sau khi đã thống nhất được kế hoạch truyền thông, nhà trường nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị thực hiện kế hoạch. Chỉ đạo này được thực hiện theo cách giao đầu việc đến tận cá nhân cụ thể.

Việc xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh hiện đã trở thành công tác thường xuyên. Trên thực tế, ngay sau khi kết thúc công tác tuyển sinh của năm nay, nhà trường đã triển khai đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo [H1.39; H3.78].

Nhà trường có đề án tuyển sinh đáp ứng các chương trình đào tạo khác nhau. Ngay trong đề án tuyển sinh, kế hoạch xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh đã được xây dựng cụ thể, chi tiết [H1.39; H3.78].

Với các chương trình đào tạo khác nhau, đề án tuyển sinh của nhà trường đều xây dựng phương án truyền thông và phương thức tuyển sinh phù hợp.

Nhà trường có xây dựng chính sách khác nhau để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của nhà trường [H1.59; H3.78].

Công tác truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của nhà trường đa dạng, dễ thực hiện, thích ứng nhanh với điều kiện truyền thông cụ thể do được giao về các đơn vị khác nhau thực hiện [H3.22; H3.51].

Đề án và các văn bản quy định về tuyển sinh thể hiện được rõ ràng chính sách tuyển sinh của nhà trường. Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường có phân công trách nhiệm và xác định thời gian cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan [H3.22; H3.51].

Chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào; quy trình xét tuyển; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên...) của nhà trường nói chung và của các CTĐT nói riêng được công bố công khai, rộng rãi, kịp thời [H3.23; H3.27; H3.37].

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Để đảm bảo lựa chọn được người học có chất lượng, phù hợp với ngành nghề được đào tạo, khi xây dựng đề án tuyển sinh, nhà trường đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng Khoa học đào tạo, họp Hội đồng tuyển sinh và yêu cầu các khoa đào tạo xây dựng phương án và các tiêu chí đặc thù để lựa chọn người học [H3.26; H3.32]. Các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT được thể hiện trong đề án tuyển sinh và các văn bản quy định về tuyển sinh hàng năm của nhà trường. Các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, theo đúng quy định cho từng CTĐT. [H3.53; H3.60; H3.70]. Đề án tuyển sinh và các thông báo tuyển sinh cũng thể hiện rõ các hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H1.39; H3.78; H3.70; H3.60].

Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện.

Công tác tuyển sinh của nhà trường được đặt dưới sự giám sát của Ban giám hiệu, Hội đồng tuyển sinh, Ban thanh tra tuyển sinh [H3.24; H3.98]. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh được văn bản hóa và thiết kế thành các khâu, các bước rõ ràng cụ thể, dễ thực hiện, nhằm tới mục đích phát huy cao nhất hiệu quả công tác tuyển sinh thông qua lịch trình tuyển sinh và các văn bản quy định [H3.22; H3.51; H3.84].

Bên cạnh đó, quy trình giám sát việc nhập học cũng được thiết kế mạch lạc, dễ thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị rõ ràng, chi tiết [H3.19; H3.52; H3.66]. Hướng dẫn nhập học cho thí sinh cặn kẽ, chi tiết, dễ hiểu đảm bảo việc nhập học nhanh, gọn, khoa học, giảm thiểu đến mức cao nhất áp lực thủ tục hành chính gây tâm lý nặng nề và lãng phí thời gian [H3.24].

Công tác giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được phân công cụ thể cho các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh và các đơn vị chức năng, tạo được sự phối hợp và lưu chuyển trong các công đoạn, phân khúc công tác một cách tiện lợi, hiệu quả [H3.32; H3.55; H3.93].

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Tuyển sinh và nhập học là hai công tác đặc biệt quan trọng, nhạy cảm và liên đới đến rất nhiều bên liên quan. Xuất phát từ nhận thức như vậy, nhà trường đã chú ý đề xuất và áp dụng các biện pháp giám sát việc tuyển sinh, tổ chức đánh giá, phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học hàng năm. Tiếp nối gắn liền với công tác tuyển sinh là công tác nhập học. Hàng năm nhà trường đều có các biện pháp giám sát việc nhập học, thực hiện biện pháp giám sát công tác nhập học nhanh chóng, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nhập học [H3.93; H1.87]. Các biện pháp giám sát cũng thường xuyên được cập nhật thay đổi phù hợp với điều kiện, quy định, bối cảnh tuyển sinh từng năm [H3.73; H1.87].

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Trong bối cảnh tuyển sinh càng ngày càng khó khăn, lượng thí sinh ảo cao, số thí sinh nhập học thực tế vào các trường đều thấp, nhiều cơ sở đào tạo có uy tín lâu năm vẫn khó khăn trong tuyển sinh; các thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng gây ảnh hưởng làm khó khăn cho công tác TS đặc biệt là các ngành SP; *Số lượng thí sinh đã giảm đều từ nhiều năm nay; số lượng trường ĐH, CĐ mới được thành lập tăng mạnh; Bộ GDĐT điều chỉnh tăng chỉ tiêu bậc ĐH làm cho mức độ gay gắt trong cuộc cạnh tranh tuyển sinh giữa các trường ĐH, CĐSP lên rất cao; Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm có nhiều thay đổi mới* tạo ra nhiều tình huống phát sinh cần có phương án tháo gỡ [H3.71; H3.78; H3.83]. Đứng trước tình hình đó bắt buộc công tác tuyển sinh của nhà trường phải được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Tuyển sinh đại học trong tình hình mới đứng trước những biến chuyển khách quan chủ quan thay đổi qua từng năm. Do vậy, nhà trường hàng năm đều không ngừng cải tiến để phù hợp với thực tế và nhắm tới hiệu quả cân bằng chất lượng và số lượng [H1.39; H1.42; H3.45; H3.46].

Bên cạnh đó công tác nhập học cũng được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả bởi kết quả nhập học mới là kết quả cuối cùng của công tác tuyển sinh. Sự cải tiến đó được thể hiện rõ trong sự thay đổi của các văn bản hướng dẫn hàng năm, quy trình nhập học hàng năm [H3.55; H3.60]. Do sự thay đổi của công tác tuyển sinh xét từ tầm nhìn vĩ mô (liên trường), trên thực tế công tác nhập học đã gắn liền với việc tuyển sinh và là một phân khúc gắn kết tới độ gần như nhất thể hóa với tuyển sinh nên việc cải tiến công tác nhập học này cũng trở nên rất cấp thiết, góp phần củng cố và làm sâu sắc hóa kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh và truyền thông tuyển sinh năm tới, khóa tới gần như đã phải được tính đến ngay sau khi kết thúc kì tuyển sinh năm này, khóa học này nên việc công tác tuyển sinh-nhập học, một cách tự nhiên cũng tự nó phải được cải tiến và điều chỉnh qua hàng năm [H3.71; H3.12]. Cũng từ một nhận thức như vậy mà nhà trường hết sức chú ý tới việc sử dụng kết quả phân tích công tác đợt tuyển sinh để làm căn cứ điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh, nhập học cho đợt kế tiếp [H3.12; H3.71]

Tóm tắt các điểm mạnh: chỉ những điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất

- ✓ Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh cụ thể, chi tiết, phù hợp với thực tế truyền thông đa phương tiện hiện tại.
- ✓ Việc xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh hiện đã trở thành công tác thường xuyên.

Nhà trường có đề án tuyển sinh đáp ứng các chương trình đào tạo khác nhau. Ngay trong đề án tuyển sinh, kế hoạch xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh đã được xây dựng cụ thể, chi tiết.

- ✓ Chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào; quy trình xét tuyển; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên...) của nhà trường nói chung và của các CTĐT nói riêng được công bố công khai, rộng rãi, kịp thời.
- ✓ Nhà trường có xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT được thể hiện trong đề án tuyển sinh và các văn bản quy định về tuyển sinh.
- ✓ Các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, theo đúng quy định cho từng CTĐT.
- ✓ Các hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp, theo đúng quy định.
- ✓ Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh được văn bản hóa và thiết kế thành các khâu, các bước rõ ràng cụ thể, dễ thực hiện, nhắm tới mục đích phát huy cao nhất hiệu quả công tác tuyển sinh. Có quy trình giám sát việc nhập học được thiết kế mạch lạc, dễ thực hiện, đảm bảo việc nhập học nhanh, gọn, khoa học, giảm thiểu đến mức cao nhất áp lực thủ tục hành chính.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Bối cảnh tuyển sinh trên toàn quốc càng ngày càng khó khăn, lượng thí sinh ảo cao, số thí sinh nhập học thực tế vào các trường đều thấp, nhiều cơ sở đào tạo có uy tín lâu năm vẫn khó khăn trong tuyển sinh; các thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng gây ảnh hưởng làm khó khăn cho công tác TS đặc biệt là các ngành SP.
- ✓ Hạ tầng tuyển sinh mới (phần mềm mới, cổng thông tin mới.....) khả năng phát sinh lỗi là rất lớn và khó trong sử dụng cho đơn vị đào tạo cũng như thí sinh. Với phương thức TS mới, thí sinh có thể đăng ký tới nguyện vọng trên hệ thống, không lường hết được khối lượng dữ liệu và độ phức tạp của dữ liệu. Các trường không nắm được danh sách đăng ký vào ngành mình vì liên tục có biến động. Chỉ 1 trường thay đổi thì kéo theo cả hệ thống thay đổi theo.
- ✓ Thương hiệu trường ĐHTĐHN còn chưa được phổ biến rộng rãi như các trường ĐH lâu năm khác;
- ✓ Là năm thứ 3 thực hiện đề án tự chủ trong công tác tuyển sinh với nhiều phương thức tuyển sinh trong đó có những phương thức hoàn toàn mới mẻ không chỉ riêng với ĐHTĐHN mà còn mới mẻ với toàn xã hội. Nhiều quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn chòng chéo và chưa rõ ràng. Các văn bản quy định về phương thức, thời gian, đối tượng tham gia công tác xét tuyển của Bộ GD&ĐT thường xuyên thay đổi. Nhiều tình huống phát sinh ngoài các văn bản hướng dẫn, quy định của Bộ GD&ĐT;
- ✓ Thời gian tuyển sinh trùng với thời gian nhà trường cải tạo, sửa chữa nên có ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả tuyển sinh về mặt ấn tượng của thí sinh, hình ảnh của nhà trường, hiệu suất công việc....
- ✓ Còn nhiều đơn vị và cá nhân cán bộ giảng viên trong trường thờ ơ với công tác tuyển sinh, xem công tác tuyển sinh là việc của HĐTS, của phòng ĐT nên tính hợp tác chưa cao.

- ✓ Nguồn thu lệ phí thi, lệ phí xét tuyển không đáng kể nhưng công tác tuyển sinh lại là công việc dài hơi và cần đầu tư nhiều kinh phí. Nhà trường hiện vẫn đang thực hiện theo cơ chế lấy thu bù chi nên kinh phí dành cho tuyển sinh rất hạn hẹp.

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện

Hàng năm cần sớm xây dựng đề án tuyển sinh, đề án được xây dựng cần được đầu tư hơn về kinh phí, ý tưởng và nhân lực. Cần có sự tham gia tích cực của các đơn vị đào tạo, trường chỉ xây dựng khung đề án, phương án tuyển sinh cụ thể của ngành do đơn vị xây dựng;

Tiếp tục tuyển sinh theo kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT tổ chức trong năm 2018 đồng thời đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh (kết quả thi; kết quả học; thi tuyển; xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển; kết hợp nhiều phương thức...)

Các đơn vị đào tạo căn cứ đặc thù ngành đào tạo và thực tế tuyển sinh của ngành xây dựng phương án tuyển sinh cho hệ đào tạo, ngành đào tạo thuộc đơn vị quản lý, đề xuất nhà trường đưa vào đề án tuyển sinh.

Đa dạng hóa tổ hợp các môn xét tuyển và thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị các đơn vị chủ động đề xuất tham mưu cho nhà trường lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển. Xây dựng cơ chế đặc thù đối với một số ngành mang tính đặc thù; Xây dựng cơ chế đặc thù trong tuyển sinh đối với đối tượng là học sinh trường THPT chuyên, trường năng khiếu; Có những chính sách ưu đãi cho các thí sinh đăng ký và trúng tuyển vào một số ngành khó tuyển như học bổng, học thử; có cam kết rõ về đầu ra, cơ chế vừa thực hành vừa có lương.... Tìm kiếm các đơn vị tuyển dụng có thể sử dụng lao động là sinh viên ngay trong quá trình đào tạo để từng bước xây dựng mô hình đào tạo vừa học vừa làm như các nước tiên tiến trên thế giới đang triển khai rất hiệu quả.

Kêu gọi và yêu cầu sự tham gia tích cực của các khoa đào tạo, nâng cao nhận thức của cán bộ giảng viên về vai trò của công tác tuyển sinh của nhà trường nói chung và của khoa nói riêng. Đề nghị các khoa có kế hoạch xây dựng mạng lưới các nhà tuyển dụng, có sự cam kết phối hợp đào tạo, sử dụng lao động sau tốt nghiệp.

Hoàn thiện cơ sở vật chất, nhân sự cho tuyển sinh. Đầu tư văn phòng tuyển sinh, tập huấn cán bộ, cơ chế tài chính....

Tiếp tục đẩy mạnh hệ thống các công tác có liên quan khác như: công tác truyền thông, tư vấn TS, công tác phát triển CTĐT, công tác đào tạo cùng lúc hai chương trình, triển khai học kỳ phụ, triển khai GDQPAN tập trung... và truyền thông để người học thấy được tính hấp dẫn của các hoạt động này.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị ngoài trường có thể mạnh và nhiều kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, có đội ngũ chuyên nghiệp và thị trường rộng. Triển khai ký kết hợp tác với những ngành mới hoặc những ngành khó tuyển.

Tối giản các quy trình xét tuyển, đảm bảo quy định nhưng cũng phải đảm bảo thuận lợi cho thí sinh và xã hội. Nâng cao chất lượng và văn hóa phục vụ trong công tác tuyển sinh, tư vấn, hỗ trợ tuyển sinh.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, đưa truyền thông vào thành một bộ phận của công tác tuyển sinh, thông qua truyền thông tuyển sinh để quảng bá hình ảnh nhà trường. Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của nhà trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
	13.1			
	13.2			
	13.3			
	13.4			
	13.5			

TIÊU CHUẨN 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Trường ĐHTĐHN từ năm 2015 đến nay tập trung cao độ cho việc xây dựng chương trình đào tạo. Trong 3 năm qua đã có 32 chương trình đào tạo đại học được xây dựng, 22 chương trình đã được Bộ GD&ĐT và các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt [H1.83; H1.87; H1.94]. Có thể nói đây là một thành tích to lớn của nhà trường. Để có thành tích đó, nhà trường đã bám rất sát các quy định của các cấp về xây dựng chương trình, giáo trình, môn học [H2.1; H1.60]. Đồng thời nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống quy trình để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan [H2.4; H2.9; H2.12]. Sau khi đã phê duyệt và ban hành được chương trình dạy học thì việc tiếp theo là phải cụ thể hóa chương trình dạy học thành hệ thống môn học/học phần phù hợp với cơ chế đào tạo tín chỉ. Vì vậy nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan [H2.4; H2.14; H2.20].

Quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học cũng có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan [H2.31; H2.32; H2.34].

Trong quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt đề cương môn học/học phần nhà trường cũng có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan [H2.46; H2.65]. Bên cạnh đó việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy

học, đề cương môn học/học phần cũng có kế hoạch và phương pháp cụ thể [H2.46; H2.91; H2.108].

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Để việc xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan đảm bảo chuẩn đầu ra của CTĐT có thể giúp các chủ thể quá trình dạy-học chủ động tích cực hợp tác được với nhau nhằm tới hiệu quả “sản phẩm đầu ra” tốt nhất. Nhà trường cũng đã nỗ lực xây dựng hệ thống rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan [H2.4; H2.13; H2.9]. Việc thực hiện quy trình xây dựng chuẩn đầu ra đều có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho CTĐT/môn học/học phần [H2.20; H1.24].

Quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho CTĐT/ môn học/học phần đều có tham khảo ý kiến đầy đủ của các bên liên quan [H2.5; H2.4; H1.60]. Chuẩn đầu ra của các CTĐT/các môn học/học phần được ban hành chính thức [H2.7; H2.10]; được định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tới việc đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo và thỏa mãn nhu cầu người học, đáp ứng đòi hỏi của xã hội và thời đại [H2.14].

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần đều được nhà trường ban hành chính thức [H2.11; H2.52; H2.54; H2.56]. Các văn bản đều được công bố công khai trên hệ thống hành chính điện tử, website, cổng thông tin đào tạo của nhà trường [H2.11; H2.52; H2.54; H2.56] đảm bảo giới thiệu, phổ biến đầy đủ về đề cương các môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Công tác văn bản hóa này đã tạo ra được một hạ tầng dữ liệu đào tạo dễ sử dụng, dễ khai thác, tiện cho giám sát kiểm tra đảm bảo chất lượng. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được phổ biến rộng rãi cũng đã tạo điều kiện cho cả người quản lý, người dạy và người học dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng.

100% đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần đều được xây dựng, triển khai, thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra, đảm bảo là sự cụ thể hóa chuẩn đầu ra [H2.16]. Các hoạt động dạy học của đơn vị đào tạo được triển khai theo kế hoạch, lịch trình đào tạo, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Một trong những khâu quan trọng của phát triển chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo là việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học. Chính vì vậy nhà trường ý thức rõ việc xây dựng đề xuất chương trình dạy học là rất quan trọng, nhưng chương trình dạy học có thành công, đạt hiệu quả cao hay không còn tùy thuộc vào việc có được một quy trình đánh giá và rà soát chương trình dạy học. Do vậy

rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học được nhà trường thực hiện một cách tích cực và công việc rà soát đó được tổ chức định kỳ [H2.11; H2.12; H2.15; H1.57]. Cao hơn nhà trường cũng đã định kỳ rà soát cả chính quy trình đánh giá chương trình dạy học. Khi rà soát có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.60; H2.109].

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Một mặt nhà trường tuân thủ nghiêm ngặt quy định về thiết kế chương trình của Bộ GD&ĐT [H1.2; H2.1; H2.86] , mặt khác nhà trường vẫn luôn cải tiến quy trình thiết kế chương trình dạy học để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan [H2.12; H1.134; H1.130]. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra đánh giá cũng được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan [H1.136; H2.109; H2.111]. Sau khi cập nhật, quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học, chương trình dạy học đều được ban hành chính thức [H2.104; H2.105; H2.106; H2.107]. Các chương trình dạy học đều có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa các môn kiến thức chung và môn chuyên ngành và kỹ năng mềm, thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic.

Tóm tắt các điểm mạnh: chỉ những điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất

- ✓ Nhà trường đã xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt đề cương môn học/học phần.
- ✓ Có hệ thống xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho CTĐT/môn học/học phần. Việc xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho CTĐT/ môn học/học phần có tham khảo ý kiến đầy đủ của các bên liên quan. Chuẩn đầu ra của các CTĐT/các môn học/học phần được ban hành chính thức; được định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tới việc đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo và thỏa mãn nhu cầu người học, đáp ứng đòi hỏi của xã hội và thời đại.
- ✓ Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa. Công tác văn bản hóa này tạo ra một hạ tầng dữ liệu đào tạo dễ sử dụng, dễ khai thác, tiện cho giám sát kiểm tra đảm bảo chất lượng. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy

của CTĐT và các môn học/học phần được phổ biến tạo điều kiện cho cả hai bên – đội ngũ giảng viên cũng như người học, người được đào tạo

- ✓ Nhà trường thường xuyên rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học được thực hiện một cách tích cực và công việc rà soát đó được tổ chức định kì Cao hơn nhà trường cũng đã định kì rà soát cả chính quy trình đánh giá chương trình dạy học. Khi rà soát có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.
- ✓ Quy trình thiết kế chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Việc đánh giá được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Chương trình đào tạo vẫn còn không ít tính bất cập. Việc khảo sát nhu cầu xã hội được tiến hành chưa thực sự bài bản, chưa lấy được nhiều ý kiến của các bên liên quan trong việc xác định chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo. Chính vì vậy giữa chương trình đào tạo và yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp vẫn còn khoảng cách khá xa.
- ✓ Việc xây dựng chuẩn đầu ra chưa được thực hiện một cách bài bản, CDR chưa được định lượng một cách rõ ràng, chưa thể hiện được những năng lực cần thiết mà người học cần đạt được sau khi kết thúc khóa học.
- ✓ Chương trình đào tạo vẫn được soạn thảo một cách “ôm đồm”, nội dung chương trình nặng tính hàn lâm, thậm chí là không còn phù hợp hoặc chỉ phù hợp với trình độ sau đại học.
- ✓ Chương trình đào tạo chưa tạo cho người học có nhiều cơ hội được lựa chọn các nội dung học tập ưa thích do chưa có nhiều các học phần tự chọn.
- ✓ Chương trình đào tạo được soạn thảo một cách sơ sài, qua loa. Thậm chí là còn rất nhiều lỗi chính tả trong mỗi chương trình đào tạo. Các phần nội dung của chương trình đào tạo cũng chưa được hoàn thiện một cách đầy đủ theo yêu cầu: Mục tiêu đào tạo chưa được xác định một cách cụ thể; Nội dung và thời lượng học phần chưa phù hợp với vị trí, vai trò của học phần trong việc hình thành năng lực đã được xác định trong chuẩn đầu ra
- ✓ Hình thức kiểm tra đánh giá còn đơn điệu, vẫn nặng về đánh giá khả năng ghi nhớ, tái hiện kiến thức. Nội dung học phần chưa có nội dung, phương pháp, hình thức, kiểm tra đánh giá một cách chi tiết, cụ thể để từ đó giúp người học có thể tự học và tự kiểm tra đánh giá
- ✓ Hệ thống tài liệu giáo trình được xác định để sử dụng trong dạy học chưa thực sự phù hợp với nội dung dạy học, nhiều giáo trình cũ. Thậm chí có học phần không có giáo trình chính thức.
- ✓ Chương trình đào tạo chưa xây dựng được nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình để thể hiện được cách thức tổ chức dạy học của nhà trường,

chưa thể hiện được các bên liên quan có tham gia vào quá trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá, chưa thể hiện được những yêu cầu cần thiết để có thể tổ chức đào tạo.

- ✓ Nhìn chung chương trình đào tạo chưa thể hiện sự kết tinh của trí tuệ, chưa thể hiện được văn hóa của nhà trường và ở mỗi một chương trình đào tạo thực sự thiếu một người làm tổng chủ biên.

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện

- Trước khi điều chỉnh hay soạn thảo mới chương trình đào tạo cần tổ chức khảo sát nhu cầu xã hội, lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan một cách bài bản và nghiêm túc.
- Huy động được các bên liên quan tham gia vào quá trình phát triển chương trình.
- Nâng cao tinh thần nhiệm của những người tham gia vào quá trình phát triển chương trình
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ người học, người dạy về chương trình đào tạo
- Thực hiện đầy đủ qui trình soạn thảo và điều chỉnh chương trình một cách chặt chẽ
- Tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên tổ soạn thảo chương trình với thư viện, và các phòng chức năng để xác định cụ thể quá trình đào tạo, từ đó có sự chuẩn bị tốt nhất để đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
	14.1			
	14.2			
	14.3			
	14.4			
	14.5			

TIÊU CHUẨN 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Nhà trường có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục và đào tạo của nhà trường [.....]; nội dung của triết lý đó phù hợp với mục tiêu giáo dục, sứ mạng của nhà trường và với xu thế phát triển chung của thời đại. Cũng xuất phát từ triết lý giáo dục đó,

chuẩn đầu ra của các CTĐT cũng được thiết kế và xây dựng phù hợp với triết lý giáo dục của nhà trường [H2.7; H2.10]. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong nhà trường [H2.2; H2.6; H2.35]. Đồng thời với đó, nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra và cũng có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị đào tạo trực thuộc [H2.13; H1.39; H1.40; H2.52].

Trường xác định chiến lược giảng dạy và học tập theo định hướng chiến lược “Đến năm 2030, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành một trong những trường Đại học đa ngành, đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có uy tín cao trong khu vực và thế giới”. Do đó, nhà trường chuyển mình mạnh mẽ sang đào tạo theo phương thức tín chỉ định hướng nghề nghiệp ứng dụng, trong đó thực sự lấy người học làm trung tâm, sử dụng phương pháp học tập chủ động, tích cực, gắn lý thuyết với thực hành; đào tạo gắn kết chặt chẽ với nghiên cứu khoa học giúp người học có thể tự học suốt đời và giải quyết vấn đề một cách độc lập, trang bị kiến thức, kỹ năng luôn đi cùng với việc rèn luyện ý thức, kỷ luật nghề nghiệp [Tuyên bố về triết lý giáo dục].

Trên cơ sở triết lý và chiến lược phát triển, nhà trường chỉ đạo các khoa, tổ bộ môn thực hiện xây dựng chuẩn đầu ra và công bố chuẩn đầu ra cho từng chuyên ngành đào tạo ở từng trình độ cụ thể. Nội dung từng học phần, các quy định về chuẩn đầu ra học phần cần đạt được, yêu cầu đối với sinh viên, kiểm tra đánh giá được chỉ rõ trong đề cương học phần. Mỗi học phần được thiết kế nhằm ưu tiên số giờ tín chỉ nhất định cho sinh viên tự học, thực hành/bài tập. Hầu hết các ngành đào tạo của trường đều chú trọng các học phần thực tập, thực hành để phát huy triết lý học tập thông qua thực hành [H3.40; H2.17; H2.42; H2.23].

Hệ thống các ngành, chuyên ngành với chương trình đào tạo cụ thể được xây dựng nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển thành trường Đại học đa ngành. Nhà trường tổ chức xây dựng hệ thống chương trình phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra đối với từng đối tượng (cử nhân, thạc sĩ). Đồng thời, nhà trường ban hành các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục; có phân công trách nhiệm cụ thể. Trong Quy chế làm việc của nhà trường đã chỉ rõ quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của từng cá nhân, khoa, phòng ban chức năng trong việc tham gia đào tạo trực tiếp cũng như hỗ trợ các hoạt động dạy và học trong nhà trường [QĐ 499/QĐ-ĐHTĐHN, QĐ 271/QĐ-ĐHTĐHN, QĐ 564/QĐ-ĐHTĐHN].

Đồng thời, nhà trường cũng ban hành các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra đối với từng chuyên ngành, từng khoa và có phân công trách nhiệm cụ thể. Chẳng hạn như: Trường có hướng dẫn phân công giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trực tiếp giúp đỡ sinh viên năm đầu vào trường theo sát sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường có quy định số lượng sinh viên tối đa với mỗi loại cán bộ giảng dạy (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ) có thể được hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cử nhân. Trường có chủ trương khuyến khích các giảng viên đa dạng hóa và tham khảo ý kiến của sinh viên về các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo... [Các quy định, quy chế,

hướng dẫn, Phân công trách nhiệm trong việc xác định, lựa chọn và triển khai các hoạt động dạy học].

Mặt khác, Nhà trường cũng quy định về việc lấy phiếu phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy và học của lớp môn học, từ đó các bên liên quan có thông tin để đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên và giảng viên. Trên cơ sở đó, khoa, bộ môn, giảng viên và phòng đào tạo có sự điều chỉnh hoạt động dạy và học cho phù hợp [Thông tin phản hồi thu được].

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trước bối cảnh nhà trường từ một cơ sở đào tạo giáo viên thành một cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Công tác thu hút, tuyển chọn nhân sự, đội ngũ có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ cấp bách đó, nhà trường đã triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm, phù hợp với nhu cầu phát triển ngành đào tạo của nhà trường [H1.9; H1.22; H1.26]. Trên cơ sở nhân sự đã có và nhân sự tuyển dụng mới, nhà trường triển khai phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của cán bộ, giảng viên [H1.40; H1.15; H1.82; H1.92]. Bên cạnh đó, nhà trường liên tục thực hiện các chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên và thực hiện phân công nhiệm vụ cho giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H1.82; H1.92; H1.107; H1.24].

Trên cơ sở luật giáo dục 2005 (sửa đổi bổ sung 2009), Điều lệ trường đại học 2010, luật giáo dục đại học 2012, Nhà trường đã ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với GV tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội [...], trong đó nhấn mạnh về tiêu chuẩn trình độ nhà giáo. Nhà trường thực hiện công khai tuyển dụng giảng viên và thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng hàng năm theo chỉ tiêu của Sở cũng như nhu cầu thực tế của nhà trường. Nhà trường thực hiện tổ chức tuyển dụng GV mới với những yêu cầu cao về chuyên môn cũng như kinh nghiệm giảng dạy, NCKH. Các GV được tuyển đều phải có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, đạt trình độ B1 (hoặc tương đương B1) tiếng Anh – Theo khung tham chiếu châu Âu, sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Chứng chỉ Tin học theo Thông tư 03), đặc biệt ưu tiên ứng viên tốt nghiệp từ các trường nước ngoài [Thông báo, kế hoạch tuyển dụng]. Kết quả là đội ngũ giảng viên cơ hữu mới của Nhà trường ngày càng tăng về số lượng lẫn chất lượng, tất cả đều có trình độ thạc sĩ trở lên [...]. Đây là đội ngũ được đào tạo bài bản, có trình độ và có khả năng tiếp cận khoa học, kỹ thuật phương pháp giảng dạy hiện đại.

Đồng thời, nhà trường cũng khuyến khích và tiếp nhận công tác đối với các giảng viên có trình độ chuyên môn cao như TS, PGS, GS ở một số chuyên ngành sâu và mới nhằm đảm bảo nhân sự cho việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đại học đa ngành. Tất cả những giảng viên tham gia giảng dạy đối với bậc đào tạo đại học tại Nhà trường đều phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên [Báo cáo trình độ nhân sự, và phân công chuyên môn của các khoa, đào tạo]. Các giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo, đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. GV

của các khoa đều được bố trí vào các bộ môn theo đúng chuyên môn được đào tạo []. Nhà trường đã xây dựng đội ngũ giảng viên phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của nhà trường để đảm bảo thực hiện tốt chương trình đào tạo và mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Về cơ cấu độ tuổi, trường Đại học Thủ đô Hà Nội đang có sự trẻ hóa đội ngũ GV. Ngoài ra về kinh nghiệm công tác chuyên môn của từng Giảng viên cũng phù hợp với độ tuổi của mình []. Trong chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã có định hướng cụ thể về chiến lược xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức và chính trị tốt, đủ số lượng và có kinh nghiệm công tác chuyên môn, vững về tin học và ngoại ngữ để đảm nhiệm công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học [].

Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên cho giảng viên ở cả trong nước và ngoài nước, học tập nâng cao trình độ. Ngoài ra, nhà trường cũng khuyến khích các Khoa chuyên môn thực hiện bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên, đặc biệt là đối với giảng viên trẻ. Tính đến tháng 7/2018, nhà trường có GV đang theo học trình độ Tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và quốc tế [Báo cáo hoạt động bồi dưỡng GV của Phòng tổ chức cán bộ].

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Những nỗ lực vươn tới sự hoàn thiện đã được thể hiện sinh động trong sản phẩm đào tạo của Nhà trường. Song những khiếm khuyết và hạn chế cũng là một thực tế luôn tồn tại trong quá trình phát triển. Điều quan trọng là hành trang tích lũy được từ những năm tháng học tập và rèn luyện trong nhà trường. Trong cả khóa học, Nhà trường đã trang bị cho sinh viên kiến thức khoa học, kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản để làm hành trang vào đời. Tuy nhiên, đây không phải là chức năng duy nhất, quan trọng nhất của bậc đại học mà chức năng to lớn và sâu sắc hơn là tạo những nền tảng đầu tiên nhưng là cơ bản cho con người đi suốt cuộc đời mình, người bắt đầu biết tự học trong thế giới đầy biến động và không ngừng phát triển. Với nghị lực của tuổi trẻ và tình yêu cuộc sống, mọi khiếm khuyết đều có cơ hội được bù đắp, mọi yếu kém đều có khả năng được cải tạo. Sự học sẽ còn được tiếp tục, sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên nhà trường tiếp tục rèn luyện bản thân, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ để ngày càng vững vàng hơn trong nghề nghiệp mà mình đã chọn, xứng đáng là cựu sinh viên của trường ĐH Thủ đô Hà Nội. Để làm được điều đó, trường ĐHTĐHN luôn tổ chức một cách phù hợp các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời để đạt được chuẩn đầu ra [H1.16; H1.54; H1.94]. Nhà trường đã tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được chuẩn đầu ra, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức thông qua các chương trình trao đổi, thực tập, thực tế, thực tập ngắn hạn, hoạt động cộng đồng, [H1.54; H1.94]. Bên cạnh đó là các hoạt động học tập đa dạng như các dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập doanh nghiệp, tiểu luận, báo cáo thực tế....[H1.64; H1.50]. Trong xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ, nhà trường cũng luôn quan tâm, đẩy mạnh việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần [H1.94; H1.71; H1.16].

Nhà trường đã tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được chuẩn đầu ra cho sinh viên theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đó là việc SV được đăng ký số lượng các học phần, thời gian học tập, lựa chọn giảng viên dạy,... trong từng học kỳ cũng như trong cả khóa đào tạo. Các hoạt động này được Phòng đào tạo thực hiện một cách khoa học [H2.2; H2.12; H3.25]. Các khoa chuyên môn có nhiệm vụ định hướng cho sinh viên cũng như phân công cố vấn học tập giúp đỡ SV xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn các môn học và hỗ trợ SV khi cần thiết [.....]. Mặt khác, nhà trường cũng như các khoa chuyên môn luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên được học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức thông qua các chương trình trao đổi, thực tập ngắn hạn, phục vụ cộng đồng, ... [.....]; cũng như cung cấp hệ thống tài liệu, học liệu, mạng internet,... phục vụ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên [.....].

Các hoạt động học tập đa dạng cũng được chú trọng triển khai nhằm thực hiện đánh giá toàn diện năng lực người học, phát huy thế mạnh của sinh viên, gắn đào tạo với thực tiễn của thế giới nghề nghiệp. Đó là các dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập doanh nghiệp,... hay đào tạo cùng lúc hai chương trình (2 văn bằng) để đáp ứng nhu cầu học tập cũng như tạo cơ hội tìm kiếm việc làm đa dạng cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [.....].

Các hoạt động ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần được triển khai mạnh mẽ. Nhà trường triển khai thực hiện dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử từ cuối năm học 2017-2018 [.....]. Hệ thống các phòng học chức năng, các trang thiết bị dạy học được sửa chữa và nâng cấp nhằm phục vụ cho hoạt động dạy và học theo công nghệ hiện đại [.....]. Đồng thời, đội ngũ giáo viên cũng tích cực trong việc đổi mới phương pháp, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tiếng Anh, trình độ Tin học để đáp ứng chuẩn đầu ra của các học phần và chương trình đào tạo.

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị [.....], theo đó hoạt động dạy và học được nhiều đơn vị giám sát để đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng. Đó là Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Hàng tuần đều có sổ theo dõi nền nếp [H1.63; H1.40], có đánh giá phản hồi từ phía sinh viên [Khảo thí]. Việc giám sát các hoạt động dạy học được thực hiện theo đúng quy định, bằng các biện pháp tích cực, dễ thực hiện, không gây áp lực tâm lý tiêu cực, tạo hiệu quả biến quá trình giám sát dạy học thành quá trình tự giám sát của chính người dạy và người học thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Nhà trường thực hiện đánh giá giảng viên theo kế hoạch và lộ trình cụ thể [H1.98; H1.114]. Sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, nhà trường giao phòng CTHSSV triển khai thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo [Khảo thí]. Dựa trên kết quả khảo sát môn học, phản hồi của sinh viên, nhà trường triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học [H1.57; H2.14].

Nhà trường triển khai các hoạt động đánh giá, giám sát hoạt động dạy và học để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Đối với giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, nhà trường thực hiện đánh giá đối với sinh viên tham gia học tập thông qua biểu mẫu đánh giá trên cổng thông tin điện tử của sinh viên (đây là hoạt động bắt buộc đối với 100% sinh viên) mỗi khi kết thúc môn học [Khảo thí]. Kết quả đánh giá của sinh viên là cơ sở để giảng viên thực hiện điều chỉnh hoạt động dạy học của mình. Ngoài ra, hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng được đánh giá thông qua ý kiến phản hồi của đồng nghiệp như: dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị cán bộ công nhân viên chức của Khoa, của trường,... Nhà trường cũng luôn khuyến khích mỗi giảng viên tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động dạy học của mình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Mặt khác, hoạt động dạy và học cũng được giám sát thường xuyên qua công tác thanh tra giảng đường, đảm bảo việc dạy và học được thực hiện đúng theo thời khóa biểu. Việc giám sát các hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên được thực hiện theo đúng quy định, bằng các biện pháp tích cực, dễ thực hiện, không gây áp lực tâm lý tiêu cực, tạo hiệu quả biến quá trình giám sát dạy học thành quá trình tự giám sát của chính người dạy và người học thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Nhà trường thực hiện đánh giá giảng viên theo kế hoạch và lộ trình cụ thể [H1.28; H1.38; H1.40].

Nhà trường chỉ đạo Phòng đào tạo phối hợp với Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, các khoa và giảng viên thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo sau khi ra trường. Hoạt động đánh giá này gắn liền với hoạt động dạy và học ở từng học phần cụ thể. Kết quả đánh giá theo tiếp cận định hướng năng lực của sinh viên, được công bố tới từng sinh viên và các khoa vào cuối mỗi học kỳ, khóa đào tạo [Khảo thí].

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo mạnh mẽ việc cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát môn học, như các hoạt động bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, e-learning,... Đồng thời triển khai giám sát hoạt động đào tạo. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường nâng cao chất lượng tổng thể, hướng tới thực hiện mục tiêu “chất lượng thực” [H1.18; H1.71].

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Như đã nói ở trên, nhà trường luôn đề ra và bám sát triết lý giáo dục của nhà trường. Nhưng triết lý đó không phải là bất biến, cứng nhắc. Nhà trường luôn chủ động tích cực “làm mới” triết lý giáo dục đáp ứng với tinh thần thời đại. Triết lý giáo dục luôn được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời [Triết lý]. Triết lý giáo dục được cải tiến kéo theo hoạt động dạy và học cũng được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời [H1.18; H2.52; H1.54]. Sự cải tiến triết lý giáo dục và cải tiến hoạt động dạy học cũng không phải là tùy tiện mà đều có sự nghiên cứu kỹ càng, đặc biệt là tham khảo ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học của nhà trường [H1.65; H3.67; H1.88].

Nhà trường chủ động tích cực “làm mới” triết lý giáo dục đáp ứng với tinh thần thời đại. Triết lý giáo dục được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học, đào tạo theo phương châm triết lý: *Kỷ cương nghiêm – Chất lượng thực – Hội nhập nhanh*. Đồng thời nhà trường ban hành chính sách chất lượng giáo dục theo Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2008 để ngày càng thỏa mãn nhu cầu giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế của Thủ đô và toàn xã hội. Triết lý giáo dục cũng như hệ thống chất lượng giáo dục được công bố và đảm bảo thực hiện đồng bộ đối với từng giảng viên, các khoa, phòng ban chức năng. [.....].

Hoạt động dạy và học của nhà trường cũng được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, hướng tới hình thành năng lực học tập suốt đời cho người học. Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng phòng đào tạo và các trưởng khoa chuyên môn thực hiện điều chỉnh các hoạt động dạy và học hàng năm; nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt chuẩn đầu ra. Cụ thể: Thực hiện điều chỉnh bổ sung học kỳ phụ đối với sinh viên học vượt, học đuổi; thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo hàng năm của phòng đào tạo với các khoa; thực hiện điều chỉnh nội dung chương trình chi tiết nhằm tăng thời lượng thực hành, thực tập cho từng học phần đối với các khoa, bộ môn, chuyên ngành;... [H1.57; H1.24].

Hàng năm, nhà trường cũng chỉ đạo thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học. Trong đó, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng phối hợp với các khoa chuyên môn và phòng ban chức năng khác như: Phòng Đào tạo, Phòng tổ chức cán bộ... thực hiện khảo sát về mức độ hài lòng đối với triết lý phát triển và các hoạt động dạy học, đào tạo của nhà trường. Cụ thể như: Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng xây dựng đường link khảo sát ý kiến về triết lý giáo dục của nhà trường; khảo sát chuẩn đầu ra; đánh giá hoạt động dạy học của giảng viên; đánh giá hoạt động thực hành, thực tập của sinh viên; điều tra theo vết đối với sinh viên sau tốt nghiệp,... với sự tham gia của các bên liên quan như: các giảng viên trong và ngoài nhà trường, các nhà khoa học, các nhà trường (mầm non, tiểu học, THCS, THPT...) phối hợp trong công tác thực hành, thực tập, thực tế, các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực đầu ra của nhà trường,... [H1.60; H1.105].

Tóm tắt các điểm mạnh: chỉ những điểm mà CSGD xem là thế mạnh của mình và nhấn mạnh những điểm mạnh tiêu biểu nhất

- ✓ Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.
- ✓ Có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục; nội dung triết lý phù hợp với mục tiêu giáo dục, sứ mạng của nhà trường và với xu thế phát triển chung.
- ✓ Có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục; có phân công trách nhiệm cụ thể.
- ✓ Có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra; có phân công trách nhiệm cụ thể.
- ✓ Nhà trường đã xây dựng, ban hành và có điều chỉnh triết lý giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

- ✓ Xây dựng và ban hành được hệ thống các chuẩn đầu ra cho từng chuyên ngành, từng trình độ cụ thể.
- ✓ Tổ chức các hoạt động dạy và học đáp ứng được chuẩn đầu ra.
- ✓ Các hoạt động dạy và học được giám sát thường xuyên và đã thực hiện các chính sách cải tiến chất lượng.
- ✓ Thực hiện thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên có chất lượng; thực hiện chính sách phát triển đội ngũ giảng viên và khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao trình độ.
- ✓ Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.
- ✓ Triển khai phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.
- ✓ Thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên.
- ✓ Thực hiện phân công nhiệm vụ cho giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.
- ✓ Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.
- ✓ Tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được chuẩn đầu ra, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức (các chương trình trao đổi, thực tập ngắn hạn, phục vụ cộng đồng, ...). Triển khai các hoạt động học tập đa dạng (dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập doanh nghiệp, ...).
- ✓ Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần.
- ✓ Các hoạt động dạy và học được giám sát để đảm bảo và cải tiến chất lượng.
- ✓ Việc giám sát các hoạt động dạy học được thực hiện theo đúng quy định, bằng các biện pháp tích cực, dễ thực hiện, không gây áp lực tâm lý tiêu cực, tạo hiệu quả biến quá trình giám sát dạy học thành quá trình tự giám sát của chính người dạy và người học thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Nhà trường thực hiện đánh giá giảng viên theo kế hoạch và lộ trình cụ thể.
- ✓ Triển khai thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo sau khi ra trường.
- ✓ Triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát môn học. Triển khai giám sát hoạt động đào tạo.

- ✓ Nhà trường chủ động tích cực “làm mới” triết lý giáo dục đáp ứng với tình thần thời đại. Triết lý giáo dục được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.
- ✓ Hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Một số hoạt động đào tạo còn chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra và triết lý giáo dục.
- ✓ Hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện đào tạo, giám sát, đánh giá thông qua hệ thống thông tin điện tử còn một số hạn chế.
- ✓ Kế hoạch đào tạo, thông tin giảng dạy, học tập đến với người dạy và người học còn chưa kịp thời.
- ✓ Bên cạnh những đánh giá cao trong các hoạt động và rèn luyện học hỏi, một số cơ sở thực tập vẫn phản ánh về sự thiếu chủ động, sáng tạo của một số sinh viên trong các đợt thực tập nghiệp vụ. Một số sinh viên còn yếu về các kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ngôn ngữ....
- ✓ Chương trình đào tạo mặc dù đã được xây dựng nghiêm túc, đầy đủ nhưng còn nhiều điểm tồn tại, còn hiện tượng hình thức kiểm tra đánh giá môn học trong thực tế chưa thống nhất với hình thức KTĐG trong đề cương môn học.
- ✓ Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo còn hạn chế, trang thiết bị thiếu và yếu, phần mềm quản lý đào tạo (là công cụ cực kỳ quan trọng trong ĐT theo tín chỉ) còn nhiều lỗi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đào tạo và đã hết thời hạn vận hành, bảo trì theo hợp đồng đã ký với đơn vị cung cấp.
- ✓ Đội ngũ cán bộ cố vấn học tập nhiệt tình, tâm huyết nhưng vẫn còn một số cán bộ chưa làm tròn trách nhiệm, chưa nắm đủ thông tin cần thiết để cố vấn cho sinh viên một cách hiệu quả.
- ✓ Phương thức đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi người học cần có tính chủ động cao. Tính tích cực, chủ động của người học ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, nhiều sinh viên còn thụ động, còn chưa nắm rõ và thiếu trang bị về phương thức đào tạo, hình thức học tập, hình thức kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo, chương trình, kế hoạch đào tạo...

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện

Mạnh mẽ áp dụng triệt để mô hình cây tín chỉ và phương án xóa bỏ học kỳ, trước tiên áp dụng đối với các môn thuộc khối kiến thức chung tiến tới áp dụng với tất cả các môn học trong nhà trường.

Triển khai phương án thực tập, thực hành thường xuyên trên diện rộng ở các ngành đào tạo, các khóa đào tạo.

Đẩy mạnh phương thức tích lũy tín chỉ trong việc hoàn thành chương trình đào tạo của sinh viên. Tăng cường tính chủ động của sinh viên, giảm tính áp đặt trong xây dựng kế hoạch đào tạo. Tăng cường học kỳ phụ, tận dụng triệt để thời gian nghỉ hè nhằm giúp

sinh viên học lại, học cải thiện điểm, học sớm... từ đó giảm tải được học kỳ chính, nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoàn thiện kiểm tra đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu đúng quy chế, đúng bản chất của đào tạo tín chỉ và đảm bảo chất lượng đào tạo. Tiến hành rà soát, đăng ký hình thức kiểm tra đánh giá các môn học trong toàn trường, thực hiện kiểm tra đánh giá môn học theo đúng hình thức đăng ký.

Đẩy mạnh hợp tác đào tạo với các đơn vị trong và ngoài nước. Mở rộng việc công nhận kết quả đào tạo của các đơn vị ngoài trường. Tổ chức, liên hệ gửi sinh viên tham gia đào tạo ở các đơn vị ngoài trường và công nhận kết quả cho sinh viên.

Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo hợp lý, khoa học, hiệu quả. Thực hiện tốt, có hiệu quả cao các đề án đã được phê duyệt.

Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo trong nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu hiện nay và đồng thời là công cụ không thể thiếu trong việc áp dụng các giải pháp nêu trên.

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
	15.1			
	15.2			
	15.3			
	15.4			
	15.5			

TIÊU CHUẨN 17: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội luôn chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá người học và coi đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Căn cứ các quy chế, quy định đào tạo của Bộ GD&ĐT và Bộ Lao động Thương binh và xã hội [H16.16.01.01], [H16.16.01.02]; [H16.16.01.03]; [H16.16.01.04]; [H16.16.01.05]; [H16.16.01.06]; [H16.16.01.07], Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định tổ chức đào tạo các trình độ, các hệ đào tạo trong đó xác định rõ các yêu cầu, các quy định về kiểm tra đánh giá người học [H16.16.01.08], [H16.16.01.09]; [H16.16.01.10]; [H16.16.01.11]; [H16.16.01.12]; [H16.16.01.13]. Mặt khác tất cả các quy định, quy trình, các hình thức xử lý, trách nhiệm của tất cả các bên liên quan trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được quy định chặt chẽ trong quy định của nhà trường về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi [H16.16.01.14], quy

định tổ chức kiểm tra và thi học phần [H16.16.01.15]. Các quy định này là cơ sở quan trọng để đảm bảo cho công tác kiểm tra và thi học phần của Nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tạo sự thống nhất, nhanh chóng, chính xác trong phối hợp thực hiện của các cá nhân, đơn vị có liên quan, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, chặt chẽ và khách quan kết quả học tập của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành các quy trình xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức thi học phần [H16.16.01.16]. Trong đó, xác định rõ các bước thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể trong đánh giá người học. Ngoài ra, việc phân công trách nhiệm của các đơn vị trong công tác kiểm tra, đánh giá còn được quy định trong “Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc” [H16.16.01.17].

Để hướng dẫn nâng cao năng lực cho các bộ môn, giảng viên nhà trường trong quá trình đánh giá Nhà trường cũng đã mời chuyên gia tập huấn về công tác kiểm tra, đánh giá [H16.16.01.18], [H16.16.01.19] và thiết kế, ban hành “Sổ tay hướng dẫn xây dựng câu hỏi thi, kiểm tra theo hướng phát triển năng lực người học” [H16.16.01.20] nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về thi, kiểm tra, các kỹ thuật xây dựng ngân hàng đề thi, kỹ thuật đánh giá cơ bản cho giảng viên giảng dạy các ngành đào tạo. Trong đó, đặc biệt hướng dẫn giảng viên về cách thức lựa chọn loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học. Nhà trường cũng đồng thời tiến hành 01 đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp trường năm học 2016-2017 về “Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo định hướng phát triển năng lực người học” [H16.16.01.21]. Đề tài đã thiết kế một số bộ công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng phát triển năng lực người học và xác lập phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng phát triển năng lực người học. Kết quả của đề tài đã được ứng dụng vào các hoạt động kiểm tra, đánh giá của Nhà trường, là tài liệu giá trị hướng dẫn cho các giảng viên lựa chọn, thiết kế các loại hình, công cụ đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Hàng năm căn cứ các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, chiến lược và kế hoạch trung và dài hạn, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo thí và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ khảo thí tương ứng với nhiệm vụ trọng tâm từng năm học [H16.16.01.22]. Kế hoạch này xác định rõ các nhiệm vụ cần thực hiện, phương pháp, nguồn lực, tiến độ thời gian và phân công trách nhiệm của các nhiệm vụ liên quan đến kiểm tra, đánh giá người học. Nhà trường cũng xây dựng lịch trình đào tạo và phổ biến đến toàn thể giảng viên, sinh viên trước mỗi năm học [H16.16.01.23]. Theo đó, thời gian thi kết thúc học phần của các khóa, các hệ đào tạo được xác định cụ thể theo tuần. Căn cứ lịch trình đào tạo, trước mỗi kỳ thi ít nhất 2 tuần, Nhà trường ban hành lịch thi kết thúc học phần, trong đó xác định rõ tên học phần, hình thức thi, thời gian thi [H16.16.01.24]. ...được nhà trường công khai để các sinh viên nắm được và thực hiện.

Để đánh giá kết quả học tập, đối với mỗi học phần đào tạo cao đẳng, đại học, hình thức đánh giá mỗi môn học được thể hiện rõ trong đề cương môn học [H16.16.01.25] và được phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học. GV phụ trách học phần trực tiếp lựa chọn hình thức, phương pháp và ra đề thi, cho điểm, đánh giá quá trình. Hình thức thi KTHP do khoa, bộ môn đề xuất căn cứ trên những hướng dẫn và định hướng chung của

Nhà trường [H16.16.01.26] và được hiệu trưởng phê duyệt thông qua đề cương chi tiết học phần. GV đã sử dụng nhiều loại hình, công cụ đánh giá nhằm hướng tới việc điều chỉnh các loại năng lực khác nhau ở các mức độ khác nhau của người học. Hàng năm, căn cứ thực tế đào tạo, nếu có yêu cầu thay đổi hình thức thi, tổ bộ môn có đề nghị trình Hiệu trưởng phê duyệt, trong đó giải thích rõ lý do cần điều chỉnh [H16.16.01.27].

Hàng năm, các Khoa, tổ bộ môn đăng ký, phân công giảng viên xây dựng NHĐT kết thúc các học phần theo từng học kỳ và thống nhất cấu trúc đề thi các học phần theo hình thức thi đã được phê duyệt và chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành đào tạo [H16.16.01.28]. Nhà trường căn cứ các chương trình đào tạo để đánh giá, thẩm định hình thức thi của các ngân hàng đề thi xây dựng hàng năm [H16.16.01.29]. Đối với các môn Ngoại ngữ, Nhà trường có quy định và hướng dẫn các Khoa đào tạo xây dựng và sử dụng các đề thi theo đúng định dạng chuẩn đề thi sử dụng tiếng Anh 6 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H16.16.01.30].

Ý thức của người học về việc tham gia học tập, tham gia các phong trào của trường, của cộng đồng, tuân thủ các nội quy, quy chế, quy định của nhà trường, tuân thủ pháp luật... cũng được đánh giá thường xuyên sau mỗi học kỳ, năm học và toàn khoá học. Các quy định, quy trình, các hình thức đánh giá, trách nhiệm của tất cả các bên liên quan trong công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học được quy định trong “Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên hệ chính quy Trường ĐH Thủ đô Hà Nội” [H16.16.01.31]. Phòng CTHSSV phối hợp cùng các khoa trong việc triển khai, thực hiện công tác này. Nhà trường cũng đã xây dựng “Quy trình quản lý kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên” [H16.16.01.32].

Kết quả việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về các hình thức kiểm tra đánh giá cho thấy: khoảng 70% sinh viên cho rằng, các hình thức đánh giá là đa dạng, phù hợp và kết quả thu được là công bằng, khách quan [H16.16.33.]. [H16.16.34.].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Chuẩn đầu ra của tất cả các ngành đào tạo tại Trường đại học Thủ đô Hà Nội đều được xác định rõ ràng và được công bố công khai tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau [H16.16.2.1]. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của CTĐT, chuẩn đầu ra của từng môn học thành phần được xác định và hoạt động đánh giá người học tương ứng được thiết kế để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra [H16.16.2.2], [H16.16.2.3]. Những thông tin này được công bố một cách chính thống tới người học thông qua website của Nhà trường và của các Khoa phụ trách CTĐT. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Đối với đánh giá học phần, Nhà trường đã có quy định đánh giá kết quả học tập của người học thông qua hệ thống đánh giá chuyên cần, đánh giá định kỳ và thi kết thúc học phần [H16.16.2.4], [H16.16.2.5]. Đối với đánh giá chuyên cần, GV chủ động đánh giá mức độ tham gia lớp học, ý thức thái độ của người học trong các hoạt động học tập để đảm bảo chuẩn đầu ra về phẩm chất của sinh viên. Đối với đánh giá quá trình, để giúp học

sinh đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm cũng như kỹ năng nghề nghiệp, tùy học phần, GV có thể tổ chức một hoặc nhiều bài kiểm tra định kỳ đánh giá, phản hồi liên tục, chính thức và không chính thức thông qua các nhiệm vụ học tập. GV trong trường đã sử dụng nhiều hình thức đa dạng và phong phú, tương thích để đạt được chuẩn đầu ra như: vấn đáp, bảng kiểm, thang đo, các bài kiểm tra (pre-test/test): kiểm tra đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ trong mỗi bài dạy; quan sát sản phẩm (nhật ký học tập, hồ sơ học tập, dự án học tập, tiểu luận, báo cáo...; quan sát quá trình (thảo luận, thuyết trình, thực hành, thực tế, thí nghiệm, trình diễn...) trong đánh giá quá trình nhằm mục đích hướng tới việc điều chỉnh các loại năng lực khác nhau ở các mức độ khác nhau của người học [H16.16.02.6]. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi bao gồm các học phần tổ chức thi cuốn chiếu với nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp, vấn đáp, thực hành làm bài tập lớn, tiểu luận hoặc kết hợp các hình thức trên [H16.16.02.7], [H16.16.02.8].

Nhà trường đã xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần với hình thức tự luận, trắc nghiệm kết hợp, vấn đáp, thực hành theo một cấu trúc thống nhất do Trường bộ môn và Trường khoa quy định. Cấu trúc NHĐT đảm bảo tính ổn định để có thể sử dụng được trong nhiều năm cho các khóa đào tạo. Để đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên môn, các đề thi đều được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom, và thang Nikko, đảm bảo tỷ trọng giữa các mức độ câu hỏi: dễ/trung bình/khó, tương ứng với mỗi trình độ đào tạo. Trong đó, câu hỏi dễ (Bậc 1: thông hiểu): Chỉ đòi hỏi học sinh, sinh viên gọi tên, mô tả, liệt kê, nhận diện, phân loại... được các thông tin, không cần suy luận để trả lời, câu hỏi trung bình (Bậc 2: vận dụng bậc thấp): Đòi hỏi học sinh, sinh viên phân biệt, tóm tắt, giải thích, minh họa, vận dụng, liên hệ... được thông tin; câu hỏi khó (Bậc 3: phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo, vận dụng bậc cao): Đòi hỏi học sinh, sinh viên vận dụng sáng tạo, so sánh, đối chiếu, suy luận, chứng minh, đánh giá, cấu trúc lại... được thông tin. Cụ thể:

Loại câu hỏi Trình độ đào tạo	Bậc 1 (Dễ)	Bậc 2 (TB)	Bậc 3 (Khó)
Trung cấp chuyên nghiệp	50%	30%	20%
Cao đẳng	40%	40%	20%
Cao đẳng chất lượng cao, đại học	30%	40%	30%
Đại học chất lượng cao	20%	40%	40%
Thạc sĩ	20%	30%	50%

NHĐT các học phần bao quát kiến thức của toàn bộ học phần, đảm bảo tính hoàn chỉnh, đánh giá được khả năng lĩnh hội kiến thức và tư duy sáng tạo của người học, nội dung câu hỏi đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ [H16.16.02.9], [H16.16.02.10]. Một số học phần còn áp dụng hình thức đề mở (cho phép sử dụng tài liệu) hoặc cách thức đánh giá PISA [H16.16.02.11].

Với các môn chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá chủ yếu là hình thức vấn đáp, thực hành, làm bài tập lớn, tiểu luận. Các hình thức này đã đo lường mức độ đạt

chuẩn đầu ra của các học phần đặc biệt là các chuẩn kỹ năng, thái độ nghề nghiệp. Các học phần chuyên ngành của các ngành định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) đã triển khai áp dụng nhiều hình thức đánh giá thực yêu cầu sinh viên thực hiện những nhiệm vụ thực tiễn trong nghề nghiệp tương lai của sinh viên trong bối cảnh thực tế. Quá trình này được quan sát và đánh giá bởi giảng viên hoặc những chuyên gia trong lĩnh vực hoạt động đó; hoặc yêu cầu sinh viên thực hiện những nhiệm vụ mô phỏng tương tự những vấn đề của thực tiễn nghề nghiệp trong bối cảnh phòng thí nghiệm. Những hình thức đánh giá vừa giúp đo được chính xác năng lực thực hiện của người học, gắn học tập với nghề nghiệp vừa giúp người học phát triển các kỹ năng nghề nghiệp [H16.16.02.12].

Quá trình tổ chức thi học phần của Nhà trường được triển khai nghiêm túc, đúng quy định [H16.16.02.14]. Khoa đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức thi các môn riêng do khoa phụ trách, phòng KT-ĐBCLGD tổ chức thi các môn chung. Phòng TTr-PC thực hiện thanh tra, giám sát tất cả các kì thi [H16.16.02.15]. Hàng năm, thông qua đánh giá nội bộ và hoạt động thanh tra, Nhà trường đều tiến hành kiểm tra hồ sơ thi của các đơn vị tổ chức thi, đa phần các đơn vị đều thực hiện nghiêm túc và lưu trữ hồ sơ đầy đủ [H16.16.02.16], [H16.16.02.17], [H16.16.02.18].

Ngoài thi kết thúc học phần, Nhà trường còn tổ chức khảo sát tiếng Anh đầu vào và đầu ra cho toàn bộ sinh viên chính quy bằng bộ Ngân hàng câu hỏi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh 6 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đảm bảo đúng định dạng đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H16.16.02.19].; Đối với các ngoại ngữ khác, Nhà trường cũng sử dụng các công cụ đề thi chuẩn quốc tế để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên [H16.16.02.20]. Ngoài ra, nhà trường còn tự chủ tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ an ninh – quốc phòng, giáo dục thể chất, tin học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H16.16.02.21], [H16.16.02.22], [H16.16.02.23].

Cuối khóa học, sinh viên đủ điều kiện sẽ được đăng ký thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Nhà trường có quy định cụ thể về hoạt động này tại “Quy định về quản lý, tổ chức đồ án khóa luận tốt nghiệp đối với bậc đại học, cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội” [H16.16.02.24] và “Quy trình quản lý, tổ chức hoạt động đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên” [H16.16.02.25]. Sinh viên được đánh giá theo đúng quy định [H16.16.02.26].

Không chỉ đánh giá về mặt chuyên môn, việc đánh giá ý thức kỷ luật, ý thức tham gia các phong trào đoàn thể, trách nhiệm với cộng đồng... của người học cũng được đánh giá chặt chẽ thông qua sự đồng thuận giữa người học, tập thể lớp và CVHT, kết quả chính là điểm rèn luyện mỗi kỳ của người học [H16.16.02.27].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên và kết quả kiểm tra đánh giá của Nhà trường được xem xét thường xuyên đảm bảo mức độ hiệu lực, độ tin cậy và công bằng, và mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên.

Đối với phương pháp kiểm tra đánh giá học phần, giảng viên chịu trách nhiệm chủ động rà soát về hình thức kiểm tra đánh giá quá trình trên cơ sở các quy định trong quy chế đào tạo và hướng dẫn kế hoạch khảo thí hàng năm và phù hợp với tiến trình đào tạo cũng như yêu cầu của học phần. Đối với thi KTHP, Nhà trường sử dụng phương pháp chuyên gia trong việc thẩm định, nghiệm thu bộ câu hỏi để đưa vào ngân hàng và sử dụng [H16.16.03.01]. Công việc này do một hội đồng nghiệm thu gồm các CB, GV trong trường xét duyệt. [H16.16.03.02], Tùy theo mức độ phức tạp của NHĐT, cũng có thể mời chuyên gia ngoài trường thẩm định [H16.16.03.03]. Hội đồng nghiệm thu xem xét, rà soát về phương pháp đánh giá, cấu trúc, nội dung, chất lượng các câu hỏi thi. Ngoài ra, theo quy định của Nhà trường [H16.16.03.04], căn cứ vào kế hoạch giảng dạy và lịch thi kết thúc học phần của từng học kỳ, chậm nhất sau 4 tuần (từ khi bắt đầu học kỳ), các khoa có trách nhiệm họp chuyên môn rà soát, xem xét thay đổi hình thức thi hoặc rút bớt, thay thế, bổ sung đề thi và làm giấy đề nghị hoặc đăng ký để trình Hiệu trưởng xem xét [H16.16.03.05] [H16.16.03.06].

Trong quá trình chấm thi, căn cứ kết quả làm bài của sinh viên, cán bộ chấm thi có ý kiến nhận xét đề xuất điều chỉnh, thay đổi đề thi, đáp án. Kết thúc mỗi kỳ thi học kỳ, Phòng KT-ĐBCLGD tổng hợp tình hình của kỳ thi, bao gồm cả danh sách cán bộ coi thi chưa làm tròn nhiệm vụ và sinh viên vi phạm quy chế và những vấn đề tồn tại, ý kiến đề xuất của những cán bộ, GV, SV tham gia trong quá trình thi [H16.16.03.07], [H16.16.03.08]. Trên cơ sở đó, BGH họp cùng các phòng chức năng để rà soát quy trình thực hiện việc tổ chức thi nhằm đảm bảo công bằng, khách quan, ra quyết định kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế [H16.16.03.09]. Ngoài ra, trong mỗi đợt rà soát, cập nhật, điều chỉnh các CTĐT và đề cương học phần, nội dung kiểm tra đánh giá sinh viên cũng được rà soát cập nhật nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra tương ứng [H16.16.03.10].

Song song với việc cải tiến đề thi, một số đề thi theo hình thức Trắc nghiệm lựa chọn và Trắc nghiệm kết hợp khi đến tay sinh viên luôn được tích hợp các câu hỏi nhằm khảo sát mức độ đánh giá của sinh viên với đề thi để cuối mỗi đợt thi, chuyên viên phụ trách, giảng viên ra đề thi có cái nhìn tổng quan bước đầu về tình trạng đề thi trước khi tiến hành các bước phân tích chuyên sâu hơn [H16.16.03.11].

Phiếu hỏi tích hợp theo đề thi:

Nội dung	Mức đánh giá			Góp ý cụ thể ...
	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	
1. Hình thức thi				
2. Nội dung đề thi (chính xác, chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với nội dung học và ôn tập)				
3. Cấu trúc đề thi (độ khó, độ phủ chương trình học...)				
4. Thời gian				
5. Thang điểm				

Một số đề thi trắc nghiệm sau khi chấm sẽ được chuyên viên phụ trách tiến hành đánh giá bằng các phần mềm khảo thí hiện đại: SPSS, Conquest, IATA, để đưa ra kết luận về đề thi với các tiêu chí về Độ khó của câu hỏi, Độ khó của bài thi, Độ phân biệt của bài thi ... Qua đó khuyến nghị với giảng viên ra đề về những nội dung tốt, chưa tốt, cần điều chỉnh trong bộ đề thi cũng như lựa chọn ra các câu hỏi tốt, lưu vào ngân hàng đề thi để sử dụng lâu dài [H16.16.03.11].

Đối với kết quả đánh giá, Nhà trường công bố kết quả đánh giá chậm nhất 2 tuần sau khi thi. Sau khi công bố điểm thi, sinh viên được quyền phúc khảo bài thi, các bài thi này được xem xét hoặc chấm lại và kịp thời phản ánh kết quả đối với yêu cầu của sinh viên [H16.16.03.12], [H16.16.03.13], [H16.16.03.14], [H16.16.03.15]. Kết quả phúc khảo được công bố tại đơn vị tổ chức thi và công thông tin đào tạo chậm nhất 2 tuần làm việc sau khi nhận được đơn. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập trong Nhà trường.

Việc điều chỉnh các hoạt động đào tạo nói chung và hoạt động đánh giá nói riêng Với CTĐT đại học hệ chính quy, còn được căn cứ trên các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến mà Nhà trường đã và đang tiến hành. Kết thúc môn học, phòng Khảo thí -BBDC/LGD sẽ phối hợp cùng các khoa đào tạo tiến hành thu thập phản hồi của người học về một số nội dung liên quan đến đánh giá môn học [H16.16.03.16], [H16.16.03.17].. Ngoài ra, Nhà trường còn tiến hành khảo sát chất lượng đào tạo dành cho sinh viên cuối khóa, trong đó có các nội dung lấy ý kiến về phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát và lấy ý kiến được gửi về cho các Bộ môn, làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá, cải tiến nội dung, hình thức, quá trình giảng dạy, đánh giá [H16.16.03.18], [H16.16.03.19].

Phòng thanh tra có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình học tập của người học, quy trình tác nghiệp của GV, công tác tổ chức thi, công tác phúc khảo. Phòng ghi nhận lại các ý kiến các vấn đề trong toàn bộ các khâu kiểm tra đánh giá từ ra đề, coi thi, chấm thi... trên cơ sở đó báo cáo Ban giám hiệu và trao đổi trực tiếp với các đơn vị tổ chức thi để rút kinh nghiệm, cải tiến thực trạng [H16.16.03.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thu thập thông tin phản hồi về công tác kiểm tra, đánh giá qua nhiều kênh: diễn đàn, đối thoại, cố vấn học tập [H16.16.03.21]. ... Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ và thanh tra các đơn vị, trong đó có hoạt động đánh giá công tác kiểm tra, đánh giá. Đây cũng là một kênh để rà soát, thu thập thông tin về các hoạt động kiểm tra, đánh giá của Nhà trường [H16.16.03.22], [H16.16.03.23]. Hàng năm, Nhà trường cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy trình, quy định về kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.03.24].

Nhà trường cũng đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu, nhiều phân tích, báo cáo về kết quả kiểm tra, đánh giá người học, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá người học. Các nghiên cứu này cũng đã phân tích, đánh giá được thực trạng triển khai hoạt động kiểm tra, đánh giá tại thời điểm nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng [H16.16.03.25].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Kết quả đánh giá thực trạng, rà soát đã chỉ ra trước đây các loại hình KTĐG của Nhà trường nghèo nàn, thiếu tính thực tiễn và sáng tạo, chủ yếu là làm bài trên giấy với các hình thức phổ biến là: Tự luận, hoặc thực hành, một số ít trắc nghiệm đối với cả bài thi kết thúc học phần và kiểm tra giữa học phần. Các hình thức này chủ yếu là kiểm tra khả năng nắm vững kiến thức đã học để giải một số bài tập, giải thích một số hiện tượng liên quan hay thực hiện một số thao tác đã được học. Việc kết hợp các loại hình đánh giá kết quả học tập trong một học phần còn hạn chế. Các hình thức như HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, ĐG xác thực, ĐG theo dự án ...gần như chưa được áp dụng. Hình thức kiểm tra giữa kỳ của nhiều học phần giống như thi kết thúc học phần (đánh giá thông qua một bài kiểm tra tự luận).

Các phương pháp kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, linh hoạt, chưa đánh giá đúng và phát triển năng lực của SV. SV thường bị áp đặt, vì không được lựa chọn và chủ động trong bài kiểm tra; trả lời phải đúng đáp án mới điểm cao, khác đáp án (có khi là sáng tạo) nhưng vẫn đạt điểm thấp. Nhiều câu hỏi chủ yếu là tái hiện kiến thức lý thuyết, thậm chí ra đúng như đề mục trong bài, vì vậy nhiều SV bỏ tiết không đi học nhưng vẫn thi được là nhờ học thuộc lòng (học vẹt, không cần hiểu) hoặc quay cốp. Các câu hỏi vận dụng bậc cao rất ít, số lượng câu hỏi trong một đề thi không nhiều và không bao trùm toàn bộ nội dung môn học nên dễ đưa đến tình trạng học tủ, quay cốp. Năng lực mà HS được ĐG với PP này chủ yếu là năng lực trình bày, diễn đạt, lập luận, kỹ năng giải bài tập v.v.. Một số kỹ năng lực như trình bày một vấn đề trước đám đông, xử lý tình huống, làm việc hợp tác, độc lập sáng tạo... rất cần trong cuộc sống nhưng khó xác định được với cách KTĐG như trên. Do vậy, chưa thực hiện được chức năng khuyến khích, động viên SV phấn đấu vươn lên trong học tập và chưa cung cấp được các thông tin phản hồi để chỉ dẫn người học trong suốt cả quá trình, chưa khuyến khích và đánh giá được kết quả tự học của SV [H16.16.04.01] [H16.16.04.02] [H16.16.04.03] [H16.16.04.04].

Căn cứ các kết quả rà soát, Nhà trường đã liên tục cải tiến các loại hình đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Cụ thể như sau:

Nhà trường đã tăng cường các hình thức thi trắc nghiệm kết hợp, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, làm bài tập lớn ...trong đánh giá kết thúc học phần [H16.16.04.05].

Bảng tổng hợp các hình thức thi của các NHĐT Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Hình thức TKTHP	T7/2016		T7/2017		Đến nay	
	SL HP	%	SL HP	%	SL HP	%
Tự luận	468	73%	747	68%	818	67%
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	8	1%	38	3%	43	4%
Trắc nghiệm kết hợp	57	9%	118	11%	136	11%
Vấn đáp	71	11%	163	15%	186	15%
Thực hành	35	5%	37	3%	42	3%
Tổng	639	100%	1103	100%	1225	100%

Từ năm 2017, để nâng cao năng lực NCKH và tự học của SV, Nhà trường cũng bắt đầu triển khai và ngày càng mở rộng hình thức cho sinh viên làm tiểu luận thay thế thi kết thúc học phần. Dựa vào kết quả học tập của sinh viên, GV lựa chọn giao nhiệm vụ nghiên cứu. Tiểu luận của sinh viên được đánh giá như thi kết thúc học phần [H16.16.04.06].

Thông kê số lượng đề tài đăng ký làm tiểu luận thay thế thi kết thúc học phần

	2017	2018
	Tổng số: 112 đề tài Khoa GDCT: Khoa KHXH:07 đề tài (2 giảng viên hướng dẫn/2 học phần) Khoa KHTN: Khoa GDTH:	

Từ năm 2018, Nhà trường đã tăng cường các hình thức đánh giá thực đối với các ngành đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng [H16.16.04.07], [H16.16.04.08], [H16.16.04.09]. Trước đây các học phần chỉ được giảng dạy và đánh giá tại Trường và bởi đội ngũ giảng viên của Trường thì nay một số học phần được đánh giá tại doanh nghiệp, trường học nơi mà sinh viên sẽ làm việc sau này.

Bên cạnh đó, năm học 2018-2019, trên cơ sở rà soát, Nhà trường cũng rà soát điều chỉnh đề cương chi tiết của các của các học phần đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là điều chỉnh về hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần. Nhà trường cũng triển khai xây dựng hồ sơ, công cụ kiểm tra, đánh giá đối với các học phần 2 ngành “Việt Nam học”, “Giáo dục Mầm non” và các học phần môn chung. Đặc biệt quan tâm đến lựa chọn hình thức và xây dựng tiêu chí đánh giá quá trình các học phần. Các hình thức đánh giá quá trình được cải tiến đa dạng, phong phú các tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể hơn [H16.16.04.10]. Hồ sơ kiểm tra đánh giá này được phổ biến cho sinh viên ngay từ đầu khóa học.

Nhà trường cũng đã triển khai sử dụng một số phần mềm khảo thí hiện đại để định cỡ, phân tích các chỉ số về độ khó, độ phân biệt, độ giá trị.... Của các ngân hàng đề thi trắc nghiệm.

Kết quả kiểm tra hành động khắc phục, phòng ngừa cũng cho thấy các đơn vị đã tiến hành cải tiến các hoạt động kiểm tra, đánh giá kịp thời [H16.16.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường có hệ thống đánh giá toàn diện người học từ kiến thức, kỹ năng, thể chất, ngoại ngữ...giúp người học luôn không ngừng hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập tại trường
- ✓ Việc đánh giá người học được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ lúc nhập học tới khi ra trường. Quy trình đánh giá chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng,

khách quan. Các hình thức đánh giá đa dạng, giúp người học phát triển bản thân một cách toàn diện. Mặt khác, hình thức đánh giá được công khai và phổ biến cụ thể tới người học.

- ✓ Các hình thức đánh giá được xây dựng, kiểm tra, phê duyệt theo trình tự chặt chẽ, đảm bảo tính phù hợp, khách quan. Phân rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình đánh giá.
- ✓ Có quy trình phúc khảo rõ ràng, biện pháp kiểm tra đảm bảo tính chính xác, công bằng của quá trình đánh giá một cách chặt chẽ.
- ✓ Có quy định rõ ràng về chu kỳ rà soát đề cương chi tiết môn học nói chung và phương pháp, nội dung đánh giá môn học nói riêng.
- ✓ Các hình thức thi được cải tiến, đảm bảo tính chính xác, công bằng và tiết kiệm.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Chưa ban hành quy trình, hướng dẫn việc rà soát, cải tiến đề cương chi tiết từng môn học ở quy mô toàn trường.
- ✓ Kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng anh chỉ mang tính chất thời điểm, chưa khuyến khích được người học rèn luyện ngoại ngữ trong suốt quá trình học.
- ✓ Một số môn học chưa thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung và hình thức đánh giá một cách thường xuyên.
- ✓ Chưa thiết lập được ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học với số lượng đề thi đảm bảo đủ, tránh trùng lặp. Do vậy một số bộ môn đến trước kỳ thi mới nộp đề, gây khó khăn cho công tác kiểm tra nội dung và rà soát định kỳ

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét áp dụng chuẩn yêu cầu tiếng anh cho từng năm học để biến việc học ngoại ngữ là quá trình thường xuyên, liên tục của người học.	Phòng Đào tạo ĐH và Sau ĐH, bộ môn Tiếng Anh	Từ 8/2018
2		Cần sớm ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn về việc rà soát đề cương chi tiết các môn học ở quy mô toàn trường	Phòng Đào tạo ĐH và Sau ĐH	Từ 8/2018
3		Cần thiết lập ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học trong trường với số lượng đề của mỗi môn thi đảm bảo tính đa dạng, ít trùng lặp.	Phòng KT và KĐCL, các bộ môn	Từ 6/2018

TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

17.1.1 Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Nhà trường căn cứ vào những văn bản của Bộ Giáo dục đào tạo, UBND Thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội có kế hoạch triển khai cụ thể các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trong năm học thông qua kế hoạch của các đơn vị và đoàn thể. Nhà trường có kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

Các kế hoạch triển khai được phân công trách nhiệm và thực hiện cụ thể cho các đơn vị, cá nhân. Trung tâm Dịch vụ - Tổng hợp, Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trạm y tế, Phòng CT HSSV xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên về chế độ, chính sách, nơi ăn ở, học bổng, vay vốn, khám sức khỏe... Phòng ĐT các Khoa lập kế hoạch học tập năm học trong đó có lịch học, lịch kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ, lịch phúc tra, lịch tiếp sinh viên của cố vấn học tập, lịch xét học vụ để cảnh báo những sinh viên có kết quả không tốt. Phòng KH-CN cùng các Khoa lập kế hoạch tổ chức các Hội nghị khoa học sinh viên cấp Khoa, cấp Trường Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các câu lạc bộ, kế hoạch cụ thể cho các hoạt động xã hội, ngoại khoá trong năm. Các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập đều phải thông báo lịch gặp và giải đáp các thắc mắc của sinh viên [H17.17.1.1].

Đầu năm học, các đơn vị hỗ trợ sinh viên phân công cụ thể từng mảng công việc cho các thành viên có kinh nghiệm với lịch tiếp sinh viên rõ ràng. Đầu mỗi khóa học, Trường tổ chức các lớp học cho tân sinh viên để giới thiệu về truyền thống của Trường, chương trình, kế hoạch học tập, các nội quy, quy chế của Trường, phổ biến kiến thức pháp luật. Đầu khóa học, sinh viên cũng được học một số kỹ năng mềm, được tham quan phòng truyền thống của Trường, được cung cấp các địa chỉ liên hệ khi cần trợ giúp các vấn đề về học tập, sinh hoạt, tâm lý. Sinh viên các khóa cũ cũng tham gia các khóa học chính trị đầu năm học nhưng với thời lượng ít hơn. Những thông tin chính được in trong “Sổ tay sinh viên” cấp cho sinh viên khi tham gia lớp học chính trị đầu năm [H17.17.1.2].

17.1.2 Có kế hoạch triển khai hệ thống giám sát người học

Song song với việc xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống giám sát người học hàng năm để có sự theo dõi liên tục quá trình học tập và rèn luyện của người học.

Các hoạt động giám sát người học cũng được Nhà trường quan tâm thông qua việc xây dựng những kế hoạch cụ thể của phòng CT HSSV hoàn thiện hồ sơ người học Những thông tin quản lý sinh viên được hoàn thiện một năm một lần theo thông báo và được nhắc nhở thường xuyên trên qua các buổi Lễ chào cờ và sinh hoạt lớp hành chính. Thông tin giúp các Cố vấn học tập và khoa và các phòng ban: Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Đào tạo, Khảo thí và ĐB Chất lượng giáo dục; Thanh tra - Pháp chế.... giám sát người học trong suốt quá trình học tập tại nhà trường [H17.17.1.3].

Để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đo lường Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hàng năm có chỉnh sửa nội dung cho phù hợp trong công tác đánh giá. Thông qua mẫu đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; đo lường đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đo lường giúp cho các đơn vị, cá nhân hiểu nhìn nhận về kết quả đánh giá về cách thức, hành động cũng như thái độ để phục vụ người học được tốt hơn, hiệu

quả hơn. Đồng thời, các đơn vị cá nhân cũng nắm bắt được thông tin 2 chiều để có sự điều chỉnh nội dung, kế hoạch triển khai và cách thức phục vụ [H17.17.1.4].

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

17.2.1 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan một cách cụ thể tới các đơn vị và cá nhân.

Trong tổ chức nhà trường có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ học tập cho người học; có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học. Như Trung tâm tham vấn học đường và can thiệp sớm tập hợp các giảng viên giỏi về tâm lý, những sinh viên xuất sắc để giúp đỡ các bạn sinh viên có ổn định tâm lý, can thiệp những tình huống tiêu cực và giúp đỡ, cầu nối giữa sinh viên và các thành phần khác để cùng giúp đỡ sinh viên khi có công việc liên quan. Các đơn vị chức năng: trung tâm phát triển nghề nghiệp, trung tâm thông tin – thư viện, trung tâm dịch vụ - tổng hợp.... triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trong suốt năm học [H17.17.2.1].

17.2.2. Có triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Mỗi sinh viên của trường đều được cấp tài khoản, địa chỉ email để nhận các thông báo đăng kí môn học, xem kết quả học tập của mình cũng như đăng nhập vào Thư viện số Đại học Thủ đô Hà Nội phục vụ cho việc học tập và NCKH. Các biểu mẫu và hướng dẫn chi tiết về các thủ tục của sinh viên có thể lấy trên website của Trường hoặc phòng CT HSSV.

- Đầu năm học: Các hoạt động được lồng ghép trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa: Chào Tân sinh viên giúp sinh viên đầu khóa hiểu thêm về ngành nghề đã lựa chọn, biết thêm về những người bạn và khoa đào tạo; khám sức khỏe và tư vấn; Làm Thẻ sinh viên tích hợp với ngân hàng SHB miễn phí cho sinh viên.... Sinh hoạt các chuyên đề đầu khóa theo từng khoa, từng lớp giúp sinh viên hòa nhập và thiết nghi với môi trường mới.

- Giữa năm học Hội nghị khách hàng, lễ kí kết hợp tác với các doanh nghiệp. Cuối năm học, tuần sinh hoạt công dân cuối khóa có lồng ghép các nội dung về: Thực tiễn giáo dục Thủ đô trong giai đoạn hiện nay và công tác tuyển dụng chức; giáo dục pháp luật và văn hóa ứng xử của công dân Hà Nội... nhằm cung cấp những kĩ năng mềm cho sinh viên làm hành trang chuẩn bị ra trường hòa nhập với nhân lực lao động cho Thủ đô và đất nước. Bên cạnh đó, Các khoa đào tạo tổ chức các buổi tổng kết các hoạt động đào tạo, thực tập, cũng như các hoạt động chia tay ra trường để giúp các em sinh viên tăng thêm tình cảm, sự hiểu biết và gắn bó với nhau với nhà trường [H17.17. 2.2].

17.2.3. Có triển khai các hoạt động giám sát tiến trình học tập và kết quả học tập của người học

Ngoài việc được các giảng viên hỗ trợ, giám sát trực tiếp trên giảng đường, phòng thí nghiệm; sinh viên còn được các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ và giám sát các nội dung:

- *Về học tập*: ngoài phòng Đào tạo, trường có đội ngũ cố vấn học tập (CVHT) ở các khoa, các giáo viên chủ nhiệm, trợ lí cố vấn đồng đẳng, giáo vụ các khoa giúp cho sinh viên trong việc học tập. Các CVHT giúp sinh viên trong việc lựa chọn môn học, chọn

thầy hướng dẫn, định hướng NCKH và giải đáp các thắc mắc của sinh viên trong quá trình học tập. Các cố vấn học tập, giáo vụ khoa được cấp tài khoản có thể xem tình trạng học tập của sinh viên nhằm phát hiện các sinh viên có dấu hiệu học tập giảm sút để trợ giúp kịp thời. Danh sách giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cùng lịch gặp sinh viên được thông báo tới từng sinh viên qua email và qua lớp môn học.

Công tác CVHT tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong những năm qua đã hoạt động rất tốt. Đây được coi là có thể mạnh của trường. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội với một bề dày 60 năm xây dựng và trưởng thành có nền móng là trường Sư phạm nên công tác chủ nhiệm cũng như công tác cố vấn học tập rất chặt chẽ, nề nếp. Thầy cô quan tâm đến học sinh, sinh viên và có những tác động tích cực trong quá trình các em học tập tại trường. Những năm gần đây, khi Nhà trường bước sang một giai đoạn mới, chuyển từ trường cao đẳng sư phạm Hà Nội thành trường Đại học thủ đô Hà Nội vào ngày 31/12/2014 QĐ 2402 Nhà trường liên tục mở những cuộc tập huấn, Hội thảo về nâng cao chất lượng công tác CVHT trong nhà trường và thành lập Ban CVHT trường Đại học Thủ đô đồng thời xây dựng và áp dụng Thí điểm mô hình CVHT và Cố vấn đồng đẳng (CVĐĐ) – là các em sinh viên cùng ngành có những tiêu chuẩn thích hợp để tham gia hỗ trợ CVHT trong quá trình tư vấn cho sinh viên với cơ chế và nguyên tắc hoạt động: quyền lợi của CVHT và CVĐĐ được quan tâm nhiều hơn nhằm khích lệ công tác CVHT trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường Đại học đa ngành. Mô hình CVHT và CVĐĐ thí điểm cho năm học 2018 – 2019 cho 4 đơn vị đào tạo để rút kinh nghiệm chỉnh sửa cho phù hợp và áp dụng cho những năm học sau. Các CVHT được cung cấp: biểu mẫu để làm việc và hoàn thiện thông tin, theo dõi thông tin sinh viên trên cổng thông tin quản lý sinh viên của nhà trường, cung cấp miễn phí Sổ tay sinh viên và Sổ tay CVHT.

Cuối mỗi học kì, ngoài việc tổ chức đánh giá quá trình rèn luyện của mỗi sinh viên, Trường tổ chức xét học vụ cho sinh viên và đưa ra cảnh báo này được gửi cho sinh viên, gia đình, giáo viên chủ nhiệm, CVHT để tìm hiểu nguyên nhân đưa ra các trợ giúp phù hợp nhất. Sinh viên cũng có thể cải thiện kết quả học tập của mình bằng cách đăng ký các khóa học được tổ chức trong dịp hè dưới sự tư vấn của cố vấn học tập và trợ lý công tác sinh viên. Các khó khăn về đăng ký môn học, đổi môn học (nếu có) được Phòng Đào tạo và CVHT trợ giúp. Việc bảo lưu kết quả học tập hay ngừng học, được Phòng Đào tạo tư vấn và hỗ trợ về các thủ tục cần thiết.

Những sinh viên có kết quả học tập tốt được ưu tiên xét tuyển thẳng vào các chương trình sau đại học, được nhận các học bổng của các tổ chức, doanh nghiệp. Ngoài ra, những sinh viên này còn có quyền được tích lũy số tín chỉ nhiều hơn trong mỗi học kỳ để có thể tốt nghiệp sớm. Ngoài ra, sinh viên có nhiều cơ hội được tham gia đi thực tập nghề, tham gia học các môn bổ trợ khác như học nấu ăn, học hướng dẫn viên du lịch. Thông qua các gói tài trợ bằng hình thức học bổng do các đơn vị đào tạo kí kết hợp tác liên kết.

- Trường đề ra thời gian hợp lý để sinh viên có điều kiện được học chuyên ngành 2 song song và có nhiều cơ hội để cải thiện điểm; hoạt động này đã khích lệ rất nhiều cho sinh viên; giúp các em có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm việc làm khi ra trường đồng thời ổn định về mặt tâm lý khi tham gia tập tại nhà trường. Điều này cũng cho thấy số lượng sinh viên hàng tháng ít biến động. Tất cả những thông tin về học chuyên ngành 2

và học cải thiện điểm.... đều được đăng tải một cách rộng rãi và công khai trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường [H17.17.2.3.1].

Về nghiên cứu khoa học: Hội nghị NCKH sinh viên được tổ chức thường niên vào tháng 5. Tại Hội nghị, cả hai hình thức báo cáo (báo cáo trình bày và báo cáo poster) được áp dụng. Các Khoa chủ động tổ chức các lớp học về Phương pháp NCKH cho sinh viên. Các sinh viên tích cực tham gia vào các đề tài NCKH, các seminar hàng tuần qua đó có thể học hỏi được phương pháp nghiên cứu. Khi cần trợ giúp trong việc định hướng NCKH, sinh viên có thể hỏi cô vấn học tập, các thầy cô dạy hoặc tìm hiểu về hướng nghiên cứu trên website các Khoa. Các sinh viên NCKH đều được hỗ trợ tiếp cận và sử dụng các trang thiết bị nghiên cứu của Trường thông qua giáo viên hướng dẫn, Bên cạnh hoạt động nghiên cứu chính thống, các sinh viên còn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động liên quan đến KH&CN như tham gia thi robot, các cuộc thi sáng tạo trẻ... [H17.17.2.3.2].

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm: Đầu năm học, các Khoa tổ chức giới thiệu, định hướng cho sinh viên trong việc lựa chọn chuyên ngành. Hàng năm Trường phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hội chợ việc làm sinh viên, tổ chức các buổi tiếp xúc giữa sinh viên với các đơn vị tuyển dụng cho từng ngành, tổ chức các đợt đi thực tập thực tế tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp. Các thông tin tuyển dụng được gửi tới sinh viên dạng bản cứng, đăng lên website của Trường và gửi vào hộp thư của từng sinh viên thông qua hệ thống email của Trường. Các sinh viên đã tốt nghiệp cũng nhận được các email này. Trung tâm phát triển nghề nghiệp phối hợp với Đoàn Thanh niên trường tham gia các chương trình Hướng nghiệp cho sinh viên. Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực của ĐHQGHN cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên phù hợp với thị trường lao động [H17.17.2.3.3].

Về trao đổi sinh viên: Việc trao đổi sinh viên cũng được Nhà trường chú trọng. Số lượng sinh viên đi trao đổi học tập, nghiên cứu khoa học, giao lưu văn hóa hàng năm được cho trong bảng 17.3.1.

Bảng 17.3.1. Số lượng sinh viên đi trao đổi học tập, NCKH và giao lưu văn hóa ở nước ngoài giai đoạn 2015-2018.

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số sinh viên	53	59	70	10	20

Về chế độ, chính sách (hỗ trợ tài chính): Hàng năm nhà trường xét duyệt Sinh viên thuộc hộ nghèo, mồ côi, tàn tật, sinh viên dân tộc thiểu số vùng cao được trợ cấp hàng tháng một cách kịp thời nhằm động viên khích lệ các em có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục cố gắng học tập không bỏ học giữa chừng. Sinh viên là con của người có công với cách mạng, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, con của người bị tai nạn lao động, được miễn, giảm học phí. Sinh viên được hướng dẫn, tạo điều kiện để vay vốn từ các ngân hàng, quỹ tín dụng của sinh viên để phục vụ học tập.

Về học bổng: Hết mỗi học kỳ, sinh viên có kết quả học tập tốt nhận được học bổng khuyến khích học tập của Trường. Số tiền chi cho học bổng khuyến khích sinh viên giai

đoạn 2012-2015 được cho trong bảng 17.3.2. Qua đây, có thể thấy rằng kinh phí chi học bổng và từ các nguồn hỗ trợ khác cho sinh viên của Trường tăng đều hàng năm.

Bảng 17.3.2. Số tiền chi cho học bổng khuyến khích sinh viên của Trường giai đoạn 2015-2018.

Năm	2015	2016	2017	2018
Tổng số tiền	1.168.250.000đ	1.215.500.000đ	1.843.000.000đ	1.407.700.000đ

Ngoài ra, sinh viên Trường còn nhận được học bổng từ nhiều nguồn tài trợ khác với giá trị hàng năm lên đến hàng tỉ đồng

Bảng 17.3.3. Số tiền sinh viên nhận được từ các nguồn học bổng tài trợ

Năm	2015	2016	2017	2018
Tổng số tiền	217.000.000đ	264.582.000đ	225.000.000đ	144.000.000đ

Năm 2019 nhà trường thành lập Ban khuyến học trường do thầy Hiệu trưởng làm trưởng ban Ban cũng đã xây dựng quy định và quy chế thực hiện nhằm quan tâm đến các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện [H17.17.2.3.4].

Về thư viện, kí túc xá: Để trợ giúp sinh viên ngoại trú, Trường luôn phối hợp với các địa phương nơi sinh viên cư trú nhằm hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho sinh viên trong sinh hoạt cũng như tham gia các hoạt động khác. Sinh viên có nguyện vọng được xếp ở ký túc xá của Trường tại 98 Dương Quảng Hàm, Số 6 Vĩnh Phúc, 131 thôn Đặc Tài, Mai Đình. Các ký túc xá đều khang trang, sạch sẽ thuận tiện cho sinh viên. Có nhiều hoạt động cho sinh viên tham gia vệ sinh, trang trí phòng ở KTX trong các hoạt động ngoại khóa hay kỉ niệm những Ngày Lễ lớn của Thủ đô và đất nước, Như Hội thi: “Phòng ở kiểu mẫu”; “Ngôi nhà màu xanh”.... Tại Trường hay tại ký túc xá sinh viên đều có thể sử dụng hệ thống thư viện của Đại học Thủ đô Hà Nội với kho dữ liệu sách, báo in và điện tử phong phú đáp ứng tốt nhu cầu học tập, NCKH của sinh viên. Ngoài việc được sử dụng các dịch vụ hiện đại với nhiều CSDL của thư viện trong Trường và các trường thuộc Liên hiệp thư viện Đại học các tỉnh phía Bắc, Phòng CT HSSV cũng giới thiệu các sinh viên đến sử dụng Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Khoa học kỹ thuật Trung ương. Hàng năm, lãnh đạo Trường cùng các đơn vị hỗ trợ sinh viên đến thăm hỏi, chúc Tết sinh viên ở ký túc xá, chúc Tết sinh viên quốc tế; thăm hỏi và chúc Tết sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán, Tết dương lịch. Trường cũng phối hợp với các đơn vị như Ga Hà Nội, Công ty xe khách, các công ty phát hành sách hỗ trợ sinh viên với giá ưu đãi.

Trung tâm thư viện duy trì trồng nhiều cây xanh và vệ sinh môi trường xanh, sạch tạo môi trường thân thiện, gần gũi với thiên nhiên và bạn đọc. Thư viện cũng có những phiếu khảo sát hàng năm nhằm tìm hiểu thông tin và những tâm tư, nguyện vọng của bạn đọc để có những điều chỉnh phù hợp. Việc này Thư viện đã có những nề nếp hàng năm nên thông tin phản ánh về chất lượng phục vụ là rất tốt. Cụ thể có trong kết quả đánh giá của thư viện hàng năm [H17.17.2.3.5].

Về các hoạt động phong trào: Đoàn thanh niên và Hội sinh viên thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao: Tài năng HNMTU; Thi Miss HNMTU; Thi Dân vũ,

Thi bóng đá nữ HNMTU. Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội bộc lộ mình tại các câu lạc bộ dành cho sinh viên như các câu lạc bộ chuyên môn học thuật, Câu lạc bộ Khiêu vũ, Câu lạc bộ Tiếng Anh. Thêm nữa, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên có trang Confession của nhà trường như một diễn đàn cho sinh viên thể hiện các ý tưởng riêng trong học tập, văn học, thơ ca, các kỹ năng và hiểu biết xã hội [H17.17.2.3.6].

Về bảo hiểm, y tế và chăm sóc sức khỏe và tư vấn tâm lý: Các cán bộ và sinh viên của Trường có bảo hiểm y tế. Trạm y tế với trang thiết bị đầy đủ để chăm sóc sức khỏe cho sinh viên và cán bộ. Sinh viên được kiểm tra sức khỏe khi nhập học và được Trạm y tế lập sổ theo dõi sức khỏe trong suốt thời gian học tập tại Trường. Ngoài ra, sinh viên còn được tham gia các buổi nói chuyện, chương trình tư vấn về sức khỏe, tâm lý, giáo dục giới tính do các chuyên gia, bác sĩ giới thiệu. Trạm y tế cử cán bộ y tế về trực tại Trường hàng ngày để chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, sinh viên.

Các sinh viên có vấn đề về tâm lý sẽ được các giáo viên chủ nhiệm, CVHT, cán bộ phòng Đào tạo trao đổi, giúp đỡ. Về trợ giúp các nhu cầu đặc biệt: Các lớp học có sinh viên khuyết tật được Trường bố trí ở tầng 1 để thuận tiện cho việc đi lại của các em. Các sinh viên có sức khỏe đặc biệt được Trường và Trung tâm Giáo dục thể chất bố trí thời gian, các môn học thể dục phù hợp. Các sinh viên gặp tai nạn hoặc có hoàn cảnh khó khăn đều được Trường, Khoa, các đoàn thể thăm hỏi, động viên, tổ chức vận động các đoàn viên, cán bộ quyên góp giúp đỡ. Ngoài ra, nhà trường có những chính sách hỗ trợ sinh viên có những hoàn cảnh đột xuất khó khăn trong việc tiếp tục học tập bằng Quỹ khuyến học của nhà trường [H17.17.2.3.7].

17.2.4. Có triển khai hệ thống giám sát người học để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Hàng năm, Nhà trường có nhiều nội dung khảo sát người học của các đơn vị về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát; có triển khai các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học. Hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ từng đơn vị; Khảo sát hiệu quả chương trình cải cách thủ tục hành chính; Khảo sát của Trung tâm thông tin thư viện; khảo sát của Đoàn thanh niên; khảo sát chất lượng Đào tạo. Thông qua phiếu khảo sát về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, các đơn vị có kênh thông tin để điều chỉnh hoạt động, nội dung và thái độ phục vụ đối với người học hàng năm đem lại kết quả đào tạo ngày càng cao [H17.17.2.4].

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

17.3.1. Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát

Theo định kỳ, Kiểm toán nhà nước về làm việc với Trường nhằm kiểm tra, giám sát, quản lý việc sử dụng ngân sách trong đó có kiểm tra tỷ lệ ngân sách dành cho sinh viên, việc thu học phí, chi học bổng, giải quyết các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên. Phòng Đào tạo, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục cũng giám sát, kiểm tra các hoạt động hỗ trợ sinh viên của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội [H17.17.3.1].

17.3.2. Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát

Trường có Phòng Thanh tra pháp chế giúp BGH trong công tác thanh tra và ĐBCL toàn diện các hoạt động của Trường. Phòng Thanh tra pháp chế tổ chức các đợt thanh tra thường xuyên và đột xuất, là đầu mối giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên. Cuối mỗi học kì, Phòng Khảo thí và ĐBCL đều lấy ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên cho từng môn học cũng như ý kiến đánh giá của học sinh, sinh viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính của Trường. Mỗi năm học, Trường tổ chức gặp mặt giữa sinh viên với lãnh đạo Trường để lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, hỗ trợ sinh viên của Trường cũng như lắng nghe tâm tư nguyện vọng của sinh viên. Trung tâm thư viện cũng khảo sát hàng năm để trưng cầu ý kiến đóng góp cho thư viện đồng thời tiếp thu những tình cảm, tâm tư nguyện vọng của các em cho công tác phục vụ thư viện ngày càng tốt hơn. Ngoài các kênh chính thống, các cán bộ Phòng CT HSSV còn có được phản hồi của sinh viên từ các trang mạng xã hội, các diễn đàn. Ngoài ra, Trường cũng thường xuyên tổ chức hội nghị giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập để lắng nghe các ý kiến đóng góp về công tác hỗ trợ sinh viên.

Hội nghị giao ban toàn trường được tổ chức định kỳ 1 tháng/1 lần. Tại các hội nghị này, lãnh đạo các đơn vị phải báo cáo tình hình triển khai công việc của đơn vị mình, trong đó có công tác hỗ trợ sinh viên để Trường có các điều chỉnh phù hợp. Tuy nhiên, kết quả đánh giá của sinh viên, ý kiến phản hồi của giáo viên chủ nhiệm, CVHT cũng cho thấy một số hạn chế cần được khắc phục như:

- Cán bộ phòng CT HSSV, trợ lý CVHT, CVHT, GVCN khó khăn trong việc theo dõi kết quả học tập của sinh viên nhằm hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong học tập.

- Phòng tự học còn hạn chế, wifi chưa tốt, cần phần mềm quản lý đào tạo, quản lý sinh viên còn thiếu một số chức năng cần thiết.

Dựa vào kết quả đánh giá, kết luận của các đoàn kiểm tra, phản hồi của sinh viên, giảng viên, sự góp ý của giáo viên chủ nhiệm, CVHT, Trường đã có những điều chỉnh, thay đổi phù hợp để công tác hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn [H17.17.3.2].

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Về chất lượng phục vụ người học:

- Trung tâm tư vấn và can thiệp sớm có luôn sẵn sàng tư vấn cho sinh viên khi gặp khó khăn về tư tưởng trong quá trình học tập và rèn luyện của người học đồng thời có sự chia sẻ về kinh nghiệm với các giảng viên tham gia CVHT và giảng dạy cho sinh viên. Các Trung tâm Thông tin thư viện; Trạm y tế trường luôn thay đổi nội dung, hình thức phục vụ và tăng cường thời gian phục vụ người học. Chất lượng phục vụ luôn tăng lên rõ rệt trong thời gian gần đây.

- Các hoạt động của Đoàn Thanh niên trường, liên chi đoàn liên tục được đầu tư, quan tâm của các cấp và đổi mới về hình thức thu hút ngày càng nhiều sinh viên tham: nhiều hoạt động thiện nguyện, các hoạt động của các CLB được đầu tư và có nhiều thời

gian hoạt động điều này đã được minh chứng bằng giải thưởng của sinh viên tham gian Thành phố, Ngành Giáo dục [H17.17.4.1].

Về cơ sở vật chất phục vụ và hỗ trợ người học:

- Hệ thống wifi được phủ sóng tại 3 cơ sở đào tạo của nhà trường và được hoàn thiện hàng năm có sự đầu tư nhiều về cơ sở vật chất; hệ thống phần mềm quản lý được đơn vị cung cấp xử lý kịp thời khi có sự cố và được hoàn thiện hàng năm. Hiện nay, trung tâm Khoa học Công nghệ của nhà trường đang nghiên cứu, viết thêm những phần mềm để phục vụ quá trình đào tạo và quản lý sinh viên.

- Các đơn vị phục vụ người học được cũng có nhiều hoạt động liên tục đổi mới với hình thức đào tạo của Nhà trường: Thiết lập nhiều kênh thông tin kết nối với người học như hệ thống trang Website; trang face của trường để có những thông tin kịp thời hay những hoạt động truyền hình trực tiếp. Nhiều phòng học thông minh được đầu tư có sự kết nối online. Học trực tuyến E-Learning được đầu tư một cách đồng bộ và sự tham gia đông đảo của các giảng viên.

Stt	Số liệu phục vụ	2015	2016	2017	2018
	- Tần suất wifi phục vụ người học				
	- Số phòng học thông minh				

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học luôn được cải tiến trong từng mảng hoạt động

Năm 2017, Trường đã chinh trang thêm phòng tự học cho sinh viên, cung cấp hệ thống Wifi miễn phí được phủ sóng trong toàn bộ khuôn viên Trường. Phòng CTHSSV cũng đã triển khai hệ thống biểu mẫu online thuận lợi cho sinh viên; các phần mềm quản lý đào tạo đại học, quản lý đào tạo sau đại học, quản lý sinh viên, cổng thông tin của người học,... thường xuyên được nâng cấp.

Các phòng luôn được kiểm tra, rà soát và bổ sung thường xuyên quạt, điện, ánh sáng, các thiết bị..... phục vụ việc học cũng như tập thể dục thể thao của sinh viên cũng luôn được bổ sung và chỉnh trang. Như nhà thể chất đa năng, khu vực sân cho sinh viên học thể dục và chơi thể thao luôn được ưu tiên dành không gian [H17.17.4.2].

- Về hoạt động giáo dục tâm lí, hỗ trợ sức khỏe:

Nhà trường có nhiều hình thức giáo dục tâm lí cho sinh viên; thông qua nhiều kênh. Nhà trường mở Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khóa đều có những chuyên đề về giáo dục sức khỏe và giới tính, giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên. Bên cạnh đó các khoa đào tạo về chuyên ngành sư phạm đều có những chuyên đề riêng cho sinh viên phục vụ theo chuyên ngành ví dụ: Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên và phát hiện tan máu bẩm sinh cho khoa giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học. Các khoa đều có những hoạt động giáo dục về tâm lí cho sinh viên phù hợp với chuyên ngành đang theo học [H17.17.4.3].

- Hình thức khen thưởng, động viên khích lệ học sinh, sinh viên luôn được nhà trường quan tâm. Trong năm học 2018 – 2019, Nhà trường đã động viên, khen thưởng

khích lệ sinh viên kịp thời trong các hoạt động: Nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, Cuộc thi sáng tạo trẻ. Điều này đã tạo đà cho sinh viên say mê với khoa học và học tập đạt thành tích cao trong các cuộc thi của Thành phố và của Ngành giáo dục Sinh viên được cộng điểm khi có giấy khen cấp trường trở lên trong đánh giá điểm rèn luyện. Được ghi nhận và xét học bổng cuối kỳ [H17.17.4.4].

- Mở rộng mạng lưới đối tác trong đó chú trọng đến các đối tác là các cựu sinh viên của Trường thành lập ban liên lạc cựu sinh viên cấp Trường; chủ động làm việc với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng là cựu sinh viên của Trường để thu được những đóng góp, nhận xét nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho sinh viên. Nhiều cựu sinh viên có những hoạt động trao đổi, hỗ trợ, tư vấn, chia sẻ với sinh viên khóa sau về học bổng, hướng nghiệp việc làm. Theo kết quả điều tra bằng phiếu khảo sát Có 93% về sự hài lòng của người học, cựu người học hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học [H17.17.4.5].

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Hệ thống sử dụng mạng xã hội được các lớp học quản lý hành chính sử dụng và khai thác một cách triệt để, tối ưu. Do đó các chế độ, chính sách hay những thông tin tới sinh viên được triển khai một cách kịp thời, hiệu quả và chính xác. Đây được coi là cách thức tiện lợi, tiết kiệm và nhanh nhất để kết nối giữa Nhà trường, giảng viên và hssv.
- ✓ Công tác CVHT không ngừng được cải thiện và nâng cao. Có nhiều chính sách và chế độ hỗ trợ cho giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT để tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong mọi mặt. Có nhiều ưu đãi cũng như cảm nang cung cấp cho giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT. Đội ngũ CVHT và CVĐĐ được học tập bồi dưỡng hàng năm và hỗ trợ tích cực.
- ✓ Nhà trường kí kết với nhiều tổ chức và cá nhân tài trợ và giúp đỡ sinh viên trong việc thực hành, thực tập nghề.
- ✓ Trường có nhiều phòng chức năng, Trung tâm... cùng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động và xử lý sự vụ, sự việc để sinh viên có nhiều cơ hội và điều kiện học tập tốt nhất.
- ✓ Trường đề ra thời gian hợp lý để sinh viên có điều kiện được học chuyên ngành 2 song song và có nhiều cơ hội để cải thiện điểm; hoạt động này đã khích lệ rất nhiều cho sinh viên; giúp các em có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm việc làm khi ra trường đồng thời ổn định về mặt tâm lý khi tham gia tập tại nhà trường. Điều này cũng cho thấy Số lượng sinh viên hàng tháng ít biến động.
- ✓ Nhiều hình thức tổ chức hoạt động của sinh viên có nhiều đổi mới, phong phú và hấp dẫn sinh viên. Trong đó kết hợp với nhiều tổ chức, cá nhân, chuyên gia để hoạt động được phong phú về nội dung, nhiều về tài trợ..... tạo động lực cho sinh viên tham gia các hoạt động của các tổ chức trong nhà trường.
- ✓ Hình thức khen thưởng, động viên của sinh viên được kịp thời và được ghi nhận và tính vào điểm đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cuối kì.

Tóm tắt các điểm tồn tại: chỉ ra các điểm mà CSGD coi là tồn tại và cần phải cải tiến.

- ✓ Công thông tin đào tạo quá tải, bị lỗi nhiều, sinh viên và giảng viên cũng như các bộ phận có liên quan gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức dạy, học và quản lý đào tạo.
- ✓ Giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT nên có chỗ còn quá tải trong công việc vì số tiết của giảng viên giảng dạy nhiều mà giảng viên làm công tác CVHT phải đúng chuyên ngành sinh viên đang học và nghiên cứu do đó, công tác CVHT chưa đồng đều.
- ✓ Hoạt động nghiên cứu khoa học còn nhiều khiêm tốn, do đó môi trường về NCKH tạo được sự khích lệ cho hoạt động này đặc biệt là đối với sinh viên.

Kế hoạch cải tiến: các kiến nghị nhằm khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	T.gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ	-Xây dựng chuyên trang giới thiệu, về những sản phẩm của đơn vị cung cấp, phục vụ cộng đồng. - Xây dựng cơ chế Xã hội hóa và liên kết các đơn vị ngoài nhà trường để có sự đầu tư và bao tiêu những sản phẩm của đơn vị trong trường sản xuất với giá thành và sức tiêu thụ ổn định. - Những hoạt động thiện nguyện của CBGV và sinh viên cần có những báo cáo cụ thể trong từng hoạt động	-P.Tạp chí Các đơn vị Các tổ chức Đoàn thể	2 năm	Tiêu chí 21.1
2	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	- Cần xây dựng hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ phục vụ công tác quản lý, phục vụ và hỗ trợ người học: hệ thống quản lý phẩm mềm sinh viên. Thư viện tăng thêm nhiều đầu sách; Trạm y tế, hệ thống trang thiết bị trong phòng học hiện đại hơn tại các cơ sở đào tạo trong nhà trường.....	Các đơn vị	2 năm	Phục vụ các tiêu chí
3	Phát huy điểm mạnh	- Phát huy những thế mạnh của từng đơn vị và tổ chức trong cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng ngày càng chất lượng, nâng cao uy tín, tạo dựng thương hiệu và là cơ sở để giảng viên và sinh viên được thực hành ứng dụng lí thuyết. tìm hiểu và thiết nghĩ với	Các đơn vị có sản phẩm cung cấp phục vụ cộng đồng		Tiêu chí 20.1

		nhu cầu của xã hội.			
--	--	---------------------	--	--	--

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
	17.1	4.5	17	4.38
	17.2	4.5		
	17.3	4.5		
	17.4	4		

TIÊU CHUẨN 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1- Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Hoạt động NCKH là một trong những lĩnh vực được chú trọng của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Nhiệm vụ NCKH đã được đưa vào trong sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường. “Đến năm 2025, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành một trong những trường Đại học đa ngành, đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia; từng bước chuyển đổi sang mô hình đại học nghiên cứu, đa ngành, đa cấp, có uy tín cao trong khu vực và thế giới”.

Để đạt được mục tiêu từng bước chuyển đổi sang mô hình đại học nghiên cứu, nhiệm vụ đầu tiên chính là thiết lập hệ thống chỉ đạo, điều hành thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu và các hoạt động liên quan nghiên cứu..

Sau khi nhà trường được nâng cấp lên thành trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển đã được thành lập. [H18.1.1.2] và được giao quản lý chính các hoạt động Khoa học công nghệ. Bên cạnh đó, để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã thành lập **Trung tâm Khoa học công nghệ**. Trung tâm Khoa học – Công nghệ có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong quản lý thực hiện các định hướng, mô hình nghiên cứu, phát triển giáo dục, khoa học của Trường.

Việc hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động NCKH được quy định chi tiết và rõ ràng trong quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học. [H18.1.1.4 - H18.1.1.6] Quy chế quy định nội dung, phân cấp quản lý, tổ chức các hoạt động NCKH và công nghệ, phân loại 6 loại hình nhiệm vụ nghiên cứu, xác định danh mục hoạt động nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và các cấp tương đương khác.

Nhà trường có các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH; có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH. Các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH được quy định cụ thể trong nội dung và phụ lục của Quy chế hoạt động khoa học. Các phiếu đánh giá chất lượng đề tài khoa học được xây dựng, chi tiết hóa đến các tiêu chí và thang điểm đánh giá. Căn cứ vào tiêu chí đánh giá, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH phân loại chất lượng sản phẩm NCKH theo các mức độ: Xuất sắc, Tốt, Khá, Đạt, Không đạt. [H18.1.1.4 - H18.1.1.6] Để theo dõi, rà soát công việc này, mỗi khoa có Hội đồng khoa và Trợ lý khoa học. Phòng QLKH – HTPT là đầu mối quản lý, thực hiện và rà soát chung toàn trường. [18.1.1.1], [H18.1.1.4 - H18.1.1.6].

Để quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học, nhà trường đã ban hành Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường, Quy trình tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học, Quy trình cử cán bộ, giảng viên tham dự hội thảo khoa học.

Để quản lý, giám sát và rà soát chất lượng cán bộ, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc của giảng viên, trong đó có tiêu chuẩn về nghiên cứu khoa học và khối lượng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với cán bộ, giảng viên. [H18.1.1.2], [H18.1.1.1] Dựa trên các tiêu chuẩn giảng viên trong Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học, giảng viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo năng lực nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, định mức nghiên cứu khoa học được quy định hằng năm đối với giảng viên tập sự là 80 giờ, giảng viên là 160 giờ, giảng viên chính là 210 giờ, giảng viên cao cấp là 240 giờ. [H18.1.1.2], [H18.1.1.1]

Hằng năm, việc đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức được xét trên nhiều tiêu chí, trong đó có việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH. [H18.1.1.3]. Để đảm bảo chất lượng cán bộ NCKH, nhà trường có quy định rà soát công tác NCKH hằng năm. Cán bộ giảng viên kê đăng ký nhiệm vụ NCKH vào đầu năm học và khai nhiệm vụ NCKH vào cuối năm học, Hội đồng Khoa hoặc Trường đơn vị xác nhận vào bản kê khai. Căn cứ vào khối lượng và chất lượng NCKH của cán bộ, giảng viên, nhà trường có chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên cán bộ giảng viên nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. [H18.1.1.1] [H18.1.1.4] Đối với các đơn vị trong toàn trường, hằng năm đều tiến hành thống kê các chỉ số năng lực đội ngũ khoa học của đơn vị dựa trên các tiêu chí về số lượng cán bộ, giảng viên và trình độ học hàm, học vị chuyên môn. Chỉ số năng lực đội ngũ khoa học là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và phân bổ kinh phí khoa học của đơn vị.

Nhà trường đã chú trọng phát triển và huy động các nguồn lực NCKH, cả về nguồn lực nhân sự và nguồn lực tài chính.

Để phát triển đội ngũ NCKH, các hoạt động nhằm nâng cao năng lực NCKH cho cán bộ giảng viên được tổ chức, như chia sẻ thông tin hội thảo khoa học trong và ngoài nhà trường, tổ chức các diễn đàn chia sẻ phương pháp nghiên cứu, nguồn lực thông tin trong NCKH, hội thảo khoa học cán bộ trẻ [H18.3.4.1]. Một trong những nguồn lực quan trọng nhất trong nghiên cứu khoa học đó là tài chính. Vấn đề kinh phí đảm bảo tính chiến lược cho hoạt động khoa học, kế hoạch dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm.

Để chỉ đạo, điều hành các hoạt động liên quan đến NCKH, nhà trường có hệ thống văn bản quy định trách nhiệm, sự phối hợp thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác NCKH, như chỉ đạo Phòng Tạp chí đăng nội dung Nghiên cứu khoa học trên website của Trường tại địa chỉ <http://hnmdu.edu.vn/khoa-hoc-cong-nghe.html>; công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên Tạp chí Khoa học của trường trên tạp chí giấy và trên website tại địa chỉ <http://ojs.otn.edu.vn/index.php/tapchikhoahoc>; tổ chức các Hội thảo khoa học sinh viên, hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, cấp quốc gia và quốc tế.

Tiêu chí 18.2 . Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Với chiến lược xây dựng Trường thành đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội không ngừng đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ vào đào tạo, bồi dưỡng. Trong hơn 3 năm, từ khi được thành lập đến nay (2014 – 2018), Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã chủ trì thực hiện 3 đề tài cấp Bộ, Thành phố; 5 đề tài trọng điểm cấp Trường; 26 Đề tài cấp Trường; 12 đề tài cấp khoa và 03 Đề tài đã được đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng. Nhà trường đã tổ chức thành công 11 Hội thảo lớn (trong đó 03 Hội thảo quốc gia, 08 Hội thảo cấp Trường) nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong việc đổi mới và cải cách giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường đã có 58 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế, 356 Bài báo được đăng ở các tạp chí trong nước, 300 tài liệu và giáo trình học tập, 526 Báo cáo khoa học trong nước và quốc tế. Một trong những đề tài trọng điểm của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã được đưa vào chương trình bồi dưỡng cho giáo viên toàn Thành phố nhằm bồi dưỡng kỹ năng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.

Khuyến khích các giảng viên thực hiện nhiệm vụ NCKH có chất lượng, ứng dụng và triển khai các kết quả NCKH trong giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ SV NCKH. Nhà trường có nhiều chính sách khen thưởng, đãi ngộ cho các công bố khoa học có giá trị. Thành lập Trung tâm Khoa học công nghệ và Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp để chuyên trách thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm KHCN của Nhà trường. Phối hợp với các doanh nghiệp thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm. Giao quyền tự chủ hoạt động KHCN cho các đơn vị trong toàn trường.

Trường cũng đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động đối với Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo Giấy phép hoạt động báo chí in số 571/GP-BTTTT cấp ngày 26/10/2015; Chỉ số ISSN số 2354-1512. Hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã ổn định và xuất bản định kỳ 1 tháng 1 số (tháng chẵn số Khoa học Xã hội, tháng lẻ số Khoa học Tự nhiên). Tạp chí đăng tải các kết quả nghiên cứu khoa học của các nhà nghiên cứu trong và ngoài trường với nhiều lĩnh vực khác nhau. Tạp chí đã xuất bản được 16 số với 3200 bản, công bố 180 bài báo khoa học có chất lượng. Nhà trường thiết lập được một số những cơ chế và văn bản chỉ đạo, điều hành, thực hiện, rà soát, giám sát các hoạt động nghiên cứu. Trong đó việc huy động các nguồn kinh phí cũng như kêu gọi nguồn kinh phí xã hội hóa và sử dụng kinh phí được quy định tại Quy chế hoạt động KHCN.

Tiêu chí 18.3. Xây dựng cơ chế phối hợp trong việc thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường đang từng bước thực hiện lộ trình triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, cụ thể điều này được thể hiện qua bước đầu triển khai việc thực hiện đề xuất đặt hàng đề tài nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Trung tâm Khoa học Công nghệ là đầu mối triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ, tìm kiếm nguồn thu từ sản phẩm nghiên cứu khoa học.

Những vấn đề dự thảo khác cũng đang được Nhà trường xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển của Nhà trường trong đó, hoạt động nghiên cứu và triển khai R&D được coi trọng; yêu cầu việc triển khai các hoạt động hợp tác NCKH hoặc chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội; có hoạt động NCKH hợp tác/ phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới của cơ sở giáo dục.

Tiêu chí 18.4. Thực hiện việc từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu nhiệm vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Các đề tài được thông qua trong công tác triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học đều được tổ chức theo lộ trình đã phê duyệt.

Các chỉ số thực hiện chính dùng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu được quy định trong Quy chế hoạt động khoa học công nghệ. Hiện tại, có 2 chỉ số chính đang được sử dụng để đánh giá hoạt động NCKH của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là chỉ số năng lực đội ngũ và chỉ số sản phẩm khoa học và công nghệ. Chỉ số năng lực đội ngũ tính trên số lượng và chất lượng đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên chính, giảng viên của nhà trường. Bên cạnh chỉ số năng lực đội ngũ khoa học, nhà trường cũng quy định số sản phẩm khoa học và công nghệ dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình. Bao gồm:

- Đề tài cấp Nhà nước;
- Đề tài cấp Bộ, đề tài nhánh cấp Nhà nước, đề tài cấp Sở, đề tài cấp Thành phố hoặc tương đương;
- Đề tài trọng điểm cấp Trường;
- Đề tài cấp Trường;
- Sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn...
- Số bài báo quốc tế, trong nước, số bài báo ISI, SCI, SCIE và SCOPUS;
- Số báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế và trong nước;

Chỉ số sản phẩm khoa học và công nghệ năm học trước được lấy làm cơ sở phân bổ nguồn lực NCKH cho năm học kế tiếp.

Việc tiêu chuẩn hóa theo định mức với các chỉ số thực hiện đánh giá chất lượng nghiên cứu được sử dụng để đánh giá và thẩm định chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học với tác động trong hoạt động nghiên cứu cũng như ảnh hưởng với nhu cầu của xã hội, đồng thời đây cũng là cơ sở để đề ra yêu cầu và nhiệm vụ trong hoạt động nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên trong từng năm học cụ thể.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến về các mặt hoạt động của nhà trường, trong đó có công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Nội dung lấy ý kiến khảo sát tập trung vào tính hợp lý/ bất hợp lý của quy trình quản lý NCKH, sự phù hợp, thuận lợi của các biểu mẫu trong các quy trình quản lý khoa học, sự hiệu quả trong việc quản lý, rà soát hoạt động nghiên cứu khoa học. Các ý kiến phản hồi về công tác quản lý khoa học đều được bộ phận chức năng tổng hợp nhằm điều chỉnh. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Nhà trường đã nghiên cứu, ban hành Quy chế hoạt động NCKH 2018 thay thế cho Quy chế hoạt động NCKH năm 2016; sửa đổi, bổ sung quy trình quản lý NCKH 2017 thay cho quy trình quản lý khoa học năm 2016; điều chỉnh cách tính điểm NCKH và mức khen thưởng NCKH cho phù hợp thực tế và định hướng phát triển của nhà trường; điều chỉnh mức kinh phí cho một đề tài NCKH cấp trường; điều chỉnh công tác quản lý và phân cấp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc điều chỉnh quản lý khoa học đã đem lại hiệu quả rõ nét trong hoạt động NCKH về số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học.

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Trường Đại học Thủ đô Hà Nội luôn đảm bảo yêu cầu hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với sứ mệnh phát triển của Nhà trường. Hoạt động khoa học và công nghệ kết hợp với nhiệm vụ đào tạo chính là một yêu cầu trong tầm nhìn phát triển của Nhà trường đáp ứng yêu cầu trở thành Trường Đại học
- ✓ Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện việc chi kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ, đây cũng là cơ sở cho việc đánh giá chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ. Những văn bản minh chứng của tiêu chí được thể hiện với từng yêu cầu chỉ báo và các mức tham chiếu cũng như các quy phạm pháp luật. Những quy chuẩn trong chỉ đạo và điều hành thực hiện giám sát các hoạt động nghiên cứu là cơ sở để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học trong yêu cầu phát triển hoạt động nghiên cứu cơ bản và ứng dụng.
- ✓ Nhà trường luôn sử dụng nguồn lực hiện có tăng cường phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ theo định hướng cơ bản và ứng dụng phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường theo định hướng đa ngành. Trước yêu cầu phát triển của tình hình mới, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Thủ đô Hà Nội luôn giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo cũng như lộ trình phát triển cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là vấn đề thương mại hóa kết quả nghiên cứu sản phẩm. Bước đầu Nhà trường đã tổ chức và quản lý vấn đề hợp tác đối với các cơ sở giáo dục tổ chức xã hội trong vấn đề hợp tác trong lĩnh vực NCKH.
- ✓ Nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH luôn được đảm bảo theo định mức được quy định trong các văn bản pháp luật. Nhà trường luôn sử dụng nguồn lực trong đó các nguồn kinh phí từ ngân sách và các nguồn thu hợp pháp hiện có tăng cường phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ.
- ✓ Nhà trường đã xây dựng KPIs theo từng tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học để đạt được các tiêu chuẩn cụ thể, phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Chỉ số được quy định cụ thể trong các văn bản của Nhà trường là thuận lợi trong công tác đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học.

- ✓ Hệ thống minh chứng về công tác quản lý khoa học được đơn vị quản lý lưu trữ đảm bảo theo đúng quy trình và yêu cầu của các cơ sở pháp lý. Bên cạnh các lưu trữ văn bản giấy, các việc cập nhật trên website của nhà trường cũng giúp cho việc lưu trữ, khai thác kết quả NCKH hiệu quả hơn.
- ✓ Sự đồng bộ của công tác quản lý NCKH với các mặt khác của nhà trường, như công tác thi đua – khen thưởng, công tác đào tạo – bồi dưỡng, công tác tài chính... đã thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, cũng như góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược của nhà trường.

Tóm tắt các điểm tồn tại

Tuy vậy, trong quá trình vận hành, công tác quản lý NCKH của Trường Đại học Thủ đô đã bộc lộ một số điểm hạn chế.

- ✓ Kết quả nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu khoa học chưa tương xứng với tiềm năng của một trường đại học ở Thủ đô của cả nước. Một số quy định trong thực tiễn khi triển khai gặp một số khó khăn nhất định do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau cho hoạt động nghiên cứu khoa học.
- ✓ Sự nâng cấp từ Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội thành Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo hướng đào tạo đa ngành làm cho các công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học cơ bản chưa thực sự nổi bật so với lĩnh vực khoa học giáo dục.
- ✓ Một số nguồn minh chứng chưa đáp ứng với sự thay đổi của hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học cũng như các tiêu chuẩn mà nhà trường theo đuổi.
- ✓ Chưa có chính sách dài hạn kêu gọi các nguồn đầu tư xã hội hóa cho sự phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường.
- ✓ Nguồn lực cơ sở vật chất về công nghệ thông tin của Nhà trường còn nhiều hạn chế, hoạt động đánh giá được triển khai trong thực tiễn gặp một số những vướng mắc do nguyên nhân khách quan khác nhau, dữ liệu khảo sát và đánh giá vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực sự được chú trọng.
- ✓ Sự phân cấp quản lý nghiên cứu khoa học cũng tạo ra sự không thống nhất trong quản lý số lượng và chất lượng công trình nghiên cứu khoa học ở các đơn vị trong toàn trường.

Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động khoa	Xây dựng chiến lược phát triển theo giai đoạn từ 3-5	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu	12/2018	Tiêu chí 18.1

	học và công nghệ của Nhà trường theo định hướng dài hạn	năm. Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch chi tiết cho từng năm học	mỗi: P.QLKHCN-HTPT		
2	Phát huy nguồn lực của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cũng như đội ngũ GV, NCV thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ		Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mỗi: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.1
	Xây dựng chiến lược phát triển việc tìm kiếm nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường theo định hướng dài hạn	Xây dựng chiến lược phát triển theo giai đoạn từ 3-5 năm. Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch chi tiết cho từng năm học	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mỗi: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.2
	Khuyến khích các đơn vị thực hiện việc nghiên cứu và phát triển (R&D) các sản phẩm khoa học và công nghệ theo thế mạnh và		Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mỗi: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.2

	lĩnh vực của từng đơn vị				
	Xây dựng cơ chế phối hợp trong việc thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học	Lấy ý kiến các đơn vị trong việc xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mối: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.3
	Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hai chiều giữa đội ngũ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và đội ngũ tham gia hoạt động khoa học và công nghệ	Thiết lập sơ đồ trao đổi tin nhằm giải quyết những vấn đề xảy ra trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mối: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.3
	Thực hiện việc từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu nhiệm vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	Tiến hành đa dạng nguồn lực phát triển của Nhà trường	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mối: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	Tiêu chí 18.4

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
1.	18.1	4	18	3,5
2.	18.2	3		
3.	18.3	3		
4.	18.4	4		

TIÊU CHUẨN 19: THIẾT LẬP ĐƯỢC HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ BẢO HỘ CÁC PHÁT MINH, SÁNG CHẾ, BẢN QUYỀN VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Công tác quản lý tài sản trí tuệ đã nhận được sự quan tâm của Nhà trường. Nhà trường đã thiết lập những quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm NCKH trong Quy chế hoạt động NCKH. [H19.1.1.3] Nhà trường quản lý kết quả, sản phẩm của các đề tài NCKH trên cơ sở thực hiện theo những quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác phát triển là đơn vị đầu mối, làm công tác tham mưu cho lãnh đạo nhà trường về quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, Trung tâm Khoa học công nghệ là đơn vị phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế.

Quy chế hoạt động NCKH có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác; và định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Bên cạnh việc xây dựng các quy định trên cơ sở Luật sở hữu trí tuệ, Nhà trường cũng quy định cụ thể chủ sở hữu là Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đối với các sản phẩm do nhà trường giao nhiệm vụ, đặt hàng, cấp 100% kinh phí nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm. Trường hợp tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sản phẩm, có sự hỗ trợ từ các nguồn khác nhau, phân chia sở hữu trí tuệ sẽ do thỏa thuận giữa các bên trên cơ sở tuân thủ Luật sở hữu trí tuệ. Các sản phẩm thuộc quyền sở hữu của nhà trường cũng được quy định rõ tỉ lệ phân chia mức lợi nhuận từ hoạt động chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học. [H19.1.1.3]

Nhà trường cũng có quy định về *chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác* trong việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn). Các tập thể cá nhân vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, các quy tắc trong chuyển giao công nghệ, các sản phẩm của đề tài sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật chuyển giao công nghệ.

Dựa trên cơ sở phân cấp quản lý, các sản phẩm sẽ được theo dõi, lưu trữ cấp trường hoặc tại đơn vị thực hiện. Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác phát triển, Trung tâm Khoa học Công nghệ, Phòng Tạp chí, Trung tâm Thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành là những nơi theo dõi, lưu trữ sản phẩm của sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu cấp trường, các kĩ yếu khoa học cấp Trường, hội thảo Quốc gia, hội thảo Quốc tế, Tạp chí khoa học. Các đơn vị trực thuộc trường theo dõi và lưu trữ các sản phẩm sáng kiến kinh nghiệm, báo cáo seminar, kĩ yếu hội thảo khoa học cấp đơn vị.

Tiêu chí 19.2-Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Việc ghi nhận và lưu trữ và khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua việc nhận dạng các kết quả nghiên cứu cần được đăng ký sở hữu trí tuệ trong danh mục sản phẩm đăng ký của đề tài cũng như trong các kết luận, đánh giá của các hội đồng nghiệm thu các đề tài, dự án, các ấn phẩm khoa học.

Toàn bộ hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ được lưu trữ trong hệ thống lưu trữ của phòng Quản lý khoa học – Hợp tác phát triển, Phòng Tạp chí, Trung tâm KHCN.

Nhà trường thông qua quy chế hoạt động khoa học công nghệ đã phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, giảng viên các quy định về quyền sở hữu trí tuệ. [H19.1.1.1]

Các phát minh, sáng chế, sản phẩm nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên trong trường được Nhà trường bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật [H19.1.1.1] và được lưu trữ bằng bản cứng tại các phòng chức năng liên quan.

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Khi đã có các phát minh, các sản phẩm trí tuệ thì việc quản lý các sản phẩm đó là rất quan trọng. Công tác này phải được kiểm tra định kỳ ít nhất mỗi năm 1 lần. Việc kiểm tra cần có sự tổng kết, đánh giá bằng văn bản.

Trong tương lai gần khi các sản phẩm khoa học và công nghệ của từng đơn vị chức năng của Nhà trường được thương mại hóa, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, tiến hành xây dựng từng báo cáo tổng kết, đánh giá những tài sản này để tiến hành đăng ký nhãn hiệu cũng như kiểu dáng công nghiệp cho từng sản phẩm.

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà khoa học cũng như lợi ích lâu dài của trường, Nhà trường cần có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ.

Nhiệm vụ quản lý tài sản trí tuệ được đặt lên hàng đầu, các đơn vị đào tạo lên kế hoạch việc nghiên cứu các quy chế và hoạt động khoa học và công nghệ cũng như Nhà trường thực hiện cơ chế trao đổi thông tin giữa những bên có trách nhiệm đối với tài sản trí tuệ của cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó những ý kiến này sẽ là cơ sở cho việc điều chỉnh và thay đổi văn bản quy định về hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm lĩnh vực sở

hữu trí tuệ phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn đảm bảo thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo tiêu chuẩn chất lượng cao.

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Nhà trường chú trọng công tác ban hành hệ thống văn bản quản lý, điều hành, giám sát và rà soát việc quy định sở hữu trí tuệ.
- ✓ Không xảy ra các trường hợp vi phạm bản quyền, tranh chấp phát minh, sáng chế trong công tác NCKH của cán bộ giảng viên trong trường.
- ✓ Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện chuyển giao các phát minh, sáng chế, sản phẩm nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên trong trường bước đầu được quan tâm. Nhà trường ghi nhận các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong các báo cáo, quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học hàng năm của trường.
- ✓ Việc lưu trữ sản phẩm nghiên cứu khoa học tại phòng chức năng liên quan được thực hiện nghiêm túc. [H19.1.2.1].

Tóm tắt các điểm tồn tại:

- ✓ Các văn bản quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa cụ thể. Chưa có quy định về định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế.
- ✓ Nhà trường chưa có các văn bản yêu cầu, quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ.
- ✓ Nhà trường chưa có các sản phẩm được thương mại hóa. Quy trình quản lý tài sản trí tuệ đang trong quá trình xây dựng.

Những điểm cần khắc phục

Với đặc thù là một đơn vị Đại học mới được nâng cấp từ năm 2015 và chuyển định hướng hoạt động sang cơ sở giáo dục đại học "đa ngành, đa lĩnh vực" trường Đại học Thủ đô Hà Nội đang hoàn thiện dự thảo một số đề án sản phẩm như dự án sản xuất nước sạch của Trung tâm KH – CN (trong quá trình hoàn tất thủ tục về nhãn hiệu).

Nhà trường đang tập hợp các phát minh, sáng chế, các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm của các nhà khoa học có khả năng thương mại hóa để đưa vào quy trình quản lý.

Nhà trường đang nỗ lực hoàn thiện quy trình quản lý tài sản trí tuệ của các nhà khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các văn bản quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu	Phòng QLKH-HTPT, Phòng	9/2018	Tiêu chí 19.1

		trí tuệ chưa cụ thể. Quy định về định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia	Tạp chí TT KHCN, Trung tâm KHCN		
2	Phát huy điểm mạnh	Các đơn vị làm công tác quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu đã thực hiện tốt vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình.	Các đơn vị		Tiêu chí 19.1
3	Khắc phục tồn tại	Nhà trường chưa có các văn bản yêu cầu, quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ	Nhà trường	9/2018	Tiêu chí 19.2
4	Khắc phục tồn tại	Nhà trường chưa có các sản phẩm được thương mại hóa. Trong những năm học tới, Nhà trường sẽ có kế hoạch triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá.	Trường		Tiêu chí 19.3
5	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đang hoàn thiện quy trình quản lý tài sản trí tuệ của các nhà khoa học.	Trường	12/2018	Tiêu chí 19.4

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
5.	19.1	4	13,5	3,37

6.	19.2	3,5		
7.	19.3	3		
8.	19.4	3		

TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Nhà trường ban hành quy định thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. Quy chế hoạt động Khoa học Công nghệ đã chỉ rõ những các nội dung hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. [H20.1.1.1] Việc phối hợp, tham gia các hoạt động KH và CN với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, bao gồm:

- a) Tham gia các tổ chức KH & CN, hiệp hội KH & CN của nước ngoài.
- b) Tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, hội thảo khoa học của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức quốc tế trong nước và ngoài nước.
- c) Thành lập các tổ chức KH & CN có vốn nước ngoài, thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN của Nhà trường ở nước ngoài.
- d) Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư, các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về KH&CN (các đề tài, chương trình, nội dung phối hợp nghiên cứu giữa các nhóm tác giả thuộc một trường đại học, viện nghiên cứu trong nước với một trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài nằm trong khuôn khổ Hiệp định khung về hợp tác văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ giữa hai Chính phủ và dựa trên cơ sở thỏa thuận hợp tác nghiên cứu, đào tạo giữa đơn vị đăng ký thực hiện nhiệm vụ và đối tác).

Phối hợp tổ chức hội thảo khoa học quốc tế; giới thiệu, chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới tại Đại học Thủ đô Hà Nội.

Có chiến lược phát triển hợp tác, đối tác; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của CSGD. Tiêu biểu: xây dựng chính sách thu hút, thuê chuyên gia, các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các chương trình đào tạo nhân lực KH&CN và các hoạt động KH&CN khác tại Đại học Thủ đô Hà Nội. [H20.1.1.1]

Nhà trường có các quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện; có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. [H20.1.1.2].

Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng QLKH và Hợp tác phát triển là đầu mối kết nối, phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường để tổ chức các hoạt động

hợp tác phát triển về KH&CN. Trong đó, bộ phận hợp tác phát triển chịu trách nhiệm tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ với các đối tác về khoa học công nghệ và đối tác quốc tế, đồng thời xây dựng và quản lý thực hiện các dự án nghiên cứu HTQT và có nguồn tài trợ nước ngoài, chịu trách nhiệm quản lý các đề tài nghiên cứu chung với các đối tác trong nước. [H20.1.1.2].. Trung tâm KH – CN phối hợp với Phòng QLKH trong việc thực hiện nhiệm vụ hợp tác về KH &CN.

Việc hợp tác KH &CN với các đối tác trong và ngoài nước được quy định và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể bằng hệ thống văn bản hướng dẫn trong Quy định Hoạt động Hợp tác phát triển, các biểu mẫu được quy định trong quy trình.

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Hoạt động hợp tác phát triển về KH&CN được thực hiện theo đúng nguyên tắc quy định của Nhà nước, tiếp cận với các văn bản quy phạm các cấp, có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Trường ĐHTĐ Hà Nội. [H20.1.1.3 - H20.1.1.7] Nhà trường đã triển khai được các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu. [H20.1.1.2].

Lựa chọn các đối tác và hợp tác nghiên cứu khoa học phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

- Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp.

- Đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác.

- Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về nghiên cứu khoa học.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội luôn được chú trọng và mở rộng, phát triển. Đến nay, trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 20 đơn vị giáo dục trên thế giới, nhiều đoàn đại biểu quốc tế đã ghé thăm, giao lưu và làm việc với trường như: Đại học Cheele (Đài Loan), Học viện Hoa văn Côn Minh (Trung Quốc),... Thông qua các buổi gặp gỡ và làm việc cùng với đoàn đại biểu nước ngoài, Nhà trường tiếp tục thiết lập thêm nhiều mối quan hệ, trong đó quan tâm chú trọng đến các đối tác có uy tín, phù hợp với mục tiêu và hướng phát triển của Nhà trường trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo khoa học và công bố các công trình khoa học quốc tế đang bắt đầu triển khai và có kết quả bước đầu. Từng bước thúc đẩy các hoạt động HTQT của các đơn vị trong toàn trường thông qua việc kết nối đối tác, tổ chức các buổi seminar học tập sau các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, triển khai chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên.... (phụ lục 9)

Đoàn	2015 – 2016	2016-2017	2017 – 2018	2018 - 2019
Đoàn ra	10	3	13	7
Đoàn vào	11	11	21	5

Kí thỏa thuận hợp tác	0	0	0	3
Cán bộ dự hội thảo	7	7	9	5

Bên cạnh việc đón tiếp các đoàn đại biểu nước ngoài, Trường cũng luôn chú trọng và tìm kiếm, thiết lập các mối quan hệ với các đối tác mới. Trường đã thành lập nhiều đoàn cán bộ đến học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các trường đại học trên thế giới như: Đại học Kanazawa, Viện Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Trường ĐH Giao Thông Quốc lập, Đài Loan – Trung Quốc (MOU), Trường ĐH Sư phạm Quốc gia, Đài Loan – Trung Quốc, Trường Đại học Kusan, Cao đẳng Kỹ thuật, Dạy nghề Hữu nghị Viêng Chăn – Hà Nội – Lào (MOU), Trường đại học Tổng hợp Budapest, ...

Hoạt động hợp tác quốc tế được văn bản hóa, thể hiện qua các biên bản ghi nhớ, cam kết tình nghĩa...với Đại học Kanazawa, Viện Công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Trường ĐH Chihlee, Đài Loan (MOU), Trường ĐH Giao Thông Quốc lập, Đài Loan, Trường ĐH Sư phạm Quốc gia, Đài Loan, Trường Hoa Văn

Côn Minh - Vân Nam – Trung Quốc (MOU), Trường ĐH Hoa Kiều – Phúc Kiến - Trung Quốc (MOU), Trường Đại học Bách khoa Quế Lâm, Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây (MOU), Trường Đại học Kusan, Cao đẳng Kỹ thuật

Dạy nghề Hữu nghị Viêng Chăn – Hà Nội – Lào (MOU), Trường ĐH Bách khoa Công lập Lagune, Philipin, Học viện Giáo dục Quốc gia Singapo, Trường đại học Tổng hợp Budapest, Trường Đại học Paris 5, Trường Đại học Paris 13, Trường Đại học Avignon, Viện đào tạo bồi dưỡng Postdam, Trường ĐH Monash, Trường ĐH Swinburn

Các biên bản ghi nhớ: 6 biên bản ghi nhớ

- Trường Hoa Văn Côn Minh – Vân Nam (Trung Quốc)
- Trường Đại học Hoa Kiều – Phúc Kiến (Trung Quốc)
- Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây (Trung Quốc)
- Trường CĐ Dạy nghề Hữu nghị Viêng Chăn – Lào
- Trường Đại học Bách khoa Quế Lâm (Trung Quốc)
- Trường Đại học Công nghệ Chihlee (Đài Loan – Trung Quốc)

Các hội thảo quốc tế tiêu biểu

T	Tên Hội thảo, Hội nghị, Seminar	Thời gian
	Các khoa học Trái đất và phát triển bền vững nguồn tài nguyên địa chất (tổ chức tại Việt Nam)	Tháng 08/2016
	Kinh nghiệm giáo dục Mầm non của các nước Asean (tổ chức tại Thái Lan)	Tháng 10/2016
	Hội nghị Mô phỏng ASEAN tại Vientiane Lào	Tháng 10/2016

	Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 5	Tháng 12/2016
	Giao lưu văn hóa Việt Nam Báo (Đại học Winconsin - Hoa Kỳ)	Tháng 2/2017
	Phát triển học liệu nghe nhìn trong giáo dục (Đại học Leuven – Bỉ)	Tháng 2/2017
	Hội thảo khoa học Quốc tế trực tuyến về văn hóa – kỹ thuật – kinh tế (Đông Á và Đông Nam Á)	Tháng 6/2017
	Trường hè khoa học (Quy Nhơn – Việt Nam)	Tháng 7/2017
	Hội nghị mô phỏng ASEAN (Hà Nội – Việt Nam)	Tháng 8/2017

Nhà trường cũn đã tổ chức 2 hội thảo khoa học Quốc tế vào năm 2016 và Hội thảo quốc tế năm 2018; tổ chức thành công Festival Hán ngữ năm 2018.

Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPI cụ thể. Lựa chọn các đối tác và hợp tác nghiên cứu khoa học phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp.

Chưa có sự đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. Chưa thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Phòng QLKH – HTPT chịu trách nhiệm rà soát và thực hiện giám sát quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH;

Nhà trường có tổng hợp và báo cáo hàng năm về công tác đối ngoại, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược. [H20.3.4.1 – H20.3.4.4]

CSGD rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác (trong đào tạo, trong NCKH) và từ các đối tác ít nhất 01 lần trong giai đoạn đánh giá.

Hàng năm có tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Với tính chất một trường đại học đa ngành, hướng tới tầm khu vực, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã rà soát và cải thiện các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu để đạt được các mục tiêu nghiên cứu. Trên cơ sở phát huy mối quan hệ hợp tác với các trường

đại học ở Trung Quốc, Trường Đại học Thủ đô đã điều chỉnh, mở rộng mối quan hệ với các đại học trong khu vực Đông Nam Á và châu Âu.

Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của CSGD đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu.

Thực hiện cải thiện, tăng cường các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác của CSGD.

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Hoạt động hợp tác phát triển về KH& CN theo đúng quy định của Nhà nước, tiếp cận với các văn bản quy phạm các cấp, có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Trường ĐHTĐ Hà Nội.
- ✓ Các hoạt động hợp tác phát triển về KH &CN bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao uy tín và chất lượng đội ngũ giảng viên. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả thể hiện qua các chương trình liên kết đào tạo ngoại ngữ, trao đổi học thuật (hội thảo); các chương trình trao đổi giảng viên và người học.
- ✓ Các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được mục tiêu hợp tác KH&CN. Có bộ phận/nhân sự và quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH;
- ✓ Tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược, làm gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác

Tóm tắt các còn tồn tại

- ✓ Chưa xây dựng các KPI cụ thể cho công tác hợp tác phát triển về KH &CN, chưa có các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hợp tác, mà vẫn dùng KPIs cho hoạt động khoa học công nghệ nói chung.
- ✓ Các chương trình liên kết đào tạo, liên kết NCKH, chuyển giao công nghệ còn mờ nhạt.
- ✓ Hoạt động kết nối và thúc đẩy hoạt động HTPT tại các đơn vị còn thụ động, chưa tỏ rõ vai trò chủ động, sáng tạo.
- ✓ Chưa có nguồn thu bổ sung từ hoạt động HTPT về KH &CN. Cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa có vị trí phòng làm việc, phòng thí nghiệm hiện đại, phù hợp với hoạt động hợp tác nghiên cứu KH&CN.
- ✓ Chưa có sự đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. Chưa thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về nghiên cứu khoa học
- ✓ Chưa tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan trong đánh giá ngoài. Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hợp tác chưa có và chưa được coi trọng.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Hoạt động HTPT	- Xã hội hóa và phân tầng xã hội hóa sâu rộng gắn liền với hoạt động của trung tâm “quan hệ quốc tế” trực thuộc phòng QLKH-HTPT, tiến tới tự chủ hoạt động HTPT sau 5 năm. - Xây dựng kế hoạch hành động thúc đẩy hoạt động HTPT của các đơn vị. - Bổ sung thêm 01 chuyên viên HTQT (Tiếng Trung) - Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên viên tham gia các khóa bồi dưỡng tại Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ ngoại giao của Học viện Ngoại giao: + Nghiệp vụ đối ngoại thực hành + Tiếng Anh đối ngoại	Phòng QLKH-HTPT	5 năm	Tiêu chí 20.1
2	Phát huy điểm mạnh	- Từng bước thúc đẩy các hoạt động HTPT của các đơn vị trong toàn trường thông qua việc kết nối đối tác, tổ chức các buổi seminar học tập sau các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, triển khai chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên.... (phụ lục 9)	Phòng QLKH và HTPT		Tiêu chí 20.1
	Khắc phục tồn tại	- Đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. - Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về nghiên cứu khoa học	Trường ĐH Thủ đô Hà Nội, các đơn vị trong trường		Tiêu chí 20.2
	Phát huy điểm mạnh	- Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt	Phòng QLKH và	Hàng năm	Tiêu chí 20.2

		được các KPI cụ thể. - Lựa chọn các đối tác và hợp tác nghiên cứu khoa học phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	HTPT; Các đơn vị		
	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hợp tác	Phòng QLKH và HTPT	Trong năm 2018	Tiêu chí 20.3
	Phát huy điểm mạnh	- Có quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH; - Tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.	Phòng QLKH và các đơn vị	Năm 2018	Tiêu chí 20.3
	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh các HĐ hợp tác phát triển. Tăng nguồn thu cho nhà trường.	Phòng QLKH – HTPT và các đơn vị	Trong 5 năm	Tiêu chí 20.4
	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện cải thiện, tăng cường các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác của CSGD. - Gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác	Phòng QLKH – HTPT và các đơn vị	Trong 5 năm	Tiêu chí 20.4

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
9.	20.1	5	16,5	4,12
10.	20.2	5		

11.	20.3	3,5		
12.	20.4	3		

TIÊU CHUẨN 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21. 1 Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Hoạt động kết nối và PVCD được Trường Đại học Thủ đô Hà Nội khẳng định trong tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi [H21.21.1.1] và được xây dựng thành các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để triển khai thực hiện. Nhà trường đã xây dựng các chính sách, các kế hoạch về hoạt động kết nối và PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của mình.

Dưới sự chỉ đạo và định hướng của Đảng ủy, Nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD đối với CB-GV-NV, SV với nhiều loại hình, phương thức đa dạng như: đào tạo nâng cao năng lực; NCKH và CGCN; giải quyết các vấn đề cấp bách của đất nước; tổ chức các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, thông tin; tổ chức các hoạt động kết nối hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Đẩy mạnh và đa dạng hoạt động cung ứng dịch vụ ở nhiều lĩnh vực khác nhau [H21.21.1.2]; góp phần quảng bá, nâng cao thương hiệu nhà trường bằng hệ thống dịch vụ có chất lượng phục vụ cộng đồng, xã hội được đưa vào định hướng và nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường [H21.21.1.3].

Tuân thủ các chủ chương, chính sách, quy định pháp luật về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà nước, của các ban ngành [H21.21.1.4] Nhà trường đã giao các đơn vị chuyên trách như: Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Phòng tổ chức cán bộ, Phòng Công tác Học sinh- Sinh viên chịu trách nhiệm xây dựng các quy định, các hướng dẫn các hoạt động kết nối và PVCD đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật [H21.21.1.5].

Hàng năm các đơn vị như khoa, trung tâm, phòng, ban chức năng xây dựng kế hoạch kết nối cộng đồng và cung cấp dịch vụ đào tạo bồi dưỡng phục vụ cộng đồng [H21.21.1.6], xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho Bộ, các địa phương; Đoàn thanh niên-Hội sinh viên xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng tại các tỉnh, địa phương như các chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Hiến máu nhân đạo, Tiếp sức mùa thi...vv [H21.21.1.7].

Nhà Trường có kế hoạch nghiên cứu, phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ có tính ứng dụng phục vụ trực tiếp cho cộng đồng. Hàng năm Nhà trường đã xây dựng và thông qua kế hoạch tham gia các tình nguyện và thiện nguyện của các đơn vị trong trường. 02 đơn vị được giao xây dựng kế hoạch tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện là Công đoàn trường và Đoàn Thanh niên nhà trường. Công đoàn và Đoàn thanh niên đã xây dựng kế với những mục tiêu rất cụ thể [H21.21.1.3].

Nhà trường đã lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và cải thiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng hàng năm được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị viên chức trường [H21.21.1.8].

Nhà trường đã xây dựng đề án thiết lập các đơn vị mới có chức năng cung ứng dịch vụ và phục vụ cộng đồng. Thành lập Trung tâm Khoa học công nghệ và Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp để chuyên trách thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm KHCN của Nhà trường. Xây dựng đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ tổng hợp thành mô hình doanh nghiệp trực thuộc trường nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm [H21.21.1.9].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 21.2 Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Nhà trường ban hành các chính sách và kế hoạch triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.2.1]. Dựa trên kế hoạch được BGH phê duyệt, các đơn vị đã triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gồm:

Về đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng

Nhà trường đã tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng kỹ năng chứng chỉ chuyên môn nhằm đào tạo nhân lực theo đơn đặt hàng của địa phương, các sở, ban, ngành. Các Trung tâm đã phối hợp với các Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT thực hiện các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn hóa cho đội ngũ giáo viên cán bộ, viên chức cho thành phố Hà Nội và nhiều địa phương trong cả nước. Năm 2016, Nhà trường thực hiện gói thầu số 02:” Bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy cho GV bậc Tiểu học và THCS”) chương trình được triển khai rộng rãi trên 30 quận, huyện, thị xã với 52.120 học viên và trên 1000 lớp của thành phố Hà Nội. Trung tâm mở được hàng trăm lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS., bồi dưỡng nâng cao năng lực, đào tạo các kỹ năng làm việc [H21.21.2.2].

Bảng 21.2.1 Số lượng học viên tham gia các lớp cấp chứng chỉ tin học giai đoạn 2015-2018

Năm	2016	2017	2018
Số lượng	1424	5643	3710

Trung tâm Phát triển nghề nghiệp liên tục xây dựng kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS. [H21.21.2.3].

Bảng 21.2.2 Số lượng học viên tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giai đoạn 2017-2018

Năm	2017	2018
Số lượng		

(số liệu lấy từ báo cáo của TT phát triển nghề nghiệp)

Nhà trường đã chú trọng việc gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong quá trình đào tạo là các khoa Văn hóa – Du lịch – Dịch vụ, Kinh tế Đô thị, Công nghệ thông tin. Nắm bắt Nhà nước có chủ trương ưu tiên đào tạo các ngành du lịch theo cơ chế đặc thù, Khoa Văn hóa – Du lịch – Dịch vụ đã kịp thời xây dựng đề án, điều chỉnh

chương trình theo cơ chế đặc thù, ký kết hợp tác trong đào tạo chuyên môn nghiệp vụ với nhiều đối tác như: Khách sạn Melia Hà Nội, Công ty TNHH Lữ hành và Dịch vụ quốc tế Ánh Dương, Công ty TNHH Vietrantour, Công ty Cổ phần Hanoi Redtours, Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Hải Thiên, Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò, Công ty TNHH Khách sạn Du lịch và Dịch vụ Ngọc Hiếu, Trường Quốc tế Quản trị Khách sạn CHM... Khoa Kinh tế Đô thị xây dựng mạng lưới các đối tác hợp tác rộng cả trong và ngoài nước với nhiều lĩnh vực khác nhau như: Mạng lưới Logistics Việt Nam, Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương, Đại học Trường Vinh, Đà Loan, Công ty CP Những Trang Vàng Việt Nam, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Công ty CP Logistics Những Ngôi Sao Liên Kết (Starslink), Công ty siêu thị Hà Nội – Chuỗi siêu thị Hapromart, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Học viện Tư pháp, Lazada Việt Nam, Công ty CP Hateo Logistics, Công ty CP U&I Logistics...

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng

Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện các đề tài NCKH và CGCN để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phục vụ xã hội. Các phòng chức năng, Khoa đào tạo đã phối hợp với Trung tâm Khoa học Công nghệ, Trung tâm Dịch vụ tổng triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực tế để phục vụ cộng đồng [H21.21.2.4].

Số lượng và hiệu quả của đề tài NCKH và CGCN theo định hướng của cơ quan nhà nước. Giảng viên Nhà trường tham gia được tạo điều kiện và thường xuyên tham gia vào các hoạt động như hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án Tiến sĩ cho các cơ sở đào tạo khác; tham gia chấm thi Giáo viên dạy giỏi các cấp cho các quận, huyện và Sở Giáo dục & Đào tạo; tham gia bồi dưỡng cho giáo viên các cấp của thành phố Hà Nội và các địa phương khác trong cả nước; tham gia các chương trình, đề án cấp Bộ, cấp thành phố ở các lĩnh vực khác nhau gắn với chuyên môn đào tạo của trường [H21.21.2.5].

Về chia sẻ kinh nghiệm, thông tin phục vụ cộng đồng

Tổ chức các hội thảo quốc tế, trong nước, tham gia vào các hội trợ nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực giáo dục [H21.21.2.6].

Bảng 0.7 Tổng hợp số lượng hội thảo quốc tế và trong nước được tổ chức tại trường ĐHTĐHN giai đoạn 2016 – 2018

Năm	2015	2016	2017
Số lượng			

Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên

Giảng viên Nhà trường tham gia được tạo điều kiện và thường xuyên tham gia vào các hoạt động như hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án Tiến sĩ cho các cơ sở đào tạo khác; tham gia chấm thi Giáo viên dạy giỏi các cấp cho các quận, huyện và Sở Giáo dục & Đào tạo; tham gia bồi dưỡng cho giáo viên các cấp của thành phố Hà Nội và các địa phương khác trong cả nước; tham gia các chương trình, đề án cấp Bộ, cấp thành phố ở các lĩnh vực khác nhau gắn với chuyên môn đào tạo của trường cấp. Nhiều giảng viên của Trường tham gia vào hoạt động xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa phổ thông, sách

tham khảo cho giáo viên và HS các cấp. Các chương trình bồi dưỡng mới được giới thiệu và triển khai ở các sở giáo dục và đào tạo trong cả nước. Hàng năm trường cử các CB tham gia các hoạt động của kỳ thi trung học phổ thông quốc gia [H21.21.2.7].

Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của sinh viên

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cho sinh viên tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng bằng chính chuyên môn được đào tạo như: chương trình tuyên truyền hỗ trợ phát triển du lịch Hà Nội “Mỗi đoàn viên thanh niên là một tuyên truyền viên tích cực về du lịch Hà Nội” . Hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhà trường đã triển khai các hoạt động kết nối, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tổ chức các chương trình vì cộng đồng tại các tỉnh, địa phương như các chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Hiến máu nhân đạo, Tiếp sức mùa thi...[H21.21.2.8].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 21.3 Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Nhà trường đã triển khai hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Kết quả thực hiện kết nối cộng đồng và cung cấp dịch vụ được các đơn vị thu thập, đánh giá và rà soát định kỳ hàng năm nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động mang lại cho nhà trường và cho cộng đồng.

Hệ thống đo lường, giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thể hiện thông qua giám sát của nhà trường trong thực hiện mục tiêu chất lượng của các đơn vị. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng Khoa/viện, Phòng/Ban, mô tả công việc, phân công nhiệm của mỗi bộ phận, cá nhân đề xây dựng và theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu chất lượng.. Các chỉ số của mục tiêu chất lượng này là công cụ đo lường mức độ hoàn thành/hiệu quả hoạt động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.3.1]. Theo đó, việc triển khai thực hiện các chương trình hành động đều được đánh giá thường xuyên, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện thông qua báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng [H21.21.3.2].

Đề đo lường và giám sát hiệu quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng Đối với hoạt động tình nguyện, hệ thống đo lường, giám sát được đánh giá bằng: Số lượng CB-GV-NV, SV tham gia; Số lượng & trị giá các công trình tình nguyện; Số lượng SV tham gia các hoạt động; Số lượng Giải thưởng; Số lượng CB-GV-NV, SV được khen thưởng trong các năm [H21.21.3.3].; Số lượng các chương trình tình nguyện được Nhà trường triển khai thực hiện trong 5 năm[H21.21.3.4].; Số lượng các đơn vị/nhà tài trợ; Nguồn kinh phí tài trợ trong 5 năm;. Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác các nhà tuyển dụng cũng được giám sát, đo lường kỹ lưỡng với các số liệu thống kê: Số lượng chương trình/hội thảo phối hợp với doanh nghiệp tổ chức cho SV; Số lượng SV đăng ký tham gia; Số lượng doanh nghiệp phối hợp; Số lượng doanh nghiệp ký kết hợp tác cùng với nhà trường trong vòng 5 năm[H21.21.3.5]; Kết quả khảo sát doanh nghiệp về CTĐT; SV thực tập tại các đơn vị tuyển dụng

Việc thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của đơn vị, cá nhân được đánh giá và giám sát bởi các đơn vị chức năng như Phòng Thanh tra – Pháp chế, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, Công đoàn, ĐTN, Ban Thanh tra, BGH,... bằng nhiều hình thức như: thực hiện báo cáo công tác tháng, báo cáo năm học của P.CTSV, P.TVTS-TT, V.ĐTQT, V.ĐTNN, TT.QHDN-VL,.. báo cáo tổng kết Mùa hè xanh, báo cáo tổng kết hiến máu tình nguyện, **báo cáo tổng kết** chương trình/ sự kiện [H21.21.3.6; H21.21.3.7].

Hiệu quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được đánh giá qua phản hồi của nhà tuyển dụng, Cựu sinh viên, SV bằng phiếu khảo sát, hội nghị SV [H21.21.3.8].

Nhà trường đã công khai những thông tin gián sát đo lường các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng như: Cơ sở dữ liệu về các đề tài NCKH các cấp, các dự án phục vụ sản xuất được Phòng KHCN quản lý và đăng tải trên trang Web của trường tại địa chỉ: <http://hnm.edu.vn/khoa-hoc-cong-nghe.html>; Các hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế, các tuyển tập kỷ yếu hội thảo được đăng tải tại địa chỉ: <http://thuvienso.daihocthuo.edu.vn/>; Cơ sở dữ liệu quản lý tất cả các chương trình đào tạo trong đó có đào tạo tại chức, đào tạo nâng cao theo yêu cầu của các địa phương do phòng Đào tạo quản lý và được đăng tải trang Web của trường tại địa chỉ: <http://hnm.edu.vn/dao-tao.html>

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 21.4 Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả kết quả đánh giá, đo lường về các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng, Nhà trường đã cải tiến thủ tục hành chính, cải tiến một số quy trình nghiệp vụ theo hướng nâng cao văn hóa phục vụ đảm bảo sự hài lòng của các bên liên quan [H21.21.4.1]. Nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh một số văn bản như: Quy định chế độ chính sách đối với SV [H21.21.4.2], Chính sách về NCKH và hợp tác phát triển [H21.21.4.3].

Để đảm bảo chất lượng kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ trong giai đoạn tới, nhà trường đã ban hành các chính sách cụ thể:

- Định hướng phát triển các chương trình đào tạo hiện có theo định hướng đào tạo nghề nghiệp ứng dụng (Pohe) [H21.21.4.4]

Xây dựng Quy định về hợp tác phát triển. Tăng cường *hợp tác các đơn vị sử dụng lao động* [Biên bản hợp tác với các nhà tuyển dụng, với các trường, doanh nghiệp (phòng Khoa học và hợp tác phát triển)], Các hợp đồng, ký kết hợp tác, giữa CSGD và đối tác [H21.21.4.5].

Mở rộng địa bàn và số lượng công trình trong CD Mùa hè xanh, Hiến máu (Đoàn thanh niên-Hội sinh viên) [H21.21.4.6].

Kết quả phân tích các chỉ số cho thấy hoạt động kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ của nhà trường ngày càng được cải thiện và có xu thế tăng trong những năm gần đây về số lượng học viên (*bảng 21.2.2*); số lượng các hội thảo, hội nghị, hội chợ được tổ

chức ở trường để chia sẻ kinh nghiệm (bảng 21.2.3); số lượng các công việc cấp bách các lĩnh vực mà giảng viên Nhà trường tham gia giải quyết [H21.21.4.7].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Nhà trường đã xây dựng tiêu chí kết nối, phục vụ cộng đồng trở thành một trong những giá trị cốt lõi cần thực hiện.
- ✓ Nhà trường đã có định hướng về kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ và công việc lập kế hoạch đã được các khoa, phòng, Trung tâm xây dựng và triển khai hàng năm, đồng thời nhà trường cũng ban hành những chính sách khuyến khích cho công tác này [H21.21.5].
- ✓ Nhà trường thiết lập các đơn vị mới có chức năng cung ứng dịch vụ và phục vụ cộng đồng [H21.21.6].
- ✓ Nhà trường có chính sách khen thưởng, đãi ngộ cho các hoạt động có đóng góp cho **cộng đồng** được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H21.21.7].
- ✓ Kết quả thực hiện kết nối cộng đồng và cung cấp dịch vụ được các đơn vị thu thập, đánh giá và rà soát định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí về số lượng và chất lượng. Trên cơ sở thu thập các thông tin về sự phản hồi của cộng đồng, Nhà trường đã có những cải tiến để đáp ứng tốt hơn và thích ứng hơn với sự thay đổi của kinh tế xã hội trong thời gian tới. [H21.21.8].

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Một số dịch vụ được một vài đơn vị khác nhau triển khai nhưng chưa có cơ chế cập nhập thông tin mỗi khi thực hiện nên việc giám sát còn gặp khó khăn, thường thì đến cuối năm mới tập hợp hết các thông tin [H21.21.8].
- ✓ Chưa xây dựng được bộ tiêu chí chuẩn đánh giá các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng
- ✓ Các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cộng đồng chưa được thương mại hóa để đưa vào phục vụ cộng đồng một cách rộng rãi

TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Phòng Đào tạo, Phòng Sau đại học và các khoa lập kế hoạch đào tạo (trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT). Để đánh giá chất lượng dạy học, Nhà trường không chỉ đánh giá chất lượng đầu vào, chất lượng của quá trình mà còn đánh giá chất lượng đầu ra và SV tốt nghiệp. Các chỉ số liên quan đến người học như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm ... luôn được xác lập, lưu trữ, theo dõi và đối sánh cải tiến **[H22.22.01.01]**.

Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong chuẩn đầu ra các CTĐT **[H22.22.01.01]**.

Nhà trường có một hệ thống (quy chế quy định, phần mềm, nhân sự) theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học/thôi học, thi lại của SV để đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, đào tạo. Phần mềm Macman do Phòng Đào tạo quản lý hỗ trợ cho công việc lưu trữ dữ liệu đào tạo, xuất dữ liệu theo yêu cầu để các CB-NV chuyên trách lập thống kê báo cáo. Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy giúp tổ chức thi, quản lý điểm, xuất báo cáo theo yêu cầu. Công nghệ thông tin đào tạo hỗ trợ việc đưa thông tin kết quả đến từng người học. Ngoài ra, tại các khoa, Phòng Đào tạo và một bộ phận các CB-GV-NV chuyên trách theo dõi các tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải tiến kết quả học tập và rèn luyện [H22.22.01.02].

Để đánh giá được mức độ đáp ứng của SV đối với từng học phần cụ thể, Nhà trường đã đưa ra các thang đánh giá kết quả học tập trong Quy định hoạt động đào tạo của Trường. Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm D trở lên. Tuy nhiên, các điểm D, D+ gọi là các điểm đạt có điều kiện. SV cần phải học cải thiện các điểm D, D+ để đảm bảo điều kiện về điểm trung bình chung tích lũy qua các năm học. Mức độ đạt và không đạt được xác định cụ thể qua từng mức điểm [H22.22.01.03].

Sau mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học, bộ phận chuyên trách của P.ĐT sẽ thống kê kết quả học tập của SV, thống kê số lượng SV tốt nghiệp, tình trạng tốt nghiệp của tất cả SV. Từ kết quả đó xác định được tỷ lệ SV đạt điểm theo yêu cầu. Tỷ lệ này được theo dõi, đối sánh giữa các học kỳ, các năm, đối sánh với điểm tuyển sinh đầu vào và báo cáo BGH theo định kỳ [H22.22.01.03]. Ngoài thống kê kết quả học tập của SV, P.ĐT và các khoa còn thống kê số lượng, tỷ lệ SV nghỉ học/bỏ học, đối sánh qua các năm, tìm nguyên nhân để có biện pháp cải tiến giảm tỷ lệ này [H22.22.01.04]. Tương tự, P.CTHSSV tổng hợp kết quả SV có điểm rèn luyện yếu kém qua các học kỳ, qua các năm và báo cáo BGH [H22.22.01.05].

Sau khi có kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích từ P.ĐT gửi về, trên cơ sở đó, BGH sẽ có những chỉ đạo kịp thời để các đơn vị có liên quan có biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ SV đạt yêu cầu [H22.22.01.06]. Về phía các Khoa và trung tâm có một số biện pháp cải tiến được thực hiện như: đổi mới phương pháp dạy học [H22.22.01.07]; rà soát ngân hàng đề thi [H22.22.01.08]; theo dõi nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp; họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ SV yếu kém; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có can thiệp kịp thời. GV tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập, tạo điều kiện cho SV thi cải thiện điểm ... [H22.22.01.09]. Các Khoa đã có các biện pháp ngay từ trong quá trình học tập rèn luyện SV, lập danh sách những SV nghỉ học từ 3 buổi trở lên/môn học, mời những SV này lên trao đổi tìm lý do và có biện pháp hỗ trợ SV tối đa [H22.22.01.10]. Đối với trường hợp SV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, Phòng Công tác HSSV kết hợp cùng các đơn vị tổ chức các buổi diễn đàn lắng nghe tiếng nói SV, gặp gỡ SV của từng Khoa để tìm hiểu nguyên nhân và tư vấn, hỗ trợ SV [H22.22.01.11]. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của SV, Nhà trường sẽ đưa ra các giải pháp cũng như kế hoạch để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường liên tục tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV. Bên cạnh các diễn đàn gặp gỡ, khen thưởng SV đạt thành tích tốt trong học tập, Nhà trường duy trì tổ chức các buổi gặp gỡ SV yếu, kém cũng như các hoạt động đội, nhóm nhằm tích cực nâng cao chất lượng học tập của SV. Đối với SV bỏ học, tùy nguyên nhân Nhà trường có các biện pháp cải tiến như: Hỗ trợ vay vốn, xét học bổng (đối với SV nghèo bỏ học), liên hệ phối hợp với gia đình (đối với SV liêu lỏng), cùng SV tư vấn sắp xếp lịch làm ngoài giờ và lịch học hợp lý (đối với SV đi làm thêm)... [H22.22.01.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho SV. Đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, đa số các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 4 năm. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình, cộng với 2 học kỳ đối với các khoá học 1,5 năm đến 2 năm; 4 học kỳ đối với các khoá học từ 2,5 năm đến 3 năm; 6 học kỳ đối với các khoá học từ 3,5 năm trở lên. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trình độ đại học dự kiến là 4 năm [H22.22.02.01].

Nhà trường có một hệ thống (quy chế quy định, phần mềm, nhân sự) theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng tiến độ, tốt nghiệp không đúng (sớm/muộn) tiến độ của SV để đưa ra các biện pháp cảnh báo kịp thời. Phần mềm Macman lưu trữ dữ liệu học tập của SV (kết quả học phần, thi lại, kết quả xét tốt nghiệp, xuất dữ liệu theo yêu cầu để các CB-NV chuyên trách lập thống kê báo cáo. Công thông tin đào tạo hỗ trợ việc đưa thông tin kết quả đến từng SV để SV có thể theo dõi kết quả học tập cũng như tiến độ tốt nghiệp của mình. Ngoài ra, tại các khoa, P.ĐT một bộ các CB-GV-NV chuyên trách theo dõi các tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải tiến kết quả học tập và rèn luyện [H22.22.02.02].

Quy chế đào tạo cũng đã cung cấp đủ các thông tin liên quan đến điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV. SV có thể gửi đơn đến P.ĐT đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học [H22.22.02.03]; SV cũng có thể học cùng lúc hai chương trình và chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất [H22.22.02.04]. Vào đầu khoá học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt đầu khoá. Bên cạnh đó, các thông tin về kết quả học tập từng học kỳ, kết quả điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp cho SV Công thông tin đào tạo. SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H22.22.02.05].

Từng năm học, Nhà trường sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khoá học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Trên cơ sở dữ liệu thống kê được, P.ĐT làm báo cáo tổng kết tình hình tốt nghiệp của SV tất cả các CTĐT, số lượng và SV tốt nghiệp đúng tiến độ, sớm tiến độ hay muộn hơn so với tiến độ quy

định, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của SV của tất cả các CTĐT, đề ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H22.22.02.06]. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể SV [H22.22.02.07]. Một số SV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định trong Quy chế đào tạo [H22.22.02.01].

Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp SV năm cuối của các CTĐT, Nhà trường có các kế hoạch cải tiến: Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để SV có thể tốt nghiệp sớm tiến độ với nhiều biện pháp khác nhau [H22.22.02.08]. Trước đây, Trường tổ chức giảng dạy và học tập mỗi năm gồm 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính là một đợt học kéo dài 15 tuần học và 03 tuần thi; và 01 học kỳ phụ, mỗi học kỳ phụ kéo dài 05 tuần học và 01 tuần thi [H22.22.02.04]. Như vậy, với biên chế năm học mới, SV sẽ có đến 05 đợt học có thể đăng ký linh hoạt trong năm. Tùy theo điều kiện và khả năng, SV có thể đăng ký học vượt các học phần trong CTĐT nhằm rút ngắn thời gian theo học tại trường. Sau khi hoàn thành chương trình và có đầy đủ các chứng chỉ điều kiện, SV có thể nộp đơn Đề nghị xét tốt nghiệp tại P.ĐT để được xét công nhận và cấp Bằng tốt nghiệp. Việc ra trường sớm so với dự kiến sẽ tiết kiệm nhiều thời gian, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm hơn cho SV so với các bạn cùng khóa học [H22.22.02.09].

Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, P.ĐT phối hợp cùng các Khoa tiến hành xét tiến độ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ chính, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất [H22.22.02.10].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường cũng là vấn đề Nhà trường quan tâm hàng đầu. Khi lập kế hoạch đào tạo, Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV [H22.22.01.01].

Khả năng có việc làm của SV tốt nghiệp được theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo bởi hệ thống đào tạo của Trường (P.ĐT, Phòng Khảo thí - ĐBCL, Khoa, Phòng Thanh tra - PC) [H22.22.03.01]. Một hệ thống tìm kiếm việc làm cho SV được thiết lập. Các đầu mối liên hệ giữa SV, cựu SV và doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho SV của Trường là TT.NCPTNN, Hội cựu SV và các Khoa [H22.22.03.02].

Hội cựu SV của Trường là nơi để Nhà trường tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản hồi của SV và đây cũng như là nguồn cung cấp, giới thiệu thêm nhiều việc làm cho các SV đã và sẽ tốt nghiệp [H22.22.03.03].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Đơn vị này là cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà Trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV. Hàng năm, Trung tâm phối hợp với các đơn vị tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động để đưa SV đến gần hơn với NTD, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp [H22.22.03.04]. Giáo vụ các khoa thành lập các nhóm facebook, fanpages cập nhật thông tin để SV nắm được các thông tin liên quan đến thực tập và được hướng dẫn rõ ràng; SV có thể tìm kiếm việc làm theo chuyên môn hay bán thời gian với các vị trí tuyển dụng phù hợp; Website cũng cung cấp địa chỉ kết nối các doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực phong phú; Khi vào fanpages, SV sẽ biết thêm các tin tức, các tư vấn hướng nghiệp và sẽ được giải đáp các thắc mắc liên quan đến doanh nghiệp, việc làm. Đặc biệt, các thông tin về ngày hội việc làm cũng được cập nhật liên tục, là nơi kết nối Nhà trường với doanh nghiệp [H22.22.03.02].

Ngoài TT.Nghiên cứu và PTNN và Hội cựu SV, còn có lãnh đạo, GV các Khoa giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV bằng các mối quan hệ quen biết giới thiệu đến sinh viên của trường [H22.22.03.05].

Hàng năm, Phòng Khảo thí-ĐBCL, Trung tâm NCPTNN phối hợp với các Khoa triển khai việc khảo sát để tìm hiểu tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H22.22.03.06]. Sau khi theo dõi kết quả và tìm ra các giải pháp phù hợp, từng đơn vị sẽ lập báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến tình hình việc làm cho SV theo biểu mẫu của Phòng Khảo thí - ĐBCL và gửi về Phòng Khảo thí - ĐBCL [H22.22.03.06]. Phòng Khảo thí - ĐBCL chịu trách nhiệm tổng hợp gửi BGH về kết quả khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp. Kết quả này giúp Nhà trường kịp thời có những kế hoạch phù hợp để tăng cường khả năng có việc làm của SV [H22.22.03.06].

Qua báo cáo tổng kết của Phòng Khảo thí - ĐBCL hàng năm về tình hình việc làm của SV, đa số SV ra trường làm việc trong các Trường học, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp nước ngoài. Một số ít lãnh đạo một số trường của Thủ đô Hà Nội. Trung bình có hơn 50% SV năm cuối đã đi làm thêm, đây cũng là cầu nối giúp SV sớm có việc làm sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ SV Nhà trường vừa ra trường đã có việc làm trong 5 năm qua tăng dần hàng năm. Một số SV chưa có việc làm là do tiếp tục đi học nâng cao hoặc chuẩn bị đi du học. Một số khác do chưa kiếm được việc làm phù hợp hoặc vì các lý do cá nhân. Trên 72% SV làm đúng ngành nghề được đào tạo. Mức lương mới ra trường của SV Trường ở mức 5 triệu trở lên cũng tăng dần qua các năm. Tỷ lệ SV hài lòng với công việc rất cao (trung bình trên 90%) [H22.22.03.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Khi lập kế hoạch đào tạo, Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV ra trường [H22.22.01.01]. Phòng Khảo thí - ĐBCL chịu trách nhiệm phối hợp với các khoa tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp của Nhà trường hàng năm. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan qua các năm. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản

hỏi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua hệ thống quy trình làm việc ISO: Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan **[H22.22.04.01]**. Gồm các loại khảo sát sau: (i) Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) Khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo ; (iii) Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về việc làm; (iv) Khảo sát ý kiến GV và CB về cải cách thủ tục hành chính, về đội ngũ nhân viên hỗ trợ và cán bộ quản lý; (v) Khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và GV về CTĐT và CĐR. Kết quả của các loại khảo sát đó, sau khi được Phòng Khảo thí – ĐBCL, Trung tâm NC-PTNN và Phòng Thanh tra -PC xử lý bằng phần mềm chuyên dụng sẽ được gửi đến các đơn vị liên quan trong Nhà trường, các đơn vị phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị để nâng cao chất lượng của đơn vị thông qua các biểu mẫu **[H22.22.04.02]**. Hàng năm, Phòng Khảo thí - ĐBCL lập thống kê đối sánh kết quả của các loại khảo sát gửi BGH và tất cả các đơn vị để Nhà trường có thông tin tổng quan hơn về hiệu quả của công tác cải tiến này **[H22.22.04.03]**. Quy trình cùng tất cả các biểu mẫu đính kèm luôn được cập nhật, cải tiến hàng năm cho phù hợp và được lưu vào “Danh mục theo dõi sửa đổi tài liệu ISO” **[H22.22.04.04]**.

Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp, giúp Nhà trường nắm được tình hình việc làm của SV vừa tốt nghiệp. Sau khi ra trường, trong vòng 1 năm, hơn % SV có được việc làm ngay, trong đó có trên % SV làm đúng chuyên ngành đào tạo và SV hài lòng với công việc mình đang làm trên %. Ngoài ra, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp còn giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc. Kết quả khảo sát này cho nhà trường một thông tin tổng thể về nguồn nhân lực mà nhà trường đã đào tạo cho xã hội **[H22.22.04.05]**.

Khảo sát ý kiến GV, cựu SV và NTD về CĐR và CTĐT, về sự hài lòng của NTD về chất lượng SV của Trường đã và đang làm việc tại các đơn vị, nhằm giúp Nhà trường đánh giá mức độ phù hợp của các CĐR và CTĐT đã được thiết kế với các yêu cầu thực tiễn của các bên liên quan, qua đó giúp Khoa có thêm cơ sở để có những điều chỉnh, cải tiến về CĐR và CTĐT mà Khoa đã xây dựng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và NTD trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động **[H22.22.04.06]**.

Kết quả khảo sát ý kiến NTD về kiến thức, các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng khác và thái độ của SV tốt nghiệp đã và đang làm việc tại các đơn vị tuyển dụng, mức độ hài lòng của các NTD rất cao và ngày càng tăng. Trên % ý kiến hài lòng về việc SV có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc. Nhiều kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng khác như: kỹ năng CNTT, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề, ngoại ngữ, tư duy logic, tư duy sáng tạo, thuyết trình, thực hiện công việc được giao, tự học, tự nâng cao trình độ, khả năng thích nghi và hội nhập, lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân, ham học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc, năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý, tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật, đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị, ... được các NTD đánh giá cao và các kết quả cải tiến rõ ràng qua mỗi năm. NTD cũng đánh giá cao SV Trường về kỹ năng thực hiện công việc được giao (%); biết lắng nghe,

tiếp thu và khắc phục nhược điểm cá nhân (%), tinh thần trách nhiệm (%) [H22.22.04.02].

Theo dõi mức độ hài lòng của NTD qua nhiều năm liền, Nhà trường nhận thấy xu hướng hài lòng của NTD ngày càng được tăng cao [H22.22.04.03]. Kết quả 100% NTD hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Nhà trường ngày càng được xã hội tiếp nhận.

Tự đánh giá: 5/7

Tóm tắt các điểm mạnh

- ✓ Hàng năm, khi lập kế hoạch đào tạo, Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV ra trường. Qua đó giúp Nhà trường giám sát, cải tiến số lượng và chất lượng SV tốt nghiệp, cải tiến tình hình việc làm của SV.
- ✓ Nhà trường xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu người học từ tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập và rèn luyện, kết quả học lại, thi lại, tình hình tốt nghiệp, tình hình việc làm và chất lượng SV tốt nghiệp.
- ✓ Các kết quả đối sánh về kết quả học tập, tình hình bỏ/thôi học, tình hình tốt nghiệp, tình hình việc làm cùng hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan là cơ sở giúp Nhà trường có những biện pháp cải tiến tình hình học tập, tốt nghiệp và việc làm của SV ra trường có hiệu quả.
- ✓ Nhà trường phối hợp nhiều đơn vị tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế số lượng SV bỏ học/buộc thôi học. Việc theo dõi, gặp gỡ hỗ trợ các SV này được triển khai thường xuyên để tư vấn, giúp tháo gỡ những khó khăn của SV, giúp SV trở lại với trường lớp.
- ✓ SV ra trường có việc làm ngay và mức lương hợp lý với tỷ lệ ngày càng tăng. Đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ Việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD được thực hiện chưa đồng bộ. Số phiếu thu lại của một số khoa còn thấp. Tỷ lệ phiếu có giá trị thống kê chưa cao.
- ✓ Qua khảo sát, SV rất năng động nhưng nhiều SV mất cơ hội việc làm do thiếu kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc. Một số SV còn thờ ơ với các ngày hội việc làm.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phòng Khảo thí - ĐBCL phối hợp với các khoa/viện cải tiến biểu mẫu khảo sát, giám sát số phiếu	Phòng Khảo thí -ĐBCL, Khoa,	Từ năm học 2019 - 2020	

		phát ra và thu lại trong những đợt ngày hội việc làm và ngày họp mặt cựu SV và NTD.	TT.NCPTNN, Phòng Thanh tra - PC		
2	Khắc phục tồn tại 2	TT.NCPTNN phối hợp với các Khoa tổ chức tập huấn cho SV về kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm. P.CTSV, TT.NCPTNN và các Khoa rà soát công tác truyền thông, đảm bảo các thông tin về các ngày hội việc làm được đến với tất cả SV biết để tham gia.	TT.NCPTNN, P.CTHSSV, Khoa	Từ năm học 2019 - 2020	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì việc xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV ra trường khi xây dựng kế hoạch đào tạo.	P.ĐT, P Khảo thí-ĐBCL, Khoa,	Từ năm học 2019 - 2020	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Cải tiến các phần mềm, cải tiến cách làm việc của đội ngũ NV hỗ trợ.	P.ĐT	Từ năm học 2019 - 2020	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Đối sánh về kết quả học tập, tình hình bỏ/thôi học, tình hình tốt nghiệp, tình hình việc làm cùng hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan làm cơ sở giúp Nhà trường có những biện pháp cải tiến tình hình học tập, tốt nghiệp và việc làm của SV ra trường có hiệu quả.	P.ĐT, P. Khảo thí - ĐBCL, Khoa, TT.NCPTNN	Từ năm học 2019 - 2020	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường tiếp tục phối hợp nhiều đơn vị tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế số lượng SV bỏ học/buộc thôi học.	P.CTHSSV, Khoa	Từ năm học 2019 - 2020	
7	Phát huy điểm mạnh 5	Triển khai tốt việc khảo sát ý kiến NTD, ý kiến SV tốt nghiệp giúp Trường, Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công	TT.NCPTNN Khoa	Từ năm học 2019 - 2020	

		việc.			
--	--	-------	--	--	--

Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5,00
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1 – Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKHCN, ngay sau khi có QĐ thành lập trường ĐH Thủ đô Hà Nội, Nhà trường đã tiếp tục xây dựng định hướng công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như theo định hướng phát triển của Nhà. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện. Định mức nghiên cứu khoa học được quy định hằng năm đối với giảng viên tập sự là 80 giờ, giảng viên là 160 giờ, giảng viên chính là 210 giờ, giảng viên cao cấp là 240 giờ. [H23.1.2.1 – H23.1.2.4]

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu [H23.1.1.2]; Định hướng NCKH 2015 – 2016, có hệ thống biểu mẫu hướng dẫn đánh giá, tiêu chí xếp loại ...). Hàng năm dữ liệu về kết quả nghiên cứu khoa học được cập nhật sau mỗi năm học [H23.1.1.3].

Nhận thức được thời cơ và yêu cầu nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH và đội ngũ nghiên cứu, nhà trường có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu.

Nhà trường đã có Quy chế hoạt động KHCN trường trong đó quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện và định kỳ được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với yêu cầu đổi mới và điều kiện phát triển của Nhà trường

Nhà trường đã thông báo về việc thực hiện nhiệm vụ NCKH ban hành Quyết định về việc phê duyệt các nhiệm vụ KHCN cấp Trường và bổ sung các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Trường. Đồng thời thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các đề tài, lấy ý kiến tổng hợp từ các bên liên quan dưới hình thức phỏng vấn trực tiếp để kịp thời điều chỉnh hướng nghiên cứu của đề tài cho phù hợp yêu cầu thực tiễn và gia hạn hợp đồng thực hiện đề tài đối với một vài đề tài cấp thành phố. Trong quá trình thực hiện đề tài có

tiến hành báo cáo tiến độ thực hiện. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong các báo cáo tổng kết quả thực hiện đề tài, sản phẩm bài báo uy tín trong nước và quốc tế được lưu giữ tại thư viện trường làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho CBGV, HSSV trong toàn trường. Đồng thời, sản phẩm của đề tài được ứng dụng trực tiếp vào hoạt động của Trường góp phần mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện nhiệm vụ đặc biệt là đối với các đề tài trọng điểm.

Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội thảo khoa học, tham gia các cuộc thi về NCKHCN tạo môi trường giao lưu học hỏi về công tác NCKHCN giữa CBGV, HSSV trong và ngoài trường, trong nước và quốc tế.

Thông qua kết quả hoạt động NCKHCN Nhà trường có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu trong những năm tiếp theo.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.

Tiêu chí 23.2 – Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động KH&CN trong đó quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà người học thực hiện đối với CBGV, HSSV; Quy định về quản lý, tổ chức hoạt động đồ án, khóa luận tốt nghiệp đối với bậc đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học; Hằng năm những sinh viên đủ điều kiện tiêu chuẩn được tham gia làm khoa luận tốt nghiệp, đây là cơ hội để SV tiếp cận với công tác NCKH, kết quả đề tài khoa luận được các Hội đồng khoa học của Trường đánh giá, phân loại, danh sách Khóa luận tốt nghiệp sinh viên các năm.

Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). Có cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học.

Năm học 2017-2018 Nhà trường đã tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH lần thứ nhất, mở đầu cho những hoạt động NCKH với quy mô lớn hơn để chuẩn bị giới thiệu SV tham dự các hoạt động NCKH cấp nhà nước trong những năm tiếp theo. Năm 2018 -2019 tổ chức Hội nghị sinh viên lần thứ hai, là bước phát triển trong công tác NCKH người học, cho thấy công tác NCKH của SV đã trở thành hoạt động thường niên.

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động KHCN trường Đại học Thủ đô Hà Nội và đã cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, trong đó có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn.

Phòng QLKH-CN-HTPT là đầu mối theo dõi, giám sát về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn.

Nhà trường thành lập các Hội đồng nghiệm thu các đề tài khoa học, ghi nhận kết quả NCKH của các tập thể, cá nhân trong trường. Báo cáo công tác NCKH hằng năm tóm tắt lại quá trình NCKH của đơn vị trong qua Báo cáo tổng kết công tác NCKH năm học 2016-2017, đề xuất triển khai các hoạt động KH-CN năm học 2017-2018. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học.

Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được đối sánh để cải tiến.

- Có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn.
- Có hệ thống theo dõi, giám sát, có cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF.
- Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.
- Thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.
- Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.

Tiêu chí 23.4 –. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Việc xác lập và giám sát và đối sánh tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua các quy định cụ thể về loại hình, số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó quy định về việc sở hữu trí tuệ tại điều 10, điều 11 chương II và điều 36 chương VI trong văn bản quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như các cơ sở dữ liệu đánh giá về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ.

Các loại hình đề tài được quy định rõ: Đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, đề tài khoa học công nghệ và các cấp tương đương, đề tài khoa học công nghệ cấp Thành phố và các cấp tương đương, đề tài khoa học công nghệ cấp trường trong đó bao gồm đề tài trọng điểm và đề tài thông thường và các đề tài khoa học công nghệ khác.

Xác định được các danh mục đề tài từ đó có cơ sở để nhà trường và phòng quản lý khoa học công nghệ và hợp tác phát triển đề dăng trong việc giám sát, đối sánh để cải tiến các loại hình, số lượng tài sản trí tuệ (cụ thể là các sản phẩm khoa học công nghệ).

- Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác định.
- Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được giám sát.
- Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được đối sánh để cải tiến.
- CSGD có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ.
- Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ (các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ; tiêu chí, quy trình

để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, ...). Có cơ sở dữ liệu được cập nhật về tài sản trí tuệ.

- Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hằng năm; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD.
- Chưa thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.
- Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.

Đây chính là ngân quỹ phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu sau khi đã được xác lập, giám sát, đối sánh (Sau khi tiêu chí 23.4 được thực hiện).

Ngân quỹ cho từng loại hoạt động được quy định cụ thể trong Điều 31 Mục 5 Chương II – Quy chế chỉ tiêu nội bộ 2018 và Điều 6,7 chương I Quy chế hoạt động khoa học công nghệ. Được xác định, giám sát, đối sánh bởi Phòng Tài chính – kế toán, Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác phát triển, Trung tâm Khoa học công nghệ, là những đơn vị của trường trực tiếp có các hoạt động liên quan đến vấn đề trên.

Thực tế cho thấy, việc xác định, giám sát, đối sánh cho từng loại hoạt động nghiên cứu được diễn ra đúng quy trình, tuân tự nhưng chưa thực sự sát sao, tỉ mỉ thể hiện ở các hệ thống giám sát, bản đối sánh về ngân quỹ và các văn bản quy định về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về vấn đề nghiên cứu

- Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác định.
- Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được giám sát.
- Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.
- CSGD có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành.
- Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.
- Có hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu (các quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá,...).
- Thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hằng năm. Có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Là tập hợp các kết quả nghiên cứu bao gồm: việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp được quy định rõ trong điều 35, 37 chương VI Quy chế hoạt động khoa học công nghệ.

Nhà trường quản lý, kết quả sản phẩm khoa học công nghệ trên cơ sở thực hiện những quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ... các đề tài được xác lập giám sát, quản lý theo chế độ mật được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

Nhà trường tổ chức các hội thảo "Sáng tạo khởi nghiệp – HNMU" để chia sẻ trao đổi những thắc mắc của sinh viên, cán bộ, giảng viên về vấn đề khởi nghiệp.

- Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác định.
- Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được giám sát.
- Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được đối sánh để cải tiến.
- CSGD có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) trong hoạt động KHCN của CSGD.
- Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).
- Có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).
- Thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp); thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Nhiệm vụ NCKHCN là 1 trong những nhiệm vụ cốt lõi được Nhà trường thường xuyên quan tâm, hằng năm được tăng cường, đẩy mạnh. Kế hoạch thực hiện hoạt động NCKHCN hằng năm thực hiện đúng thủ tục, quy trình, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Công tác giám sát kết quả về số lượng và chất lượng NCKH được đảm bảo, hằng năm nhà trường có ghi nhận và khuyến khích các thành tích NCKH.
- ✓ Trường có thế mạnh về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin. Nhà trường đã có cán bộ, giảng viên tham gia các đề tài KH&CN cấp

Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và có công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, có bài viết tại các Hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.

- ✓ Trường đã có quy định cụ thể về công tác nghiên cứu khoa học của người học; hỗ trợ kinh phí cho công tác NCKH của người học và có kinh phí khen thưởng cho cán bộ giảng viên hướng dẫn và người học có kết quả NCKH tốt.

Tóm tắt các điểm tồn tại:

- ✓ Chưa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu.
- ✓ Có thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực).
- ✓ Chưa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học.
- ✓ Chưa thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực).
- ✓ Chưa xây dựng mẫu phiếu khảo sát đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu, người học, chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu để chỉ ra các điểm mà Nhà trường coi là tồn tại và cần phải cải tiến.
- ✓ Chưa đăng kí sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm NCKHCN của Trường.

Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường theo định hướng trung hạn và dài hạn	Xây dựng chiến lược phát triển theo giai đoạn từ 3-5 năm. Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch chi tiết cho từng năm học	Các đơn vị trong toàn trường. Đầu mối: P.QLKHCN-HTPT	12/2018	
2	Xây dựng mẫu phiếu khảo sát định tính và định lượng	-Đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu. -Đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu người học -Đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu	Phòng QLKHCN-HTPT, KT-ĐBCLGD và các đơn vị	Tháng 12/2018	

3		Đăng kí sở hữu trí tuệ: Các sản phẩm NCKHCN của Trường.	Phòng QLKHCN-HTPT; TT KH-CN		
---	--	---	-----------------------------	--	--

Mức đánh giá:

STT	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
13.	23.1	4	20	4,33
14.	23.2	4		
15.	23.3	3		
16.	23.4	3		
17.	23.5	3		
18.	23.6	3		

TIÊU CHUẨN 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Giá trị cốt lõi: *Uy tín và chất lượng- Đổi mới và sáng tạo – Tận tâm và tôn trọng – Trách nhiệm và tự hoàn thiện – Gắn kết cộng đồng* là mục tiêu đã và đang được khẳng định trong tất cả các hoạt động của trường. Cả hệ thống chính trị của nhà trường luôn coi trách nhiệm xã hội của trường không chỉ là giá trị tạo nên thương hiệu của trường mà còn là trách nhiệm của toàn thể thành viên nhà trường góp phần tham gia vào phát triển khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, kinh tế – xã hội cho Thành phố Hà Nội và cả nước. [H24.24.1.1].

Nhà Trường đã có quy định cụ thể về khối lượng, hiệu quả của các đơn vị tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.24.1.2]. Trường ĐH TĐHN đã thực hiện hành động đối với việc triển khai đa dạng các loại hình, khối lượng công việc tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng. Các loại hình, khối lượng tham gia vào kết nối cộng đồng được thể hiện rõ nét trong hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, phòng Công tác chính trị và Quản lý SV, phòng KHCN, các khoa, trung tâm trực thuộc trường. Ngoài ra các GV, các nhà khoa học, Cựu sinh viên và SV cũng có rất nhiều đóng góp cá nhân trong lĩnh vực này. Cụ thể được thể hiện như sau:

Về Các khóa học ngắn hạn dành cho sinh viên, cộng đồng

Nhà Trường đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu phát triển nghề nghiệp và Trung tâm Ngoại ngữ Tin học. Sau khi được thành lập, các trung tâm đã triển khai hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu phục vụ và kết nối cộng đồng của trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Trường ĐH TĐHN xây dựng, cung cấp các chương trình bồi dưỡng, cấp chứng chỉ, chứng nhận theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu chuẩn hóa và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ viên chức các ban ngành của Hà Nội và các địa phương. [H24.24.1.3].

Loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng đã được xác lập thông qua: Số lượng các khóa đào tạo; số lượng và chất lượng học viên được đào tạo.

Trong những năm gần đây, ý thức được việc cần thiết phải trang bị thêm các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV đáp ứng theo nhu cầu phát triển rất nhanh của thị trường việc làm, đặc biệt là ngoại ngữ. ĐH TĐHN đã tích cực mở các lớp học ngoại CTĐT cho SV của trường và cho các cá nhân có nhu cầu [H24.24.1.4] .

Bảng 24.1.1 Các khóa học ngắn hạn

Năm	2016	2017	2018
<i>Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03</i>	1424	5643	3710

Năm 2016 thực hiện gói thầu số 02:” Bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy cho GV bậc Tiểu học và THCS” chương trình được triển khai rộng rãi trên 30 quận, huyện, thị xã với 52.120 học viên và trên 1000 lớp của thành phố Hà Nội [H24.24.1.5]. Trung tâm mở được hàng trăm lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS, bồi dưỡng nâng cao năng lực, đào tạo các kỹ năng làm việc [H24.24.1.3]. Nhà trường cũng ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đơn vị ngoài [H24.24.1.6].

Bảng 24.1.2 Số lượng học viên tham gia các lớp bồi dưỡng cho các giai đoạn 2015-2018

Năm	2017	2018
Số lượng		

Về thực hiện các hoạt động khoa học, các đề tài, dự án NCKH phục vụ sản xuất

Để giúp các GV và các nhà nghiên cứu trong cả nước có nhiều cơ hội tham dự các hội thảo khoa học, ĐH TĐHN tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Số lượng và chất lượng đề tài NCKH được nghiệm thu và chuyển giao cho các bộ, sở, ban, ngành hàng năm; số lượng các dự án được nghiệm thu và chuyển giao hàng năm [H24.24.1.7].

Bảng 24.1.2 mô tả số hội thảo khoa học và hội thảo do ĐH TĐHN tổ chức.

Bảng 24.1.2 Các hội thảo khoa học

Năm	2016	2017	2018
Hội thảo quốc tế			1
Hội thảo trong nước			

Số liệu báo cáo cho thấy Nhà trường có sự gia tăng về số công trình NCKH, số lượng hội thảo khoa học tham gia và số lượng hội thảo khoa học được tổ chức, số lượng sản phẩm khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế và hội nghị khoa học quốc tế uy tín vượt mức chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong mục tiêu chất lượng của nhà trường. Số lượng công trình NCKH chuyển giao công nghệ hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu đặt ra.

Các đề tài, dự án của trường ĐH TĐHN đều được thường xuyên kiểm tra đánh giá tiến độ theo đúng quy định, việc nghiệm thu đề tài đều được thực hiện qua các bước từ cấp cơ sở đến các cấp cao hơn, mỗi bước đều có biên bản, báo cáo của hội đồng nghiệm thu các cấp [H24.24.1.8].

.Bảng 24.1.2 Đề tài, dự án NCKH, CGCN

Năm	2016	2017	2018
<i>Đề tài cấp nhà nước</i>			
<i>Đề tài cấp bộ, tỉnh</i>			
<i>Đề tài tiềm năng</i>			
<i>Cơ sở</i>			
<i>Dự án chuyển giao công nghệ, sản xuất</i>			

Về hoạt động vì cộng đồng của cán bộ, giảng viên

Các chương trình hoạt động vì cộng đồng của Công đoàn trường ĐHTĐ HN trong những năm vừa qua: Công đoàn trường là tổ chức chăm lo cho đời sống của CB, công nhân viên trong toàn trường. Công đoàn trường là tổ chức kết nối với các hoạt động thiện nguyện của công đoàn viên với cộng đồng. Tổ chức cho các CBVC trong toàn trường tham gia các hoạt động cộng đồng: Tổ chức, phối hợp tổ chức, tham gia hội thao, hội diễn của nhà trường và của các cấp tại địa phương. Công đoàn cũng là đầu mối trong các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Thường xuyên có các hoạt động thiện nguyện theo các đợt như 27/7, tết cổ truyền, thường xuyên ủng hộ đồng bào không may bị thiên tai, bão lũ. Đối với các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn thường xuyên có đại diện Công đoàn cấp trên, lãnh đạo nhà trường tham dự, được Website của nhà trường đưa tin. Các hoạt động cho CBVC trong trường luôn có các quyết định của Công đoàn trường và được đăng tải công khai trên Website hoặc gửi email cho toàn trường. [H24.24.1.9].

Bảng 24.1.4 Hoạt động tình nguyện

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018
<i>Số các chương trình tình nguyện</i>	18	22	20

Về hoạt động tình nguyện vì cộng đồng của Đoàn viên, thanh niên trong nhà trường

Để nâng cao nhận thức của SV về trách nhiệm xã hội, trường đã tích cực tổ chức một số chiến dịch tình nguyện quy mô lớn như "Mùa hè xanh", "Sinh viên tình nguyện", "Tiếp sức mùa thi", "Tiếp sức đến trường", "Tình nguyện mùa đông", góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương [H24.24.1.10].

Đối với các hoạt động của Đoàn thanh niên - Hội sinh viên luôn luôn được giám sát chặt chẽ theo quy trình chuẩn: Đoàn thanh niên khảo sát thực địa, lập kế hoạch, các phòng

ban chức năng liên quan ký xác nhận, ĐU-BGH ký phê duyệt, sau các hoạt động đều có báo cáo cụ thể, đối với các hoạt động tình nguyện xa trường sau mỗi đợt hoạt động đều có xin ý kiến phản hồi từ các đơn vị tiếp nhận, các cá nhân tham gia trực tiếp (Phiếu khảo sát, thư cảm ơn, thư xác nhận), trong mỗi đợt hoạt động Đoàn thanh niên đều cử các CB có trách nhiệm tham gia cùng hoặc có các đợt kiểm tra đột xuất. Và sau mỗi đợt nếu phát sinh chi phí đều phải hoàn thành thủ tục tài chính thông qua phòng Tài chính – Kế toán của trường theo đúng quy định [H24.24.1.11].

Về Gắn kết và phục vụ cộng đồng bằng các hoạt động liên kết, đào tạo theo yêu cầu xã hội

Nhà trường đã chú trọng việc gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong quá trình đào tạo. Nhà trường đã kịp thời xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù. Triển khai chuyển đổi các chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng POHE [H24.24.1.12];

Để giám sát tác động, kết quả hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường xây dựng một hệ thống các văn bản, qua hệ thống các báo cáo công tác tháng của các phòng chức năng, của Đoàn thanh niên, Công đoàn. Báo cáo được rà soát trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng. Thông qua các cuộc họp giao ban, các cuộc họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, kế hoạch đã được triển khai BGH đều có các quyết định, kết luận hoặc các kế hoạch cải tiến cho các hoạt động [H24.24.1.13]; Để tăng trách nhiệm của Nhà trường đối với XH, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan loại hình và khối lượng hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.1.14]. Nhiều ý kiến đóng góp đề xuất có giá trị giúp Nhà trường cải tiến ngày càng hoàn chỉnh hơn các hoạt động này [H24.24.1.15].

Kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng hoạt động kết nối và PVCD cho thấy, hoạt động này ngày càng phong phú về thể loại, thu hút được nhiều đối tượng tham gia và số lượng CB-GV-NV và SV tham gia ngày càng tăng [H24.24.1.16].

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường đã thực hiện đánh giá tác động xã hội, tổng kết kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, để từ đó có những cải tiến trong cách làm nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong phục vụ và kết nối cộng đồng. Thực hiện mục tiêu gắn kết cộng đồng bằng những sản phẩm chất lượng cao, được xã hội chấp nhận và phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội, nhà trường tổ chức những kênh đánh giá, khảo sát để nhận thông tin phản hồi về tác động xã hội đối với các hoạt động của trường trong việc kết nối và phục vụ cộng

đồng. Trường có 02 đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động đánh giá tác động, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đó là phòng Thanh tra- Pháp chế và Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng. Đây là 02 đơn vị thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong trường tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động [H24.24.2.1].

Nhà trường đã xây dựng công cụ khảo sát ý kiến các bên liên quan là các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu kèm theo để thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan trong bộ quy quynh làm việc của trường. Đồng thời tất cả các đơn vị đều sử dụng các kết quả khảo sát này để cải tiến chất lượng công tác kết nối và PVCD [H24.24.2.2].

Hoạt động rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên hàng năm thông qua các báo cáo định kì, thông qua các báo cáo của các chương trình hoạt động [H24.24.2.3].

Về tác động xã hội và kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học

Các hoạt động NCKH, CGCN phục vụ cộng đồng của trường ĐH TĐHN tập trung phần lớn ở các lĩnh vực giáo dục và đào tạo và quản lý giáo dục lĩnh vực khoa học thuộc sứ mạng của nhà trường. Đây là những vấn đề mà trường có những chuyên gia hàng đầu của chuyên ngành. Trường có mối quan hệ với rất nhiều địa phương, tổ chức, cơ sở đào tạo. Bên cạnh đó nhà trường cũng có mối liên hệ rất mật thiết với các trường đại học trên thế giới như các trường ...Nhà trường đã ký nhiều biên bản hợp tác toàn diện với các đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội: Hợp tác với trường liên cấp Tây Hà Nội, trường..... Các công việc của trường đều chứng minh được hiệu quả và được nhân dân địa phương và các cấp bộ ngành đánh giá cao. [H24.24.2.4].

Về tác động xã hội và kết quả hoạt động Công Đoàn

Bảng 24.2.1 Thống kê số tiền ủng hộ của Công đoàn trường

Năm học	Số tiền quỹ tình thương hàng năm
2015-2016	
2016-2017	
2017-2018	

Các hoạt động của Công Đoàn trường, tuy chưa phải là nhiều nhưng cũng là những nguồn động viên rất kịp thời đối với bà con đồng bào các địa phương không may gặp phải những hoàn cảnh khó khăn. [H24.24.2.5].

Về tác động xã hội và kết quả hoạt động của các hoạt động tình nguyện của Đoàn viên, thanh niên trong nhà trường

Hàng năm, trường vận động SV tình nguyện tham gia vào chiến dịch "Mùa hè xanh", đến các địa phương nghèo để tham gia các hoạt động hỗ trợ, chia sẻ với những hoàn cảnh

gặp khó khăn và nhân dân địa phương. Nhà trường đỡ đầu trường THPT Lưu hoàng một trường đóng trên địa bàn khó khăn của Hà Nội. Khi triển khai chiến dịch, ĐH TĐHN đã kêu gọi được toàn thể cán bộ giảng viên và các nhà tài trợ ngoài trường tham gia hoặc tài trợ để thực hiện các công việc. Chiến dịch này cũng đưa SV đến những vùng địa phương khó khăn hỗ trợ người dân tạo dựng môi trường sống tốt hơn, tặng quà trẻ em, người nghèo [H24.24.2.6].

Bảng 24.2.2 Các công trình, phần việc qua các chiến dịch Mùa hè xanh (triệu vnd)

Năm	2015	2016	2017	2018
Công việc	Phối hợp xây dựng thư viện sách với trung tâm Giáo dưỡng số 6	Xây dựng sân chơi thiếu nhi tại xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	Tặng máy tính để bàn trong hoạt động kết nghĩa với tuổi trẻ Lào Cai	Trao tặng quây sử dụng nước sạch và học bổng cho học sinh tại trường THPT Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa
Tổng giá trị	15.000.000đ	25.000.000đ	32.000.000đ	20.000.000đ
Số ngày công quy đổi				
Nguồn huy động xã hội hóa	0	0	0	0

Bảng 24.2.3 Các công trình, phần việc qua các chiến dịch sinh viên tình nguyện (triệu vnd)

Năm	2015	2016	2017	2018
Công việc	- Tặng quà tết, quần áo	- Tặng quà tết, quần áo	- Tặng quà tết, quần áo	- Tặng quà tết, quần áo
Số ngày công quy đổi ra tiền)	15.000.000đ	17.000.000đ	20.000.000đ	20.000.000đ
Nguồn xã hội hóa	0	0	0	0

Trường định kỳ phối hợp với địa phương tổ chức ngày hội hiến máu “những trái tim hồng”, tuyên truyền, vận động GV và SV và nhân dân địa phương tham gia. Bảng 24.2.4

cho biết số đơn vị máu (mỗi đơn vị máu tương đương với 250-450ml máu) Thu được qua các chương trình do Trường tổ chức phối hợp với bệnh viện và địa phương.

Ngoài ra, trường ĐH TĐHN cũng thành lập một đội hiến máu tình nguyện của khoảng 40-50 SV hiến máu trong trường hợp khẩn cấp. SV trong nhóm sẽ được xét nghiệm máu trước và khi cần thiết, học sinh sẽ đi hiến máu tại các bệnh viện. Hàng năm, HSV Trường tổ chức 03 lần/năm hoạt động Hiến Máu Nhân Đạo, thu hút 5.400 lượt SV tham gia [H24.24.2.7].

Bảng 24.2.4 Số đơn vị máu thu được hàng năm

Năm	2015	2016	2017	2018
Số đơn vị máu	330	350	500	500

Sau mỗi hoạt động vì cộng đồng, nhà trường luôn tiến hành khảo sát sự tác động của mỗi hoạt động đối với người dân và chính quyền các địa phương, những người trực tiếp hoặc không trực tiếp tiếp nhận. Hoạt động này có thể qua các kênh trực tiếp như qua các phiếu khảo sát, khảo sát online, qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, TV...) để nắm được tình hình các công việc phục vụ cộng đồng của nhà trường được bản thân CB nhân viên và SV trong trường đánh giá. Theo quy chế phục vụ cộng đồng, hiện nay các hoạt động phục vụ cộng đồng đang được các tập thể, cá nhân trong nhà trường tổ chức thực hiện và các tổ chức, cá nhân này có trách nhiệm cử người giám sát kết quả của các hoạt động và sau đó báo cáo lãnh đạo nhà trường về kết quả của những hoạt động này. Hiện nhà trường chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện việc kết nối và phục vụ cộng đồng, việc giám sát, đối sánh các kết quả thực hiện, đây cũng là một khó khăn trong công tác giám sát, xác lập các kết quả cụ thể [H24.24.2.8].

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 4

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Sau mỗi hoạt động vì cộng đồng, nhà trường luôn tiến hành khảo sát sự tác động của mỗi hoạt động đối với SV, CB nhân viên của nhà trường, những người trực tiếp hoặc không trực tiếp tham gia. Hoạt động này có thể qua các kênh trực tiếp như qua các phiếu khảo sát, khảo sát online, qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, TV...) để nắm được tình hình các công việc phục vụ cộng đồng của nhà trường được bản thân CB nhân viên và SV trong trường đánh giá như thế nào [H24.24.2.8].

Về tác động của các hoạt động nghiên cứu khoa học đối với GV và SV

Các hoạt động NCKH, CGCN phục vụ sản xuất chính là những cơ hội để cho GV và SV của nhà trường hiện thực hóa những kiến thức đã được truyền thụ. Nhà trường hiện nay có tới gần 20% GV có trình độ tiến sỹ, có nhiều chuyên gia cấp học, chuyên gia ngành ở nhiều lĩnh vực đây là nguồn chuyên gia tốt cho các hoạt động NCKH và CGCN. Bên cạnh đó trường còn có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và cơ sở thực nghiệm có đủ điều kiện thực hiện các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H24.24.3.1]. Nhà trường đã thành lập TT tham vấn học đường và Can thiệp sớm bên cạnh mục đích xây dựng một cơ sở thực hành nghề nghiệp còn mang đến cho cộng đồng một địa chỉ hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và triển khai các hoạt động tham vấn học đường, tư vấn định hướng nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng sống, giá trị sống và các hoạt động phát triển cộng đồng [<http://hnmu.edu.vn/trung-tam-tham-van-hoc-duong-va-can-thiep-som/thong-tin-chung-trung-tam-tham-van-hoc-duong-va-can-thiep-som.html>]. Các hoạt động này vừa giúp GV và SV trong trường tìm tòi những cái mới, áp dụng những thành tựu khoa học trên thực tế, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, tạo kết nối và phục vụ cộng đồng đồng thời tạo thêm nguồn thu nhập đáng kể cho GV và SV trong nhà trường.

Bảng 24.3.1 Sự hài lòng của GV và SV tham gia NCKH, CGCN

Năm	2015	2016	2017	2018
Số lượng tham gia				
Số người tham gia lần 2				
Mức độ hài lòng				

Về tác động của các hoạt động của Công đoàn trường đối với CB công nhân viên trong nhà trường

Qua những hoạt động của Công đoàn trường, GV và SV trong nhà trường thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Chung tay xóa đói giảm nghèo, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn không may bị bão lũ, thiên tai, dịch họa. Đây cũng là hoạt động làm tăng thêm nét văn hóa đặc trưng của GV và SV trường ĐH TĐHN, một nét đẹp truyền thống [H24.24.3.2].

Bảng 24.3.2 Sự hài lòng của CB công nhân viên trong trường với các hoạt động của Công đoàn

Năm	2015	2016	2017	2018
Số lượng tham gia khảo sát	50	50	50	50

Mức độ hài lòng				
-----------------	--	--	--	--

Về tác động của các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng đối với CB và SV trong toàn trường

Sau mỗi chuỗi hoạt động được tổ chức theo định kỳ hàng năm, ngoài việc đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của từng cá nhân, ĐH TĐHN cũng tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các cá nhân tham gia vào hoạt động để có thể điều chỉnh và cải tiến các hoạt động tiếp theo. Cuộc khảo sát đã được thực hiện với tất cả những người tham gia trong hoạt động (bao gồm cả GV, SV) có tỷ lệ đáp ứng 10 điểm: từ 1 (rất không hài lòng) đến 10 (rất hài lòng). Bảng 24.3.3 và 24.3.4 cho thấy số SV và GV đã tham gia chiến dịch tình nguyện "Mùa hè xanh" và các phong trào tình nguyện khác [H24.24.3.3].

Bảng 24.3.3 Tổng kết “Mùa hè xanh”

Năm	2015	2016	2017	2018
Số lượng tham gia	300	300	300	300
Số người tham gia lần 2				
Mức độ hài lòng	9	9	9	9

Bảng 24.3.4 cho thấy số SV và số ngày trung bình mỗi SV tham gia vào các hoạt động tình nguyện khác.

Bảng 24.3.4 Các phong trào tình nguyện khác

Năm học	2015	2016	2017	2018
Số lượng SV tham gia	~2000	~3000	~3500	~3500
Số ngày bình quân trong năm/SV	2	2	2	2
Mức độ hài lòng	9	9	9	9

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến về hoạt động kết nối và PVCĐ. Nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu số liệu đánh giá, giám sát các góp ý của các bên liên quan trong từng chương trình hành động hoặc sau khi có kết quả hoạt động, phân tích mức độ hài lòng, góp ý của các bên liên quan, theo dõi từng hoạt động, cải tiến kịp thời nhằm đem lại hiệu quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu của cộng đồng, xã hội.

Sau mỗi hoạt động, Nhà trường và địa phương đã tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả của hoạt động để rút ra bài học cho các hoạt động tiếp theo. Trường cũng tiến hành khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm điều chỉnh và cải tiến các hoạt động tiếp theo. Khảo sát được thực hiện với những người hưởng lợi trực tiếp được đánh giá theo mức độ hài lòng 10 điểm từ 01 (rất không hài lòng) đến 10 (rất hài lòng). [H24,4,7]; [H24.4.4.1];

Bảng 24.4.1 cho thấy mức độ hài lòng của người hưởng lợi của các chiến dịch "mùa hè xanh" và "tình nguyện viên mùa đông" trong những năm 2015-2018. [H24.24.4.1] [H24,4,7]

Bảng 24.4.1 Sự hài lòng của các bên liên quan trong các chiến dịch Mùa hè xanh

Năm	2015	2016	2017	2018
Mức độ hài lòng	9	9	10	10

Bảng 24.4.2 Sự hài lòng của các bên liên quan trong các chiến dịch Tình nguyện mùa đông

Năm	2015	2016	2017	2018
Mức độ hài lòng	10	10	10	10

Bảng 24.4.3 Sự hài lòng của các bên liên quan trong các chiến dịch Tình nguyện khác

Năm	2015	2016	2017	2018
Mức độ hài lòng	9	9	9	9

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến SV hàng năm để có những cải tiến thiết thực nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ SV về công tác PVCD. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của SV về hoạt động hỗ trợ Nhà trường ngày càng tăng [**Tổng hợp số liệu khảo sát**].

Đối sánh kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội qua 3 năm ở bảng cho thấy tỷ lệ ý kiến *không hài lòng* từ năm học 2015 – 2016 là giảm dần qua các năm, cho đến năm học 2017 – 2018 tỷ lệ này chỉ còn ??? (điền số liệu theo bảng) Đó cũng là kết quả của việc tích cực cải tiến của Nhà trường [**Báo cáo tổng hợp số liệu về sự hài lòng của sinh viên với các hoạt động hỗ trợ**].

Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV về công tác hỗ trợ qua các năm

STT	Năm học	Công tác hỗ trợ SV				
		1. Hoàn toàn	2. Không hài lòng	3. Tạm chấp nhận	4. Hài lòng	5. Hoàn toàn hài

		không hài lòng		được		lòng
1	2015-2016					
2	2016-2017					
3	2017-2018					

Với các chiến dịch và hoạt động tình nguyện mạnh mẽ, hầu hết người hưởng lợi và địa phương đánh giá cao sự đóng góp của Nhà trường vào sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của các địa phương. [H24.24.4.2], [H24.24.1.16]. [H24,4,7].

Số liệu đánh giá, giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập để có những cải tiến phù hợp. Số liệu từ các bảng 24.4.1 cho đến 24.4.5 đều cho thấy mức độ hài lòng đã được tăng dần theo năm. Chứng minh kết quả cải tiến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường.

Với những đóng góp cho các hoạt động của địa phương, đóng góp cho phong trào Thanh niên của Thủ đô, Đoàn trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã được ghi nhận, đánh giá: Được tặng Cờ Thi đua Đơn vị xuất sắc dẫn đầu của Thành Đoàn Hà Nội các năm 2015, 2016; Được Trung ương Đoàn Thanh niên CSHCM, Trung ương Hội sinh viên, Hội chữ thập đỏ Trung ương tặng Bằng khen các năm 2015, 2016, 2017 và nhiều thành tích khác. . [Bằng khen của thành đoàn, TW đoàn, Hội chữ thập đỏ].

Sự hài lòng của các bên liên quan, của xã hội với các đóng góp cho kết nối và phục vụ cộng đồng được ghi nhận bằng các bằng khen, danh hiệu của các cơ quan, tổ chức trao tặng. . Bảng 24.6 là tóm tắt các danh hiệu cao quý mà Trường đã được trao tặng từ năm cho đến nay. Các danh hiệu này đều có tiêu chuẩn chung là đơn vị phải nhiều năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phạm vi ảnh hưởng rộng, có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước. [Các bằng khen của Đoàn thanh niên, Công đoàn, nhà trường]. Bên cạnh đó công tác đền ơn đáp nghĩa cũng được BCH Công đoàn trường triển khai thường xuyên, định kỳ. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Công đoàn trường được các bộ, ban, ngành từ TƯ đến địa phương ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các bằng khen, giấy khen các cấp, thư cảm ơn của các đơn vị tiếp nhận. Công đoàn Trường đã được tặng thưởng nhiều Bằng khen của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội các năm 2015, 2016 và Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam năm 2017 .

KHEN THƯỞNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI

STT	Số Quyết định	Ngày cấp	Nội dung	Ghi chú
-----	---------------	----------	----------	---------

32	2616-QĐ/TĐTN-VP	01/09/2015	Cờ thi đua: Đơn vị xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối ĐH-CĐ năm học 2014-2015	
33	437 QĐ/TWĐTN	07/09/2015	Cờ thi đua: Đơn vị xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối ĐH-CĐ năm học 2014-2015	
34	275/QĐ-TUHCĐ	22/12/2015	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ năm 2015	TW Hội Chữ thập đỏ VN
35	3420-QĐ/TĐHN-VP	19/08/2016	Cờ thi đua: Đơn vị xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối ĐH-CĐ năm học 2015-2016	
36	496 QĐ/TWĐTN	23/09/2016	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối ĐH-CĐ năm học 2015-2016	
37	131-QĐ/TWĐTN	12/04/2017	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2014-2017	
38	472-QĐ/TWĐTN	11/9/2017	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2016 – 2017	
39	456-QĐ/TĐTN-VT	21/09/2018	Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2017 – 2018	
40	393/QĐ/TWHSV	27/09/2018	Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2017 – 2018	

Số TT	Bằng khen của Nhà trường, của các đơn vị	Số hiệu
1	Bằng khen của Đoàn trường trong phong trào...???	
2	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể Khoa Khoa học Tự nhiên	SQĐ 1843/QĐ-TTg Ngày 23/9/2016

3	Danh hiệu Công đoàn xuất sắc...??//	
4		

Bảng 24.6

Qua các bảng số liệu đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan, chúng ta có thể thấy rõ được các cá nhân, tập thể tham gia vào công tác phục vụ cộng đồng, các đơn vị tiếp nhận ngày càng đánh giá cao chất lượng của các công tác phục vụ cộng đồng của nhà trường. Với phương châm các hoạt động phục vụ cộng đồng ngày càng đi vào thực chất, chuyên nghiệp, nguồn vốn huy động được ngày càng lớn hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn, góp phần vào các hoạt động phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao dân trí ở địa phương, toàn thể Đảng bộ, BGH, tập thể CBVC và sinh viên trường ĐH TĐHN, với trách nhiệm là trường Đại học duy nhất trực thuộc UBND thành phố Hà Nội đã không chỉ thực hiện mục tiêu nâng cao trình độ dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, bản sắc Thủ đô Hà Nội mà còn có những đóng góp tích cực cho phát triển xã hội bền vững của Hà Nội và cả nước qua những chương trình cụ thể.

Tư đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

Tóm tắt các điểm mạnh:

- ✓ Ngay từ khi hình thành trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Nhà trường đã xác định được sứ mạng của nhà trường về trách nhiệm trong công tác phục vụ cộng đồng, từ việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đến việc NCKH, CGCN trong tất cả các lĩnh vực mà trường nghiên cứu để phục vụ mục đích là phát triển kinh tế - xã hội với một trong những giá trị cốt lõi là “gắn kết cộng đồng”
- ✓ Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch kết nối và PVCĐ, trong đó có xác lập các loại hình và khối lượng tham gia, đánh giá tác động của hoạt động đến xã hội và đến đội ngũ CB-GV-NV và SV Nhà trường với các chỉ tiêu rõ ràng được đưa vào MTCL của từng đơn vị
- ✓ Mọi hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch, được giám sát và cải tiến liên tục. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng cũng như uy tín và thương hiệu HNMTU với xã hội, với người dân đối ngày càng tăng.
- ✓ Toàn bộ hệ thống của nhà trường luôn ý thức trách nhiệm xã hội sâu sắc, là một trường trực thuộc UBND thành phố Hà Nội nên trường ĐH TĐHN luôn có cơ hội được trực tiếp tham gia vào các hoạt động trên mọi lĩnh vực của Hà Nội. trường ĐH TĐHN luôn là đơn vị dẫn đầu trong phong trào NCKH, CGCN phục vụ sản

xuất gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Minh chứng rõ nét nhất đó là các phần thưởng cao quý của Đảng và nhà nước đã trao tặng: Đơn vị anh hùng, huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc Lập hạng Nhất, Nhì, Ba...

Tóm tắt các điểm tồn tại

- ✓ **Khó khăn về kinh phí:** Mặc dù nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc kết nối và phục vụ cộng đồng, tuy nhiên với mô hình của một trường công lập, kinh phí vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp nên các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng còn chưa xứng tầm, chưa theo kịp đòi hỏi của xã hội đang phát triển và hội nhập rất nhanh.
- ✓ Chưa có đủ văn bản quy định, đánh giá tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Ở một số quy trình hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng còn thiếu việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan
- ✓ Chưa có đơn vị chức năng là đầu mối kết nối với các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Để khắc phục điểm yếu về kinh phí nhà trường đã chủ động tìm các nguồn xã hội hóa các hoạt động, các đơn vị chức năng như phòng Hành chính tổng hợp, phòng đào tạo, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Công Đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên luôn chủ động tìm các nguồn từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, cựu sinh viên, phụ huynh..., Phòng Khoa học công nghệ tham mưu thành lập quỹ phát triển KHCN của trường để chủ động hơn nữa trong công tác này. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn từ các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển KHCN phục vụ cộng đồng.	Phòng HCTH, Phòng CTCT và QLSV, Đoàn thanh niên, Phòng KHCN Phòng Khảo thí và ĐBCL GD	Từ 6/2019
2		Điều chỉnh lại các quy trình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, bổ sung thêm công đoạn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan		
3		Nhà trường sẽ thành lập đơn vị thường trực về quan hệ đối ngoại, một trong những chức năng của đơn vị này là theo dõi các hoạt động	BGH, Phòng TCCB	12-2019

		phục vụ cộng đồng để triển khai có quy mô, bài bản hơn trong thời gian tới.		
--	--	---	--	--

1. Mức đánh giá

STT	Tiêu chuẩn Tự đánh giá		Tiêu chuẩn	
	Tiêu chí	Điểm	Tiêu chuẩn	Điểm TB
	Tiêu chí 24.1	4	24	4.5
	Tiêu chí 24.2	4		
	Tiêu chí 24.3	5		
	Tiêu chí 24.4	5		

TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã xác lập kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong Kế hoạch tài chính trung hạn và ngắn hạn [H7.7.1.6], Kế hoạch tài chính dài hạn thể hiện qua Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường [H7.7.1.1]; chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch thực hiện chiến lược của Trường [H7.7.1.2].

Trong năm, Nhà trường cũng thiết lập hệ thống giám sát, đối sánh kết quả việc thực hiện các chỉ số tài chính để cải tiến bao gồm các báo cáo quyết toán tài chính [H7.7.1.7], Báo cáo tài chính tại hội nghị tổng kết năm học [H7.7.1.4], Báo cáo tài chính tại Hội nghị Cán bộ viên chức [H7.7.1.5], Thông báo thẩm tra quyết toán năm [H7.7.1....], Báo cáo kiểm toán [H7.7.1.9], [H7.7.1.10].

Trong các giai đoạn đầu, Nhà trường chi cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao CSVC trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm... Khi các hoạt động này ổn định, xu hướng tài chính của Nhà trường là dịch chuyển đầu tư cho hoạt động KHCN, và ưu tiên đầu tư cho dịch vụ, cho hoạt động PVCD một cách có hệ thống. Xác lập quỹ hoạt động NCKH, quỹ học bổng SV, quỹ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài, quỹ cho các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo, việc làm, kết nối cựu SV và doanh nghiệp, đầu tư CSVC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại [MC]. Đây là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô trường lớp ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Nhà trường, xứng đáng với

vị thế của Nhà trường, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay.

Nhà trường cũng đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên trong đó có hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cơ cấu các nguồn kinh phí chi thường xuyên trung bình trong 5 năm lần lượt là: NSNN chiếm 83% ; nguồn thu từ người học chiếm 11% và nguồn thu dịch vụ chiếm 6%. Các nguồn kinh phí có xu hướng ổn định, tăng đều qua từng năm, năm 2017, tổng kinh phí tăng gấp 1,45 lần so với năm 2013 [H25.25.1.6]. Nguồn kinh phí được giao tự chủ bao gồm: Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên cho nhiệm vụ đào tạo các bậc học hệ chính quy và nguồn thu học phí các loại hình đào tạo, Trường căn cứ vào số lượng sinh viên, tính chất đặc thù về đào tạo và kế hoạch hoạt động của từng đơn vị để phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động sử dụng [H25.25.1.7].

Tỷ lệ sử dụng kinh phí chi thường xuyên như sau:

Bảng 25.1.1 Tỷ lệ sử dụng nguồn kinh phí

TT	Nội dung	Tỷ lệ
1	Chi cho con người (gồm lương, các khoản đóng góp theo lương và học bổng)	từ 45% đến 50%.
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn (gồm thuê chuyên gia và giảng viên; sách, báo, tạp chí, tài liệu; thiết bị, vật tư thực hành; khảo thí; thực tập, thực hành; đào tạo bồi dưỡng...)	từ 30% đến 35%.
3	Chi hành chính phí (gồm tiền điện, nước, điện thoại, báo chí, văn phòng phẩm, đoàn ra, đoàn vào và các khoản hành chính phí khác) và chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	từ 10% đến 15%.
4	Ngoài ra còn có các khoản chi cho các hoạt động khác (hoạt động đoàn thể công đoàn, đoàn thanh niên; hoạt động phục vụ cộng đồng)	3% đến 5%.

Đối với kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ, căn cứ kế hoạch trung hạn và hàng năm, căn cứ khả năng và nhu cầu đăng ký thực hiện đề tài cũng như kết quả thẩm định và phê duyệt của các cấp mà nguồn kinh phí này được Trường quản lý và sử dụng theo đúng quy định cho từng loại hoạt động khoa học và công nghệ [H25.25.1.8].

Trong các năm qua, Trường đã tích cực đề xuất đối với UBND Thành phố thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ và đào tạo từ nguồn kinh phí không thường xuyên do NSNN cấp. Mặt khác, Trường đã dành một phần kinh phí từ 5% đến 10% để

thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [H25.25.1.9].

Kết quả hoạt động tài chính của Trường được hoàn thành đúng kế hoạch. Các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ của Trường nói chung cũng như các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tài chính hàng năm về cơ bản hoàn thành. Trường cũng đã gia tăng nguồn thu nhập của cán bộ đều qua các năm. Năm 2017, thu nhập của cán bộ cao hơn 1,4 lần so với năm 2013.

Hàng năm Trường đều được Sở Tài chính kiểm tra xét duyệt quyết toán. Công tác quản lý tài chính của trường được các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước tiến hành kiểm toán, thanh tra theo kế hoạch và đều được đánh giá tốt [H25.25.1.10].

Trường đảm bảo được số chi học bổng cho sinh viên là 8% tổng nguồn thu học phí [H25.25.1.11].

Việc chi trả thu nhập cho CBVC và chi trả học bổng cho sinh viên được thực hiện qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng. Trường thực hiện nhờ thu học phí qua tài khoản cá nhân của người học tại các ngân hàng. Việc thực hiện các phương thức thanh toán điện tử qua ngân hàng một cách chính xác đã mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho cán bộ viên chức và người học.

Trường đã đề ra kế hoạch hành động nhằm khai thác thế mạnh của Trường trong việc đem lại các nguồn kinh phí để đầu tư phát triển Trường, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ viên chức, hiện đại hoá cơ sở vật chất, nâng cao hơn nữa thu nhập cho CBVC, hướng đến một kết quả hoạt động tài chính ngày một tốt hơn [H25.25.1.12].

Tổng doanh thu tăng ổn định trong giai đoạn 2016 -2019. Sự chênh lệch thu chi tăng đều qua các năm là do thực hiện tốt việc quản lý chi phí và tiết kiệm trong chi tiêu. Thu nhập bình quân của CB nhân viên tăng ổn định vì vậy đời sống CB nhân viên được cải thiện. Học phí trung bình hàng năm của một SV khoảng 10 triệu đồng/năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, với chức năng tổ chức đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo phát triển nhà trường theo mục tiêu xác định, đúng quy định của pháp

luật, phục vụ nhu cầu phát triển của Thủ đô Hà Nội và cả nước. Ngày 26/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 7106/QĐ-UBND về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật đa ngành Sóc Sơn vào Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội và xác định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Theo đó, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của UBND thành phố Hà Nội và chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, Ngành liên quan. [H25.25.2.1]

Nhà trường ban hành các văn bản, các quy định, kế hoạch cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo, NCKH và PVCĐ như: Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp dự đoán, các chỉ số về hoạt động KHCN, tăng cường nguồn lực, sự phát triển CSVN, các kế hoạch về hoạt động kết nối và PVCĐ, ...

Giám sát để rà soát công tác tuyển sinh, đào tạo, NCKH, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, ... được Nhà trường theo dõi qua các cuộc họp (họp xem xét của lãnh đạo, họp giao ban công tác SV, giao ban đào tạo, họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động tuyển sinh, PVCĐ, ...) hàng tháng. Các đơn vị làm báo cáo tổng kết công tác tháng, công tác năm học, qua đó giúp các đơn vị rà soát lại các kết quả và chỉ số về thị trường.

Chiến lược của nhà trường đã được xây dựng, công bố và thực hiện từ năm 2015 gồm nhiều giai đoạn phát triển để thực hiện trở thành Trường hàng đầu cả nước và đa ngành. Đảng bộ Trường liên tục đạt danh hiệu “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”, Công đoàn luôn luôn được công nhận là “Công đoàn cơ sở xuất sắc”, Đoàn Thanh niên cộng sản của Trường cũng luôn luôn là “Đoàn cơ sở xuất sắc” của thành phố Hà Nội. [H25.25.2.2].

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội hàng năm đều thu hút số thí sinh đăng ký khá cao so với các trường cùng khối Sư phạm. Về CTĐT nhà trường đã triển khai tự đánh giá 19 CTĐT [H25.25.2.3].

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường rất được quan tâm, công Đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức rất nhiều các hoạt động như quyên góp ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, tham gia chương trình tình nguyện mùa hè và mùa đông. Hàng năm Đoàn thanh niên nhà trường tham gia vào chiến dịch "Mùa hè xanh", đến các địa phương nghèo để xây dựng đường xá, cầu qua kênh rạch, nhà công trình, sân chơi cho trẻ em. Chiến dịch tình nguyện mùa xuân đưa SV đến những vùng địa phương khó khăn hỗ trợ người dân xây dựng nhà tình thương, sân chơi cho trẻ em, tặng quà cho người nghèo. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cũng thành lập một đội hiến máu tình nguyện của khoảng

40-50 SV hiến máu trong trường hợp khẩn cấp. SV trong nhóm sẽ được xét nghiệm máu trước và khi cần thiết, học sinh sẽ đi hiến máu tại các bệnh viện. [25.25.2.4].

Những hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã được xã hội và các đơn vị cấp trên ghi nhận đánh giá rất cao cụ thể như sau: Hội sinh viên Nhà trường nhiều năm được tặng bằng khen và Cơ thi đua trong công tác Hội và phong trào SV thành phố Hà Nội của Ban chấp hành trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Đoàn thanh niên cũng nhận được nhiều bằng khen của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh về chương trình tiếp sức mùa thi, chiến dịch màu hè thanh niên tình nguyện trong nhiều năm liền Ngoài ra còn nhận được bằng khen của Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam trong công tác hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu tình nguyện [25.25.2.5]

Đối với hoạt động KHCN Nhà trường có cơ chế khuyến khích các nhà khoa học tạo ra

các sản phẩm khoa học mới, có ý nghĩa khoa học và có đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội ở các địa phương bằng việc khen thưởng các nhà khoa học có bằng phát minh, sáng chế, có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín nằm trong danh mục ISI. Nhiều CB khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp khoa học mới có tầm quốc tế [H25.25.2.6].

Những đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và thực tiễn của các đề tài, nhiệm vụ khoa

học còn được thể hiện ở các nhận xét trong các biên bản nghiệm thu đề tài các cấp Nhà nước, bộ, cấp cơ sở. 100% các đề tài đã thực hiện khi nghiệm thu đều được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn.

Về hiệu quả hoạt động thị trường của Trường trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ được đo lường dựa trên các chỉ số:

- Nguồn nhân lực do Nhà trường đào tạo cung cấp cho thị trường lao động.
- Sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Các chỉ số này được theo dõi hàng năm để đánh giá xu thế về hiệu quả hoạt động thị trường của Nhà trường, đồng thời cũng được đối sánh với một số trường đại học khác để giúp định vị sự đóng góp của Nhà trường trên thị trường giáo dục Việt Nam.

Kết quả đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2018 [H25.25.2.7] được tổng hợp trong Table 25.2 dưới đây.

Table 25.2 Kết quả đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường trong năm 2015, 2016, 2017.

Năm	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên hệ chính quy cao đẳng sư phạm	Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp
-----	-----------------------	--	---

015	2	1.098	944	63,35%
016	2	1.469	1.004	74,10%
017	2		794	66,12%

Kết quả khảo sát cho thấy % nhà tuyển dụng hài lòng với sản phẩm đào tạo của Nhà trường [H25.25.2.8].

Là một trường đại học đa ngành hướng tới đại học ứng dụng. Nhà trường đã và đang đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Với những nỗ lực không ngừng trong đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã có nhiều đóng góp cho thị trường lao động trong nước thông qua việc cung cấp những giáo viên có trình độ tốt đáp ứng nhu cầu của các trường học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>		
1.	1.1		
2.	1.2		
3.	1.3		
4.	1.4		
5.	1.5		
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>		
6.	2.1		
7.	2.2		
8.	2.3		
9.	2.4		
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>		

10.	3.1		
11.	3.2		
12.	3.3		
13.	3.4		
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>		
14.	4.1		
15.	4.2		
16.	4.3		
17.	4.4		
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>		
18.	5.1		
19.	5.2		
20.	5.3		
21.	5.4		
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>		
22.	6.1		
23.	6.2		
24.	6.3		
25.	6.4		

26.	6.5		
27.	6.6		
28.	6.7		
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>		
29.	7.1		
30.	7.2		
31.	7.3		
32.	7.4		
33.	7.5		
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>		
34.	8.1		
35.	8.2		
36.	8.3		
37.	8.4		
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>		
38.	9.1		
39.	9.2		
40.	9.3		

41.	9.4		
42.	9.5		
43.	9.6		
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>		
44.	10.1		
45.	10.2		
46.	10.3		
47.	10.4		
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>		
48.	11.1		
49.	11.2		
50.	11.3		
51.	11.4		
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>		
52.	12.1		
53.	12.2		
54.	12.3		
55.	12.4		

56.	12.5		
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>		
57.	13.1		
58.	13.2		
59.	13.3		
60.	13.4		
61.	13.5		
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>		
62.	14.1		
63.	14.2		
64.	14.3		
65.	14.4		
66.	14.5		
III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>		
67.	15.1		
68.	15.2		
69.	15.3		
70.	15.4		

71.	15.5		
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>		
72.	16.1		
73.	16.2		
74.	16.3		
75.	16.4		
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>		
76.	17.1		
77.	17.2		
78.	17.3		
79.	17.4		
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>		
80.	18.1		
81.	18.2		
82.	18.3		
83.	18.4		
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>		
84.	19.1		
85.	19.2		

86.	19.3		
87.	19.4		
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>		
88.	20.1		
89.	20.2		
90.	20.3		
91.	20.4		
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>		
92.	21.1		
93.	21.2		
94.	21.3		
95.	21.4		
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>		
96.	22.1		
97.	22.2		
98.	22.3		
99.	22.4		
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>		

100.	23.1		
101.	23.2		
102.	23.3		
103.	23.4		
104.	23.5		
105.	23.6		
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>		
106.	24.1		
107.	24.2		
108.	24.3		
109.	24.4		
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>		
110.	25.1		
111.	25.2		

Ghi chú:

Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên:...../111 (.....%)

Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên:...../25 (.....%)

Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm:/25 (.....%)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)